

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

**Người cam đoan**

***Đinh Thế Hùng***

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Ngô Trí Tuệ, PGS.TS. Đinh Trọng Hanh – người hướng dẫn khoa học, đã nhiệt tình hướng dẫn Tác giả hoàn thành luận án.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ quý báu trong quá trình thu thập tài liệu, thu thập bảng câu hỏi phỏng vấn của các kiểm toán viên, các công ty kiểm toán độc lập như: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán, Công ty TNHH UYH Việt Nam, ... Tác giả cũng xin cảm ơn các đồng nghiệp trong Khoa Kế toán và trong trường đã hỗ trợ tìm kiếm tài liệu cũng như góp ý cho Tác giả sửa chữa Luận án.

Cuối cùng, Tác giả muốn bày tỏ sự cảm ơn tới gia đình đã động viên, giúp đỡ Tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án này.

## MỤC LỤC

Trang phụ bìa	ii
Lời cam đoan	iii
Lời cảm ơn	iv
Mục lục	v
Danh mục từ viết tắt	vi
Danh mục các bảng, biểu, sơ đồ	vii
<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1 - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ</b>	<b>11</b>
<b>KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	
<b>1.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ</b>	<b>11</b>
<b>DOANH NGHIỆP</b>	
<b>1.1.1. Bản chất và sự cần thiết của kiểm toán</b>	<b>11</b>
<i>1.1.1.1. Bản chất của kiểm toán</i>	<i>11</i>
<i>1.1.1.2. Sự cần thiết của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường</i>	<i>15</i>
<b>1.1.2. Các cách phân loại kiểm toán</b>	<b>17</b>
<i>1.1.2.1. Phân loại theo lĩnh vực kiểm toán</i>	<i>17</i>
<i>1.1.2.2. Phân loại theo đối tượng kiểm toán</i>	<i>18</i>
<i>1.1.2.3. Phân loại theo tổ chức bộ máy kiểm toán</i>	<i>21</i>
<b>1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ</b>	
<b>DOANH NGHIỆP ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH</b>	<b>25</b>
<b>GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.</b>	
<b>1.2.1. Giá trị doanh nghiệp và sự cần thiết của xác định giá trị</b>	<b>25</b>
<b>doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.</b>	
<i>1.2.1.1. Khái niệm về giá trị doanh nghiệp</i>	<i>25</i>
<i>1.2.1.2. Khái niệm về xác định giá trị doanh nghiệp</i>	<i>26</i>

1.2.1.3. Sự cần thiết của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong kinh tế thị trường hiện nay	28
<b>1.2.2. Nội dung xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>32</b>
<b>1.2.3. Trình tự xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>35</b>
<b>1.2.4. Đặc điểm của Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>38</b>
<b>1.2.5. Các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>40</b>
1.2.5.1. Phương pháp tài sản	40
1.2.5.2. Phương pháp dòng tiền chiết khấu	42
1.2.5.3. Phương pháp định lượng lợi thế thương mại	42
1.2.5.4. Phương pháp định giá dựa vào tỷ số giá bán/ thu nhập	43
1.2.5.5. Phương pháp lợi nhuận	44
<b>1.3.ĐẶC ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>44</b>
<b>1.3.1. Đặc điểm kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>44</b>
<b>1.3.2. Các phương pháp kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>50</b>
1.3.2.1. Đặc điểm vận dụng phương pháp, kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	50
1.3.2.2. Các kỹ thuật kiểm toán áp dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	53
<b>1.3.3. Trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán</b>	<b>60</b>
1.3.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán	60
1.3.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	63
1.3.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	64
<b>CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	<b>69</b>
<b>2.1. THỰC TRẠNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI</b>	<b>69</b>

## **VIỆT NAM HIỆN NAY**

<b>2.1.1. Những căn cứ để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>69</b>
2.1.1.1. Đối với các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa	69
2.1.1.2. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác	71
<b>2.1.2. Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>72</b>
2.1.2.1. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	72
2.1.2.2. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác	73
<b>2.1.3. Nội dung và phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>75</b>
2.1.3.1. Nội dung xác định giá trị doanh nghiệp	75
2.1.3.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp	77
<b>2.1.4. Đánh giá về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay và sự cần thiết phải kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>79</b>
2.1.4.1. Một số đánh giá về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay	79
2.1.4.2. Sự cần thiết phải có kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	84
<b>2.2. THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM</b>	<b>88</b>
<b>2.2.1. Nội dung và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>88</b>
<b>2.2.2. Quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>101</b>
2.2.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán	101
2.2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	104
2.2.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	107

<b>2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	<b>108</b>
2.3.1. Những thành tựu và kết quả đạt được	108
2.3.2. Những tồn tại và hạn chế	112
2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	117
<b>2.4. KINH NGHIỆM KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI</b>	<b>119</b>
<b>CHƯƠNG 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>128</b>
<b>3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG ĐỂ HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>128</b>
3.1.1. Sự cần thiết hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	128
3.1.2. Quan điểm định hướng và nguyên tắc hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	130
<b>3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>133</b>
3.2.1. Hoàn thiện mục tiêu của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	133
3.2.2. Hoàn thiện nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	135
3.2.2.1. Kiểm toán tuân thủ các quy định trong xác định giá trị doanh nghiệp	135
3.2.2.2. Kiểm toán báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	138
3.2.3. Hoàn thiện trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	144

3.2.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch <sup>h kiểm toán</sup> v - 5	144
3.2.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	148
3.2.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	152
<b>3.2.4. Hoàn thiện phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>155</b>
3.2.4.1. Hoàn thiện việc đánh giá tính hợp lý của phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp	155
3.2.4.2. Hoàn thiện việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán	158
3.2.4.3. Hoàn thiện việc thực hiện thủ tục phân tích trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	166
<b>3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>169</b>
3.3.1. Đối với các cơ quan nhà nước	169
3.3.2. Đối với các đơn vị kiểm toán	172
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>174</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ</b>	viii
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	ix
<b>PHỤ LỤC</b>	x

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BTC	Bộ Tài chính
CP	Chính phủ
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
KTV	Kiểm toán viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản



**DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU**

	Trang
<b>Sơ đồ 3.1: Trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>156</b>
<b>Bảng 3.1: Bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>160</b>

## MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, việc mua bán, chia tách, giải thể, phá sản hoặc sáp nhập các doanh nghiệp là một hoạt động diễn ra thường xuyên với nhiều vấn đề phức tạp. Theo số liệu nghiên cứu mới nhất về hoạt động mua bán và sáp nhập tại Việt Nam của *Pricewaterhouse Coopers* về “*Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) tại Việt nam trong năm 2009*” thì số lượng giao dịch về mua bán và sáp nhập thành công trong năm 2009 là 295 giao dịch đạt mức 1,138 triệu đô la Mỹ và tăng so với 128 giao dịch của năm 2008 tăng tương đương 77%. Quá trình mua bán, chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản đòi hỏi phải có các thông tin đáng tin cậy về giá trị doanh nghiệp để giải quyết các mối quan hệ kinh tế của giữa những người góp vốn cũng như các nhà đầu tư. Thêm vào đó, trong những năm gần đây, hoạt động cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là một vấn đề đã và đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm vì cổ phần hóa không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước khi phải nắm giữ các doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả mà còn giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo thu nhập cho Nhà nước. Trong quá trình tiến hành cổ phần hóa thì một vấn đề quan trọng được đặt ra là cần phải xác định được giá trị của doanh nghiệp để chuyển đổi hình thức doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường là công việc rất phức tạp, khó khăn. Nó càng phức tạp và khó khăn hơn nữa trong điều kiện ở Việt Nam vì đây là một lĩnh vực mới mẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm cả về lý luận cũng như hoạt động thực tiễn.

Hiện nay, Việt Nam đã hình thành nhiều đơn vị, tổ chức độc lập thực hiện công việc xác định giá trị doanh nghiệp cũng như Bộ Tài chính đã ban hành Hệ thống tiêu chuẩn về thẩm định giá để làm căn cứ thực hiện công việc xác định giá trị. Nhưng, trong thời gian qua hoạt động này còn nhiều hạn chế

do các văn bản pháp luật liên quan vẫn còn chưa đầy đủ, các đơn vị, tổ chức tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp theo các phương pháp, thông tin khác nhau, thiếu sự thống nhất trong quy trình xác định giá trị doanh nghiệp. Điều này dẫn đến một số hạn chế như: một số doanh nghiệp được đánh giá giá trị quá cao gây ra khó bán cổ phần, bất lợi trong việc chia cổ phần ưu đãi trong nội bộ, trong khi đó một số doanh nghiệp lại bị đánh giá giá trị quá thấp dẫn tới Nhà nước bị thất thoát tài sản, ngân sách, các chủ sở hữu bị mất vốn khi chia tách, giải thể, phá sản. Chính điều này đã dẫn tới hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn chưa sát với thực tế, các kết quả không thống nhất và làm tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hiện nay bị chậm trễ cũng như gây khó khăn cho việc chia tách, sáp nhập, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Thêm vào đó, các hạn chế này làm cho các cơ quan quản lý, các nhà đầu tư, những người mua cổ phiếu, những người đóng góp vốn thiếu các thông tin tin cậy về giá trị của doanh nghiệp để làm căn cứ ra quyết định.

Chính vì vậy, một yêu cầu đặt ra là cần phải có hoạt động kiểm toán làm trung gian để xác nhận tính trung thực của việc xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn rất mới mẻ và còn nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu như về quy trình, nội dung và hệ thống phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Từ đó, Tác giả đã lựa chọn đề tài “***Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam***” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ.

## **MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU**

◆ Nghiên cứu và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp như mục tiêu, phương pháp, quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Những nghiên cứu về lý luận này là cơ sở để định hướng tiếp cận trong phân tích thực trạng và đề xuất những giải pháp ở các chương sau.

◆ Đánh giá thực trạng công tác kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam và phân tích những tồn tại trong công tác kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và các nguyên nhân của tồn tại.

◆ Xây dựng hệ thống những quan điểm cơ bản và đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

### **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

*- Đối tượng nghiên cứu*

Công tác kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam.

*- Phạm vi nghiên cứu*

Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nhằm phục vụ cho nhiều mục tiêu khác nhau của những người sử dụng thông tin như để mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản, chia tách hoặc là để cổ phần hóa. Do đó, trong Luận án, Tác giả nghiên cứu về công tác kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam trong những năm từ 2006 đến nay. Luận án tập trung nghiên cứu vào việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa và các doanh nghiệp khi tiến hành mua bán, sáp nhập, phá sản.

### **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở tiếp cận các vấn đề lý luận về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và bổ sung cho phù hợp với nghiên cứu về lĩnh vực kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong Luận án, khi tiến hành nghiên cứu, phân tích đánh giá về hoạt

động xác định giá trị doanh nghiệp cũng như kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, Tác giả xem xét các hoạt động này trong mối quan hệ biện chứng với các hoạt động khác để thấy rõ nhưng tác động qua lại giữa chúng. Từ đó, Tác giả rút ra được các kết luận quan trọng làm cơ sở đưa ra các ý kiến của bản thân về vấn đề kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

- Luận án sử dụng chủ yếu về phương pháp điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích để đánh giá thực trạng kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam. Sau đó, phương pháp khảo sát thực tế sẽ được sử dụng để làm rõ nét thực trạng hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp và sự cần thiết phải tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho các mục đích khác nhau trong kinh tế thị trường hiện nay. Tác giả đã gửi các bảng phỏng vấn tới các công ty kiểm toán độc lập và trực tiếp phỏng vấn một số giám đốc và kiểm toán viên của một số công ty kiểm toán về hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay. Kết quả là tác giả gửi đi 20 Bảng phỏng vấn tới các công ty kiểm toán độc lập và đã nhận lại được 14 bảng trả lời chiếm 70% số Bảng phỏng vấn được gửi đi, còn lại có 6 công ty không trả lời. Thông qua kết quả của bảng điều tra, tác giả đã phân tích đánh giá để làm rõ thực trạng hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

- Ngoài các phương pháp trên, trong Luận án còn sử dụng các phương pháp khác như tổng hợp, phân tích, so sánh. Dựa vào kết quả của các phương pháp trên, Tác giả đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh để chỉ ra những ưu điểm và các hạn chế của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Từ đó, Luận án đưa ra các giải pháp để hoàn thiện hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam hiện nay.

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Xác định giá trị doanh nghiệp là một công cụ để các bên có thể xác định được giá trị giao dịch, căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được định giá và các điều kiện cụ thể khác mà các bên tham gia giao dịch có thể đàm phán và thương lượng các mức giá giao dịch trong chia tách, giải thể, phá sản hoặc sáp nhập các doanh nghiệp khác nhau. Nhiều quan điểm chỉ coi trọng việc định giá doanh nghiệp của bên mua, tuy nhiên khi xem xét rộng hơn ở khái niệm xác định giá trị giao dịch thì bên bán cũng chính là bên có nhu cầu cần phải xác định giá trị doanh nghiệp không kém bên mua. Nếu bên bán không định giá doanh nghiệp và không có cơ sở để tính toán giá trị của mình là bao nhiêu thì sẽ rất bất lợi trong đàm phán giao dịch về chia tách, giải thể, phá sản hoặc sáp nhập các doanh nghiệp. Hoặc ngược lại, có thể gây ra những khó khăn không cần thiết, thậm chí là bỏ lỡ cơ hội giao dịch về chia tách, giải thể, phá sản hoặc sáp nhập các doanh nghiệp khi đưa ra những mức giá quá cao, không có cơ sở. Hiện nay, kiểm toán là một lĩnh vực phát triển chưa lâu tại Việt Nam nhưng đã góp phần làm lành mạnh nền tài chính trong nước. Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một lĩnh vực mới, một nhu cầu mới nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế thị trường tại nước ta do đó các nghiên cứu về vấn đề này chưa nhiều và cần được hình thành, hoàn thiện trong quá trình hoạt động.

Trên thế giới, có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến phương pháp định giá doanh nghiệp. Năm 1994, tác giả Robert Bergeth đã đề cập đến phương pháp so sánh giá trị thị trường qua ấn phẩm *How to sell your company for the most profit* xuất bản bởi Prentice Hall. Năm 1997, các tác giả Palepu, Bernard và Healy thuộc Đại học Ohio đã giới thiệu các nghiên cứu của mình về phân tích kinh doanh và giá trị doanh nghiệp (*Introduction to Business Analysis & Valuation*). Năm 1998, hai tác giả G.Baker and G.Smith

thuộc Đại học Cambridge đã trình bày các nghiên cứu của mình qua bài viết “*Tạo dựng giá trị doanh nghiệp thông qua việc định giá các tài sản vô hình*”. Năm 2000, Nhà xuất bản McKinsey & Company Inc đã xuất bản các cuốn sách về định giá giá doanh nghiệp như *Valuation Measuring and Managing the Value of companies* của các tác giả Tom Copeland, Tim Koller, Jack Murring, cuốn *Investment Valuation* của tác giả Aswath Damoleran và cuốn *Value Investing: A Balanced Approach* của tác giả Martin J. Whitman. Hầu hết các công trình nghiên cứu trên chủ yếu đề cập đến phương pháp định giá doanh nghiệp mục đích mua bán, sáp nhập (Merger and Acquisition). Gần đây nhất, tháng 8 năm 2006, tác giả Fredrick Sjolholm thuộc The European Institute of Japanese Studies, Stockholm School of Economic đã có các nghiên cứu của mình về doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa ở Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ công bố một số thông tin liên quan đến doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa ở Việt Nam. Về kiểm toán, trong cuốn *Auditing - an integrated approach* do nhà xuất bản Prentice-Hall International, Inc phát hành năm 1990, hai tác giả Alvin A. Arens, James K. Loebbecke đã trình bày những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kiểm toán nói chung. Tác giả Jack C. Robertson với cuốn *Auditing* và hai tác giả O. Ray Whittington và Kurt Pany với cuốn *Principles of Auditing* đã trình bày về các công việc trong một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) cơ bản trong đó có đề cập tới việc kiểm toán xác định giá trị tài sản, và giá trị của doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, bắt đầu từ năm 1990 đến nay đã có một số nghiên cứu về lĩnh vực định giá doanh nghiệp nhưng tập chung nhiều vào phương pháp định giá mà chưa nghiên cứu và đề cập tới quy trình, cách thức tiến hành định giá cũng như về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Các nghiên cứu cũng mới chỉ dừng lại ở việc đề cập đến việc định giá doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa mà chưa đề cập đến việc kiểm toán lại kết quả xác định giá trị

doanh nghiệp cũng như việc định giá doanh nghiệp khi tiến hành chia tách, giải thể, phá sản và sáp nhập các doanh nghiệp. Như tác giả Nghiêm Sĩ Thương năm 2000, đã nghiên cứu luận án tiến sỹ với đề tài *Xác định mô hình định giá Doanh nghiệp nhà nước trong quá trình cổ phần hoá tại Việt Nam*. Luận án của tác giả Nguyễn Minh Hoàng năm 2001 về *Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp ở Việt Nam*, trong đó tác giả mới chỉ nghiên cứu về hoàn thiện phương pháp định giá doanh nghiệp. Với luận án *Luận cứ khoa học về phương pháp định giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, tác giả Vũ Thị Kim Liên năm 2003 đã đưa ra các luận cứ để tiến hành định giá cổ phiếu. Tác giả Nguyễn Thế Lộc năm 2006 với luận án *Định giá tài sản và xác định lợi nhuận trên báo cáo tài chính* mới chỉ đề cập về định giá tài sản là chủ yếu. Gần đây nhất năm 2007, tác giả Trần Văn Dũng với luận án *Hoàn thiện công tác định giá doanh nghiệp ở Việt Nam* đã có các đánh giá về công tác định giá và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện công tác định giá tại Việt Nam.

Còn trong lĩnh vực kiểm toán cũng đã có các nghiên cứu khác nhau nhưng chưa có nghiên cứu cụ thể về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp như luận án của tác giả Mai Vinh năm 2000 về *Hoàn thiện tổ chức kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách cấp bộ*. Tác giả Thịnh Văn Vinh năm 2001 đã nghiên cứu luận án với đề tài *Phương pháp kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành*. Năm 2003, tác giả Đoàn Thị Ngọc Trai đã nghiên cứu luận án với đề tài *Hoàn thiện tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam*. Năm 2007, tác giả Phạm Văn Nhiên đã nghiên cứu luận án với đề tài *Hoàn thiện hệ thống kiểm tra - kiểm soát cấp tỉnh trong lĩnh vực kinh tế - tài chính ở Việt Nam*. Các nghiên cứu này mới chỉ nghiên cứu về một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động kiểm toán tại Việt Nam mà chưa đề cập tới kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.



Ngoài ra còn nhiều bài viết, luận văn thạc sỹ có đề cập đến phương pháp định giá doanh nghiệp, về kiểm toán, tuy nhiên các bài viết này chỉ đề cập đến một phần khía cạnh liên quan đến công tác xác định giá trị doanh nghiệp, về kiểm toán trong các lĩnh vực khác mà chưa đề cập tới kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Chính vì vậy, Tác giả đã lựa chọn đề tài này để đưa ra quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

## **NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN ÁN**

### **Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận**

Từ lý luận về vai trò và sự cần thiết của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường, Luận án đã trình bày cơ sở lý luận về nội dung, quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và chỉ ra được các đặc trưng, phương pháp đặc thù được áp dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Cụ thể:

- Nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm khác với nội dung kiểm toán tài chính đó là nội dung của kiểm toán tài chính tập trung chủ yếu vào các khoản mục hoặc các chu trình tài chính trong doanh nghiệp. Trong khi đó, nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp lại tập trung vào việc xác định tính trung thực hợp lý của thông tin về giá trị doanh nghiệp được xác định phù hợp với Pháp lệnh về giá và đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn về thẩm định giá đã được ban hành trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp;

- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một đặc trưng riêng là không có khái niệm “cuộc kiểm toán năm sau” và “hoạt động liên tục” là do hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp chỉ tiến hành một lần đối với một doanh nghiệp và gắn với từng thời điểm hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, chu kỳ thực hiện không lặp lại như đối với hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng chỉ diễn ra trong một năm tài chính duy nhất;

- Việc áp dụng các kỹ thuật kiểm toán có những đặc điểm khác biệt trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Khi thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên (KTV) sử dụng thử nghiệm kiểm soát là chủ yếu trong tất cả các giai đoạn của cuộc kiểm toán và thử nghiệm cơ bản chủ yếu được sử dụng là kỹ thuật kiểm tra tài liệu, phân tích, đánh giá, tính toán, phỏng vấn, xác nhận còn các kỹ thuật kiểm kê, quan sát ít được áp dụng để thu thập bằng chứng.

### **Những đề xuất mới rút ra từ kết quả nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp điều tra khảo sát đối với thực trạng kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại một số công ty kiểm toán độc lập hiện nay và cho thấy kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một yêu cầu tất yếu trong nền kinh tế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin về giá trị doanh nghiệp của những người quan tâm. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập hiện nay chưa có một chương trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cụ thể và việc vận dụng các phương pháp kiểm toán còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, để hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp phát triển đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng thông tin, luận án đề xuất các giải pháp với các nội dung sau:

1. Xây dựng hệ thống mục tiêu và nội dung cụ thể để tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
2. Xây dựng một quy trình kiểm toán và các phương pháp kỹ thuật ứng dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
3. Nhà nước cần sớm hướng dẫn thực hiện Luật kiểm toán độc lập để tạo ra cơ chế quản lý tốt hoạt động kiểm toán.

### **NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### *1.1.1. Bản chất và sự cần thiết của kiểm toán*

##### *1.1.1.1. Bản chất của kiểm toán*

Hoạt động kiểm toán đã phát triển từ rất lâu trên giới gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội loài người và đã trở thành một hoạt động cần thiết trong nền kinh tế thị trường. Trên thế giới hiện nay có nhiều khái niệm, quan điểm khác nhau về kiểm toán thể hiện sự tiếp cận và nhận thức khác nhau về kiểm toán. Từ quan điểm cho rằng kiểm toán chính là kiểm tra kế toán tồn tại trong điều kiện kiểm tra chưa phát triển đến quan điểm về kiểm toán là kiểm toán bảng khai tài chính tại một số nước trên thế giới. Cụ thể:

Trong cuốn *Kiểm toán - một liên kết* tác giả Alvin A. Aren có đưa ra khái niệm về kiểm toán như sau:

Kiểm toán là một quá trình mà qua đó một người độc lập, có nghiệp vụ tập hợp và đánh giá rõ ràng về thông tin có thể lượng hoá có liên quan đến một thực thể kinh tế riêng biệt nhằm mục đích xác định và báo cáo mức độ phù hợp giữa thông tin có thể lượng hoá với những tiêu chuẩn đã được thiết lập.[1]

Hoặc như trong Lời mở đầu "*Giải thích về các chuẩn mực kiểm toán*" của Vương quốc Anh có đưa ra quan điểm về kiểm toán như sau: "*Kiểm toán là sự kiểm tra độc lập và là sự bày tỏ ý kiến về những bản khai tài chính của*

*một xí nghiệp do một kiểm toán viên được bổ nhiệm để thực hiện những công việc đó theo đúng với bất cứ nghĩa vụ pháp định có liên quan."* [32, tr 30]

Tương tự như vậy là quan niệm trong giáo dục và đào tạo kiểm toán ở Cộng hoà Pháp:

Kiểm toán là việc nghiên cứu và kiểm tra các tài khoản niên độ của một tổ chức do một người độc lập, đủ danh nghĩa gọi là một kiểm toán viên tiến hành để khẳng định rằng những tài khoản đó phản ánh đúng đắn tính hình tài chính thực tế, không che dấu sự gian lận và chúng được trình bày theo mẫu chính thức của luật định.[32,tr31]

Tại Việt Nam, theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt: "*Kiểm toán là xem xét, thẩm tra toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của một đơn vị kinh tế để xác nhận mức độ phù hợp giữa các thông tin có thể định lượng được với các chuẩn mực đã xác lập.*" [43, tr 843]

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam 2 thì:

Kiểm toán là quá trình xem xét và thẩm tra các bảng kế toán của những tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý nhà nước về kinh tế, do các nhân viên gọi là kiểm toán viên có đủ trình độ, có nghề nghiệp chuyên môn giỏi thực hiện. Các báo cáo quyết toán tài chính của doanh nghiệp, tổ chức xã hội... được kiểm toán kỹ lưỡng để xét xem báo cáo quyết toán đó được lập ra có đúng với các chuẩn mực nguyên lý kế toán và quy tắc thông dụng đã được quy định không, số liệu có phản ánh trung thực và chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp. [41, tr 564]

Theo cuốn giáo trình Lý thuyết kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Quỳnh đã đưa ra khái niệm sau:

Kiểm toán là hoạt động độc lập nhằm kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến về thực trạng hoạt động cần được kiểm toán trước hết là thực

trạng hoạt động tài chính bằng hệ thống phương pháp kỹ thuật của kiểm toán do các kiểm toán viên có trình độ nghiệp vụ tương xứng thực hiện trên cơ sở hệ thống pháp lý có hiệu lực. [32, tr 40]

Như vậy có thể thấy, các quan điểm trên về kiểm toán có nhiều điểm khác nhau, mỗi quan điểm được hình thành từ việc tiếp cận khác nhau đối với hoạt động kiểm toán. Tuy nhiên, trong các quan điểm này có những điểm chung như sau:

Thứ nhất, kiểm toán có hai chức năng cơ bản là xác minh, đánh giá và thuyết phục những người quan tâm tin tưởng vào kết luận của kiểm toán về vấn đề mà họ quan tâm. Trong đó, các chức năng được thể hiện như sau:

- **Chức năng xác minh:** (hay còn gọi là chức năng kiểm tra, xác nhận) đây là chức năng được hình thành đầu tiên gắn liền với sự ra đời và tồn tại của hoạt động kiểm toán.

Chức năng xác minh là nhằm khẳng định mức độ trung thực của các con số, các thông tin, các tài liệu và tính pháp lý của việc thực hiện các nghiệp vụ hay việc lập các bảng khai tài chính tại đơn vị, bộ phận được kiểm toán. Bản thân chức năng này có sự phát triển mạnh mẽ cùng với sự phát triển của xã hội loại người nói chung và của kiểm toán nói riêng.

Chức năng xác minh được thể hiện khác nhau đối với từng đối tượng và chủ yếu hướng tới các mặt:

- + Xác minh về độ tin cậy, tính trung thực của các con số.
- + Xác định tính hợp pháp của các biểu mẫu kế toán và của trình tự tiến hành các hoạt động.
- + Đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả và hiệu năng của các hoạt động diễn ra trong đơn vị.

- **Chức năng bày tỏ ý kiến:** (hay là chức năng tư vấn) được KTV đưa ra trên cơ sở các bằng chứng đã thu thập được thông qua chức năng xác minh.

Tuy nhiên, cách thức thực hiện chức năng bày tỏ ý kiến cũng rất khác biệt tùy theo mức độ của yêu cầu đặt ra.

Chức năng bày tỏ ý kiến được thể hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như: bày tỏ ý kiến dưới hình thức phán quyết của các quan toà hoặc bày tỏ ý kiến dưới hình thức đưa ra các lời khuyên về hoạt động thu chi ngân sách nhà nước (do kiểm toán nhà nước thực hiện) hoặc chỉ bày tỏ ý kiến dưới hình thức tư vấn (do kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ thực hiện). Tuy nhiên, do khách thể chủ yếu là các doanh nghiệp nên chức năng tư vấn chủ yếu được biểu hiện dưới hình thức các lời khuyên hoặc các đề xuất, phương án nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Do đó, trong trường hợp này, nếu sản phẩm của bày tỏ ý kiến kết quả xác minh về độ tin cậy của thông tin là "*Báo cáo kiểm toán*" thì sản phẩm của bày tỏ ý kiến dạng tư vấn là "*Thư quản lý*". Trên thực tế, chức năng này chỉ phát triển mạnh mẽ vào giữa thế kỷ XX, nhưng lại giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế thị trường phát triển cao như hiện nay.

Qua hai chức năng của kiểm toán có thể nhận thấy hai chức năng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể bỏ đi một chức năng nào được. Vì nếu xác minh mà không đưa ra ý kiến thì mới chỉ được gọi là kiểm tra kế toán mà không phải là kiểm toán, còn nếu chỉ bày tỏ ý kiến mà không dựa vào kết quả xác minh thực tế thì kết luận đó, ý kiến đó chỉ mang tính chất xét đoán không có cơ sở và không đáng tin cậy. Hai chức năng là một yếu tố cơ bản để phân biệt hoạt động kiểm toán với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm tra tài chính, hoạt động kiểm soát...

Thứ hai, hoạt động kiểm toán tiến hành kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động cần kiểm toán trước hết là liên quan đến thực trạng hoạt động tài chính diễn ra trong một đơn vị. Một phần của thực trạng này đã được phản ánh trên các bảng khai tài chính và những tài liệu kế toán nói chung và một

phần chưa được phản ánh. Ngoài ra, trong quá trình sử dụng tài sản, cũng như thực hiện các nghiệp vụ tài chính còn cần đánh giá cả về hiệu quả và hiệu năng đạt được trong quá trình hoạt động.

Thứ ba, để thực hiện chức năng xác minh và bày tỏ ý kiến trong phạm vi hoạt động của đơn vị nói chung, của hoạt động tài chính nói riêng với nhiều mối quan hệ phức tạp đòi hỏi kiểm toán phải hình thành một hệ thống phương pháp kỹ thuật riêng thích ứng với đối tượng của kiểm toán và phù hợp với các quy luật và quan hệ của phép biện chứng. Trong kiểm toán đã hình thành hai phân hệ phương pháp kiểm toán là phân hệ phương pháp kiểm toán chứng từ bao gồm: kiểm toán cân đối, đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic và phân hệ phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ bao gồm: kiểm kê, thực nghiệm, điều tra.

Thứ tư, để đảm bảo độ tin cậy của thông tin và thuyết phục được những người sử dụng thông tin, kiểm toán được thực hiện bởi những người có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu về kiểm toán. Đồng thời những người làm kiểm toán còn phải đảm bảo tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hoạt động.

Thứ năm, để làm căn cứ khi thực hiện và đưa ra ý kiến thì hoạt động kiểm toán cần phải dựa trên một hệ thống pháp luật, các quy định cụ thể, các tiêu chuẩn rõ ràng và có hiệu lực.

Tóm lại, có thể khái quát về kiểm toán như sau: Kiểm toán là một hoạt động độc lập tiến hành việc xác minh và bày tỏ ý kiến về các vấn đề cần kiểm toán nhưng trước hết là về hoạt động tài chính của một đơn vị do những người có trình độ chuyên môn tương ứng - gọi là kiểm toán viên - thực hiện trên cơ sở hệ thống pháp lý hiện hành.

#### *1.1.1.2. Sự cần thiết của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường*

Hoạt động kiểm toán nảy sinh từ yêu cầu của quản lý và phục vụ cho yêu cầu quản lý, đó đó kiểm toán là một công cụ quản lý có sự phát triển từ thấp đến cao gắn với hoạt động kinh tế của con người. Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển, hoạt động kiểm toán đem lại nhiều lợi ích kinh tế xã hội và



cho hầu hết các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Trong doanh nghiệp, hệ thống kế toán là hệ thống cung cấp thông tin chủ yếu phục vụ cho quản lý và ra các quyết định kinh tế. Khi xã hội càng phát triển, nền kinh tế thị trường càng phức tạp, thông tin kinh tế càng có nguy cơ chứa đựng nhiều rủi ro, sai lệch, không đáng tin cậy do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan trong quá trình xử lý thông tin. Người sử dụng thông tin có nhiều cách khác nhau để giảm thiểu các rủi ro nói trên như tự mình tiến hành kiểm tra các thông tin mà họ sử dụng hoặc là sử dụng thông tin đã được kiểm tra bởi một người kiểm toán hoặc đơn vị độc lập xác nhận. Theo cách thứ hai cho thấy, việc kiểm tra bởi một người kiểm toán độc lập sẽ đem lại hiệu quả và hiệu lực hơn vì việc kiểm toán là một hoạt động do một người độc lập tiến hành phát huy được tính chuyên môn hóa, tiết kiệm chi phí. Đồng thời, kiểm toán đem lại cho người đọc những thông tin về thực trạng tài chính của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định và kết quả hoạt động trong một khoảng thời gian xác định sẽ gây dựng được lòng tin cho người đọc vào những thông tin đó trong BCTC. Việc tạo ra niềm tin cho những người quan tâm là yếu tố quyết định sự ra đời và phát triển của kiểm toán với tư cách là một hoạt động độc lập. Ngoài ra, do hoạt động tài chính bao gồm nhiều mối quan hệ về đầu tư, về kinh doanh, về phân phối, về thanh toán và tính phức tạp của hoạt động này càng tăng lên bởi mối quan hệ chặt chẽ giữa các quan hệ tài chính với lợi ích của con người nên nhu cầu hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố nền nếp trong quản lý tài chính càng đòi hỏi thường xuyên và ở mức độ cao hơn. Thêm vào đó, các hoạt động được kiểm toán góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý vì thông qua kiểm toán các doanh nghiệp có thể thấy được các tồn tại cũng như các tiềm năng trong các hoạt động của đơn vị từ đó hoạch định được các chính sách và phương hướng, giải pháp cho việc hoàn thiện và cải tổ hoạt động kinh doanh của đơn vị để sử dụng nguồn lực có hiệu quả hơn.

Qua đây có thể thấy, kiểm toán đã và đang là một nghề không thể thiếu được của hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Sự phát triển của hoạt động kiểm toán sẽ tăng cường hiệu quả của công tác quản lý kinh tế và cải cách nền hành chính quốc gia.

### **1.1.2. Các cách phân loại kiểm toán**

#### *1.1.2.1. Phân loại theo lĩnh vực kiểm toán*

- *Kiểm toán về thông tin*: đây là lĩnh vực kiểm toán chủ yếu xem xét tới độ tin cậy của các thông tin được trình bày trên các tài liệu và tính hợp pháp của các tài liệu, các thông tin. Đặc biệt kiểm toán thông tin tập trung vào đối tượng là các tài liệu kế toán để cung cấp cho những người quan tâm làm cơ sở đưa ra các quyết định trong quá trình hoạt động và làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các mối quan hệ về kinh tế và tạo niềm tin cho những người quan tâm đến tài liệu kế toán.

- *Kiểm toán tính quy tắc*: loại kiểm toán này nhằm xem xét đến sự tuân thủ hay sự chấp hành của đơn vị được kiểm toán đối với hệ thống luật pháp, các văn bản pháp lý do nhà nước ban hành và chính bản thân các chính sách, nội quy, quy chế do đơn vị xây dựng trong quá trình hoạt động. Báo cáo kiểm toán trong kiểm toán quy tắc chủ yếu đánh giá chung về mức độ tuân thủ và chỉ ra các đối tượng vi phạm luật pháp, các quy định, các chính sách. Đồng thời báo cáo cũng nêu những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó và đưa ra những việc cần thiết phải tiến hành để sửa chữa, điều chỉnh các vi phạm. Kiểm toán quy tắc có quan hệ với quản lý nhà nước nói chung và việc chấp hành luật pháp nói riêng của các đơn vị tổ chức kinh tế và các cá nhân. Kiểm toán quy tắc là một loại hình kiểm toán khá đặc biệt, ngoài những đặc điểm chung giống với các loại kiểm toán khác, nó có một số đặc điểm riêng biệt như không mang tính chất thông tin số liệu, nhưng lại mang tính chất pháp lý, tính bắt buộc cao.

- *Kiểm toán hiệu quả*: có đối tượng trực tiếp là các yếu tố, các nguồn lực, các quy trình thực hiện trong từng loại hoạt động kinh doanh: mua, bán, sản xuất hay cung cấp dịch vụ v.v... Kiểm toán hiệu quả chủ yếu xem xét đến kết quả đầu ra trong mối quan hệ với các yếu tố đầu vào của cả hoạt động tài chính và hoạt động phi tài chính. Kiểm toán loại này giúp ích trực tiếp cho việc hoạch định chính sách, phương hướng và giải pháp cho việc hoàn thiện hoặc cải tổ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động của đơn vị được kiểm toán.

- *Kiểm toán hiệu năng*: loại kiểm toán này chủ yếu xem xét và đánh giá kết quả việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đã xây dựng trong quá trình hoạt động của đơn vị. Loại kiểm toán này được đặc biệt quan tâm ở khu vực công bao gồm các xí nghiệp công, các đơn vị hành chính sự nghiệp và cả các chương trình đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Vì trong khu vực này, lợi ích và hiệu quả không còn giữ nguyên vẹn ý nghĩa của nó như trong các doanh nghiệp, nơi mà năng lực quản lý cần được đánh giá toàn diện và bổ sung thường xuyên nhằm không ngừng nâng cao hiệu năng quản lý của đơn vị kiểm toán. Tất nhiên loại kiểm toán này cũng cần và có thể ứng dụng đối với quản lý toàn bộ doanh nghiệp hoặc với từng bộ phận quản lý của mọi đơn vị kiểm toán.

#### *1.1.2.2. Phân loại theo đối tượng kiểm toán*

##### *a. Kiểm toán tài chính.*

Kiểm toán tài chính là việc kiểm tra và xác nhận về tính trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và các bảng khai tài chính của đơn vị kế toán phục vụ đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin trên bảng khai tài chính của đơn vị.

Như vậy, đối tượng của kiểm toán tài chính chính là các bảng khai tài chính trình bày tình hình tài chính, trình bày thu nhập, chi phí, trình bày những luồng tiền... của đơn vị được kiểm toán. Theo thông lệ kế toán quốc tế, khi kết

thúc năm tài chính, các doanh nghiệp, đơn vị phải công bố các bảng khai tài chính như bảng cân đối tài sản, bảng kết quả, bảng chu chuyển tiền tệ cùng các giải trình khác cho những người quan tâm. Vì các báo cáo này có vị trí quan trọng trong hệ thống tài liệu kế toán và là đối tượng quan tâm trực tiếp của các tổ chức, cá nhân. Chính vì vậy việc kiểm toán bảng khai tài chính diễn ra thường xuyên và là lĩnh vực chủ yếu của kiểm toán.

Mục đích chủ yếu của kiểm toán tài chính là nhằm kiểm tra và đánh giá tính trung thực, hợp lý và hợp pháp của các thông tin trên các bảng khai tài chính phục vụ nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều người quan tâm khác nhau. Trong quá trình kiểm toán tài chính có sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán thông tin với kiểm toán tuân thủ trong hoạt động của kế toán khi phản ánh các thông tin tài chính đã phát sinh. Mặt khác, đây là loại kiểm toán đòi hỏi tính thống nhất cao về phương pháp, tính chặt chẽ về pháp lý nên kiểm toán tài chính cần có hệ thống chuẩn mực thống nhất làm cơ sở cho việc thực hiện kiểm toán. Sau khi tiến hành kiểm toán, các kết quả xác minh được trình bày thành các loại ý kiến của KTV trên các báo cáo kiểm toán, đồng thời, chủ thể kiểm toán còn đưa ra những lời khuyên cho các nhà quản lý bằng thư quản lý.

#### *b. Kiểm toán hoạt động*

Kiểm toán hoạt động là một loại hình kiểm toán hướng vào việc đánh giá hiệu lực của hệ thống thông tin và quản trị nội bộ, hiệu quả của hoạt động và hiệu năng của quản lý các hoạt động đã và đang diễn ra trong một tổ chức, cơ quan. [34, tr 14].

Kiểm toán hoạt động không có bản chất riêng biệt với kiểm toán nói chung mà trong kiểm toán hoạt động có thể có cả các yếu tố của kiểm toán thông tin, cả các yếu tố của kiểm toán tuân thủ nhưng lại tập trung vào kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng của các hoạt động diễn ra trong đơn vị được kiểm toán. Đối tượng của kiểm toán hoạt động diễn ra ở rất nhiều lĩnh vực khác nhau tùy theo

yêu cầu của Ban giám đốc và không chỉ bó hẹp ở các lĩnh vực hoạt động kế toán và tài chính như: Đánh giá một phương án sản xuất kinh doanh, đánh giá một tài sản cố định (TSCĐ) mới đưa vào hoạt động... mà còn mở rộng ra tất cả các lĩnh vực hoạt động khác của đơn vị được kiểm toán như: Đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động của phòng máy vi tính, các phương pháp sản xuất,...

Mục tiêu cơ bản của kiểm toán hoạt động là kiểm toán hiệu lực của hệ thống thông tin và quản trị nội bộ (gọi tắt là kiểm toán hiệu lực), kiểm toán hiệu quả hoạt động (gọi tắt là kiểm toán hiệu quả) và kiểm toán hiệu năng quản lý (gọi tắt là kiểm toán hiệu năng). Trong đánh giá theo các mục tiêu này, kiểm toán hoạt động chú ý cả trong hiện tại và trong tương lai. Tuy nhiên, khác với kiểm toán tài chính là có sẵn các chuẩn mực để đánh giá thì đối với kiểm toán hoạt động trước khi tiến hành cần phải xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phù hợp với từng hoạt động, từng nghiệp vụ.

Do tính đa dạng của đối tượng kiểm toán nên phương pháp và tổ chức kiểm toán hoạt động thường đòi hỏi phải đa dạng hoá trên cơ sở những phương pháp chung của kiểm toán. Khi đưa ra các kết luận về kiểm toán, kiểm toán hoạt động thường quan tâm đến việc đưa ra những gợi ý hơn là những tường trình về hiệu quả đã đạt được. Với ý nghĩa này kiểm toán hoạt động giống như là cố vấn quản lý nhiều hơn là kiểm toán.

### *c. Kiểm toán liên kết*

Kiểm toán liên kết là sự sáp nhập các loại kiểm toán trên và thường được ứng dụng ở các đơn vị công cộng. Đây là việc thẩm định soát công xét việc quản lý các nguồn tài chính, nhân lực, vật lực đã uỷ quyền cho người sử dụng theo mục tiêu đã đặt ra. Với ý nghĩa như vậy, trong kiểm toán liên kết phải đồng thời giải quyết hai yêu cầu:

*Một là*, xác minh tính trung thực của các thông tin tài chính cùng với xác định mức an toàn của các nghiệp vụ tài chính và chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ. Yêu cầu này tương ứng với các mục tiêu của kiểm toán tài chính.

*Hai là*, hướng vào những thành tích và hiệu quả trong đó cần xem xét việc thiết lập hệ thống thông tin và quản lý cũng như việc điều hành hướng tới tối ưu hoá việc sử dụng các nguồn lực. Nội dung tối ưu hoá các nguồn lực được xem xét trên các mặt như tính tiết kiệm các chi phí, tính hiệu quả của các hoạt động và hiệu năng của quản lý.

Như vậy, thực chất của việc kiểm toán liên kết là sự kết hợp kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động trong cùng một cuộc kiểm toán để xác minh và đưa ra ý kiến đầy đủ và đúng đắn hơn về các đối tượng được kiểm toán.

### *1.1.2.3. Phân loại theo tổ chức bộ máy kiểm toán*

#### *a. Kiểm toán Nhà nước.*

Kiểm toán nhà nước là hệ thống bộ máy chuyên môn của Nhà nước thực hiện chức năng kiểm toán về ngân sách và tài sản của Nhà nước.

Kiểm toán nhà nước được thực hiện bởi các KTV nhà nước, đây là các công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán. Kiểm toán nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc huy động các nguồn thu ngân sách và sử dụng các khoản ngân sách vào việc chi tiêu cho đầu tư, kinh doanh và phúc lợi. Các đơn vị này bao gồm: các công ty của nhà nước, toà án, viện kiểm sát, các bộ, các ngành, các tổ chức, đoàn thể... Trong quá trình thực hiện, kiểm toán nhà nước là cơ quan quản lý nhà nước do đó tiến hành kiểm toán không thu phí (thường được ngân sách nhà nước trả) và tiến hành kiểm toán định kỳ, mang tính bắt buộc đối với các đơn vị hay tổ chức kinh tế nhà nước.

Kiểm toán nhà nước đã hình thành từ rất sớm ở các nước Tây Âu, ở thời kỳ trung đại kiểm toán nhà nước xuất hiện để đối chiếu soát xét tài sản của vua chúa. Cho đến nay kiểm toán nhà nước ở các nước phát triển đều thực hiện chức năng kiểm toán các đơn vị ở khu vực công cộng. Có thể đề cập tới kiểm toán nhà nước ở một số nước có nền kinh tế phát triển như Pháp, Mỹ, ...

Tại Việt Nam, Kiểm toán nhà nước được thành lập ngày 11 tháng 7 năm 1994 theo Nghị định Số 70/CP của Chính phủ. Năm 2005, Quốc hội đã ban hành Luật Kiểm toán nhà nước đã quy định Kiểm toán nhà nước Việt Nam do Quốc hội thành lập và chỉ hoạt động theo hiến pháp và pháp luật. Kiểm toán nhà nước Việt Nam tiến hành kiểm tra về tài chính, ngân sách của Nhà nước.

*b. Kiểm toán độc lập*

Kiểm toán độc lập là bộ máy tổ chức của các KTV chuyên nghiệp hành nghề kiểm toán và thực hiện cung cấp các dịch vụ sau: dịch vụ kiểm toán, dịch vụ quyết toán thuế, dịch vụ soát xét BCTC, dịch vụ kế toán, dịch vụ định giá doanh nghiệp, dịch vụ tư vấn...

Chủ thể tiến hành kiểm toán là các KTV chuyên nghiệp đã có chứng chỉ KTV độc lập, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và đăng ký hành nghề với các cơ quan chức năng quản lý. Khách thể của kiểm toán độc lập rất rộng bao gồm các công ty liên doanh, công ty tư nhân, công ty 100% vốn của nước ngoài, công ty cổ phần, các hợp tác xã và cũng có thể là các khách thể của kiểm toán nhà nước như các doanh nghiệp nhà nước... khi có nhu cầu cần tới kiểm toán độc lập. Kiểm toán độc lập là doanh nghiệp lấy thu bù chi do đó tiến hành kiểm toán có thu phí và theo hợp đồng với khách hàng.

Kiểm toán độc lập trên thế giới chính thức được ra đời vào những năm 30 của thế kỷ XX sau sự kiện khủng hoảng tài chính của hàng loạt các công ty tài chính, các tổ chức tín dụng, các công ty bất động sản ở Bắc Mỹ. Điều này đã đòi hỏi kiểm toán độc lập phải ra đời nhằm xác minh tính trung thực và hợp lý của các BCTC để đáp ứng nhu cầu của những người quan tâm khác nhau.

Tại Việt Nam, sau khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường nhu cầu tất yếu của nền kinh tế đối với dịch vụ kiểm toán và đến năm 1991, Bộ

Tài chính đã thành lập hai công ty kiểm toán đầu tiên đó là Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) và Công ty dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán (AASC). Hai công ty này thành lập năm 1991 và cũng là mốc lịch sử đánh dấu sự ra đời của hoạt động kiểm toán tại Việt Nam. Đến nay, theo quy định của Nhà nước thì các công ty kiểm toán độc lập chỉ được thành lập dưới các hình thức sau: công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và công ty trách nhiệm hữu hạn. Tính đến thời điểm hết năm 2010, đã có khoảng 150 công ty kiểm toán độc lập đăng ký hoạt động và cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng.

### *c. Kiểm toán nội bộ*

Theo Viện nghiên cứu kiểm toán nội bộ: Kiểm toán nội bộ là một chức năng đánh giá độc lập, được thiết lập trong một tổ chức nhằm kiểm tra và đánh giá các hoạt động của tổ chức như là một hoạt động của tổ chức.

Như vậy, có thể thấy các nhân viên thực hiện kiểm toán nội bộ thường là những KTV không chuyên nghiệp nhưng vẫn có các KTV chuyên nghiệp thực hiện công việc này. Các nhân viên này có thể gồm các kế toán viên, các kỹ thuật viên hoặc là các nhà quản lý... Đội ngũ KTV nội bộ sẽ khác nhau tùy thuộc vào bản chất và quy mô của cuộc kiểm toán. Khách thể của kiểm toán nội bộ chính là bản thân các doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức hoặc các bộ phận, đơn vị trực thuộc... Kiểm toán nội bộ tiến hành các cuộc kiểm toán mang tính bắt buộc và cưỡng chế đối với các đơn vị trực thuộc. Báo cáo của kiểm toán nội bộ chỉ có giới hạn trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp và có ít giá trị pháp lý đối với bên ngoài và do đó báo cáo của kiểm toán nội bộ không được tiêu chuẩn hoá.

Kiểm toán nội bộ chính thức ra đời vào năm 1941 được đánh dấu bằng bởi sự kiện là: Viện nghiên cứu kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ được thành lập. Lúc đầu kiểm toán nội bộ chủ yếu tập trung vào việc phân tích BCTC, các tài liệu



kế toán và kiểm tra chất lượng thông tin kế toán, tài chính cho Ban quản lý. Về sau, kiểm toán nội bộ đã phát triển sang nhiều lĩnh vực khác như: đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá hiệu quả và hiệu năng của hoạt động... Trong những năm gần đây kiểm toán nội bộ chủ yếu tập trung vào đánh giá hiệu lực của quản trị nội bộ, hiệu quả của các hoạt động và hiệu năng của quản lý.

Tại Việt Nam, kiểm toán nội bộ không phải là hoạt động hoàn toàn mới mẻ mà các yếu tố, các bộ phận của nó đã được hình thành từ lâu chẳng hạn như việc kiểm tra, thanh tra của các thanh tra chuyên ngành trong các doanh nghiệp nhà nước đã được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên thuật ngữ "kiểm toán nội bộ" chính thức được sử dụng vào năm 1996 với Nghị định Số 59/CP của Chính phủ ngày 3 tháng 10 năm 1996 Về "Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh trong các doanh nghiệp nhà nước". Ngày 28 tháng 10 năm 1997 Bộ Tài chính ra Quyết định Số 832/QĐ-BTC quy định Về Quy chế kiểm toán nội bộ áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước. Quy chế này quy định về phạm vi, nhiệm vụ, nội dung, trình tự, phương pháp, kiểm toán nội bộ cũng như quyền hạn và nhiệm vụ của KTV nội bộ và bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên trong quá trình triển khai việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp nhà nước đã gặp nhiều vướng mắc cũng như các ý kiến phản hồi từ các đơn vị. Mặc dù Bộ Tài chính đã ra một số thông tư hướng dẫn thực hiện nhưng hoạt động của kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam đang tiến hành xây dựng Nghị định về kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp để làm cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm toán nội bộ phát triển hơn. Tuy nhiên, hoạt động kiểm toán nội bộ tại Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế và chưa có sự phát triển mạnh mẽ như của kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập trong thời gian qua.

## 1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.

### 1.2.1. Giá trị doanh nghiệp và sự cần thiết của xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

#### 1.2.1.1. Khái niệm về giá trị doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một thuật ngữ được sử dụng để chỉ các tổ chức kinh tế, mà theo đó, người ta có thể phân biệt được với các loại hình kinh doanh có quy mô quá nhỏ. Theo Đại từ điển Tiếng Việt: “*Doanh nghiệp là tổ chức hoạt động kinh doanh của những chủ sở hữu có tư cách pháp nhân, nhằm mục đích kiếm lời ở một hoặc nhiều ngành.*”[43, tr 424]. Như vậy, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế, là một thực thể hoạt động thực hiện một hoặc nhiều công đoạn của quá trình đầu tư, kinh doanh từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ và có sự phát triển theo thời gian hoạt động.

Còn về giá trị theo Đại từ điển Tiếng Việt thì: “*Giá trị là cái được xác định có ích, có hiệu quả trong cuộc sống vật chất và tinh thần; xác định hiệu lực của một việc làm; kết quả của mọi điều kiện để sản xuất ra hàng hóa*” [43, tr 617]. Do đó, giá trị được hiểu là một cái đem lại lợi ích về vật chất và tinh thần cho một cá nhân, một tổ chức hoặc cho một cộng đồng khi tiến hành một hoạt động cụ thể.

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động của doanh nghiệp rất phong phú và đa dạng nhưng với mục đích chính là sinh lợi. Khi thành lập doanh nghiệp các chủ sở hữu phải đóng góp một số vốn nhất định theo quy định của luật pháp như vậy doanh nghiệp đã có một giá trị nhất định. Mặt khác, doanh nghiệp cũng như các loại hàng hóa khác là đối tượng của các giao dịch như mua bán, hợp nhất, chia tách, phá sản, giải thể. Chính vì vậy, quá trình hình

thành giá trị doanh nghiệp cũng không nằm ngoài sự chi phối của các quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh...

Mỗi doanh nghiệp sẽ có một giá trị khác nhau tùy thuộc vào quy mô hoạt động, cơ cấu tài sản, khả năng hoạt động, khả năng tạo ra lợi nhuận. Các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư vào một doanh nghiệp là phải đánh giá được giá trị của doanh nghiệp và các khoản thu nhập mà doanh nghiệp có thể đem lại cho nhà đầu tư trong tương lai. Do đó, có thể hiểu về giá trị doanh nghiệp như sau:

Giá trị doanh nghiệp là sự biểu hiện bằng tiền về các khoản thu nhập mà doanh nghiệp mang lại cho nhà đầu tư trong quá trình kinh doanh.

#### *1.2.1.2. Khái niệm về xác định giá trị doanh nghiệp*

Xác định giá trị doanh nghiệp là một khâu rất quan trọng trong việc sáp nhập, giải thể, phá sản, chia tách hoặc doanh nghiệp tiến hành tái tổ chức, cơ cấu lại hoạt động SXKD hoặc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Quá trình xác định giá trị doanh nghiệp nhằm mục tiêu tính toán và xác định được giá trị của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Do đó, để thấy được vai trò, sự cần thiết của việc xác định giá trị doanh nghiệp chúng ta cần làm rõ bản chất của hoạt động này.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều quan niệm về xác định giá trị, mỗi quan niệm được tiếp cận ở những góc độ khác nhau. Tuy nhiên tựu chung lại thì có hai khái niệm được phổ biến hiện nay đó là:

Theo giáo sư W.Seabkrooke và N.Walker, Viện đại học Portsmouth, Vương quốc Anh: “*Thẩm định giá được hiểu là sự ước tính về giá trị của các quyền sở hữu tài sản cụ thể bằng hình thái tiền tệ cho một mục đích đã được xác định rõ*”[19, tr 27]. Còn theo giáo sư Lim Lan Yuan, Trường Xây dựng và Bất động sản, Đại học Quốc gia Singapore thì: “*Thẩm định giá được quan niệm là một nghệ thuật hay khoa học về ước tính giá trị cho một mục đích cụ*

*thể của một tài sản tại một thời điểm, có cân nhắc đến tất cả các đặc điểm của tài sản và cũng như xem xét đến tất cả các yếu tố kinh tế căn bản của thị trường bao gồm các loại đầu tư lựa chọn”.*[19, tr 27-28].

Còn tại Việt Nam, trong cuốn sách “*Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp*”, Tiến sỹ Nguyễn Minh Hoàng có đưa ra định nghĩa như sau: “*Xác định giá trị doanh nghiệp là sự ước tính với độ tin cậy cao nhất về các khoản thu nhập mà doanh nghiệp có thể tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh, làm cơ sở cho các hoạt động giao dịch thông thường của thị trường.*”[19, tr 154]

Qua các khái niệm trên ta có thể hiểu xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

*Thứ nhất*, xác định giá trị doanh nghiệp là sự ước tính về giá trị của các quyền sở hữu tài sản cụ thể bằng hình thái tiền tệ cho một mục đích đã được xác định rõ ràng như: mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hoặc để đầu tư vào doanh nghiệp... Như vậy, giá trị của một doanh nghiệp được “*định*” với một số giả thuyết chủ quan, khác với cái giá là giá trị thuận mua vừa bán. Cái mà chủ doanh nghiệp quan tâm là cái giá cuối cùng mà người mua và người bán có thể gặp nhau.

*Thứ hai*, xác định giá trị doanh nghiệp là một nghệ thuật về ước tính giá trị cho một mục đích cụ thể của một doanh nghiệp tại một thời điểm đó là thời điểm định giá, trong đó có cân nhắc đến tất cả các đặc điểm của doanh nghiệp và cũng như xem xét đến tất cả các yếu tố kinh tế căn bản của thị trường. Trong quá trình xác định giá trị có rất nhiều phương pháp khác nhau và mỗi phương pháp cho một đáp số khác nhau, con số cao nhất có thể cách xa con số thấp nhất đến vài lần. Do đó, xác định giá trị doanh nghiệp là một nghệ thuật, chứ không phải là một khoa học chính xác.

*Thứ ba*, mục đích xác định giá trị doanh nghiệp của bên mua và bên bán hoặc đơn vị phá sản, giải thể là chỉ để giải quyết bài toán giá trị với một số giả

thuyết tương đối hợp lý, nhưng rất chủ quan có lợi cho các bên để làm giá khởi điểm cho các cuộc thương thuyết mua bán, sáp nhập hoặc giải quyết các vấn đề khi giải thể, phá sản doanh nghiệp. Chính vì vậy, để có một giá trị của doanh nghiệp khách quan làm cơ sở đàm phán thì doanh nghiệp nên giao cho các chuyên gia định giá làm công việc định lượng này. Song, cái giá cuối cùng giữa người mua và người bán phần lớn được quyết định bởi những yếu tố định tính chứ không phải định lượng.

Như vậy có thể thấy: Thực chất, xác định giá trị doanh nghiệp là một công cụ để các bên có thể xác định được giá trị giao dịch, căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được định giá và các điều kiện cụ thể khác mà các bên tham gia giao dịch có thể đàm phán và thương lượng các mức giá khi giao dịch mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc tiến hành các hoạt động khác.

### *1.2.1.3. Sự cần thiết của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong kinh tế thị trường hiện nay*

Qua việc tìm hiểu về bản chất của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp ở trên, chúng ta có thể thấy được vai trò, tác dụng của hoạt động này đối với mỗi chủ thể khác nhau trên thị trường thì việc tiếp cận giá trị doanh nghiệp cũng với những mục đích khác nhau.

*Một là, đối với chủ sở hữu doanh nghiệp:* Việc xác định giá trị doanh nghiệp sẽ giúp chủ sở hữu biết rõ được giá trị thực tế của doanh nghiệp, từ đó họ có thể lập các kế hoạch, chiến lược phát triển trong tương lai cho doanh nghiệp. Các lợi ích mà hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp đem lại cho chủ sở hữu bao gồm:

*Thứ nhất,* lợi ích của qui trình “Xác định giá trị doanh nghiệp” là khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích và liên kết các dữ liệu quá khứ với triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp trong một bản báo cáo chính xác và toàn diện.

*Thứ hai*, bằng việc xác định các điểm mạnh, điểm yếu và các giá trị cốt lõi của công ty, “Xác định giá trị doanh nghiệp” trở thành một công cụ hữu hiệu giúp công ty hiện thực hoá được cơ hội và gia tăng giá trị cho các cổ đông hoặc nhà đầu tư tương lai.

*Thứ ba*, trong các trường hợp cần thiết, dựa vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, các doanh nghiệp sẽ vạch ra các kế hoạch và các kiến nghị chuẩn bị cho các hoạt động trong tương lai của đơn vị như các hoạt động tiền và hậu phát hành cổ phiếu ra công chúng, các hoạt động khi sáp nhập, giải thể, mua bán...

*Thứ tư*, xác định giá trị doanh nghiệp chỉ ra những thay đổi cần thiết về hệ thống tài chính, cơ cấu thành phần cổ đông hoặc cấu trúc doanh nghiệp bởi qui trình này sẽ tạo ra một diễn đàn mở để công ty có thể thảo luận một cách sâu rộng và xem xét xem những cơ cấu này có đồng nhất và có lợi cho tương lai của công ty hay không?

*Thứ năm*, xác định giá trị doanh nghiệp hỗ trợ hội đồng quản trị và ban giám đốc đưa ra những quyết định khó khăn như các hoạt động bán hàng hoặc loại bỏ các hoạt động làm ăn không có lãi hoặc không mang tính mấu chốt, để tập trung vào những hoạt động mang lại giá trị cao.

*Thứ sáu*, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp đưa ra những phân tích về hệ thống quản trị và điều hành công ty, đồng thời cung cấp những đánh giá về năng lực đối với một số các vị trí nhân lực chủ chốt.

*Thứ bảy*, một hoạt động “Xác định giá trị doanh nghiệp” toàn diện và thành công sẽ đem lại những hiệu quả tích cực do đội ngũ chuyên gia tư vấn sẽ phát hiện ra những khu vực làm ăn hiệu quả của công ty. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra được những giải pháp phát huy tối đa hiệu quả điểm mạnh đó để gia tăng giá trị cho các cổ đông và chủ doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp được coi là công cụ đặc biệt giúp doanh nghiệp làm giảm thiểu rủi ro, lành mạnh tài chính. Bên cạnh các mục đích cơ bản: phục vụ cho hoạt động vay ngân hàng; góp vốn liên doanh, thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; chia tách, sáp nhập doanh nghiệp; cổ phần hóa doanh nghiệp; quyết toán vốn đầu tư; mua bán, chuyển nhượng, hạch toán kế toán, tính thuế; bảo hiểm và bồi thường tài sản; xử lý nợ, xác định giá trị đầu tư... Xác định giá trị doanh nghiệp còn hỗ trợ trong các lĩnh vực: Báo cáo tin tức về thị trường trong một lĩnh vực nhất định để lập dự án, đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp; tư vấn xây dựng chiến lược về giá cho doanh nghiệp; tư vấn lựa chọn các đối tác trong lĩnh vực đầu tư tài chính; cung cấp những kiến thức chuyên môn sâu để phân tích đánh giá về năng lực tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các doanh nghiệp tái cấu trúc trong hoạt động kinh doanh và những vấn đề liên quan khác...

*Hai là, đối với nhà đầu tư:* Với bất kỳ một nhà đầu tư nào trên thị trường, họ luôn mong muốn số vốn đầu tư của mình không những được bảo toàn mà còn phải có lợi nhuận cao nhất với các mức độ rủi ro khác nhau. Do đó, việc xác định giá trị doanh nghiệp là một cơ sở quan trọng cho nhà đầu tư ra các quyết định của mình. Nhà đầu tư sẽ trả lời được các câu hỏi: Có nên đầu tư vào doanh nghiệp này hay không? Mức giá là bao nhiêu thì phù hợp? Bên cạnh đó những thông tin nhận được trong quá trình định giá sẽ giúp nhà đầu tư dự đoán được một phần tiềm năng phát triển của công ty trong tương lai. Đối với việc chuyển nhượng mua bán, sáp nhập, thôn tính doanh nghiệp, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp giúp cho người mua và người bán đưa ra mức giá hợp lý, tạo cơ sở cho việc mua bán một cách công bằng chính xác và nhanh gọn giảm chi phí giao dịch. Quá trình mua bán thường bị kéo dài do mức giá mà hai bên đưa ra thường chênh lệch nhau quá lớn. Việc định giá là cơ sở vững chắc thu hẹp

khoảng cách mức giá giữa bên mua với bên bán và khoảng thời gian đàm phán được rút ngắn, chi phí nhờ đó cũng được giảm thiểu.

*Ba là, đối với các tổ chức tài chính trung gian, chủ nợ trên thị trường:* Một trong những cơ sở quan trọng để các tổ chức tài chính trung gian trên thị trường hay các chủ nợ, bạn hàng của doanh nghiệp cho doanh nghiệp vay vốn hoặc hợp tác làm ăn, đầu tư vào doanh nghiệp là: xem xét khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai cũng như khả năng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Quá trình xác định giá trị doanh nghiệp sẽ cung cấp rất nhiều thông tin về doanh nghiệp và qua đó họ có thể dễ dàng đưa ra các quyết định trong mối quan hệ với doanh nghiệp.

*Bốn là, đối với nhà nước:* Việc xác định giá trị doanh nghiệp là một vấn đề có ý nghĩa trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đó là một trong những điều kiện để tiến hành thành công của quá trình cổ phần hóa. Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp có vai trò nổi bật như sau:

*Thứ nhất,* hoạt động này đảm bảo lợi ích thiết thực của nhà nước và lợi ích của người mua doanh nghiệp hay các thành viên trong công ty cổ phần khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

*Thứ hai,* xác định giá trị doanh nghiệp còn có yếu tố tâm lý cho các thành viên tham gia mua cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động này tạo tâm lý ổn định, tin tưởng của các cá nhân, tổ chức khi tham gia quá trình cổ phần hóa;

*Thứ ba,* xác định giá trị doanh nghiệp giúp cho việc xác định được phần vốn của nhà nước trong doanh nghiệp và giá cả hợp lý của cổ phiếu bán ra, đồng thời để xác định xem liệu nhà nước có nên nắm giữ cổ phần của doanh nghiệp nữa hay không và tỷ lệ nắm giữ là bao nhiêu cho phù hợp;

*Thứ tư,* hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp giúp thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch của nhà nước đề ra và nhanh chóng chuyển đổi một số



doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần nhằm giải quyết được những vướng mắc, những bất hợp lý trong quá trình cổ phần hóa. [21]

Do đó, xác định giá trị doanh nghiệp là một vấn đề cần thiết trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng cũng gây ra nhiều tranh cãi vì vậy việc xác định giá trị doanh nghiệp là hết sức quan trọng trong kế hoạch hoạt động của nhà nước.

### ***1.2.2. Nội dung xác định giá trị doanh nghiệp***

Khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp tiến hành khóa sổ kế toán, lập BCTC. Doanh nghiệp có thể sử dụng BCTC năm đó được kiểm toán để làm căn cứ xác định vốn bằng tiền, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả. Trong trường hợp thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không trùng với thời điểm BCTC năm, doanh nghiệp phải lập BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Khi xác định giá trị doanh nghiệp tập trung vào các nội dung sau:

#### ***1.2.2.1 Kiểm kê và phân loại tài sản, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả***

##### **a - Kiểm kê, phân loại tài sản**

+ Kiểm kê số lượng và chất lượng của tài sản thực tế hiện có do doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng; kiểm quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; xác định tài sản, tiền mặt thừa, thiếu so với sổ kế toán, phân tích rõ nguyên nhân thừa, thiếu;

+ Phân loại tài sản đó kiểm kê theo các nhóm sau:

- Tài sản doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng;
- Tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý;
- Tài sản thuê ngoài, vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi.

**b - Đối chiếu, xác nhận và phân loại các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, lập bảng kê chi tiết đối với từng loại nợ phải thu, nợ phải trả**

+ *Nợ phải trả*: Đối chiếu, xác nhận nợ theo chủ nợ trên cơ sở đó phân tích rõ các khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn, nợ gốc, nợ lãi, nợ phải trả nhưng không phải thanh toán.

+ *Nợ phải thu*: Phân tích rõ nợ phải thu có khả năng thu hồi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

#### 1.2.2.2. *Xử lý tài chính*

##### a - Trước khi xác định giá trị doanh nghiệp

###### *\* Đối với Tài sản:*

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, phân loại tài sản, doanh nghiệp xử lý tài sản theo các công việc sau:

- + Xử lý đối với tài sản thừa, thiếu, phải phân tích làm rõ nguyên nhân;
- + Xử lý đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng hoặc chờ thanh lý;
- + Xử lý đối với tài sản dùng trong SXKD đầu tư bằng các quỹ của đơn vị.

###### *\* Đối với Nợ phải thu:*

+ Đối với những khoản nợ phải thu có đủ tài liệu chứng minh không có khả năng thu hồi thì xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, tổ chức để xử lý bồi thường;

+ Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn khác, doanh nghiệp phải tiếp tục đòi nợ hoặc thỏa thuận bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ và tài sản tồn đọng, không được trực tiếp bán nợ cho khách nợ;

+ Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm bàn giao các khoản nợ phải thu không tính vào giá trị doanh nghiệp cho các đơn vị liên quan;

+ Đối với các khoản doanh nghiệp đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công... nếu đó hạch toán hết vào chi phí kinh doanh, doanh nghiệp đối chiếu hạch toán giảm chi phí tương ứng với phần hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp hoặc

thời gian thuê chưa thực hiện và hạch toán tăng khoản chi phí trả trước (hoặc chi phí chờ phân bổ).

*\* Đối với Nợ phải trả:*

+ Đối với khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai và gửi báo cáo quyết toán thuế đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho cơ quan thuế để kiểm tra, xác định số thuế còn phải nộp theo quy định;

+ Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội, nợ phải trả cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán dứt điểm trước khi chuyển đổi để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

+ Đối với các khoản nợ vay tồn đọng do vay ngân hàng thương mại, doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu, phối hợp với ngân hàng cho vay xử lý;

+ Đối với các khoản nợ vay nước ngoài quá hạn có bảo lãnh, doanh nghiệp và người bảo lãnh phải đàm phán với chủ nợ để có phương án xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý vay nợ và trả nợ vay nước ngoài;

*\* Xử lý các khoản dự phòng, lỗ và lãi theo quy định hiện hành.*

*\* Xử lý vốn đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp khác như góp vốn liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và các hình thức đầu tư dài hạn khác.*

*\* Xử lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được dùng để chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp.*

**b - Xử lý tài chính trong thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.**

- Trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính. Tại thời điểm có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm xử lý các vấn đề tài chính và điều chỉnh

sổ kế toán theo quy định. Đồng thời thực hiện chuyển giao tài sản và các khoản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cho các đơn vị liên quan.

- Đối với doanh nghiệp được xác định giá trị để chuyển thành một công ty mới thì lập BCTC: Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải lập BCTC, kê khai thuế tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gửi các cơ quan liên quan, cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp.

- Đối với doanh nghiệp định giá để phá sản, giải thể hoặc để mua bán, sáp nhập thì lập BCTC phục vụ các bước công việc tiến hành tiếp theo của doanh nghiệp.

### ***1.2.3. Trình tự xác định giá trị doanh nghiệp [9]***

Nhìn chung, quy trình xác định giá trị doanh nghiệp tuân theo quy trình thẩm định giá các tài sản, nhưng cụ thể của các bước cần được điều chỉnh phù hợp với việc xác định giá trị doanh nghiệp.

#### ***Bước 1. Xác định tổng quát về doanh nghiệp cần xác định giá trị***

Trong bước này tiến hành các công việc sau:

- Xác định mục đích xác định giá trị doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cần đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích sau:

+ Doanh nghiệp cổ phần hóa: đây là việc xác định giá trị doanh nghiệp theo yêu cầu của chủ sở hữu các doanh nghiệp.

+ Xác định giá trị cho các doanh nghiệp đăng ký tại thị trường chứng khoán nhằm đáp ứng cho các nhà đầu tư, môi giới.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp để nhằm mục đích chuyển đổi vốn, hình thức sở hữu đối với doanh nghiệp.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp để mua bán cổ phiếu, trái phiếu ngắn hạn hoặc dài hạn trên thị trường chứng khoán.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp để xác định mức sinh lời trên vốn đầu tư phục vụ việc quản trị doanh nghiệp tại từng thời điểm.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp trong tiến trình trao đổi cổ phiếu, mua quyền kiểm soát, sáp nhập doanh nghiệp.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp nhằm xác định giá trị còn lại của doanh nghiệp khi phá sản, giải thể doanh nghiệp.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho các tổ chức tài chính về bảo hiểm, ngân hàng trước khi ký hợp đồng bảo hiểm tín dụng.

- Nhận dạng sơ bộ doanh nghiệp cần xác định giá trị doanh nghiệp về các thông tin như: căn cứ pháp lý, loại hình doanh nghiệp, quy mô, địa điểm, các cơ sở, chi nhánh, tài sản, sản phẩm, thương hiệu, thị trường ...

- Xác định tài liệu cần thiết cho việc xác định giá trị doanh nghiệp.

*Bước 2. Xây dựng giả thiết về dòng tiền mong đợi và đánh giá độ mạo hiểm của đầu tư.* Các công việc cần thực hiện bao gồm:

- Xem xét các kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư, đưa ra các giải thiết có thể về sự phát sinh dòng tiền.

- Mô hình hóa độ mạo hiểm và lựa chọn kỹ thuật xử lý rủi ro.

*Bước 3. Lập kế hoạch xác định giá trị doanh nghiệp*

- Việc lập kế hoạch xác định giá trị doanh nghiệp nhằm xác định rõ những bước công việc phải làm và thời gian thực hiện từng bước công phải làm và thời gian thực hiện từng bước công việc cũng như toàn bộ thời gian cho việc xác định giá trị doanh nghiệp.

- Nội dung kế hoạch phải thể hiện những công việc cơ bản sau:

+ Xác định các yếu tố cung cầu thích hợp với chức năng, các đặc tính và các quyền gắn liền với doanh nghiệp được mua bán và đặc điểm thị trường;

+ Xác định các tài liệu thu thập về thị trường, về doanh nghiệp, tài liệu so sánh;

+ Xác định và phát triển các nguồn tài liệu, đảm bảo nguồn tài liệu đáng tin cậy và phải được kiểm chứng;

+ Xây dựng tiến độ nghiên cứu, xác định trình tự thu thập và phân tích dữ liệu, thời hạn cho phép của trình tự phải thực hiện.

*Bước 4. Lựa chọn phương pháp và xác định cơ sở giá trị của xác định giá trị doanh nghiệp*

Trên cơ sở các thông tin vừa đánh giá, đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cần lựa chọn phương pháp đánh giá cho thích hợp. Ngoài việc căn cứ vào các ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp còn cần phải xem xét các điều kiện cần và đủ khác. Bên cạnh đó, cũng cần phải xác định rõ cơ sở để xác định giá trị doanh nghiệp.

*Bước 5. Đánh giá môi trường và năng lực nội tại của doanh nghiệp*

- Mục tiêu của công việc này là nhằm cung cấp thông tin để xây dựng các giả thiết về dòng tiền và đánh giá độ mạo hiểm khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp.

- Khi đánh giá phải chỉ ra được những cơ hội thuận lợi, những mối nguy cơ đe dọa từ phía môi trường kinh doanh. Đồng thời đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp và khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Việc đánh giá cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Đánh giá các yếu tố về môi trường kinh tế, môi trường văn hóa – xã hội, kỹ thuật công nghệ, về khách hàng, người cung cấp, các hãng cạnh tranh, và mối quan hệ với cơ quan nhà nước.

+ Đánh giá năng lực nội tại của doanh nghiệp như: tài sản, vị trí, uy tín, trình độ công nhân và trình độ quản trị kinh doanh.

*Bước 6. Tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp*

Trên cơ sở phương pháp thẩm định giá đã xác định tiến hành phân tích số liệu, tư liệu và ước tính giá trị doanh nghiệp. Thẩm định viên có thể dựa vào ý kiến, kết quả công việc của thẩm định viên khác hay các nhà chuyên môn khác

nếu thấy cần thiết khi xác định giá trị doanh nghiệp. Khi dựa vào ý kiến, kết quả của thẩm định viên khác hoặc chuyên gia khác, đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp tiến hành các bước thẩm tra để đảm bảo rằng những dịch vụ đó được thực hiện một cách chuyên nghiệp, các kết luận hợp lý và đáng tin cậy.

*Bước 7. Lập báo cáo và chứng thư kết quả định giá.*

Dựa vào các thông tin và kết quả thực hiện thẩm định giá, các thẩm định viên tiến hành lập báo cáo kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp và phát hành báo cáo cho đơn vị được xác định giá trị.

**1.2.4. Đặc điểm của Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp**

Khi kết thúc quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, các đơn vị tiến hành thẩm định giá tiến hành lập báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, đây là một loại bằng khai tài chính để truyền đạt kết quả và kết luận của thẩm định viên một cách có hiệu quả. Báo cáo này có một số đặc điểm nổi bật:

Một là, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là sản phẩm cuối cùng của toàn bộ công việc thẩm định giá và phản ánh những nỗ lực, kỹ năng của thẩm định viên. Kết quả thẩm định giá được truyền tải thông qua báo cáo bằng văn bản và nội dung của báo cáo thẩm định giá phụ thuộc vào bản chất và mục đích của việc xác định giá trị doanh nghiệp;

Hai là, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp phải trình bày đầy đủ các vấn đề liên quan tới việc xác định giá trị của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

\* *Mục đích xác định giá trị doanh nghiệp*

\* *Đối tượng xác định giá trị doanh nghiệp* phải được mô tả rõ những nội dung sau:

- Lịch sử phát triển của doanh nghiệp;
- Loại hình tổ chức doanh nghiệp;
- Triển vọng đối với nền kinh tế và của ngành;

- Sản phẩm, dịch vụ, thị trường và khách hàng của doanh nghiệp;
- Sự nhạy cảm đối với các yếu tố thời vụ hay chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp;
- Sự cạnh tranh đối với doanh nghiệp;
- Nhà cung cấp;
- Tài sản gồm tài sản hữu hình và vô hình;
- Nhân lực;
- Triển vọng đối với doanh nghiệp;
- Những giao dịch quá khứ của các lợi ích chủ sở hữu tương tự trong doanh nghiệp.

\* *Cơ sở giá trị của xác định giá trị doanh nghiệp*: Định nghĩa giá trị phải được nêu rõ và xác định cơ sở tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp;

\* *Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp* trong đó cần nêu các nội dung sau: Các phương pháp thẩm định giá và lý do áp dụng các phương pháp này; Những tính toán và logic trong quá trình áp dụng một hay nhiều phương pháp thẩm định giá; Xuất phát của các biến số như các tỷ lệ chiết khấu, tỷ lệ vốn hóa hay các yếu tố thẩm định khác; Những lập luận khi tổng hợp những kết quả định giá khác nhau để có kết quả giá trị duy nhất.

\* *Những giả thiết và những điều kiện hạn chế khi thẩm định giá, những tiền đề và giả thiết quan trọng đối với giá trị phải được nêu rõ*;

\* *Nếu có một khía cạnh nhất định của những tiêu chuẩn hay hướng dẫn mà sự vận dụng nó xét thấy là cần thiết và thích hợp thì nội dung, những lý do vận dụng cần được nêu rõ trong báo cáo*;

\* *Phân tích tài chính*

- Tóm lược bảng tổng kết tài sản và bản báo cáo thu nhập trong một giai đoạn nhất định phù hợp với mục đích thẩm định giá và đặc điểm của doanh nghiệp (ít nhất là 3 năm, thường là từ 3 – 5 năm);



- Những điều chỉnh đối với các dữ liệu tài chính gốc (nếu có);
- Những giả thiết cơ bản để hình thành bảng cân đối tài sản và bản báo cáo thu nhập;
- Tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp qua thời gian và so sánh với doanh nghiệp tương tự;

\* *Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;*

\* *Phạm vi và thời hạn xác định giá trị doanh nghiệp;*

\* *Chữ ký và xác nhận:* thẩm định viên, người ký vào báo cáo thẩm định giá chịu trách nhiệm đối với những nội dung thực hiện trong báo cáo.

Ba là, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm khác biệt với các BCTC khác là chỉ lập một lần khi kết thúc quá trình xác định giá trị doanh nghiệp. Việc xác định giá trị của doanh nghiệp chỉ được tiến hành khi mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản, chia tách doanh nghiệp và các hoạt động này không phải diễn ra một cách thường xuyên liên tục do đó báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp chỉ lập một lần không phải lập định kỳ như các BCTC.

#### ***1.2.5. Các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp [19], [27], [28]***

Để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp, các đơn vị thực hiện sử dụng một trong các phương pháp sau:

##### ***1.2.5.1. Phương pháp tài sản***

\* Phương pháp tài sản là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá giá trị thực tế toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

\* Căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

- BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;
- Số lượng và chất lượng tài sản theo kiểm kê phân loại thực tế;
- Tính năng kỹ thuật của tài sản, nhu cầu sử dụng và giá thị trường;

- Giá trị quyền sử dụng đất, khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Đối với các tổ chức tài chính, tín dụng khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản được sử dụng kết quả kiểm toán BCTC để xác định tài sản vốn bằng tiền, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả nhưng phải thực hiện kiểm kê, đánh giá đối với TSCĐ, các khoản đầu tư dài hạn và giá trị quyền sử dụng đất theo chế độ quy định.

\* Phương pháp xác định giá trị thực tế:

Để xác định giá trị tài sản theo giá thị trường, trước hết cần phải loại ra khỏi danh mục đánh giá những tài sản không cần thiết và không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của SXKD. Sau đó, tiến hành đánh giá số tài sản còn lại theo nguyên tắc sử dụng giá thị trường để tính cho từng tài sản hoặc từng loại tài sản cụ thể, như sau:

- *Đối với tài sản là hiện vật:* thì đánh giá theo giá thị trường nêu trên thị trường hiện đang có bán những tài sản đó.

- *Đối với tài sản bằng tiền:* thì được xác định theo biên bản kiểm quỹ, đối chiếu xác nhận với ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

- *Các khoản nợ phải thu:* thì được xác định theo số dư thực tế trên sổ kế toán sau khi xử lý.

- *Giá trị tài sản vô hình (nếu có)* được xác định theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán.

- *Giá trị vốn đầu tư dài hạn của doanh nghiệp*

+ Đối với cổ phần của các doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán thì được xác định theo giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Đối với cổ phần của doanh nghiệp chưa niêm yết thì căn cứ vào kết quả xác định của cơ quan tư vấn.

#### *1.2.5.2. Phương pháp dòng tiền chiết khấu*

\* Phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai.

\* Căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp:

- BCTC của doanh nghiệp trong 05 năm liền kề trước khi xác định giá trị doanh nghiệp.

- Lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 05 năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và hệ số chiết khấu dòng tiền của doanh nghiệp.

- Phương án hoạt động SXKD của doanh nghiệp từ 03 năm đến 05 năm sau khi chuyển đổi công ty.

- Giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao.

\* Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm định giá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) được xác định như sau:

- Thực hiện dự báo dài hạn về các dòng tiền vào và dòng tiền ra có thể phát sinh trong tương lai như doanh thu, chi phí, các khoản vốn đầu tư bổ sung hoặc rút ra trong quá trình luân chuyển;

- Xác định tỷ suất chiết khấu dòng tiền;

- Xác định giá trị hiện tại của dòng tiền thuần theo tỷ suất chiết khấu đã xác định.

#### *1.2.5.3. Phương pháp định lượng lợi thế thương mại (Goodwill)*

\* Phương pháp này dựa trên cơ sở định lượng về lợi thế thương mại, các tài sản của doanh nghiệp được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thu nhập do tài sản đó tạo ra hay đó là giá trị hiện tại của các khoản siêu lợi nhuận.

\* Phương pháp xác định:

Giá trị doanh nghiệp được xác định bằng giá trị tài sản thuần cộng với giá trị tài sản vô hình (lợi thế thương mại).

Trong đó, để xác định giá trị lợi thế thương mại, đơn vị thẩm định giá sử dụng các cách sau:

- Theo phương pháp của Hiệp hội chuyên gia kế toán Châu Âu thì sử dụng các yếu tố như: chi phí sử dụng vốn trung bình, lợi nhuận sau thuế và tổng giá trị tài sản để xác định giá trị lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp.

- Theo phương pháp Anglo – Saxons thì lựa chọn các tham số như chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận thuần và giá trị tài sản thuần được đánh giá lại để xác định giá trị lợi thế thương mại.

- Theo phương pháp vốn thường xuyên cần thiết cho kinh doanh lại sử dụng các tham số như chi phí sử dụng vốn bình quân cho nguồn tài trợ trung và dài hạn, lợi nhuận sau thuế và vốn thường xuyên được tài trợ bằng các nguồn ổn định để xác định lợi thế thương mại.

*1.2.5.4. Phương pháp định giá dựa vào tỷ số giá bán/ thu nhập (tỷ số P/E – Price - Earning ratio)*

\* Phương pháp này được tiến hành để xác định giá trị chứng khoán dựa vào tỷ số P/E và mang nặng tính kinh nghiệm hơn là từ những cơ sở lý thuyết rõ ràng. Phương pháp này được thực hiện dựa trên các nhận định sau:

- Giá cả chứng khoán trên thị trường chính là sự đánh giá về khả năng sinh lời của doanh nghiệp;

- Giá cả chứng khoán chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau.

\* Phương pháp xác định:

Giá trị doanh nghiệp được xác định trên cơ sở lợi nhuận dự kiến đạt được nhân với tỷ số P/E. Trong đó, tỷ số P/E là thông tin của những công ty lớn được công bố thường xuyên trên thị trường, do đó để xác định giá trị doanh nghiệp ở thời điểm hiện hành cần sử dụng tỷ số P/E ở các thời kỳ trước. Tuy nhiên, để có thể sử dụng tỷ số P/E trong việc xác định giá trị doanh

nghiệp có mặt hay không có mặt trên thị trường chứng khoán cần phải kết hợp với nhiều tỷ số khác ở những doanh nghiệp có chứng khoán giao dịch trên thị trường và có điều kiện SXKD tương tự.

#### *1.2.5.5. Phương pháp lợi nhuận*

Phương pháp lợi nhuận được sử dụng cho các tài sản đặc biệt như khách sạn, rạp chiếu phim và những tài sản khác mà việc so sánh với những tài sản tương tự sẽ gặp khó khăn do giá trị chủ yếu phụ thuộc vào khả năng sinh lời của tài sản.

Phương pháp lợi nhuận dựa vào sự phân tích khả năng sinh lợi ước tính của việc sử dụng tài sản trừ đi các chi phí hoạt động kinh doanh hợp lý, còn lại một khoản dư ra thể hiện là thu nhập thực hàng năm đặc trưng cho tài sản. Thu nhập thực này sau đó được chuyển hóa thành vốn. Cách tiếp cận của phương pháp này là ước tính tổng các thu nhập trừ đi những chi phí liên quan đến việc tạo ra thu nhập đó và trừ đi tiếp khoản lãi trên vốn mà người thuê nhà nhận được từ vốn của họ và một số tiền thưởng công cho người thuê nhà vì rủi ro. Số dư còn lại là số lượng được coi là hợp lý để trả cho sự thuê mướn. Giá trị tiền cho thuê ước tính khi đó sẽ được chuyển hóa thành vốn theo thu hoạch nhiều năm bằng cách phân tích doanh thu của các tài sản tương tự.

Các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp nêu trên được thẩm định viên lựa chọn tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp, vào mục đích của việc xác định giá trị doanh nghiệp. Mỗi một phương pháp sẽ đưa ra một giá trị doanh nghiệp khác nhau do đó thẩm định viên cần xác định phương pháp phù hợp để định giá doanh nghiệp.

### **1.3. ĐẶC ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.**

#### *1.3.1. Đặc điểm kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp [22]*

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán thông tin, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng trong cùng một cuộc kiểm toán.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, quá trình kiểm toán tập trung chủ yếu vào việc xác định tính trung thực, hợp lý của các thông tin về giá trị của tài sản, vốn, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả. Bên cạnh đó, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn đánh giá về tính hiệu quả, hiệu năng và hiệu lực của quá trình xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho các đối tượng quan tâm. Hơn nữa, với những đặc điểm riêng của hoạt động thẩm định giá nói chung và của xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng thì quá trình thực hiện được quy định một cách chặt chẽ về trình tự thực hiện, về phương pháp định giá, về căn cứ thực hiện, về biểu mẫu báo cáo... trong các văn bản pháp luật. Ngoài ra, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn có sự quy định cụ thể về các tiêu chuẩn thẩm định giá, các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể đã được xác định trước khi tiến hành. Do đó, việc xem xét tính tuân thủ đối với các chính sách, các văn bản pháp luật có liên quan là một vấn đề quan trọng cần phải tiến hành trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Vì vậy, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một sự kết hợp chặt chẽ giữa các loại kiểm toán trên là một tất yếu;

Thứ hai, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là kiểm toán tuân thủ.

Trong hoạt động thẩm định giá nói chung, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng có những đặc điểm khác biệt với các lĩnh vực khác như để tiến hành hoạt động xác định giá trị phải tiến hành theo các bước công việc đã được quy định chặt chẽ từ khâu khảo sát ban đầu đến việc lập và trình bày báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Quá trình tiến hành định

giá luôn phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn thẩm định giá đã được Bộ Tài chính ban hành để đảm bảo chất lượng của hoạt động. Chính vì vậy, KTV khi thực hiện cần phải nắm bắt được các quy định của lĩnh vực này để làm căn cứ đánh giá hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp.

Thứ ba, nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm khác với nội dung kiểm toán tài chính.

Nội dung của kiểm toán BCTC tập trung chủ yếu vào các yếu tố cấu thành BCTC là các khoản mục hoặc các chu trình tài chính trong doanh nghiệp. Trong khi đó, nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp lại tập trung vào việc xác định tính trung thực hợp lý của thông tin về giá trị doanh nghiệp được xác định phù hợp với Pháp lệnh về giá. Đồng thời, kiểm toán tiến hành xem xét, đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn về thẩm định giá đã được ban hành trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp;

Thứ tư, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một đặc trưng riêng là không có khái niệm “cuộc kiểm toán năm sau” và “hoạt động liên tục”.

Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là chỉ tiến hành một lần đối với một doanh nghiệp và gắn với từng thời điểm hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, chu kỳ thực hiện không lặp lại như đối với hoạt động SXKD và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng chỉ diễn ra trong một năm tài chính duy nhất. Điều này đặt ra vấn đề là KTV luôn phải nắm bắt sự thay đổi trong hệ thống văn bản pháp lý và các vấn đề mới trong hoạt động thẩm định giá để có khả năng giải quyết các công việc cho phù hợp. Ngoài ra, trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng không đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp vì nếu không tiến hành sáp nhập, mua bán hoặc cổ phần hóa thì doanh nghiệp vẫn hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cũ. Còn nếu doanh nghiệp có tiến hành hoạt động sáp nhập, mua bán, phá sản hoặc cổ phần hóa sau khi xác định giá trị doanh

nghiệp thì doanh nghiệp sẽ hoạt động theo loại hình doanh nghiệp mới hoặc không còn tồn tại;

Thứ năm, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không chỉ tiến hành tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị định giá mà còn đánh giá hoạt động kiểm soát chất lượng định giá.

Do hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành chủ yếu bởi các tổ chức thẩm định giá hoặc các công ty kiểm toán vì vậy việc đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các đơn vị này cần kết hợp với việc đánh giá hoạt động kiểm soát chất lượng định giá. Việc kết hợp này là do các đơn vị này phải xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phải tuân thủ đúng các quy định trong đăng ký hành nghề định giá. Ngoài ra, việc tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp chủ yếu là xem xét việc chấp hành các quy định của chuẩn mực, của chế độ hiện hành, cũng như quy trình xác định giá trị doanh nghiệp và căn cứ để tiến hành định giá. Chính vì vậy, KTV cần quan tâm nhiều hơn đến việc kiểm soát chất lượng hoạt động định giá của chính đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp thay vì đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị định giá;

Thứ sáu, Quá trình đánh giá trọng yếu trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng có những điểm khác biệt với kiểm toán tài chính.

Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp cũng chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thực hiện như áp dụng phương pháp định giá không phù hợp, xác định căn cứ định giá không đúng... làm sai lệch giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, do đặc thù của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp tại mỗi đơn vị, mỗi thời điểm khác nhau làm cho việc đánh giá tính trọng yếu cho từng cuộc kiểm toán cũng khác nhau. Ngoài ra, kết quả của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định mua bán, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp của những người quan



tâm. Chính vì vậy, việc đánh giá tính trọng yếu cần thận trọng hơn đối với kiểm toán tài chính.

Thứ bảy, việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm đặc thù riêng.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, liên quan nhiều đến kiểm toán tuân thủ và kiểm toán thông tin, đồng thời hoạt động này chứa đựng rủi ro tiềm tàng cao vì vậy KTV chủ yếu tiến hành kiểm toán toàn diện mà không áp dụng kỹ thuật chọn mẫu. Ngoài ra, khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp thì việc tuân thủ trình tự, các chuẩn mực thẩm định giá cũng như các văn bản pháp luật hiện hành luôn được đặt ra. Do đó, việc vận dụng các phương pháp kỹ thuật trong từng giai đoạn kiểm toán cũng có những điểm khác nhau. Trong quá trình kiểm toán thì việc sử dụng thử nghiệm tuân thủ thường xuyên hơn so với thử nghiệm cơ bản vì chủ yếu tập trung đánh giá hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp có trung thực hợp lý với phương pháp đang áp dụng hay không. Thử nghiệm cơ bản chủ yếu được dùng để thu thập các bằng chứng nhằm xác định giá trị của doanh nghiệp sau khi được đánh giá có sát với thực tế hay không. Như vậy có thể thấy việc vận dụng các phương pháp kỹ thuật có những đặc điểm nổi bật :

- Sử dụng thử nghiệm tuân thủ là chủ yếu trong tất cả các giai đoạn của cuộc kiểm toán;

- Thử nghiệm cơ bản chủ yếu được sử dụng là kỹ thuật kiểm tra tài liệu, phân tích, đánh giá, tính toán, phỏng vấn, xác nhận còn các kỹ thuật kiểm kê, quan sát ít được áp dụng để thu thập bằng chứng.

- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp luôn là kiểm toán toàn diện mà không tiến hành chọn mẫu.

Thứ tám, các bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm khác biệt với kiểm toán tài chính.

Trong kiểm toán, bằng chứng phải đảm bảo sức thuyết phục thì ý kiến mà KTV đưa ra mới đáng tin cậy được. Tuy nhiên, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một đặc điểm là việc xác định giá trị doanh nghiệp dựa rất nhiều vào việc xác định thông tin của từng yếu tố cấu thành giá trị doanh nghiệp như giá trị TSCĐ, hàng tồn kho, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả... Các yếu tố này cần được xác định dựa vào quy định của chuẩn mực và chế độ tài chính, kế toán hiện hành đồng thời dựa vào giá thị trường để đánh giá. Chính vì vậy, các bằng chứng mà KTV thu thập được trong việc kiểm tra, đánh giá lại công việc mà các thẩm định viên đã tiến hành đó là: các bằng chứng càng được đảm bảo kiểm soát chặt chẽ đúng theo chuẩn mực, chế độ và càng sát với giá thị trường thì càng đáng tin cậy.

Thứ chín, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là tính phức tạp trong việc định giá.

Tính phức tạp thể hiện trên khía cạnh xác định giá cơ sở làm căn cứ đánh giá và sự phản ánh trung thực về giá trị của doanh nghiệp trong các tài liệu của đơn vị được định giá. Cụ thể:

- Trước hết, căn cứ đầu tiên để kiểm toán chính là xem xét các văn bản pháp lý được dùng làm cơ sở để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong việc xác định giá trị doanh nghiệp lại có nhiều văn bản quy định và tại mỗi thời kỳ lại có những nét đặc thù. Do đó, KTV cần xác định sự phù hợp của các văn bản pháp lý làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp về mặt thời điểm và với đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp.

- Hai là, việc xác định giá thị trường làm căn cứ đánh giá cũng gặp nhiều khó khăn vì hiện nay tại Việt Nam chưa có một ngân hàng lưu trữ đầy đủ các thông tin về giá trị các loại tài sản, hàng hóa hiện có trên thị trường. Chính vì vậy, để xác định được một giá trị hợp lý cho doanh nghiệp là một vấn đề phức tạp cần phải xem xét trên nhiều khía cạnh.

### ***1.3.2. Các phương pháp kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

#### ***1.3.2.1. Đặc điểm vận dụng phương pháp, kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Trong kiểm toán, để thực hiện chức năng xác minh và bày tỏ ý kiến về đối tượng cần kiểm toán, KTV sử dụng hệ thống phương pháp chung của kiểm toán bao gồm phân hệ phương pháp kiểm toán chứng từ (như: kiểm toán cân đối, đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic) và phân hệ phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ (như: kiểm kê, thực nghiệm, điều tra). Các phân hệ phương pháp này được hình thành căn cứ vào đặc trưng và sự thể hiện của đối tượng kiểm toán. Với đối tượng đã được phản ánh trên tài liệu kế toán thì kiểm toán đã có cơ sở để kiểm tra, xem xét, đánh giá do đó kiểm toán dựa vào các phương pháp kỹ thuật của phân tích, của kế toán để hình thành phân hệ phương pháp chứng từ. Đối với các đối tượng chưa được phản ánh trên bất cứ tài liệu nào thì kiểm toán chưa có căn cứ để kiểm tra, đánh giá khi đó kiểm toán phải tự xây dựng ra phương pháp thu thập bằng chứng và hình thành phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ. Tuy nhiên, do mỗi loại kiểm toán có chức năng cụ thể khác nhau, đối tượng cụ thể khác nhau và quan hệ chủ thể, khách thể kiểm toán khác nhau nên trong các loại kiểm toán, cách thức kết hợp các phương pháp chung nêu trên cũng có những đặc thù.

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán thông tin, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng. Các lĩnh vực này được thể hiện rõ nét trong kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động, do đó các phương pháp, kỹ thuật sử dụng để thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng chủ yếu áp dụng các phương pháp, kỹ thuật của kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động.

Trong kiểm toán tài chính căn cứ vào mối quan hệ giữa bảng khai tài chính với hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, kiểm toán hình thành hai loại thử nghiệm là thử nghiệm cơ bản và thử nghiệm kiểm soát:

Theo cuốn *Kiểm toán tài chính* của Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Quỳnh:

Nguyên tắc chung của mọi cuộc kiểm toán tài chính là phải thẩm tra lại các thông tin biểu hiện bằng tiền phản ánh trên bảng tổng hợp bằng việc kết hợp các phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ theo trình tự và cách thức kết hợp xác định tổng hợp các cách xác minh là các con số này được gọi là kiểm toán cơ bản hay thử nghiệm cơ bản. [ 33, tr 19]

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Số 500 (VSA 500): Thử nghiệm cơ bản (kiểm tra cơ bản) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến BCTC nhằm phát hiện ra những sai sót trọng yếu làm ảnh hưởng đến BCTC.

Nói cách khác đây là việc KTV rà soát các số liệu, các thông tin trên các bảng tổng hợp theo các khoản mục và trình tự thường đi từ số dư khoản mục tới số dư tài khoản đến số phát sinh rồi tiến đến kiểm tra chứng từ của nghiệp vụ phát sinh đó và cuối cùng là tới việc xác minh thực tế về các nghiệp vụ. Thử nghiệm cơ bản là thử nghiệm then chốt và cốt lõi trong mọi cuộc kiểm toán tài chính để thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp.

Bên cạnh việc sử dụng thử nghiệm cơ bản, trong kiểm toán còn sử dụng thử nghiệm kiểm soát để thu thập bằng chứng:

Theo cuốn *Kiểm toán tài chính* của Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Quỳnh thì “*Kiểm toán tuân thủ hay thử nghiệm tuân thủ là dựa vào kết quả của hệ thống kiểm soát nội bộ khi hệ thống này tồn tại và hoạt động có hiệu lực.*” [33, tr 19]

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Số 500 (VSA 500): Thử nghiệm kiểm soát (kiểm tra hệ thống kiểm soát) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thử nghiệm tuân thủ có thể hiểu là phương pháp được thiết kế để khảo sát, thẩm tra và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ để khẳng định sự tồn tại và hoạt động có hiệu lực. Thông thường thử nghiệm tuân thủ chỉ được thực hiện khi hệ thống kiểm soát nội bộ tồn tại và được đánh giá là có hiệu lực.

Để tiến hành hai loại thử nghiệm này, kiểm toán tiến hành thông qua ba loại trắc nghiệm là:

- Trắc nghiệm công việc (kiểm tra công việc) là cách thức và trình tự rà soát các nghiệp vụ hay hoạt động cụ thể trong quan hệ với sự tồn tại và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trước hết là hệ thống kế toán.

- Trắc nghiệm phân tích (thủ tục phân tích) là cách thức xem xét các mối quan hệ kinh tế và xu hướng biến động của các chỉ tiêu kinh tế thông qua việc kết hợp giữa đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic, cân đối giữa các trị số của các chỉ tiêu hoặc của các bộ phận cấu thành chỉ tiêu trong cùng một kỳ quyết toán.

- Trắc nghiệm trực tiếp các số dư (Kiểm tra trực tiếp các số dư) là cách thức kết hợp các phương pháp cân đối, phân tích, đối chiếu trực tiếp với kiểm kê và điều tra thực tế để xác định độ tin cậy của các số dư cuối kỳ trên sổ cái, trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện, KTV kết hợp các loại trắc nghiệm với nhau để thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có hiệu lực làm cơ sở đưa ra ý kiến. Để tiến hành các trắc nghiệm nêu trên, KTV sử dụng các kỹ thuật là: kiểm tra vật chất, xác nhận, phỏng vấn, quan sát, tính toán, xác minh tài liệu và phân tích.

Cũng như trong kiểm toán tài chính, trong kiểm toán hoạt động khi thực hiện chức năng xác minh, kiểm toán cũng sử dụng các phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ. Do đối tượng của kiểm toán hoạt động là các hoạt động, các quy trình, các tác nghiệp cụ thể của các đơn vị nên việc sử dụng các phương pháp này trong kiểm toán hoạt động cũng có những đặc thù riêng. Trong quá trình thực hiện, kiểm toán hoạt động chủ yếu sử dụng trắc nghiệm nghiệp vụ (trắc nghiệm công việc) trên cả hai phương diện: trắc nghiệm đạt yêu cầu và trắc nghiệm độ tin cậy. Tuy nhiên, nếu như trong kiểm toán tài chính thường chú ý nhiều đến trắc nghiệm độ tin cậy và tính tuân thủ trong trắc nghiệm đạt yêu cầu thì trong kiểm toán hoạt động lại chú ý nhiều tới “tần suất” của việc áp dụng các thủ tục kiểm soát trong hoạt động của đơn vị và đã hình thành “trắc nghiệm tần suất” hoặc “trắc nghiệm về tính thường xuyên” của các trình tự tạo ra kết quả. Hơn nữa, ở đây trắc nghiệm đạt yêu cầu thường xuyên được thực hiện chi tiết kết hợp với trắc nghiệm độ tin cậy cho loại nghiệp vụ. Đặc biệt, ngay cả trắc nghiệm phân tích cũng được thực hiện không chỉ cho những thông tin (về lượng) mà cả cho những trình tự quản lí, những phương pháp điều hành và do đó, phân tích trong kiểm toán hoạt động thường là phân tích chi tiết. Để thực hiện các thủ tục trên, các phương pháp kĩ thuật: quan sát kết hợp với khảo sát, phỏng vấn, gửi phiếu xác nhận hoặc xem xét từ đầu đến cuối hay ngược lại... được sử dụng rất phổ biến.

#### *1.3.2.2. Các kỹ thuật kiểm toán áp dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp*

Các kỹ thuật kiểm toán được KTV sử dụng khi thực hiện thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm:

##### a. Kiểm tra vật chất

Kiểm tra vật chất là quá trình KTV tiến hành kiểm kê tại chỗ hay tham gia quan sát kiểm kê các loại tài sản của doanh nghiệp.

Kiểm kê được áp dụng đối với tài sản có dạng vật chất cụ thể như hàng tồn kho, TSCĐ, tiền mặt, giấy tờ thanh toán có giá trị. Kiểm kê cung cấp các bằng chứng có độ tin cậy cao nhất về sự tồn tại của tài sản vì kiểm kê là quá trình xác minh tính hiện hữu của tài sản và kỹ thuật này đơn giản phù hợp với chức năng xác minh của kiểm toán. Tuy nhiên, kỹ thuật này có nhược điểm là không cho biết được tình trạng kỹ thuật, quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Kỹ thuật kiểm kê được sử dụng phổ biến trong kiểm toán tài chính để xác định tính tin cậy của thông tin về tài sản và thường được thực hiện vào cuối năm tài chính. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTV tiến hành kiểm kê theo các bước công việc sau:

- Lập kế hoạch kiểm kê: trong bước công việc này, KTV xác định rõ mục tiêu, đối tượng kiểm kê, phương thức kiểm kê và chuẩn bị đầy đủ về nhân sự, kho bãi phục vụ việc kiểm kê.

- Thực hiện kiểm kê: KTV tiến hành kiểm kê theo kế hoạch đã xây dựng và phải thường xuyên ghi chép kết quả kiểm kê để tạo lập bằng chứng.

- Kết thúc kiểm kê: KTV phải lập biên bản kiểm kê để xác định rõ số lượng, chủng loại tài sản hiện có tại đơn vị và đối chiếu với kết quả kiểm kê vào thời điểm xác định giá trị để đưa ra ý kiến.

Tuy nhiên, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kỹ thuật kiểm kê ít được áp dụng và chỉ được thực hiện trong một số trường hợp nhất định như: thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm kiểm toán là gần với nhau, đơn vị được xác định giá trị chưa thay đổi hình thức hoạt động... Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kết quả kiểm kê có độ tin cậy không cao do thời điểm tiến hành kiểm toán thường cách xa so với thời điểm xác định giá trị làm cho kết quả kiểm kê có độ sai lệch, hoặc do chủng loại tài sản trong đơn vị đã có sự thay đổi sau khi đã xác định giá trị doanh nghiệp.

### b. Xác nhận

Xác nhận là quá trình thu thập thông tin do bên thứ ba độc lập cung cấp để xác minh tính chính xác của thông tin mà KTV nghi vấn. Đối tượng áp dụng kỹ thuật xác nhận là số dư tiền gửi ngân hàng, số dư các khoản phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp, hàng tồn kho gửi bán... Kỹ thuật này giúp cho KTV có được các bằng chứng đáng tin cậy về sự tồn tại cũng như về quyền và nghĩa vụ đối với các thông tin được xác nhận.

Kỹ thuật này được sử dụng nhiều trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do việc xác định giá trị có liên quan đến nhiều loại tài sản và các khoản nợ, vay của đơn vị được định giá. KTV gửi thư xác nhận đến các ngân hàng, chủ nợ, các khách hàng... để xác định lại các thông tin về các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay cũng như giá trị các tài sản hiện do các đơn vị khác nắm giữ. Trên cơ sở các thư xác nhận đã nhận được, KTV đánh giá được độ tin cậy và sự phù hợp của giá trị các tài sản được xác định trên báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp. KTV sử dụng hai loại thư xác nhận là thư xác nhận mở và thư xác nhận đóng để thu thập bằng chứng kiểm toán. Thư xác nhận mở được KTV sử dụng để yêu cầu bên được xác nhận cung cấp thông tin mà KTV quan tâm. Còn thư xác nhận đóng được KTV sử dụng khi cần xác nhận một thông tin hoặc một số liệu đã có sẵn cần được khẳng định lại. Trong hai loại thư xác nhận này, KTV sử dụng chủ yếu là thư xác nhận đóng để có được các thông tin cần thu thập. Tuy nhiên, việc thực hiện kỹ thuật này rất tốn thời gian và chi phí do đó KTV chỉ tiến hành gửi thư xác nhận cho một mẫu các đối tượng được KTV lựa chọn thông qua các phương pháp chọn mẫu.

### c. Xác minh tài liệu

Xác minh tài liệu là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu các chứng từ, sổ sách kế toán, BCTC và các tài liệu liên quan sẵn có trong đơn vị được kiểm



toán. Kỹ thuật này đơn giản, thuận tiện và có chi phí thấp nhưng độ tin cậy không cao. Đây là một kỹ thuật được sử dụng chủ yếu trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp giúp KTV đánh giá được tính trung thực, hợp lý cũng như việc tuân thủ các quy định, trình tự khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp của đơn vị thẩm định giá. KTV xác minh các tài liệu sau: các tài liệu, các văn bản, các báo cáo được lưu trữ trong hồ sơ thẩm định giá, các hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán của đơn vị được định giá. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV từ một kết luận có trước hoặc một thông tin trong báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành thu thập, xác minh, đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ thẩm định giá để có bằng chứng đưa ra kết luận của mình.

#### d. Quan sát

Quan sát là phương pháp được sử dụng để đánh giá một thực trạng hay một hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV thực hiện quan sát về hiện trạng các TSCĐ, các hoạt động tại đơn vị được định giá và giúp cho KTV có được các nhận định, các đánh giá về việc định giá của các thẩm định viên. Tuy nhiên, bằng chứng thu được từ kỹ thuật này rất hạn chế do nó chỉ đảm bảo tại thời điểm quan sát còn các thời điểm khác thì không chắc chắn. Hơn nữa, khi KTV thực hiện quan sát thì kết quả có thể không sát với thời điểm xác định giá trị do đã có sự biến động. Do đó, kỹ thuật này được sử dụng khi thời điểm kiểm toán và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp gần với nhau.

#### e. Phỏng vấn

Phỏng vấn là quá trình thu thập thông tin bằng văn bản hay bằng lời nói qua những cuộc thẩm vấn với những người có hiểu biết về vấn đề mà KTV quan tâm. Kỹ thuật này giúp cho các KTV thu được những bằng chứng chưa

có hoặc củng cố thêm các luận cứ của KTV. Khi phỏng vấn, KTV thực hiện theo các giai đoạn sau:

*Giai đoạn thứ nhất: lập kế hoạch phỏng vấn.* KTV phải xác định được mục đích, đối tượng và nội dung cần phỏng vấn (có thể cụ thể hóa ra thành những trọng điểm cần phỏng vấn), thời gian, địa điểm phỏng vấn... KTV cần chuẩn bị trước các câu hỏi phỏng vấn để thu thập được các thông tin cần thiết.

*Giai đoạn thứ hai: thực hiện phỏng vấn.* KTV giới thiệu lý do cuộc phỏng vấn, trao đổi về những trọng điểm đã xác định. Khi phỏng vấn KTV có thể dùng hai loại câu hỏi cơ bản là câu hỏi “đóng” hoặc câu hỏi “mở”.

Câu hỏi “mở” giúp KTV thu được câu trả lời chi tiết, đầy đủ và được sử dụng khi kiểm toán viên muốn thu thập thêm thông tin về giá trị của doanh nghiệp được định giá.

Câu hỏi “đóng” giới hạn câu trả lời của người được phỏng vấn và được sử dụng khi KTV muốn xác nhận một vấn đề, một thông tin đã có trong quá trình xác định giá doanh nghiệp.

*Giai đoạn thứ ba: kết thúc phỏng vấn.* KTV cần đưa ra kết luận về các vấn đề cần được xác minh thêm trên cơ sở thông tin đã thu thập được. Tuy nhiên, KTV cũng cần lưu ý đến tính khách quan và sự hiểu biết của người được phỏng vấn để có kết luận xác đáng về bằng chứng thu thập được.

Tuy nhiên kỹ thuật này có nhược điểm là độ tin cậy thường không cao nên chỉ được sử dụng để củng cố cho các bằng chứng khác hoặc thu thập các thông tin phản hồi.

#### f. Tính toán

Tính toán là quá trình kiểm tra tính chính xác về mặt số học của việc tính toán và việc ghi chép trên tài liệu. Kỹ thuật này được KTV sử dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp với mục đích để kiểm tra tính chính xác của việc tính toán trên các tài liệu định giá. KTV tiến hành tính toán lại

giá trị của các TSCĐ, giá trị của hàng tồn kho, của các khoản nợ vay theo đúng các văn bản quy định về thẩm định giá. Số liệu tính toán của KTV được so sánh với kết quả công việc của các thẩm định viên đã làm để khẳng định được sự chính xác của các công việc do các thẩm định viên thực hiện. Kỹ thuật này có ưu điểm là thu thập được bằng chứng kiểm toán với độ tin cậy cao nhưng chỉ quan tâm đến tính chính xác thuần túy về mặt số học mà không chú ý tới sự phù hợp của phương pháp tính được sử dụng. Vì vậy cần phải kết hợp với các phương pháp kỹ thuật khác.

#### g. Phân tích

Phân tích là việc đánh giá các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng qua đó tìm ra những xu hướng, những biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến. Quá trình phân tích tiến hành chủ yếu là so sánh, đối chiếu, đánh giá các mối quan hệ giữa các số liệu để xác định tính hợp lý của các số dư trên tài liệu, trên báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Các mối quan hệ bao gồm mối quan hệ giữa các thông tin tài chính với nhau và quan hệ giữa các thông tin tài chính và các thông tin phi tài chính. Do đó kỹ thuật phân tích gồm 3 nội dung: dự đoán, so sánh và đánh giá.

- Dự đoán: là việc KTV ước đoán về số dư tài khoản, giá trị của các chỉ tiêu, tỷ suất hoặc xu hướng biến động trên tài liệu xác định giá trị...
- So sánh: là việc đối chiếu số dự đoán của KTV với số liệu trên BCTC, tài liệu kế toán, tài liệu xác định giá trị.
- Đánh giá: là việc sử dụng các phương pháp chuyên môn và các kỹ thuật khác (như phỏng vấn, quan sát) để phân tích và kết luận về các chênh lệch phát sinh khi so sánh.

Kỹ thuật phân tích được sử dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán có hiệu lực gồm ba loại:

- *Kiểm tra tính hợp lý*: KTV tiến hành các so sánh cơ bản như:

+ So sánh giữa số liệu thực tế và số liệu dự toán...

+ So sánh các chỉ tiêu của đơn vị với chỉ tiêu bình quân của ngành.

+ Nghiên cứu mối quan hệ giữa thông tin tài chính và thông tin phi tài chính.

+ So sánh số liệu của khách hàng và số liệu ước tính của KTV.

Từ kết quả so sánh, tiến hành điều tra các chênh lệch lớn, bất thường giúp KTV phát hiện những sai sót trong BCTC hoặc các biến động lớn trong hoạt động SXKD của đơn vị.

- *Phân tích xu hướng*: là sự phân tích những thay đổi theo thời gian của số dư tài khoản, nghiệp vụ. Phân tích xu hướng thường được KTV sử dụng qua so sánh thông tin tài chính kỳ này với thông tin tài chính kỳ trước hay so sánh thông tin tài chính giữa các tháng trong kỳ hoặc so sánh số dư (số phát sinh) của các tài khoản cần xem xét giữa các kỳ, nhằm phát hiện những biến động bất thường để qua đó kiểm toán tiến hành tập trung kiểm tra chi tiết.

- *Phân tích tỷ suất*: là cách thức so sánh các số dư tài khoản hoặc các loại hình nghiệp vụ. Phân tích tỷ suất cũng giúp so sánh tính hợp lý về tình hình tài chính của đơn vị được định giá để xem xét xu hướng và tính hợp lý của tỷ suất đó.

Trong ba loại hình phân tích nêu trên, kiểm tra tính hợp lý kết hợp các dữ liệu hoạt động, dữ liệu tài chính và được lập ra để kiểm tra sự tương ứng giữa hai loại dữ liệu này. Do đó mức độ chính xác hay độ tin cậy của bằng chứng thu thập được khi kiểm tra tính hợp lý được xem là cao nhất. Phân tích tỷ suất được dựa trên mối quan hệ giữa các báo cáo khác nhau có mối liên quan nên việc phân tích các tỷ suất cũng có thể cung cấp thông tin có giá trị. Phân tích xu hướng được xem là cung cấp dữ liệu có độ tin cậy thấp nhất vì kỹ thuật này

dùng nhiều vào việc xem xét dữ liệu năm trước. Tuy nhiên, nếu có cả sự phân tích lùi thì các bằng chứng tập hợp được trở nên có ý nghĩa hơn.

Kỹ thuật phân tích này đơn giản, tốn ít thời gian, chi phí kiểm toán thấp mà vẫn có thể cung cấp các bằng chứng về sự đồng bộ, chuẩn xác, có giá trị về nhiều mặt.

### ***1.3.3. Trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán***

Quy trình tiến hành một cuộc kiểm toán nói chung bao gồm ba giai đoạn cơ bản là: Lập kế hoạch kiểm toán (hay được gọi là chuẩn bị kiểm toán), thực hành kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Trong mỗi giai đoạn này, KTV phải xác định rõ các bước công việc cần làm nhưng phải phù hợp với từng đối tượng tại từng khách thể khác nhau. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, quy trình tiến hành cũng tuân thủ theo ba giai đoạn cơ bản của kiểm toán. Cụ thể

#### ***1.3.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán***

Lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn đầu tiên của mỗi cuộc kiểm toán nhằm chuẩn bị đầy đủ các điều kiện pháp lý và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cuộc kiểm toán. Trong mỗi cuộc kiểm toán, KTV cần phải lập kế hoạch để định hướng cho trong quá trình kiểm toán, xác định rõ nội dung cần tập trung kiểm toán, các loại bằng chứng cần phải thu thập để làm căn cứ cho kết luận của KTV về đối tượng kiểm toán và để đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế và tính hiệu lực của từng cuộc kiểm toán. Lập kế hoạch kiểm toán có vai trò quan trọng, chi phối tới chất lượng và hiệu quả chung của toàn bộ cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán giúp cho KTV xác định được thời gian thực hiện, số lượng người tham gia cuộc kiểm toán, chi phí cho cuộc kiểm toán, phương pháp tiến hành và sự phối hợp giữa các KTV với nhau để hạn chế sai sót, bất đồng và sự chòng chéo, trùng lặp trong quá trình thực hiện. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành lập hai loại kế hoạch

kiểm toán là kế hoạch kiểm toán tổng thể và kế hoạch kiểm toán chi tiết (hay chương trình kiểm toán).

*\* Kế hoạch kiểm toán tổng thể*

Kế hoạch kiểm toán tổng thể do các KTV cao cấp hoặc người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán thực hiện. Kế hoạch này bao trùm và chi phối toàn bộ các công việc tiến hành trong cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán bao gồm:

- Xác định mục tiêu của cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Thu thập hiểu biết về tình hình hoạt động và các thông tin có tính chất pháp lý liên quan đến hoạt động của khách thể kiểm toán và của đơn vị được định giá.
- Đánh giá và xác định mức độ rủi ro trong kiểm toán và mức độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị được định giá.
- Xác định quy mô, nội dung, phạm vi, thời gian và phương pháp sẽ tiến hành trong cuộc kiểm toán.
- Dự kiến số lượng người tham gia cuộc kiểm toán và phối hợp các bước công việc.

Kế hoạch kiểm toán được duy trì trong suốt quá trình kiểm toán và triển khai kế hoạch toàn diện về phạm vi thực hiện kiểm toán. Để lập được kế hoạch này các KTV tiến hành các công việc sau:

- KTV tiến hành tìm hiểu các thông tin chung về đơn vị được xác định giá trị thông qua việc tiếp xúc, phỏng vấn đối với những người trong ban giám đốc của đơn vị hoặc những người có hiểu biết về đơn vị. Công việc này giúp KTV có được các thông tin về đặc điểm quá trình kinh doanh, các thuận lợi, khó khăn trong quá trình hoạt động của đơn vị. Bên cạnh đó còn có các thông tin về các chính sách, chế độ, các quyết định có ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị được định giá. Các thông tin này giúp cho KTV có được

những thông tin ban đầu về đơn vị được định giá làm cơ sở để KTV đưa ra các bước quyết định tiếp theo trong cuộc kiểm toán.

- Tiến hành tìm hiểu và đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong cả đơn vị thẩm định giá và đơn vị được định giá. KTV tập trung thu thập hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được định giá thông qua các tài liệu liên quan đến quy chế hoạt động, các thủ tục, quy chế kiểm soát đối với các hoạt động trong đơn vị hoặc tiến hành quan sát, phỏng vấn về các hoạt động kiểm soát của đơn vị. Thông qua việc tìm hiểu, KTV đánh giá được các rủi ro hiện đang tồn tại trong quá trình hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và để đánh giá tính hiệu lực của hệ thống này trong việc đảm bảo độ tin cậy của các thông tin. Đây là cơ sở để KTV xác định được khối lượng công việc dự kiến sẽ phải tiến hành trong cuộc kiểm toán.

- Bên cạnh việc đánh giá rủi ro, KTV còn phải đánh giá về tính trọng yếu của đối tượng kiểm toán làm căn cứ xác định quy mô của cuộc kiểm toán. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV cần xác định được các vấn đề trọng yếu trong báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xác định các hoạt động cần tập trung kiểm toán. Việc đánh giá tính trọng yếu cần phải được kết hợp chặt chẽ với việc đánh giá rủi ro vì rủi ro và trọng yếu có mối qua hệ chặt chẽ với nhau.

- Trên cơ sở đánh giá trọng yếu và rủi ro KTV sẽ lựa chọn phương pháp và kỹ thuật kiểm toán phù hợp đối với từng đối tượng nhằm thu thập được đầy đủ các bằng chứng có hiệu lực làm cơ sở để KTV đưa ra ý kiến kết luận về đối tượng kiểm toán. Khi sử dụng phương pháp kiểm toán cần phải kết hợp các phương pháp với nhau để đạt được hiệu quả của cuộc kiểm toán.

- Xác định số lượng người tham gia vào cuộc kiểm toán phù hợp với quy mô và phạm vi của cuộc kiểm toán đã xác định.

Trên cơ sở kế hoạch kiểm toán tổng thể đã xây dựng, người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán sẽ tiến hành lập kế hoạch chi tiết (hay chương trình kiểm toán) đối với từng phần hành, khoản mục, bộ phận được kiểm toán.

*\* Kế hoạch kiểm toán chi tiết (Chương trình kiểm toán)*

Kế hoạch này do KTV chính hoặc người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán thực hiện. Đây là bước cụ thể hóa, chi tiết hóa các công việc đã xác định trong kế hoạch tổng thể cho từng phần hành, từng khoản mục, từng bộ phận được kiểm toán. Trong chương trình kiểm toán cần phải xác định rõ các bằng chứng cần phải thu thập, thời gian hoàn thành đối với từng kỹ thuật và mục tiêu đạt được khi thực hiện kiểm toán. KTV cần tiến hành các công việc sau:

- Xác định rõ mục tiêu kiểm toán đối với từng phần công việc cụ thể, từng bộ phận của đối tượng kiểm toán.

- KTV tiến hành thu thập các thông tin về các phần hành hay bộ phận sẽ được kiểm toán để có thể đánh giá ban đầu về rủi ro đối với từng bộ phận.

- Xác định phạm vi và mức độ kiểm tra cần thiết, các phương pháp cần áp dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán đối với từng phần hành, từng bộ phận cấu thành.

- Xác định trình tự và thủ tục các bước đi chi tiết phù hợp nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

- Bố trí và sắp xếp những người tham gia cuộc kiểm toán cũng như với các chuyên gia, các KTV khác khi cần thiết.

- Xác định thời gian thực hiện và ngày dự kiến kết thúc cuộc kiểm toán cũng như hình thức của báo cáo kiểm toán sẽ lập.

*1.3.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

Đây là giai đoạn các KTV tiến hành sử dụng các phương pháp, kỹ thuật để thu thập bằng chứng kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã xây dựng. Trong giai đoạn này, KTV tiến hành các công việc sau:



- Thực hiện thử nghiệm tuân thủ để đánh giá việc tuân thủ các văn bản pháp lý và quy trình thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.

- Thực hiện các thử nghiệm cơ bản để thu thập bằng chứng về độ tin cậy của các thông tin và số liệu kế toán, tài chính. Việc thực hiện thử nghiệm cơ bản được tiến hành thông qua thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra chi tiết các số dư và nghiệp vụ.

+ Trong thủ tục phân tích, KTV so sánh các thông tin và nghiên cứu các xu hướng để phát hiện các biến động bất thường và trên cơ sở đó sẽ xác định các thủ tục tiếp theo cần phải tiến hành.

+ Khi thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết, KTV đi sâu vào việc kiểm tra các số liệu, thông tin kế toán bằng các phương pháp thích hợp để có được các bằng chứng thích hợp về đối tượng kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTV cần phải tuyệt đối tuân thủ kế hoạch kiểm toán đã xây dựng để đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng có hiệu lực. KTV cũng cần kết hợp các phương pháp kỹ thuật một cách phù hợp để tìm kiếm và phát hiện những sai phạm có thể ảnh hưởng đến đối tượng kiểm toán. KTV phải tiến hành ghi chép các phát giác, các nhận định trên giấy tờ làm việc để tạo lập các bằng chứng kiểm toán để làm cơ sở đưa ra ý kiến của mình về đối tượng kiểm toán.

#### *1.3.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán*

Trong giai đoạn này, KTV dựa vào các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được trong giai đoạn thực hiện kiểm toán để đưa ra ý kiến kết luận của mình về đối tượng được kiểm toán. Các công việc được tiến hành khi kết thúc cuộc kiểm toán gồm:

- KTV tiến hành tổng hợp các kết quả thu thập qua kiểm toán các phần hành và thực hiện một số thử nghiệm bổ sung có tính chất tổng quát.

- Đánh giá tổng quát về kết quả thu thập được. Công việc này nhằm soát xét lại toàn bộ quá trình kiểm toán, kết quả thu được và cân nhắc các cơ sở để đưa ra ý kiến kết luận.

- Lập báo cáo kiểm toán: đây là công việc cuối cùng của cuộc kiểm toán nhằm thể hiện các ý kiến nhận xét của KTV về đối tượng được kiểm toán

- Hoàn chỉnh các hồ sơ kiểm toán và lưu giữ tài liệu.

Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải đưa ra được ý kiến kết luận về đối tượng kiểm toán. Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không được tiêu chuẩn hóa như đối với kiểm toán tài chính do tùy thuộc vào phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp nhưng cần có các nội dung cơ bản sau:

- *Tên và địa chỉ công ty kiểm toán:* Trong báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần nêu rõ tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax và số hiệu liên lạc khác của công ty kiểm toán (hoặc chi nhánh) phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là số hiệu phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán theo từng năm. Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần phải đăng ký chính thức trong hệ thống văn bản của công ty kiểm toán.

- *Tiêu đề báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải có tiêu đề rõ ràng và thích hợp để phân biệt báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp do KTV lập với các loại báo cáo khác.

- *Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là người ký hợp đồng kiểm toán với người thực hiện kiểm toán (công ty kiểm toán hoặc KTV).

- *Đoạn mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Phần mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ đối tượng của cuộc kiểm toán; mục đích của cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán và trách nhiệm của KTV.

- *Đoạn trình bày phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải nêu chuẩn mực kiểm toán (Chuẩn mực kiểm toán quốc gia, hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận) và kế hoạch kiểm toán đã áp dụng để thực hiện cuộc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ là công việc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý để đưa ra ý kiến.

- *Đoạn trình bày ý kiến của KTV về đối tượng kiểm toán:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải nêu rõ ý kiến của KTV về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã thực hiện trên các phương diện: Phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu các thông tin định lượng về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp và việc tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), cũng như việc tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp của đơn vị được kiểm toán.

- *Địa điểm và thời gian lập báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ ngày, tháng, năm kết thúc toàn bộ công việc kiểm toán. Điều này cho phép người sử dụng xác định giá trị doanh nghiệp biết rằng KTV đã xem xét đến các sự kiện (nếu có) ảnh hưởng đến báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cho đến tận ngày ký báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ địa điểm (Tỉnh,

Thành phố) của công ty hoặc chi nhánh công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Chữ ký và đóng dấu:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ký rõ tên của KTV là người chịu trách nhiệm kiểm toán, và ký rõ tên của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) của công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Trên chữ ký của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) phải đóng dấu của công ty (hoặc chi nhánh) chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Giữa các trang của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải đóng dấu giáp lai.

Ngôn ngữ trình bày trên báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là ngôn ngữ sử dụng chính thức của một quốc gia, như đối với báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam thì báo cáo phải lập bằng tiếng Việt Nam.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Vai trò của kiểm toán ngày càng được khẳng định trong nền kinh tế của Việt Nam hiện nay. Hoạt động này đã hỗ trợ rất nhiều cho quá trình quản lý của nhà nước nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng. Thông qua kết luận của kiểm toán, những người quan tâm đến thông tin của doanh nghiệp có thể đánh giá và đưa ra các quyết định phù hợp với quá trình hoạt động.

Trong những năm qua, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp đã có sự phát triển nhanh chóng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về việc định giá doanh nghiệp phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Trong chương này, tác giả đã tiến hành hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp.

Trong mối quan hệ với đặc trưng và yêu cầu của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp, tác giả đã phân tích những vấn đề cơ bản liên quan đến kiểm toán như về khái niệm, chức năng, phương pháp kỹ thuật và nội dung tiến hành kiểm toán. Ngoài ra, trong chương 1 đã trình bày những đặc trưng cơ bản của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Đây là những cơ sở quan trọng cho các chương tiếp theo của luận án.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **2.1. THỰC TRẠNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY**

##### ***2.1.1. Những căn cứ để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp***

Hiện nay khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp, tùy theo mục đích của việc xác định giá trị doanh nghiệp mà các căn cứ tiến hành có những điểm khác nhau.

##### ***2.1.1.1. Đối với các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa***

Căn cứ đầu tiên để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp nhằm phục vụ quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là Luật doanh nghiệp Số 60/2005/QH11. Trong Luật doanh nghiệp quy định các vấn đề cơ bản về tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp trong nền kinh tế. Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Luật doanh nghiệp nhà nước chính thức hết hiệu lực và tất cả các doanh nghiệp nhà nước đều phải tổ chức lại hoạt động cho phù hợp với Luật doanh nghiệp.

Chính phủ cũng đã kịp thời ban hành một số văn bản pháp quy để hướng dẫn việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước như:

□ Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ Về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Nghị định này hướng dẫn quy trình, thủ tục tiến hành chuyển đổi hình thức doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

□ Nghị định Số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

□ Nghị định Số 69/2002/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ Về xử lý nợ tồn đọng đối với Doanh nghiệp nhà nước.

Các nghị định này là căn cứ quan trọng để xác định giá trị của đất trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Bên cạnh đó, các bộ ngành chức năng cũng đã ban hành một số văn bản hướng dẫn và làm căn cứ để tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Các văn bản này được dùng làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa. Một số văn bản được sử dụng như:

□ Thông tư Số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính Về hướng dẫn thực hiện Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ Về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần.

□ Thông tư Số 25/2007/TT-BTC ngày 2 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính Về hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên.

□ Thông tư Số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính Về Hướng dẫn về chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

□ Quyết định Số 238 của Bộ Xây dựng ngày 01 tháng 01 năm 1990 Về ban hành bảng giá các ngôi nhà vật kiến trúc thông dụng dùng trong kỳ kiểm kê và đánh giá lại vốn kinh doanh của các cơ sở kinh doanh.

□ Công văn Số 11712/TC/TCĐN của Bộ Tài chính Về hướng dẫn quy trình cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước.

□ Quyết định Số 439/BXD-CSXD ngày 25 tháng 09 năm 1997 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn tập 1 và 3.

□ Thông tư Số 13/TT-LB ngày 18 tháng 04 năm 1994 của Liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ Về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê.

□ Và các quy định có liên quan khác.

*2.1.1.2. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác*

Căn cứ để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện hoạt động mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản là:

□ Luật doanh nghiệp Số 60/2005/QH11

□ Luật phá sản Số 21/200/QH11

□ Nghị định Số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

□ Nghị định Số 38/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức cổ phần.

□ Nghị định Số 67/2006/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về hướng dẫn việc áp dụng Luật phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt về tổ chức, hoạt động của tổ quản lý, thanh lý tài sản

□ Nghị định Số 114/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán và tài chính khác.



□ Thông tư Số 38/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

□ Thông tư Số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

□ Quyết định Số 238 của Bộ Xây dựng ngày 01 tháng 01 năm 1990 về ban hành bảng giá các ngôi nhà vật kiến trúc thông dụng dùng trong kỳ kiểm kê và đánh giá lại vốn kinh doanh của các cơ sở kinh doanh.

□ Quyết định Số 439/BXD-CSXD ngày 25 tháng 09 năm 1997 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn tập 1 và 3.

□ Và các quy định có liên quan khác.

### **2.1.2. Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp**

*2.1.2.1. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa*

Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để tiến hành cổ phần hóa bao gồm các biểu mẫu sau:

- Các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư Số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính

+ Bảng kiểm kê và xác định giá trị tài sản.

+ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo giá trị tài sản).

+ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo dòng tiền chiết khấu).

- Các biểu mẫu hướng dẫn lập hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

+ Bảng tổng hợp TSCĐ

- + Bảng kiểm kê đánh giá lại nhà cửa, vật kiến trúc
  - + Bảng kiểm kê đánh giá lại máy móc thiết bị
  - + Bảng kiểm kê đánh giá lại phương tiện vận tải
  - + Bảng kiểm kê đánh giá lại TSCĐ khác
  - + Bảng kiểm kê TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý; TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
  - + Bảng kiểm kê đánh giá lại vật tư, hàng hoá tồn kho
  - + Bảng kê chi phí sản xuất dở dang
  - + Bảng kê vật tư hàng hoá không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý
  - + Bảng kê công nợ phải thu
  - + Bảng kê công nợ phải trả
  - + Bảng kê nợ phải thu không có khả năng thu hồi
  - + Bảng kê số dư tiền gửi, tiền vay ngân hàng
  - + Văn bản chấp thuận của Tổng Công ty (hoặc Công ty mẹ) về tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp.
  - + Đối với trường hợp đề nghị xử lý xoá nợ Ngân hàng Thương mại, Quỹ Hỗ trợ Phát triển, nộp ngân sách: Hồ sơ đề nghị xoá nợ.
  - + Đối với doanh nghiệp có lỗ lũy kế: Văn bản giải trình nguyên nhân lỗ, Bản kiểm điểm tập thể các nhân có liên quan, Văn bản của Tổng Công ty (hoặc Công ty mẹ) về lỗ lũy kế.
  - + Bản sao Hồ sơ chi tiết của những vấn đề vướng mắc đề nghị được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp.
  - + Các tài liệu của doanh nghiệp nhà nước: Quyết định thành lập doanh nghiệp, Giấy phép đăng ký kinh doanh, Hồ sơ đất đai.
- 2.1.2.2. Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác*
- *Các hồ sơ pháp lý liên quan đến Doanh nghiệp:*

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế .
- Các quyết định, công văn, văn bản liên quan đến mô hình hoạt động của từng Doanh nghiệp.

- *Các tài liệu liên quan để tiến hành thẩm định giá doanh nghiệp:*

- Bảng cân đối kế toán 3 năm (đối với doanh nghiệp sản xuất) và 5 năm (đối với doanh nghiệp dịch vụ) liền kề trước khi xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp (đã quyết toán thuế nếu có).

- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh 3 năm (đối với doanh nghiệp sản xuất) và 5 năm (đối với doanh nghiệp dịch vụ) liền kề trước khi xác định giá trị doanh nghiệp và tại thời điểm tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp (đã quyết toán thuế nếu có).

- Bảng lưu chuyển tiền tệ.

- Bảng cân đối tài khoản tại thời điểm tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp.

- Các bảng chi tiết các tài khoản:

- + Tiền mặt: bảng kiểm kê quỹ tiền mặt.

- + Tiền gửi ngân hàng: Bảng kê tiền gửi Ngân hàng và Bảng đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng.

- + Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn.

- + Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

- + Chi phí trả trước dài hạn.

- + Các khoản phải thu.

- + Các khoản phải trả.

- + Hàng tồn kho. (biên bản kiểm kê)

- + TSCĐ.

+ Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (bảng đối chiếu số dư tiền vay tại ngân hàng).

+ Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả (bảng đối chiếu)

+ Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán (nếu có).

- Bảng kiểm kê tài sản của doanh nghiệp: trong đó phân loại rõ những tài sản thuê mượn, nhận góp vốn liên doanh liên kết; tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý và tài sản đang dùng.

- Bảng kê chi tiết nguồn vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác (nếu có) như: vốn góp liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, góp vốn thành lập công ty TNHH:

- Báo cáo tài chính 5 năm đã được kiểm toán.

- Hợp đồng góp vốn liên doanh.

- Điều lệ liên doanh.

- Bảng thống kê lãi liên doanh được chia từ khi được thành lập.

- Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- Tất cả các giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản (bất động sản và động sản) của doanh nghiệp.

### ***2.1.3. Nội dung và phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp***

#### ***2.1.3.1. Nội dung xác định giá trị doanh nghiệp***

Khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, thẩm định viên tiến hành theo các nội dung đã quy định trong Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Thẩm định viên yêu cầu doanh nghiệp tiến hành khóa sổ kế toán, lập BCTC và lựa chọn phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp. Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp còn một số vấn đề cần quan tâm là:

- Đối với TSCĐ: Có 2 yếu tố cần phải xác định là nguyên giá và giá trị còn lại đều khó xác định là do các máy móc thiết bị hiện đang sử dụng tại doanh nghiệp thuộc nhiều thế hệ công nghệ khác nhau, do nhiều nhà cung cấp

khác nhau. Chính vì vậy khi đánh giá nếu lấy các máy móc thiết bị có cùng tính năng, tác dụng do các nhà sản xuất khác nhau thì cũng không thể so sánh được. Thêm vào đó, nếu lấy giá thực tế trên thị trường hiện tại để đánh giá thì có những tài sản không thể xác định được giá trị tương ứng.

- Đối với hàng tồn kho: do thời điểm thực tế kiểm kê, xác định giá trị doanh nghiệp thường chậm hơn thời điểm lựa chọn làm mốc để xác định giá trị nên tại thời điểm kiểm kê thực tế, hàng tồn kho đã có quá nhiều biến động về cả số lượng và chất lượng so với thời điểm lựa chọn để xác định giá trị doanh nghiệp. Chính vì vậy, số liệu chủng loại và chất lượng của hàng tồn kho được lấy theo số liệu báo cáo của đơn vị nên tính thuyết phục không cao.

- Đối với các tài sản vô hình: Theo quy định hiện hành, các tài sản vô hình đã được xác định giá trị thì lấy theo số dư còn lại của các tài sản đó hiện đang phản ánh trên sổ kế toán tại thời điểm lựa chọn để xác định giá trị doanh nghiệp. Nhưng giá trị các tài sản đó được tính toán có cơ sở hay không, có hợp lý, hợp lệ hay không thì lại chưa được các văn bản pháp lý của Nhà nước đề cập tới. Điều này làm cho một số khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ đã được doanh nghiệp đưa vào giá trị tài sản vô hình hoặc chi phí trả trước, chi phí chờ phân bổ... Thêm vào đó, một số đơn vị hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù như khai khoáng... sẽ rất khó trong việc xác định quyền được khai thác làm sai lệch về giá trị của doanh nghiệp. Mặt khác, về giá trị thương hiệu của doanh nghiệp cũng cần phải được đề cập đến trong việc xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với các khoản nợ phải thu, nợ phải trả thì theo quy định hiện hành các khoản này phải được xác nhận rõ ràng, đầy đủ, chính xác và chỉ đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp đối với các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đã được xác nhận. Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả còn lại phải được xử lý

trước khi xác định giá trị doanh nghiệp. Song trên thực tế còn tồn tại rất nhiều khoản nợ phải thu, nợ phải trả không được xác nhận vì các lý do khác nhau hoặc các khoản nợ phải thu không thể thu được. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp phải ngậm ngùi chấp nhận giá trị ảo của các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đó.

- Về giá trị đất đai và quyền sử dụng đất vẫn là một vấn đề gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp. Nguyên nhân là do các quy định của Nhà nước có nhiều mâu thuẫn với nhau giữa các văn bản pháp luật với Luật Đất đai và hiện nay vẫn chưa có được một giải pháp hợp lý.

#### *2.1.3.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp*

Hiện nay, theo Nghị định Số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp các đơn vị tổ chức định giá chủ yếu sử dụng hai phương pháp là: Phương pháp tài sản và Phương pháp dòng tiền chiết khấu. Thông qua hoạt động thực tiễn, cả hai phương pháp này đều chưa phát huy hết tác dụng, chưa tạo lập được lòng tin đối với những người quan tâm.

- Đối với phương pháp dòng tiền chiết khấu chủ yếu dựa trên cơ sở các dòng tiền thu được từ hoạt động SXKD trong tương lai. Phương pháp này được áp dụng trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, tư vấn thiết kế xây dựng, tin học, chuyển giao công nghệ có tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn bình quân 5 năm liền kề trước khi xác định giá trị cao hơn lãi suất trả trước của trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 10 năm trở lên tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị. Như vậy, phạm vi áp dụng của phương pháp này bị thu hẹp theo các điều kiện về ngành nghề kinh doanh. Mặt khác, với tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp từ năm 2000 đến nay, thì có thể nói là khó tìm ra được doanh nghiệp nào đáp ứng được quy định về tỷ suất lợi nhuận này. Phương pháp này cho phép xác định chính xác

hơn giá trị doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả và dự báo tiềm năng phát triển, nhất là trong các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ như: tài chính, ngân hàng, tư vấn thiết kế xây dựng, tin học, chuyển giao công nghệ... mà không thể áp dụng cho các doanh nghiệp thương mại. Việc áp dụng phương pháp này trên diện rộng trong thời gian hiện nay gặp nhiều khó khăn vì những lý do sau:

+ Thứ nhất, cổ phần hóa hoặc chuyển đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp là một bước ngoặt lớn có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bởi vậy, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, rất khó ước đoán được doanh thu hay dòng tiền của doanh nghiệp trong những năm hậu chuyển đổi. Không xác định được những đại lượng này, việc áp dụng phương pháp này là không thể làm được.

+ Thứ hai, thực tế kinh doanh trong những năm qua, các doanh nghiệp nhà nước thường có hiệu quả hoạt động kém, lãi suất thấp hoặc thậm chí lỗ. Đối với những doanh nghiệp như vậy, nếu áp dụng phương pháp dòng tiền chiết khấu dựa trên các số liệu hiện tại, giá trị doanh nghiệp thường thấp hơn giá trị tài sản hoặc thậm chí âm, không phù hợp với thực tế.

+ Thứ ba, hệ thống số liệu thống kê của nước ta chưa phát triển, việc xác định các chỉ số bình quân của từng ngành (P/E, IRR,...) là rất khó và không phải lúc nào cũng làm được. Thiếu những chỉ số này làm chuẩn sẽ rất khó xác định được tỷ lệ chiết khấu thích hợp cho phương pháp dòng tiền chiết khấu.

+ Thứ tư, phương pháp này đòi hỏi rất nhiều giả định dựa trên kinh nghiệm, trình độ của cán bộ định giá. Các giả định này thường rất khó kiểm chứng, hơn nữa, đội ngũ cán bộ của ta trong lĩnh vực này chưa nhiều và trình độ chuyên môn chưa cao.

+ Thứ năm, phương pháp dòng tiền chiết khấu thường phải sử dụng thị trường chứng khoán hoặc các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán làm chuẩn. Để đáp ứng được yêu cầu này, thị trường chứng khoán và các

công ty chứng khoán phải thực sự là đại diện cho nền kinh tế. Hiện nay thị trường chứng khoán của nước ta còn rất mới, với quy mô nhỏ, các công ty đều nhỏ và cũng không đặc trưng cho ngành, nên không thể sử dụng làm chuẩn một cách chính xác.

- Đối với phương pháp tài sản được áp dụng với các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh khác với doanh nghiệp nói trên. Phương pháp tài sản đã và đang được sử dụng rộng rãi hơn khi xác định giá trị doanh nghiệp. Vì phương pháp tài sản dễ tìm các điểm chuẩn dưới dạng các bảng giá hoặc suất đầu tư vừa có tính pháp lý cao, vừa dễ kiểm tra, vừa phù hợp với trình độ chuyên môn của đội ngũ thẩm định viên. Tuy nhiên, việc xác định lợi thế kinh doanh dựa vào sự so sánh tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn bình quân 3 năm liền kề trước khi xác định giá trị cao hơn lãi suất trả trước của trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 10 năm trở lên tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị là không chính xác. Thêm vào đó, về nguyên tắc, do giá bán thường cao hơn giá thành nên việc xác định giá trị doanh nghiệp bằng phương pháp tài sản có thể dẫn đến việc làm thấp đi giá trị thực sự của doanh nghiệp. Phương pháp này có lợi cho các doanh nghiệp quản lý kém hiệu quả hoặc làm ăn thua lỗ. Mặt khác, về chất lượng, các doanh nghiệp này phải chấp nhận chất lượng của các tài sản cũ kỹ, lạc hậu; nhưng về nguyên giá lại phải sử dụng giá trên sổ sách kế toán ở mức quá cao như ở trên đã phân tích. Kết quả là giá trị của tài sản đánh giá theo phương pháp tài sản là cao bất hợp lý, không phù hợp với giá trị thực tế hiện tại của tài sản.

#### ***2.1.4. Đánh giá về thực tế xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay và sự cần thiết phải kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

*2.1.4.1. Một số đánh giá về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay*



Trong suốt 20 năm tiến hành quá trình cổ phần hóa, từ đầu những năm 1990 đến nay, Việt Nam đã đi những bước thận trọng, kể cả trong việc tạo dựng khung pháp lý và chỉnh sửa, thay đổi nó dần dần cho sát với thực tế cuộc sống. Bên cạnh đó, hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay có nhiều biến động phức tạp. Các hoạt động về mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản diễn ra ngày càng nhiều do sự cạnh tranh gay gắt trong nền kinh tế. Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp bao giờ cũng là chương mục phức tạp nhất mà các cơ quan xây dựng luật phải đối mặt, đặc biệt việc tính giá trị quyền sử dụng đất, hình thức giao đất, thuê đất, lợi thế thương mại của đất. Từ khi Pháp lệnh giá ra đời, nhất là khi Nghị định Số 101/2005/NĐ-CP ngày 3 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá được ban hành, các cơ quan có thẩm quyền đã cho phép thành lập các công ty thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá theo yêu cầu của pháp luật.

Qua quá trình hoạt động, thẩm định giá đã góp phần quan trọng vào việc xác định giá trị đất đai, tài nguyên, tài sản để tiến hành hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cũng như để mua bán, sáp nhập hay giải thể doanh nghiệp. Theo báo cáo của các doanh nghiệp thẩm định giá, kết quả thẩm định đã giúp tiết kiệm cho ngân sách nhà nước khoảng 10 - 15% giá trị thẩm định; góp phần tích cực vào việc ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát nguồn lực của xã hội; làm cho thị trường công khai minh bạch hơn. Có những doanh nghiệp khi bán cổ phần, Nhà nước thu về một lượng tiền lớn hơn giá trị thực và cũng có những doanh nghiệp mà Nhà nước lẽ ra phải thu được số tiền cao hơn so với giá trị đã xác định.

Nhìn rộng ra, xác định giá trị doanh nghiệp đòi hỏi sự tham gia của giới tài chính chuyên nghiệp, với những tổ chức định giá độc lập, có uy tín, thâm niên. Lâu nay, ở các đơn vị cổ phần hóa việc xác định giá trị doanh nghiệp thường được giao cho ban đổi mới và cổ phần hóa của chính công ty đó với sự

góp mặt của hoặc giám đốc, hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng và đại diện cơ quan quản lý, các ban ngành thường là chuyên viên kiêm nhiệm, họ có chuyên môn riêng, nhiều khi không liên quan đến tài chính. Đối với các công ty tiến hành mua bán, sáp nhập hoặc giải thể thì việc xác định giá trị doanh nghiệp đã mời một số các đơn vị thẩm định giá có đủ điều kiện.

Chính vì vậy, yêu cầu một sự định giá doanh nghiệp khách quan từ chính lãnh đạo doanh nghiệp cũng chỉ mang tính tương đối. Trong điều kiện chúng ta còn thiếu các tổ chức định giá chuyên nghiệp, độc lập và với hình thức định giá trong quá khứ, mà phần lớn giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định hợp lý, đó đã là một thành công không thể phủ nhận. Tuy nhiên, do lĩnh vực thẩm định giá còn khá mới mẻ tại Việt Nam nên hiện nay còn có nhiều bất cập đó là:

*Một là, khung pháp lý cho hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn thiếu và chưa đồng bộ.*

Ngay từ những năm 1997 - 1998, hoạt động thẩm định giá đã được hình thành và thâm nhập vào nền kinh tế Việt Nam trong đó có hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp, song hệ thống pháp luật về thẩm định giá của Việt Nam chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. Hoạt động này chỉ căn cứ chủ yếu vào kinh nghiệm học hỏi và tài liệu của các nước phát triển nghề thẩm định trong khu vực. Đến khi Pháp lệnh giá ra đời và đặc biệt sau khi có Nghị định Số 101/2005/NĐ-CP ngày 3 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá được ban hành thì hành lang pháp lý cơ bản đã giúp cho việc điều chỉnh hoạt động này giảm rủi ro và đem lại hiệu quả cao hơn trong thực tiễn. Trong số 14 công ty kiểm toán được Tác giả điều tra thì có tới 6/14 đơn vị cho rằng các văn bản của pháp lý còn quá chung chung hoặc khó áp dụng khi xác định giá trị doanh nghiệp do đó có thể thấy hệ thống văn bản pháp quy vẫn còn một số hạn chế như:

- Mặc dù đã có các văn bản pháp quy chủ yếu nhưng việc thể chế hóa các quy định còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế.

- Các văn bản mới chỉ đề cập đến nội dung điều chỉnh hành vi thẩm định giá tài sản mang tính chất tư vấn do Bộ Tài chính quản lý mà chưa bao quát hoạt động thẩm định giá trị tài sản thuộc các ngành khác.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn chưa nhất quán, thậm chí còn mâu thuẫn nhau điều đó đã gây nhiều bất cập, lúng túng trong việc thực hiện.

*Hai là, số lượng đội ngũ thẩm định viên về giá còn ít, tính chuyên nghiệp còn hạn chế, trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa cao...*

Số lượng người làm việc trong lĩnh vực thẩm định giá hiện nay là khoảng 2500 người, trong đó số thẩm định viên đã có thẻ thẩm định viên về giá là khoảng 300 người trong hiện đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp thẩm định giá. Theo kết quả điều tra của Tác giả thì có tới 10/14 công ty kiểm toán cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp có dưới 10 người có chứng chỉ thẩm định giá. Bên cạnh đó cũng có tới 10/14 công ty kiểm toán cho rằng số lượng người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp là không phù hợp với nhu cầu hiện tại. Điều này cho thấy số lượng người có đủ điều kiện tham gia vào quá trình thẩm định giá còn thiếu. Mặt khác, cũng theo kết quả điều tra của tác giả thì việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho thẩm định viên chưa được thường xuyên, nội dung bồi dưỡng chưa thống nhất dẫn tới chất lượng không đồng đều, không đáp ứng được yêu cầu đề ra. Chỉ có 3/14 công ty là cập nhật kiến thức hàng tháng còn lại có tới 7/14 công ty tiến hành cập nhật kiến thức trung bình khoảng 2 tháng trở lên.

*Ba là, số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá thành lập theo quy định của pháp luật chưa nhiều; cơ cấu sản lượng dịch vụ thẩm định giá cung ứng chưa cân đối; hoạt động xác định giá trị còn nhiều bất cập...*

Trong giai đoạn đầu từ năm 1997 - 2002, cả nước có 2 Trung tâm thẩm định giá tài sản được thành lập với gần 300 người và chủ yếu tiến hành thẩm định giá đối với tài sản nhà nước.

Giai đoạn từ 2003 - 2005, ngoài 2 trung tâm thẩm định giá của Bộ Tài chính còn có 34 trung tâm thẩm định giá thuộc Sở tài chính với nhiệm vụ chủ yếu là thẩm định giá tài sản của nhà nước và theo yêu cầu của khách hàng. Trong thời kỳ này, còn có 40 công ty kiểm toán trong nước và 5 công ty kiểm toán nước ngoài tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp và trên thực tế, có tới 80% hồ sơ thẩm định giá của các công ty kiểm toán là xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giai đoạn từ 2005 đến 2008, có 47 doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá và trình độ của các thẩm định viên đã được nâng cao.

Giai đoạn hiện nay, có 14 doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hoạt động. Tuy nhiên, trong hoạt động thẩm định giá hiện nay vẫn còn có những hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả của việc xác định giá trị doanh nghiệp như:

- Việt Nam chưa xây dựng được trung tâm cơ sở dữ liệu, thông tin thị trường cho hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp và tài sản toàn quốc.
- Thông tin giá cả, cung cầu, thị trường tài sản sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ thẩm định giá còn hạn chế về nguồn thông tin, độ tin cậy chưa cao, ảnh hưởng đến độ chính xác của mức giá tài sản, doanh nghiệp cần thẩm định.
- Chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị doanh nghiệp cho cả một tập đoàn, tổng công ty.

Chính những điều này đã dẫn đến một số hạn chế như: một số doanh nghiệp được đánh giá giá trị quá cao gây ra khó bán cổ phần, bất lợi trong việc chia cổ phần ưu đãi trong nội bộ, trong khi đó một số doanh nghiệp lại bị

đánh giá giá trị quá thấp dẫn tới Nhà nước bị thất thoát tài sản, ngân sách. Do đó, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn chưa sát với thực tế, các kết quả không thống nhất và làm tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hiện nay bị chậm trễ cũng như gây khó khăn cho việc mua bán, chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Thêm vào đó, các hạn chế này làm cho các cơ quan quản lý, các nhà đầu tư, những người mua cổ phiếu, những người đóng góp vốn thiếu các thông tin tin cậy về giá trị của doanh nghiệp để làm căn cứ ra quyết định. Chính vì vậy, một yêu cầu đặt ra là cần phải có hoạt động kiểm toán làm trung gian để xác nhận tính trung thực của việc xác định giá trị doanh nghiệp.

#### *2.1.4.2. Sự cần thiết phải có kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam*

Theo nghị quyết của Quốc hội thì đến ngày 01 tháng 07 năm 2010, toàn bộ khối doanh nghiệp nhà nước phải hoàn thành quá trình sắp xếp, cổ phần hóa để chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Đến nay, còn tới hơn 1.700 doanh nghiệp chưa cổ phần hóa, sắp xếp lại (chiếm khoảng 75% tổng nguồn vốn, giá trị tài sản của khối doanh nghiệp nhà nước), trong đó có 8 tập đoàn và khoảng 80 tổng công ty lớn và nhà nước đã phải tiến hành chuyển đổi thành hình thức công ty TNHH một thành viên. Nếu tiếp tục đẩy nhanh cổ phần hóa mà không giám sát chặt quá trình thực hiện, không giám định chính xác hơn giá trị tài sản thì chắc chắn, những khối tài sản, nguồn tài nguyên, tiền của... ở các doanh nghiệp công sẽ còn bị thất thoát ở mức độ rất lớn. Nguyên nhân của vấn đề này có thể thấy là:

Thứ nhất, trong thực tế cho thấy ở không ít doanh nghiệp, người lao động chỉ quan tâm đến chia cổ tức càng nhiều càng tốt và chưa đủ giàu có để đầu tư vào doanh nghiệp mà họ đồng sở hữu. Tình trạng không ít người lao động sớm bán lại cổ phần với giá cao hơn nhiều lần để có ngay một khoản

"tiền tươi", đã phản ánh việc đánh giá giá trị doanh nghiệp nhà nước thấp hơn so với giá thị trường và việc xác định sự gắn bó của người lao động với doanh nghiệp chưa phải đã chính xác trong mọi trường hợp. Bên cạnh đó, việc thiếu công khai, minh bạch trong định giá, đấu thầu hay bán cổ phần cũng là một nguyên nhân khiến cho hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa khó khăn. Hiện có khoảng 100 trong số hơn 900 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa hoàn toàn có khả năng niêm yết trên thị trường chứng khoán, nhưng các doanh nghiệp này không làm điều đó, vì chưa sẵn sàng làm bản cáo bạch, công khai những cổ đông đã mua cổ phần.

Thứ hai là nợ và tài sản được loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp, nếu chưa xử lý được giao doanh nghiệp bảo quản, dẫn đến phải bỏ trí mặt bằng, kho tàng để cất giữ, chi phí vì thế bị tăng lên.

Lâu nay, các nhà quản lý vẫn hay nhấn mạnh rằng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không phải là quá trình tư nhân hoá. Nhưng với những gì diễn ra trên thực tế trong nhiều năm qua ở các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa, có không ít tiền của, giá trị tài sản của Nhà nước, bằng nhiều cách, đã được chuyển hoá không đúng quy định, không đúng giá trị thực, thành tài sản của doanh nghiệp tư nhân, cho các cá nhân... Các cơ quan kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ,... không có những đợt kiểm tra, kiểm toán để thu hồi. Những con số: 3.744 tỉ đồng, gần 150.000 USD, trên 1.380.000m<sup>2</sup> đất, hơn 13.449.000 cổ phần..., phần lớn phải thu hồi, mà Thanh tra Chính phủ mới công bố sau cuộc tổng thanh tra chuyên đề về cổ phần hóa khối doanh nghiệp nhà nước trong năm 2009 (chưa nói đến các cuộc kiểm toán của ngành kiểm toán, các cuộc điều tra của ngành công an) là những khoản sai phạm chứng minh không gì rõ hơn cho quá trình biến tài sản nhà nước thành tài sản riêng nói trên.

Doanh nghiệp nhà nước thường không được đánh giá cao về hiệu quả SXKD nhưng đến khi từng doanh nghiệp “công” được định giá để tiến hành cổ phần hóa, nhà đầu tư sẽ phải nhìn các doanh nghiệp ấy một cách thêm thủng. Bởi, đơn giản, nhiều doanh nghiệp nhà nước thường sở hữu những khối tài sản giá trị khổng lồ: khoáng sản, đất đai, địa lợi... Và thất thoát nhiều nhất trong quá trình cổ phần hóa chính là ở khâu định giá tài sản khối tài sản ấy.

Theo đánh giá chung của Thanh tra Chính phủ, khi xác định giá trị tài sản là hiện vật, các công ty tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp thường không thực hiện theo đúng nguyên tắc “giá thị trường”. Nhiều nơi viện lý do: thị trường không có tài sản tương đương nhưng các đơn vị đó lại không thực hiện đầy đủ quá trình định giá. Người ta thường dùng số liệu kế toán cũ, lạc hậu làm căn cứ nên giá trị tài sản của doanh nghiệp đưa vào cổ phần hóa thường bị đánh giá thấp hơn giá trị thực tế. Có tình trạng chung là các hội đồng xác định giá trị tài sản doanh nghiệp cố ý hiểu khác đi quy định về cách xác định chất lượng tài sản trong thông tư hướng dẫn (của Bộ Tài chính) để hạ thấp chất lượng nhiều tài sản xuống 20% kể cả nhà cửa, phương tiện giao thông, v.v. đang sử dụng. Thậm chí có nơi, trung tâm Dịch vụ và thẩm định giá tài sản của nhà nước còn sử dụng cả cán bộ chưa hề qua đào tạo, không có chuyên môn thẩm định tham gia vào việc xác định giá trị doanh nghiệp.

Bởi những nguyên nhân trên, nên có tình trạng: ở Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng, người ta đã hạ thấp tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại doanh nghiệp này hơn 4 tỉ đồng; ở Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, giá trị tài sản cũng bị giảm thấp đi 1,8 tỉ đồng... Hàng loạt doanh nghiệp khác, qua thanh tra, đã được kết luận là xác định sai, tính thiếu, làm thấp giá trị tài sản, v.v. trị giá hàng chục tỉ đồng như: Công ty cổ phần Đúc đồng Hải Phòng (1,94 tỉ đồng), Công ty Thương mại Du lịch Bắc Ninh (2,92 tỉ đồng), Công ty cổ phần Dịch vụ Minh Hải (không làm hồ sơ quyết toán để xác định giá trị tài

sản số tiền trên 4 tỉ đồng); Nhà máy Thiết bị Bru điện (VNPT) khi cổ phần hóa đã xác định thiếu giá trị lợi thế kinh doanh 3 tỉ đồng...

Tài sản giá trị nhất của nhiều doanh nghiệp nhà nước là đất thì ở nhiều doanh nghiệp đã cổ phần hóa, tài sản này bị thất thoát ở mọi dạng thức: doanh nghiệp không tính hoặc tính thiếu giá trị đất, chỉ làm thủ tục thuê một phần diện tích đang sử dụng (thực chất là chiếm dụng đất, trốn thuế), sử dụng lãng phí, tùy tiện cho thuê, mượn, v.v. thậm chí còn chuyển nhượng trái phép cho cá nhân. Như ở Công ty Xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng: công ty này không tính vào giá trị doanh nghiệp diện tích 113.713 m<sup>2</sup> đất xây dựng nhà để bán và 7.976 m<sup>2</sup> đất khác để xây nhà tái định cư. Điển hình nhất là Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu xây dựng đã không xác định vào giá trị doanh nghiệp giá trị quyền sử dụng đất được giao để thực hiện dự án (diện tích đất này giá trị 270 tỉ đồng)...

Ở hàng loạt công ty khác đã xảy ra việc bỏ ngoài sổ sách khi kiểm kê hàng hoá, tài sản tồn kho như Công ty Địa ốc Tân Bình tại thành phố Hồ Chí Minh bỏ ra ngoài hai căn nhà và 48 căn hộ chung cư; Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Trường An (Vĩnh Long) hạch toán giảm nợ phải thu 4,25 tỉ đồng, Vinaconex biến một nhà máy trị giá 11,88 tỉ đồng thành tài sản không cần dùng mà không bàn giao cho Công ty Mua bán nợ của Bộ Tài chính, v.v.

Tất cả những dạng thức sai phạm trong quá trình cổ phần hóa đã phần nào cho thấy thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp còn có nhiều hạn chế đối với các doanh nghiệp nhà nước đã và đang tiến hành cổ phần hóa. Điều này làm cho những người sử dụng thông tin về giá trị của doanh nghiệp đề đưa ra các quyết định đầu tư, mua bán, sáp nhập, giải thể gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, nhu cầu về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp ngày càng lớn để tạo ra sự đảm bảo về độ tin cậy của các thông tin về giá trị của doanh nghiệp và đánh giá cả về tính hiệu quả tại các doanh nghiệp lớn, nhỏ đã cổ phần hóa gần đây.



## 2.2. THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 2.2.1. Nội dung và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

Theo kết quả khảo sát của Tác giả thì chỉ có khoảng 28,58 % (4/14) các công ty kiểm toán tiến hành một cuộc kiểm toán riêng rẽ và có 21,42% (3/14) công ty không tiến hành một cuộc kiểm toán riêng mà sử dụng kết quả của các đơn vị thẩm định giá. Trong kết quả khảo sát thì có đến 50% các công ty kiểm toán được điều tra không có câu trả lời và có thể thấy các đơn vị này không tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số công ty kiểm toán hiện nay thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chủ yếu theo phương pháp tuân thủ như so sánh các chứng từ, tài liệu với các văn bản pháp lý có liên quan để xem xét tính hợp pháp, hợp lệ trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp. Các nội dung cơ bản của một cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được thể hiện qua các tài liệu liên quan đến quá trình kiểm toán tại Xí nghiệp khai thác XYZ được tiến hành cổ phần hóa năm 2008 và tại công ty HGI được tiến hành cổ phần hóa năm 2007 do kiểm toán độc lập tiến hành:

#### 2.2.1.1. Kiểm toán xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp

a. Để tiến hành công việc này, KTV dựa vào một số tài liệu sau:

- Các số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Các hồ sơ, chứng từ liên quan tại đơn vị được kiểm toán.
- Căn cứ vào biên bản kiểm kê, rà soát, phân loại các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa thì căn cứ xử lý tài chính theo quy định tại Thông tư Số 146/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 ngày 6 tháng 2007.

*b. Các vấn đề cần kiểm tra về xử lý tài chính:*

- Đối với TSCĐ không cần dùng:

KTV căn cứ vào kết quả kiểm kê tài sản của đơn vị được xác định giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để kiểm tra việc phân loại tài sản trong đơn vị và xác định những TSCĐ hữu hình không cần dùng phải loại trừ ra. KTV kiểm tra việc tính toán giá trị còn lại trên sổ sách của tài sản không cần dùng có chính xác không.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, KTV căn cứ vào kết quả kiểm kê tài sản trên Bảng kê tài sản không cần dùng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và xác định được những tài sản không cần dùng phục vụ việc xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm: (Xem Phụ lục I – Bảng I-12)

+ Nhà cửa vật kiến trúc: nguyên giá theo sổ sách là 1.298.280.671 đồng và giá trị còn lại theo sổ sách là 25.523.710 đồng.

+ Máy móc thiết bị bao gồm: Hai máy khoan KZ20, Hai máy nén khí, Hai máy bơm nước, Một máy trắc địa, Một máy phát điện 3,7 KV, Một biến áp hầm lò có tổng nguyên giá theo sổ sách là 689.548.513 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng 9.056.695 đồng.

+ Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn bao gồm: Ba xe ô tô KPAZ, Một đường điện hạ thế, Một đường điện cao thế, Một đường điện bơm nước mỏ Quyết Thắng với nguyên giá theo sổ sách là 990.465.045 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng không đồng (0)

+ TSCĐ khác bao gồm: Dụng cụ quản lý, đường vào hầm lò số 01 và đường vào hầm lò số 02 với nguyên giá theo sổ sách là 4.006.072.819 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng không đồng (0).

Tương tự như vậy, tại Công ty HGI, KTV căn cứ vào kết quả kiểm kê tài sản trên Bảng kê tài sản không cần dùng, chờ thanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và xác định được những tài sản không cần dùng phục vụ việc xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm: (Xem Phụ lục II – Bảng II-5)

+ Nhà cửa vật kiến trúc: nguyên giá theo sổ sách là 432.960.000 đồng và giá trị còn lại theo sổ sách là 0 đồng.

+ TSCĐ khác với nguyên giá theo sổ sách là 1.844.982.923 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách 33.898.338 đồng.

Tiếp theo, KTV xem xét việc xử lý các tài sản không cần dùng trên tại đơn vị được xác định giá trị có đúng theo quy định hay không? KTV xem xét việc loại trừ giá trị của các tài sản này khỏi khoản mục TSCĐ hữu hình khi xác định giá trị doanh nghiệp. Qua đó, KTV đánh được việc tuân thủ trình tự thực hiện xác định giá trị tại đơn vị thẩm định giá. KTV tiến hành kiểm tra chi tiết các bút toán điều chỉnh số 1 trong bảng “Bút toán điều chỉnh trước xác định giá trị doanh nghiệp” (Xem Phụ lục I - Bảng I-2).

- Đối với vật tư, hàng hóa không cần dùng:

KTV cũng căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng tồn kho của của đơn vị được định giá để kiểm tra lại tình trạng hiện có của hàng tồn kho và đối chiếu với sổ sách liên quan. KTV xem xét việc đánh giá các tài sản này của đơn vị thẩm định giá có phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị được định giá và xem xét việc xử lý những vật tư, hàng hóa nói trên trong tài liệu định giá. Đồng thời, KTV xem xét việc loại trừ khỏi khoản mục hàng tồn kho và ghi giảm nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán để không tính vào giá trị doanh nghiệp.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp, có giá trị vật tư hàng hóa không cần dùng theo sổ sách là 90.148.455 đồng. Trong Biên bản đã xác định những vật tư, hàng hóa hiện tại đang ở tình trạng hư hỏng nặng, không sử dụng được và Xí nghiệp khai thác XYZ không có phương án sử dụng do hiệu quả kinh tế thấp và không còn phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty trong tương lai. KTV xem xét việc xử lý những vật tư, hàng hóa nói trên tại bút toán điều chỉnh số 2 trong “Bút toán điều chỉnh trước xác định giá trị doanh nghiệp” (Xem Phụ lục I - Bảng I-2).

### 2.2.1.2. Kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

#### a. Đối với TSCĐ hữu hình

TSCĐ được xác định bằng giá trị còn lại theo tỷ lệ % so với nguyên giá TSCĐ mới mua sắm hoặc mới đầu tư xây dựng. Các công việc được KTV tiến hành bao gồm:

\* Trước hết, KTV thu thập các Bảng kiểm kê TSCĐ hữu hình của đơn vị được định giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng kiểm kê, đánh giá lại nhà cửa, vật kiến trúc để cổ phần hóa;
- Bảng kiểm kê, đánh giá lại máy móc, thiết bị để cổ phần hóa;
- Bảng kiểm kê, đánh giá lại phương tiện vận tải để cổ phần hóa;
- Bảng kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ khác để cổ phần hóa;
- Bảng kê TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý;

Trên các Bảng kiểm kê và đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa đều ghi rõ giá trị được ghi trên sổ sách của từng tài sản cũng như giá trị đã được kiểm kê thực tế và đánh giá lại của các tài sản đó.

\* KTV kiểm tra giá trị chênh lệch (nếu có) giữa giá trị kiểm kê thực tế với giá trị trên sổ sách có phù hợp giữa các tài liệu hay không.

\* KTV tiến hành kiểm tra cụ thể đối với từng loại TSCĐ của đơn vị trong đó tập trung kiểm tra về nguyên giá và cách đánh giá giá trị còn lại của TSCĐ, cụ thể:

#### - Đối với TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc

+ Kiểm tra về nguyên giá TSCĐ được KTV tiến hành như sau:

- Kiểm tra nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc hoàn thành xây dựng trong vòng 3 năm gần nhất tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. KTV tiến hành kiểm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD/CB hoàn thành đã được phê duyệt và kiểm tra giá trị của tài sản trên báo cáo quyết toán thuế, trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ kế toán.

- Kiểm tra nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng trước 3 năm tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, KTV xác định nguyên giá tài sản có được tính theo diện tích (m<sup>2</sup>) thực tế đang sử dụng và đơn giá xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc theo các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, KTV kiểm tra việc phân cấp các tài sản là nhà cửa theo quy định của Bộ Xây dựng để làm cơ sở đánh giá.

Tại Xi nghiệp khai thác XYZ, KTV kiểm tra việc đánh giá về nguyên giá đối với tài sản đưa vào sử dụng trên 3 năm có tuân thủ theo Quyết định Số 4005/2004/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2004 của UBND Tỉnh QN về việc ban hành Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh QN. Đồng thời, KTV kiểm tra việc phân cấp nhà cửa dựa theo Thông tư Số 05/BXD/DT ngày 09 tháng 12 năm 1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về phân cấp nhà ở. Còn tại Công ty HGI, KTV kiểm tra việc đánh giá lại nguyên giá nhà cửa tại Công ty của đơn vị thẩm định giá có tuân thủ theo quy định hiện hành không.

+ Kiểm toán giá trị còn lại của TSCĐ được tiến hành qua các công việc:

- KTV kiểm tra việc xác định giá trị còn lại của các nhà cửa, vật kiến trúc được vận dụng theo các hướng dẫn tại Thông tư của liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá. Việc đánh giá giá trị còn lại của TSCĐ trên cơ sở kết quả quan sát thực tế hiện trạng của TSCĐ, quan sát kết cấu và chất liệu xây dựng từng bộ phận của nhà cửa vật kiến trúc như: kết cấu khung, trần nhà, tường, sàn cấp độ nhà... của đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp.

- Căn cứ vào các thông tin đã thu thập, KTV dựa trên phương pháp thống kê kinh nghiệm và phương pháp phân tích kinh tế kỹ thuật và sự kết hợp chặt chẽ giữa ý kiến của các chuyên gia kỹ thuật XD/CB và KTV để xác định mức độ hợp lý của tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc vẫn đang được sử dụng được xác định không dưới 30% nguyên giá.

TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc được kê trên Phụ lục I - Bảng I-4 và Phụ lục II - Bảng II-2 “Bảng kiểm kê, đánh giá lại nhà cửa vật kiến trúc”.

- Đối với TSCĐ là máy móc thiết bị

+ Kiểm toán nguyên giá máy móc thiết bị:

- KTV tiến hành kiểm tra nguyên giá máy móc thiết bị mua sắm và đưa vào sử dụng từ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Kiểm tra các tài sản có thể so sánh được với tài sản mới cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương đưa vào sử dụng trong năm xác định giá trị doanh nghiệp. KTV tiến hành đối chiếu nguyên giá tài sản mới với giá mua mới của tài sản tương đương có tính đến sự đầy đủ của các thành phần giá gốc tài sản để xác định giá trị của tài sản.

- Đối với các tài sản không có tài sản tương đương, KTV xác minh nguyên giá theo báo giá hoặc giá mua trên hoá đơn mua hàng, những tài sản mua bằng nguyên tệ được qui đổi lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm định giá.

- Các tài sản tự chế tạo KTV kiểm tra giá theo nguyên giá trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, KTV tiến hành kiểm tra đối với tài sản mua sắm và đưa vào sử dụng từ năm xác định giá trị doanh nghiệp. Vì không có tài sản tương đương để làm cơ sở so sánh do đó KTV xác định mức độ tin cậy của nguyên giá tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. KTV tiến hành đối chiếu các thông tin trên sổ chi tiết, thẻ TSCĐ, sổ cái với các chứng từ liên quan để khẳng định độ tin cậy của nguyên giá TSCĐ.

+ Kiểm tra việc đánh giá chất lượng tài sản:

- KTV căn cứ vào biên bản đánh giá tình trạng thực tế các bộ phận chính của tài sản để xem xét tính hợp lý của việc đánh giá chất lượng còn lại của từng bộ phận.

- KTV xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản trên cơ sở tỷ trọng chất lượng còn lại của từng bộ phận, việc xác định này dựa trên phương pháp phân tích kinh tế kỹ thuật.

- Bên cạnh việc xác định chất lượng còn lại của máy móc, thiết bị, trong một số trường hợp KTV cần xem xét sự phù hợp của việc xác định tỷ lệ giữa thời gian ước tính sử dụng còn lại của TSCĐ với thời gian của toàn bộ đời hoạt động của tài sản. Giá trị còn lại của TSCĐ vẫn đang sử dụng được xác định không dưới 20% nguyên giá.

- TSCĐ là máy móc thiết bị được kê trên Phụ lục I - Bảng I-7 và Phụ lục II - Bảng II-3 “Bảng kiểm kê, đánh giá lại máy móc thiết bị”.

- Đối với TSCĐ là phương tiện vận tải

+ Kiểm toán nguyên giá của phương tiện vận tải:

- Đối với tài sản mua mới có tài sản cùng loại để so sánh thì KTV đối chiếu nguyên giá theo giá mua mới của tài sản có tính đến sự đầy đủ của các thành phần giá gốc với giá trị của phương tiện vận tải cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương.

- Đối với các tài sản là phương tiện vận tải không có tài sản tương đương, thì KTV kiểm tra độ tin cậy của nguyên giá tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Kiểm tra việc đánh giá chất lượng phương tiện vận tải

- KTV đánh giá tính hợp lý của tỷ lệ chất lượng còn lại của phương tiện vận tải căn cứ vào đặc tính kỹ thuật, tuổi thọ, tình trạng thực tế và thời gian đã tiến hành khấu hao. Cụ thể KTV kiểm tra biên bản đánh giá về các bộ phận cấu thành chủ yếu của phương tiện vận tải như: động cơ, thân vỏ, hệ thống điều khiển,... trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và tính tỷ trọng các bộ phận cấu thành trong toàn bộ giá trị của phương tiện. Đánh giá chất

lượng còn lại của các bộ phận cấu thành chính bằng cách đo lường, phân tích các thông số kỹ thuật đặc trưng của các bộ phận cấu thành so với kết cấu ban đầu có tính cả việc đại tu, cải tạo nâng cấp các bộ phận. Giá trị còn lại của TSCĐ vẫn đang sử dụng được xác định không dưới 20 % nguyên giá. Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, KTV kiểm tra biên bản xác định tình trạng kỹ thuật của phương tiện thiết bị do đơn vị thẩm định giá thực hiện (Phụ lục I – Bảng I-6) với hiện trạng của tài sản để đánh giá tính hợp lý và độ tin cậy của các thông tin về chất lượng của tài sản khi định giá.

TSCĐ là phương tiện vận tải được kê trên Phụ lục I - Bảng I-9 và Phụ lục II - Bảng II-4 “Bảng kiểm kê, đánh giá lại phương tiện vận tải”.

- Đối với các TSCĐ khác:

Về nguyên giá và tỷ lệ chất lượng còn lại của các tài sản khác được tiến hành kiểm tra tương tự như đối với TSCĐ là máy móc thiết bị. Trường hợp một số thiết bị văn phòng như: máy server, máy vi tính, máy điều hòa nhiệt độ... thì KTV kiểm tra nguyên giá bằng cách đối chiếu với nguyên giá của tài sản cùng loại trên thị trường. Còn về tỷ lệ chất lượng còn lại, KTV căn cứ vào thời gian vận hành của tài sản đối chiếu với khung khấu hao và có tính tới yếu tố hao mòn vô hình.

TSCĐ khác được kê trên Phụ lục I - Bảng I-10 và Phụ lục II - Bảng II-4 “Bảng kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ khác”.

Ngoài ra, trong quá trình kiểm toán một số tài sản đã khấu hao hết nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục sử dụng, do đó KTV xem xét việc đánh giá lại giá trị của tài sản đó khi tính vào giá trị doanh nghiệp. KTV căn cứ vào chất lượng của tài sản này tại thời điểm định giá và đối chiếu với quy định về xác định chất lượng còn lại của TSCĐ được quy định tại điểm 5.1b - phần A - mục III - Thông tư Số 126/2004/TT - BTC (chất lượng tài sản không được đánh giá thấp



hơn 20%) để khẳng định tính hợp lý của việc đánh giá lại giá trị của những tài sản này và so sánh với giá trị ghi nhận trên sổ sách của doanh nghiệp. KTV tiến hành kiểm tra việc xử lý đối với các tài sản này trên tài liệu kế toán và trong báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.

*b. Kiểm toán đối với TSCĐ vô hình*

KTV kiểm tra sổ sách kế toán phản ánh về nguyên giá TSCĐ vô hình và KTV đối chiếu giá trị trên sổ sách với các chứng từ liên quan như hóa đơn, biên bản bàn giao, thẻ tài sản... Ngoài ra, KTV tiến hành kiểm tra trên thực tế đối với TSCĐ vô hình như khảo sát về phần mềm, về bản quyền hoặc về nhãn hiệu hàng hóa...

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, TSCĐ vô hình chủ yếu là phần mềm các loại do đó KTV tiến hành kiểm tra các số liệu được trình bày trong BCTC của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có đáng tin cậy hay không. Còn tại Công HGI, TSCĐ vô hình là trang web của đơn vị, do đó KTV kiểm tra việc đánh giá lại giá trị TSCĐ của đơn vị thẩm định giá có phù hợp với hiện trạng.

TSCĐ vô hình được kê trên Phụ lục I - Bảng I-11 và Phụ lục II - Bảng II-6 “Bảng kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ vô hình”.

*c. Kiểm toán đối với Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

KTV tiến hành đối chiếu số liệu trên BCTC với sổ kế toán và đối chiếu với các chứng từ liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong đơn vị được định giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để đánh giá tính hợp lý của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong giá trị doanh nghiệp.

*d. Kiểm toán đối với giá trị lợi thế kinh doanh*

Về giá trị lợi thế kinh doanh, KTV kiểm tra bảng tính lợi thế kinh doanh do đơn vị định giá tiến hành và đối chiếu với các BCTC và sổ sách kế toán để

khẳng định tính hợp lý của việc xác định lợi thế kinh doanh. Đồng thời, KTV kiểm tra phương pháp đánh giá có phù hợp với các văn bản hiện hành hướng dẫn việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh của đơn vị được xác định giá trị.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, do là đơn vị hạch toán phụ thuộc nên không có giá trị lợi thế kinh doanh tính theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận. Bên cạnh đó, Xí nghiệp có vị trí địa lý không thuộc khu đô thị đông dân cư nên không có giá trị lợi thế kinh doanh tính theo phương pháp lợi thế về vị trí địa lý. Còn đối với Công ty HGI, do là đơn vị độc lập và có vị trí tốt nên việc đánh giá giá trị lợi thế là cần thiết. KTV kiểm tra Bảng tính lợi thế kinh doanh (Phụ lục II – Bảng II-13) thông qua việc đối chiếu với các BCTC các năm trước định giá. KTV tiến hành tính toán lại một số chỉ tiêu trên bảng tính lợi thế kinh doanh và phỏng vấn thẩm định viên về phương pháp áp dụng để khẳng định độ tin cậy của thông tin.

*e. Kiểm toán đối với công cụ dụng cụ phân bổ hết 100%*

- Đối với công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ 100% giá trị (Có giá trị bằng 0 trên sổ sách kế toán) nhưng công ty cổ phần vẫn tiếp tục sử dụng thì được xác định lại để tính vào giá trị doanh nghiệp.

- Đánh giá về chất lượng và số lượng công cụ lao động, dụng cụ quản lý này được KTV xác định theo biên bản kiểm kê và giá trị được xác định trên cơ sở chất lượng còn lại, nhưng không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới. Giá trị xác định lại được thể hiện trên tài khoản chi phí trả trước dài hạn.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, KTV tiến hành kiểm tra các loại công cụ dụng cụ đã phân bổ trên Bảng kiểm kê, đánh giá lại công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% giá trị (Phụ lục I- Bảng I-20). KTV xem xét cách đánh giá lại đối với các công cụ, dụng cụ của thẩm định viên và đối chiếu thông tin trên tài liệu

định giá với số liệu trên sổ sách kế toán của đơn vị định giá để thu thập bằng chứng. Còn đối với Công ty HGI, KTV kiểm tra Bảng kiểm kê đánh giá lại công cụ dụng cụ đã sử dụng (Phụ lục II - Bảng II-10) thông qua việc đối chiếu với các sổ sách của đơn vị định giá và phương pháp định giá đối với công cụ dụng cụ để khẳng định số chênh lệch sau định giá của Công ty HGI là 355.288.315 đồng là hợp lý.

*f. Kiểm toán đối với tài sản bằng tiền*

- Đối với tiền mặt tồn quỹ: KTV kiểm tra Biên bản kiểm kê quỹ tại Công ty được định giá và đối chiếu với số liệu trên sổ sách về tiền mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Đối với tiền mặt tồn quỹ bằng đồng ngoại tệ, KTV cần xem xét việc quy đổi ngoại tệ bằng tỷ giá liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hoặc thời điểm gần nhất có đúng không và việc phản ánh trên BCTC cũng như sổ kế toán liên quan.

- Đối với tiền gửi Ngân hàng: KTV kiểm tra số dư đã đối chiếu xác nhận của ngân hàng với số liệu trên sổ kế toán và BCTC của đơn vị được định giá. Kiểm tra tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ, KTV xác định lại theo tỷ giá liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, KTV kiểm tra số dư tiền mặt trên biên bản kiểm kê và đối chiếu với Bảng kê tiền mặt, tiền gửi ngân hàng khi thẩm định giá (Phụ lục I- Bảng I-19). Đối với tiền gửi ngân hàng, KTV đối chiếu xác nhận của ngân hàng với số liệu trên sổ kế toán và BCTC của Xí nghiệp. Với Công ty HGI, việc kiểm tra tiền mặt được tiến hành tương tự như trên, nhưng với tiền gửi ngân hàng KTV tập trung kiểm tra đối với tiền gửi có gốc ngoại tệ. KTV xác định lại theo tỷ giá liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam công bố áp dụng cho thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trên Bảng kê số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (Phụ lục II - Bảng II-7).

*g. Kiểm toán đối với vật tư, hàng hoá tồn kho*

Vật tư, hàng hóa tồn kho trong đơn vị được định giá rất đa dạng và phong phú với nhiều đặc tính, chất lượng và giá trị khác nhau, do đó KTV tiến hành kiểm tra theo từng loại để đảm bảo tính trung thực của các thông tin về vật tư, hàng hóa trên BCTC và trong giá trị doanh nghiệp. Cụ thể:

\* Vật tư hàng hóa tồn kho

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa tồn kho của đơn vị được định giá, KTV xem xét giá trị có được xác định trên cơ sở giá mua, thuế nhập khẩu (đối với vật tư nhập khẩu), chi phí vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ gốc. Đồng thời xem xét giá trị đó có phù hợp với số liệu trên các báo cáo kiểm kê và BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, sổ kế toán và chất lượng thực tế. Tại Xí nghiệp khai thác XYZ, việc kiểm tra tập trung vào số liệu, thông tin trên Bảng kiểm kê, đánh giá lại hàng tồn kho (Phụ lục I – Bảng I-14). KTV tiến hành đối chiếu giữa số liệu trong tài liệu thẩm định với số liệu trên sổ sách, biên bản kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xác định lại giá trị của hàng tồn kho tại thời điểm định giá.

- Đối với vật tư hàng hóa thừa, thiếu thì KTV kiểm tra Biên bản kiểm kê và Bảng phân tích nguyên nhân và xử lý có đúng theo quy định hiện hành.

\* Bảng kê chi phí SXKD dở dang

Theo nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí SXKD dở dang không phải đánh giá lại, do đó KTV tiến hành kiểm tra lại giá trị của chi phí SXKD dở dang được phản ánh trên BCTC và sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. KTV tiến hành kiểm tra lại các số liệu về chi phí SXKD dở dang tại Xí nghiệp XYZ được thể hiện ở Phụ lục I - Bảng I-15.

*h. Kiểm toán đối với các khoản phải thu*

KTV kiểm tra Bảng kê công nợ phải thu được lập khi xác định giá trị doanh nghiệp theo các bước sau:

- KTV kiểm tra các Bảng xác nhận công nợ phải thu hoặc các bằng chứng thay thế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên BCTC, sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để khẳng định độ tin cậy của thông tin. Đối với các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi, KTV tiến hành gửi thư xác nhận hoặc kiểm tra lại các tài liệu tại đơn vị để xác định được số tiền có thể thu hồi được nếu có đủ tài liệu chứng minh sẽ được xử lý theo quy định hiện hành.

- Đối với khoản Thuế GTGT được khấu trừ và Thuế và các khoản phải thu Nhà nước, KTV đối chiếu số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ sách kế toán với các báo cáo thuế liên quan.

(Xem Phụ lục I – Bảng I-17 và Phụ lục II – Bảng II-9)

*i. Kiểm toán đối với khoản nợ ngắn và dài hạn*

Kiểm tra Bảng kê công nợ phải trả, KTV tiến hành các công việc đối với từng khoản nợ phải trả cụ thể:

- Đối với các khoản vay và nợ ngắn hạn: KTV kiểm tra, đối chiếu các Biên bản bàn giao vốn vay, Biên bản xác nhận tiền vay của ngân hàng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ kế toán.

- Đối với khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp khác: KTV kiểm tra, đối chiếu các Biên bản xác nhận nợ và các bằng chứng chứng minh của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ sách kế toán.

- Đối với các khoản phải trả người lao động: KTV kiểm tra và đối chiếu số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với sổ sách kế toán.

- Đối với Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, KTV kiểm tra đối chiếu sổ sách kế toán với BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với khoản vay dài hạn, KTV kiểm tra Biên bản bàn giao vốn vay, Biên bản xác nhận tiền vay của ngân hàng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đối chiếu sự phù hợp với số liệu trên BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ sách kế toán.

(Xem Phụ lục I – Bảng I-18 và Phụ lục II – Bảng II-12)

*j. Kiểm toán đối với các khoản dự phòng và các quỹ*

Tại các đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thì mặc dù quỹ phúc lợi, khen thưởng không tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị được định giá nhưng KTV vẫn tiến hành kiểm tra số dư của các khoản này dựa theo số liệu sổ sách, BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Đồng thời, KTV xem xét việc xử lý các khoản này có tuân thủ theo quy định tại Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP hay không.

**2.2.2. Quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp**

Quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp của các công ty kiểm toán độc lập cũng tuân thủ theo các giai đoạn cơ bản của một cuộc kiểm toán nói chung, cụ thể:

*2.2.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán*

Tại các công ty kiểm toán độc lập, việc xây dựng kế hoạch kiểm toán đối với các khách hàng lớn tương đối tốt do giá phí kiểm toán cao và có khả năng trang trải cho các chi phí về khảo sát và lập kế hoạch kiểm toán. Còn đối với các khách hàng nhỏ, có địa điểm cách xa đối với công ty kiểm toán thì việc xây dựng kế hoạch kiểm toán thường thực hiện kém do giá phí kiểm toán khó

có thể trang trải cho các chi phí khảo sát và lập kế hoạch kiểm toán. Song trình tự lập kế hoạch kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thường bao gồm các bước công việc sau:

*a. Thu thập thông tin cơ sở, thông tin về nghĩa vụ pháp lý*

Để lập kế hoạch kiểm toán, KTV phải thu nhập các thông tin cơ sở và thông tin nghĩa vụ pháp lý của khách hàng liên quan đến giá trị doanh nghiệp như quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm về doanh nghiệp, các qui định về quản lý và kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, KTV tiến hành thu thập các thông tin, tài liệu mang tính pháp lý của khách hàng, như:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh;
- Quy trình công nghệ sản xuất;
- BCTC của 3 năm liên tiếp đến năm xác định giá trị doanh nghiệp,

Biên bản thanh tra hay kiểm tra của năm các năm trước và năm hiện hành.

- Biên bản quyết toán thuế.
- Biên bản các cuộc họp cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc liên quan đến doanh nghiệp và tiến độ, quá trình cổ phần hóa hoặc mua bán, sáp nhập doanh nghiệp hoặc các thủ tục trong quá trình phá sản doanh nghiệp...

Những thông tin này được KTV thu thập thông qua một số phương pháp như: Thu thập và phỏng vấn từ ban Giám đốc, kế toán trưởng, các nhân viên của khách hàng và quan sát thực tế.

Nhìn chung, các công ty kiểm toán đã thực hiện việc thu thập thông tin cơ sở và thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng trong tất cả các cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, đôi khi việc này không được thực hiện trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán mà được thực hiện trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

*b. Thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ*

Khi lập kế hoạch kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV thường tiến hành các thủ tục phân tích sơ bộ, các thủ tục này thường được thực hiện như sau:

- So sánh số liệu về tổng giá trị tài sản trên BCTC năm nay so với năm trước và chi tiết cho từng khoản mục.
- So sánh tỷ trọng lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu năm nay so với năm trước để tìm hiểu sự bất thường.

Thông qua những phân tích sơ bộ này, KTV có thể tìm ra những dấu hiệu bất thường về tài sản và tổng tài sản của doanh nghiệp từ đó xác định những thủ tục cần thiết để tìm ra những sai sót, gian lận có thể có liên quan đến giá trị tài sản của doanh nghiệp.

*c. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ*

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng của KTV thường đạt được thông qua sự hiểu biết về môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, các thủ tục kiểm soát và cuối cùng là kiểm toán nội bộ. Để hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV phải tìm hiểu các thủ tục và quy trình đối với các loại tài sản và công nợ của khách hàng có liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp như: Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho, TSCĐ, đầu tư XDCB dở dang, các khoản vay... Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu trên và căn cứ vào kinh nghiệm thu thập được, KTV thường chú ý tìm hiểu về hai khía cạnh trọng tâm đó là cách thiết kế và sự vận hành của kiểm soát nội bộ. Để tìm hiểu được vấn đề này, KTV thường áp dụng hai thủ tục kiểm toán là quan sát và phỏng vấn các nhân viên trong doanh nghiệp.



Sau đó dựa vào các thông tin đã thu thập được, KTV mô tả hệ thống để giúp nhận thức được các khía cạnh cơ bản của kiểm soát nội bộ liên quan đến giá trị doanh nghiệp như: quy trình quản lý tiền, quy trình hạch toán và quản lý các khoản phải thu, phải trả, tài sản..., hoặc sự phê chuẩn, kiểm tra chéo, nguồn gốc và sự luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán... Tài liệu mô tả về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tài sản của doanh nghiệp chính là bằng chứng chứng minh rằng KTV đã tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ. KTV có thể mô tả bằng những công cụ là bảng tường thuật, bảng câu hỏi và lưu đồ.

#### *2.2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

##### *a. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát*

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, các KTV thường tiến hành thu thập bằng chứng kiểm toán về tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đánh giá tính hiệu lực đó và khẳng định lại mức rủi ro kiểm soát ban đầu mà KTV đã đưa ra trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.

Việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát đối với xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thường tập trung vào các chức năng chính như chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo cổ phần hóa của doanh nghiệp và tổ giúp việc. Đối với các doanh nghiệp xác định giá trị doanh nghiệp với mục đích mua bán, sáp nhập, phá sản, giải thể, chia tách thì tập trung vào chức năng, nhiệm vụ của ban giám đốc và những người chịu trách nhiệm trong quá trình chuyển đổi công ty. Do vậy, thủ tục kiểm soát được thực hiện qua hai bước sau:

**Bước 1:** KTV thực hiện kiểm tra, đánh giá ban đầu về thực hiện các thử nghiệm kiểm soát đối với kết quả tự phân loại, đánh giá giá trị, chất lượng của tài sản, hàng tồn kho... của Ban chỉ đạo cổ phần hóa của doanh nghiệp hoặc của ban giám đốc đơn vị được định giá có được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư Số 126/2004/TT-BTC hay không.

Các kỹ thuật và thủ tục thường được KTV sử dụng là:

- Quan sát thực tế các hoạt động của khách hàng để đánh giá việc sử dụng, phân loại các TSCĐ, hàng tồn kho... của khách hàng;

- Phòng vấn Ban chỉ đạo cổ phần hóa, ban Giám đốc, kế toán trưởng, kế toán công nợ, TSCĐ, thủ kho... và các phòng, ban khác có liên quan về các quy chế và thủ tục kiểm soát đối với tài sản và phân loại đánh giá tài sản của đơn vị.

Qua đánh giá ban đầu về việc thực hiện các thủ tục kiểm soát đối với việc tự phân loại, đánh giá giá trị tài sản của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, ban Giám đốc doanh nghiệp. Nếu KTV cho là có thể tin cậy và dựa vào quy chế, thủ tục kiểm soát nội bộ thì KTV tiếp tục thực hiện thủ tục chi tiết về kiểm soát đối với quy chế, thủ tục kiểm soát nội bộ đó để thu nhập các bằng chứng về việc thiết kế, thực hiện của các quy chế và thủ tục kiểm soát nội bộ, làm căn cứ cho việc kết luận về rủi ro kiểm soát một cách thoả đáng.

**Bước 2:** Đánh giá kết quả cuối cùng về thủ tục kiểm soát và rủi ro kiểm soát đối với xác định giá trị doanh nghiệp.

Nếu kết quả đánh giá không có sự thay đổi so với đánh giá ban đầu trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán thì KTV thực hiện kiểm tra, đánh giá giá trị doanh nghiệp theo như kế hoạch và chương trình kiểm toán đã lập.

Nếu kết quả đánh giá có sự thay đổi so với đánh giá ban đầu trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV thường thực hiện thêm một số thủ tục kiểm toán cần thiết như kiểm tra chứng từ, quan sát thực tế, trao đổi với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng để thu nhập thêm các thông tin nhằm đưa ra kết luận phù hợp nhất về rủi ro kiểm soát. Qua đó KTV có thể điều chỉnh lại kế hoạch kiểm toán và chương trình kiểm toán cho phù hợp.

Còn đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để phá sản, giải thể thì việc thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ không

còn nhiều giá trị và rủi ro kiểm soát luôn ở mức độ cao. Do đó, trong trường hợp này KTV tiến hành chủ yếu các công việc về kiểm tra chi tiết.

*b. Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết*

Đây là giai đoạn chiếm nhiều thời gian nhất trong toàn bộ quy trình kiểm toán. KTV triển khai một cách chủ động và tích cực các kế hoạch và chương trình kiểm toán nhằm đưa ra các ý kiến xác thực nhất về báo cáo kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở bằng chứng kiểm toán đầy đủ và tin cậy. Để thực hiện kiểm tra chi tiết đối với giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành các thủ tục sau:

- Kiểm tra tính hợp lý của Bảng kê danh mục tài sản của doanh nghiệp bằng cách so sánh số liệu của cùng khoản mục tài sản, các khoản phải thu, các khoản phải trả, nguồn vốn... trên Bảng kê với số liệu trên BCTC, sổ cái, sổ chi tiết.

- Đánh giá tính hợp lý của các khoản mục bằng cách đối chiếu sự phù hợp giữa Bảng kê với chứng từ gốc, sổ chi tiết, kiểm tra tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ gốc.

- Kiểm tra tính đúng đắn trong việc phân loại các khoản mục và phát hiện những nội dung không hợp lý bằng cách đọc lướt qua nội dung, cách thức hạch toán trong sổ chi tiết, sổ cái tài khoản.

- Đánh giá tính hợp lý của phương pháp định giá được áp dụng.

- Đánh giá lại tính chính xác trong việc cộng số học bằng cách tính toán lại các số cộng dồn, kiểm tra việc chuyển số.

- Kiểm tra việc xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp có tuân thủ theo các văn bản pháp luật đã quy định.

- Kiểm tra báo cáo kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp theo các chỉ tiêu cụ thể được phản ánh theo từng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.

Tuy nhiên do đặc trưng riêng của mỗi khoản mục, KTV có thể lựa chọn một hoặc một số thủ tục cho phù hợp (không nhất thiết phải thực hiện toàn bộ) để đánh giá tính chính xác, hợp lý của từng khoản mục.

### 2.2.2.3. *Giai đoạn kết thúc kiểm toán*

Kết thúc quá trình kiểm toán, các bằng chứng thu thập được trong khi kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp theo từng khoản mục được tập hợp lại và chuyển cho trưởng nhóm kiểm toán (KTV chính). Trưởng nhóm kiểm toán sẽ kiểm tra soát xét lại toàn bộ quá trình kiểm toán và đánh giá tính đầy đủ của bằng chứng thu thập được. Nội dung quan trọng của phần đánh giá bằng chứng kiểm toán của một cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là việc tổng hợp các đánh giá chênh lệch giá trị thực của tài sản phát hiện được trong quá trình thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc như:

- Trưởng nhóm kiểm toán tổng hợp lại toàn bộ kết quả kiểm toán của toàn nhóm.
- Đánh giá kết quả kiểm toán từng phần hành đã thực hiện theo đúng chương trình, mục tiêu kiểm toán chưa.
- Kiểm tra giấy làm việc chi tiết của từng phần hành kiểm toán.
- Xem xét các căn cứ mà các trợ lý kiểm toán thu thập được để đánh giá giá trị thực của các tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho... đã phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Thông tư Số 126/2004/TT-BTC chưa.

Sau khi có kết quả tổng hợp số liệu xác định giá trị doanh nghiệp, KTV thông báo với Ban đổi mới phát triển doanh nghiệp và ban Giám đốc khách hàng về kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, sau khi hai bên rà soát, kiểm tra các nội dung đã thực hiện và kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì KTV sẽ lập Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp gửi cho khách hàng và cơ quan thẩm tra phê duyệt.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY**

### ***2.3.1. Những thành tựu và kết quả đạt được***

Trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do kiểm toán độc lập tiến hành đã đạt được các ưu điểm sau:

*Thứ nhất*, kiểm toán đã góp phần hạn chế các hiện tượng gian lận, vi phạm trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp. Qua quá trình kiểm toán các hiện tượng gian lận như: cố tình không kiểm kê đầy đủ các tài sản, đánh giá giá trị còn lại của tài sản không phù hợp, không đánh giá hoặc đánh giá không chính xác về lợi thế thương mại, về quyền sử dụng đất... Từ đó từng bước nâng cao chất lượng công tác thẩm định giá. Thông qua kết quả điều tra, khảo sát của Tác giả có đến 7/14 công ty kiểm toán cho rằng vai trò của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là rất quan trọng và cần phải có trong giai đoạn hiện nay;

*Thứ hai*, về trình tự, nội dung và phương pháp kiểm toán: Các công ty kiểm toán đã xây dựng được quy trình kiểm toán kết hợp được giữa lý luận với thực tiễn ở một mức độ nhất định và việc vận dụng chúng đã đạt được kết quả bước đầu;

*Thứ ba*, trong các cuộc kiểm toán nói chung và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng, giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán của các công ty kiểm toán đã được thực hiện một cách khoa học và hợp lý giúp cho cuộc kiểm toán được diễn ra trong những điều kiện tốt và đạt hiệu quả cao thể hiện trong các mặt sau:

Một là, trong khâu tổ chức cho một cuộc kiểm toán, vấn đề then chốt chính là vấn đề nhân lực, nhất là đối với một cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, thì vấn đề nhân lực càng đóng vai trò quan trọng do tính phức tạp của công tác này. Tại các công ty kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán xác

định giá trị doanh nghiệp luôn được lựa chọn trong số những KTV có nhiều kinh nghiệm nhất và chủ yếu do Ban giám đốc công ty kiểm toán tiến hành lựa chọn. Những người được chỉ định làm trưởng đoàn phải đảm bảo về trình độ chuyên môn và đặc biệt là phải có sự am hiểu rõ về đơn vị được kiểm toán;

Hai là, ngoài việc chỉ định trưởng nhóm thì việc lựa chọn những người tham gia vào cuộc kiểm toán cũng được các công ty kiểm toán chú trọng. Bên cạnh những KTV có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán tài chính, trong đoàn kiểm toán luôn phải có các thẩm định viên, kỹ thuật viên về ngành xây dựng, có đầy đủ kiến thức cần thiết để có thể xử lý các vấn đề chuyên môn trong việc xác định giá trị của tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, xác định giá trị còn lại của tài sản để thanh lý, để mua bán, để làm căn cứ làm các thủ tục phá sản... Đây là yếu tố quan trọng giúp cho việc tổ chức một cuộc kiểm toán đạt được hiệu quả cao nhất. Theo kết quả điều tra của Tác giả thì có 100% các công ty có tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì những người tham gia cuộc kiểm toán chủ yếu do ban giám đốc và trưởng phòng của công ty kiểm toán sẽ lựa chọn;

Ba là, các KTV, thẩm định viên, kỹ thuật viên cũng như các trợ lý KTV của các Công ty kiểm toán được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn cũng như được cập nhật các văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực xác định giá trị doanh nghiệp một cách thường xuyên nhằm đảm bảo về tính chuyên nghiệp cũng như chất lượng của kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và nâng cao uy tín cho công ty kiểm toán;

Thứ tư, trong giai đoạn thực hiện kế hoạch kiểm toán, kiểm toán viên triển khai một cách chủ động và tích cực các kế hoạch, chương trình và đưa ra được các kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được định giá trên cơ sở bằng chứng kiểm toán đầy đủ và tin cậy. Trong quá trình thực hiện kiểm tra chi tiết

đối với kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, các KTV đã thực hiện đầy đủ và linh hoạt các thủ tục sau:

- Kiểm tra tính hợp lý của Bảng kê danh mục tài sản của doanh nghiệp thông qua việc so sánh số liệu của cùng khoản mục tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả, nguồn vốn... trên Bảng kê với số liệu trên BCTC, sổ cái, sổ chi tiết;

- Đánh giá tính hợp lý của các khoản mục bằng cách đối chiếu sự phù hợp giữa Bảng kê danh mục tài sản với chứng từ gốc, sổ chi tiết,... đồng thời kiểm tra tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ gốc;

- Kiểm tra tính đúng đắn trong việc phân loại các khoản mục và phát hiện những nội dung không hợp lý, những điểm bất thường bằng cách đọc lướt qua nội dung, cách thức hạch toán trong sổ chi tiết, sổ cái tài khoản;

- Đánh giá lại tính chính xác trong việc cộng số học bằng cách tính toán lại các số cộng dồn, kiểm tra việc chuyển số.

Tuy nhiên do đặc trưng riêng của mỗi khoản mục, KTV lựa chọn thực hiện một hoặc một số thủ tục trên cho phù hợp để đánh giá tính trung thực, hợp lý của từng khoản mục. KTV dựa vào vị trí, vai trò và tính trọng yếu của khoản mục để lựa chọn kỹ thuật cho phù hợp.

*Thứ năm*, việc đánh giá bằng chứng kiểm toán và tổng hợp kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong giai đoạn kết thúc kiểm toán cũng được thực hiện một cách khoa học:

- Các giấy tờ làm việc (bao gồm cả các bằng chứng kiểm toán) thu thập được trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đã được tập hợp lại cho trưởng nhóm kiểm toán; Trưởng nhóm tiến hành soát xét toàn bộ giấy tờ làm việc liên quan đến các mục đích kiểm toán và đánh giá mức độ đầy đủ và hợp lý của các bằng chứng kiểm toán. Công việc này đã được tiến hành ngay trong quá trình kiểm toán tại công ty khách hàng nhằm kịp thời giải

quyết những tồn tại cũng như bổ sung các thủ tục kiểm toán cần thiết khác để đạt được các mục tiêu kiểm toán đã đề ra. Các bước của công việc này bao gồm:

- + Kiểm tra tính tuân thủ trong cách trình bày các giấy tờ làm việc;
- + Kiểm tra tính đầy đủ của các bằng chứng kiểm toán và chương trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp;
- + Đối chiếu sự phù hợp về số liệu giữa các bằng chứng thu được với giấy làm việc, sổ kế toán tài sản, công nợ, nguồn vốn... hoặc báo cáo liên quan, với thực trạng tình hình tài sản của khách hàng;
- + Kiểm tra lại các chứng từ gốc phát sinh trước và sau ngày kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và việc phản ánh trên sổ kế toán để khẳng định tính đúng kỳ là thoả mãn;
- + Kiểm tra các căn cứ của nhà nước, ngành hoặc địa phương, chứng từ, sổ kế toán mà KTV thu thập được để đánh giá giá trị tài sản là chính xác và hợp lý;
- + Kiểm tra tính chính xác của số liệu và các thuyết minh về kết quả xác định giá trị tài sản của khách hàng;
- Trưởng nhóm kiểm toán tiến hành tập hợp ý kiến đánh giá đối với các phần hành có liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp. Thông qua các bằng chứng thu thập được đối với tất cả các phần hành, KTV xem xét và khẳng định các mục tiêu đề ra đối với từng phần hành đều thoả mãn. Trên cơ sở các bằng chứng thu được, trưởng nhóm kiểm toán diễn giải những bút toán điều chỉnh kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và đánh giá giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Căn cứ Bảng tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, KTV lập và phát hành Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp theo đúng quy định trong đó trình bày những ý kiến kết luận của KTV. Trước khi Báo cáo được phát hành, KTV chính sẽ chuyển hồ sơ kiểm toán lên cấp trưởng phòng, cấp này sẽ soát



xét một cách tổng thể toàn bộ hồ sơ kiểm toán và tập trung vào những nội dung có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Sau cấp trưởng phòng là ban giám đốc công ty, cấp này tập trung vào những vấn đề trọng yếu, tổng thể Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Sau khi soát xét, các cấp soát xét phải ký vào giấy tờ tài liệu kiểm toán nếu cho rằng giấy tờ đó là thích hợp hoặc nếu không sẽ yêu cầu nhóm kiểm toán tiếp tục bổ sung hoàn thiện.

*Thứ sáu*, thông qua kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đã nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác định giá và chỉ ra những sai sót, vi phạm các quy định về thẩm định giá, đồng thời tư vấn cho các nhà đầu tư, các bên liên quan nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả hoạt động của mình;

*Thứ bảy*, thông qua kết quả kiểm toán với các kết luận xác đáng và các đánh giá, kiến nghị phù hợp giúp cho các đơn vị đặc biệt là các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp thực hiện mua bán, sáp nhập, giải thể, chia tách thấy được những hạn chế trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để có được các quyết định phù hợp trong quá trình hoạt động và tăng cường quản lý các hoạt động của doanh nghiệp.

Với những thành tựu và kết quả đã đạt được của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đã làm cho chất lượng và hiệu quả của hoạt động định giá được nâng cao. Bên cạnh những thành tựu này hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng còn có không ít những hạn chế và tồn tại.

### ***2.3.2. Những tồn tại và hạn chế***

Trong quá trình thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, có thể nhận thấy nhiều hạn chế bộc lộ và có thể khái quát những hạn chế này thông qua các nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, Hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách, chế độ đối với kiểm toán còn chưa hoàn chỉnh làm cho hoạt động kiểm toán còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc và hạn chế kết quả kiểm toán. Theo kết quả điều tra của Tác giả thì có tới gần 50% đơn vị được hỏi cho rằng các chính sách, văn bản đối với hoạt động kiểm toán nói chung, của hoạt động kiểm toán xác định giá trị nói riêng còn rất chung chung. Cụ thể, hiện nay tại Việt Nam mới chỉ có Luật Kiểm toán nhà nước ban hành năm 2005 nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động của cơ quan Kiểm toán nhà nước. Đối với kiểm toán độc lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định Số 105/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2004 về hoạt động kiểm toán độc lập trong nền kinh tế và Nghị định Số 30/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2009 sửa đổi một số điều của Nghị định Số 105/2004/ NĐ-CP mà mới đang soạn thảo Luật Kiểm toán độc lập. Điều này làm ảnh hưởng đến địa vị pháp lý của kiểm toán và chưa tạo ra được một hành lang pháp lý thuận lợi cho kiểm toán độc lập nhằm tránh sự chông chéo với các cơ quan quản lý như cơ quan thuế, cơ quan thanh tra, kiểm tra;

*Thứ hai*, Hiện nay ở các công ty kiểm toán chưa có một chương trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chung mà việc thực hiện xác định giá trị từng khoản mục chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của các KTV nếu kết luận kiểm toán vẫn có những chênh lệch đáng kể. Điều này dẫn đến tình trạng, khi người sử dụng thông tin từ các công ty kiểm toán khác nhau có thể đưa ra các quyết định khác nhau. Theo kết quả điều tra của Tác giả, hiện chỉ có 4/14 công ty kiểm toán là đã xây dựng quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, số còn lại chưa xây dựng chương trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Như vậy, các công ty kiểm toán chủ yếu tiến hành theo chương trình kiểm toán do bản thân đơn vị xây dựng ra mà chưa có một chương trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chung. Việc thực hiện kiểm toán xác

định giá trị từng khoản mục chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của các KTV và điều này dẫn đến tình trạng khi người sử dụng thông tin từ các công ty kiểm toán khác nhau có thể đưa ra các quyết định khác nhau do có sự chênh lệch trong các kết quả kiểm toán.

*Thứ ba,* Về nội dung trình tự thực hiện các giai đoạn trong kiểm toán còn có một số hạn chế sau:

Một là, Hiện nay công tác lập kế hoạch kiểm toán cho các cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chưa thực sự được chú trọng: Các công việc quan trọng như: thu thập thông tin cơ sở về khách hàng, thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng chưa được tiến hành đầy đủ. Trong phần lớn các cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay, bước thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ chưa có hướng dẫn chung thường được thực hiện dựa trên kinh nghiệm và khả năng phán đoán của KTV và không được thể hiện cụ thể trên giấy tờ làm việc. Bảng câu hỏi về đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ hầu như chưa có khiến cho khâu lập kế hoạch còn nhiều hạn chế;

Hai là, Việc tổng hợp kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong giai đoạn kết thúc kiểm toán còn nhiều hạn chế: Sau khi có kết quả tổng hợp số liệu kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV thông báo với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và ban giám đốc khách hàng về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và hai bên cùng rà soát, kiểm tra các nội dung đã thực hiện. Căn cứ vào việc thống nhất kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV lập báo cáo kiểm toán gửi cho khách hàng và cơ quan thẩm tra phê duyệt. Như vậy, ở đây phát sinh một vấn đề là: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của KTV phải được trao đổi và thống nhất với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và ban giám đốc của doanh nghiệp được cổ phần. Cách làm này vi phạm tới tính độc lập của KTV khi đưa ra kết quả định giá. Trong trường hợp Ban Chỉ đạo

cổ phần hóa và Ban Giám đốc doanh nghiệp không đồng ý với kết quả kiểm toán của KTV thì KTV không thể phát hành báo cáo kiểm toán. Do vậy có nhiều cuộc kiểm toán đã bị kéo dài thời gian hoặc không thể hoàn thành;

*Thứ tư*, về phương pháp kiểm toán, KTV hầu như chủ yếu sử dụng các phương pháp kiểm tra, đối chiếu do đó có thể thấy một số hạn chế sau:

Một là, Về việc thực hiện thủ tục phân tích: Qua khảo sát một số hồ sơ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp của các công ty kiểm toán cho thấy các KTV chưa thực hiện hoặc thực hiện rất ít thủ tục phân tích trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Điều này có thể hiểu là do dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp mới xuất hiện ở các công ty kiểm toán nên các công ty kiểm toán chưa có thời gian và kinh nghiệm để chuẩn bị. Hơn nữa, các văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng không đề cập đến thủ tục phân tích khi thực hiện kiểm toán. Do không thực hiện thủ tục phân tích hoặc thực hiện không đầy đủ thủ tục phân tích nên các công ty thường gặp khó khăn trong việc định hướng những thủ tục kiểm tra chi tiết kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp một cách phù hợp với từng khách hàng cụ thể. Điều này ảnh hưởng một phần đến kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

Hai là, Về việc thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết giá trị doanh nghiệp: Hiện nay, các công ty kiểm toán và định giá ở Việt Nam đang thực hiện việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thường gặp phải những vướng mắc như khi kiểm tra chi tiết để đánh giá TSCĐ hữu hình cụ thể:

- Đối với tài sản là máy móc thiết bị, theo Thông tư Số 126/2004/TT-BTC thì luôn phải đánh giá lại nguyên giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Trước đây tài sản là dây chuyền sản xuất được mua sắm, nhập khẩu từ các nước Đông Âu, Tây Âu (thời kỳ bao cấp) hiện tại rất lạc hậu về công nghệ, kỹ thuật. Hiện nay các tài sản này không còn sản xuất, lưu thông trên thị

trường, cũng không có tài sản tương đương, cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất và tính năng để so sánh. Theo hướng dẫn việc đánh giá này được sử dụng nguyên giá tài sản đã ghi nhận trên sổ kế toán. Trong nhiều trường hợp, giá trị tài sản ghi trên sổ kế toán lại cao bất hợp lý do tài sản đã được đánh giá lại nguyên giá nhiều lần do chênh lệch tỷ giá theo qui định của nhà nước trong Chế độ Kế toán trước đây;

- Đối với giá trị còn lại của tài sản, theo Thông tư Số 126/2004/TT-BTC thì giá trị còn lại của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được đánh giá không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản mới. Tuy nhiên trên thực tế có nhiều công ty nhà nước được hình thành từ thời bao cấp; Đến thời điểm hiện tại thì máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng... đều xuống cấp và hết sức lạc hậu. Trong khi cổ phần hóa, doanh nghiệp vẫn phải giữ lại những tài sản đó để duy trì hoạt động SXKD. Theo quy định, giá trị còn lại của những tài sản này được đánh giá tối thiểu là 20%; Thực tế cho thấy tỷ lệ như thế là quá cao và bất hợp lý so với giá trị thực của tài sản tại thời điểm định giá;

*Thứ năm,* Về hệ thống biểu mẫu, tài liệu, giấy tờ sử dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chưa được soạn thảo và áp dụng thống nhất làm hạn chế rất lớn đến quá trình kiểm toán: Các biểu mẫu, tài liệu không được ghi chép thống nhất gây khó khăn cho việc tổng hợp, thống kê kết quả kiểm tra cũng như việc kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán;

*Thứ sáu,* Về kinh nghiệm, kiến thức trong lĩnh vực kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp của các KTV vẫn còn bị hạn chế mặc dù hiện nay các KTV được cập kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, do kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một lĩnh vực phức tạp được thực hiện với nhiều loại doanh nghiệp khác nhau và với các mục đích khác nhau. Vì vậy đặt ra yêu cầu KTV phải có sự hiểu biết ở một phạm vi rộng với nhiều lĩnh vực và có nhiều kinh nghiệm thực tế là yêu cầu quá cao

trong điều kiện hiện nay. Chính yêu cầu này đã gây khó khăn khi chưa có thời gian tích lũy, chưa được cập nhật kiến thức, thông tin thường xuyên. Theo điều tra thì các công ty đã tiến hành cập nhật kiến thức cho những người tham gia kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nhưng hầu như các công ty có thời gian cập nhật khoảng 3 tháng 1 lần. Vì vậy, các KTV cần có điều kiện bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ một cách toàn diện;

Thứ bảy, Về khung giá phí hiện nay quy định là chưa hợp lý đối với các doanh nghiệp nhà nước (do bị khống chế mức trần). Trên thực tế, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một lĩnh vực phức tạp nhưng mức phí dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng như phí dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp bị khống chế và không đủ chi phí trang trải cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến hạn chế về kết quả và chất lượng kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay.

### ***2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Việc tìm hiểu nguyên nhân của những tồn tại này là rất cần thiết để tìm kiếm những giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế. Những nguyên nhân này có thể xuất phát từ những yếu tố khách quan nhưng cũng có thể từ các yếu tố chủ quan trong quá trình hoạt động.

Thứ nhất: Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm toán còn chưa đồng bộ, hệ thống văn pháp lý liên quan đến hoạt động kiểm toán còn thiếu làm hạn chế sự phát triển của hoạt động kiểm toán nói chung của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng. Hoạt động kiểm toán tại Việt Nam đã xuất hiện từ cách đây khoảng 20 năm nhưng so với thế giới thì đây cũng chưa phải là thời gian phát triển quá lâu. Trong quá trình hình thành và phát triển của kiểm toán, Việt Nam vừa nghiên cứu, vừa tìm hiểu, vừa học tập hoạt động kiểm toán của các nước phát triển trên thế giới. Các văn bản pháp lý hiện nay ở Việt Nam

đều ra đời khi có sự yêu cầu trong thực tế phát sinh và cũng được ban hành riêng đối với từng loại chủ thể kiểm toán. Hiện nay, mới chỉ có Luật Kiểm toán Nhà nước ban hành năm 2005 để điều chỉnh hoạt động của kiểm toán nhà nước còn đối với kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ mới chỉ tồn tại các văn bản dưới luật mà chưa có một luật riêng để điều chỉnh hoạt động. Đặc biệt, trong nền kinh tế hiện nay, nhu cầu đối với hoạt động kiểm toán ngày càng đa dạng do vậy cần phải có đầy đủ các văn bản pháp lý để điều tiết hoạt động của kiểm toán nói chung;

Thứ hai, Do chính sách và chủ trương của Nhà nước là nhanh chóng sắp xếp, chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước sang các loại hình doanh nghiệp khác để đảm bảo các doanh nghiệp bình đẳng trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời làm giảm gánh nặng ngân sách nhà nước trong điều kiện kinh tế đang gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Tuy nhiên, trong tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thì hoạt động định giá về giá trị của doanh nghiệp còn có nhiều bất cập và tồn tại nhiều sai phạm. Điều này đã đặt ra một nhu cầu tất yếu là cần phải có hoạt động kiểm toán đứng ra làm trung gian để đánh giá, xem xét về tính trung thực, hợp lý cũng như về hiệu quả, hiệu năng trong quá trình tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp. Vì vậy, kiểm toán cần phải có sự định hướng rõ ràng để giúp cho những người tiến hành kiểm toán đạt được hiệu quả trong hoạt động.

Thứ ba, Một vấn đề cần phải đề cập là về việc nhận thức của nhà quản lý, của người sử dụng thông tin đối với hoạt động kiểm toán nói chung và về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng. Trong số những công ty kiểm toán và các kiểm toán viên được phỏng vấn thì có trên 80% số người được hỏi đều trả lời là hiện nay các công ty kiểm toán mới chỉ tiến hành cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp mà chưa có kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng có tới 90% số đơn vị được hỏi có câu trả

lời là chỉ tiến hành kiểm toán BCTC trước khi xác định giá trị doanh nghiệp. Điều này cho thấy nhận thức về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn hạn chế do đây là một lĩnh vực mới, một yêu cầu mới phát sinh trong hoạt động. Ở đây còn cho thấy những người sử dụng thông tin mới chỉ quan tâm đến thông tin tài chính và thông tin đã được lượng hóa mà chưa đề cao đến hiệu quả của hoạt động và hiệu năng quản lý trong quá trình tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp.

Thứ tư, Công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán tại các công ty còn nhiều hạn chế. Một vấn đề có thể nhận thấy là để có thể hoàn thiện được hoạt động kiểm toán nói chung, hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng thì đòi hỏi phải phát hiện được những nhược điểm, hạn chế trong quy trình thực hiện, trong cách thức tổ chức hoạt động kiểm toán. Do đó, bản thân các công ty kiểm toán phải thiết lập hệ thống kiểm soát chất lượng kiểm toán. Trong những năm gần đây, các công ty kiểm toán đã tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và các quy định liên quan đến kiểm soát chất lượng kiểm toán. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra định kỳ hàng năm của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cho thấy vẫn có nhiều công ty kiểm toán có hoạt động có nhiều hạn chế như: số lượng các KTV còn thiếu và việc cập nhật kiến thức còn chưa đủ theo quy định, quy trình kiểm soát chất lượng chưa tốt làm cho một số hợp đồng bị đưa ra ý kiến không phù hợp, một số công ty không đáp ứng được các điều kiện theo quy định trong các văn bản pháp lý liên quan. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kiểm toán nói chung, hoạt động kiểm soát chất lượng nói riêng.

#### **2.4. KINH NGHIỆM KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

Tại Hoa Kỳ, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một dịch vụ chuyên nghiệp dành cho những mục đích khác nhau với những tiêu chuẩn



đánh giá khác nhau, các hướng dẫn do luật pháp quy định, luật tình huống, các kỹ thuật. Thị trường dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đã và đang phát triển đều đặn khi nhu cầu cho dịch vụ này tăng lên vì những lý do như:

- Hoạt động mua bán, sáp nhập đang tăng rất nhanh ở tất cả các ngành đặc biệt là dịch vụ tài chính.

- Xây dựng kế hoạch quyền sở hữu cổ phiếu khối lượng lớn của nhân viên.

- Cơ hội tài chính tăng lên đối với các cá nhân và doanh nghiệp,

- Những khiếu kiện liên quan đến tranh chấp của cổ đông, những công việc kinh doanh nhỏ, các vấn đề về thuế, tổn thất trong kinh doanh và giải thể.

Các loại dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đang ngày càng trở nên hấp dẫn, mang lại nhiều lợi nhuận; thị trường dịch vụ này dành cho những người đánh giá làm việc. Các dịch vụ định giá dành cho các tổ chức tài chính (bao gồm cả ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác) được thực hiện vì những lý do sau:

- Tại bất kỳ thời điểm nào để xác định giá trị doanh nghiệp

- Mua lại, sáp nhập

- Thay đổi chủ sở hữu

- Bán một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu

- Cho tặng một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu

- Thực hành lựa chọn hoặc bảo lãnh cổ phiếu

- Xây dựng kế hoạch sở hữu cổ phiếu của nhân viên

- Phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu tiên

- Kiện tụng, tranh chấp liên quan đến các thiệt hại

- Định giá tài sản của các tổ chức từ thiện

- Định giá tài sản bị mất ngẫu nhiên

- Tài trợ

- Phân bổ chi phí của những tài sản trong một hợp đồng mua bán khối lượng lớn giữa tài sản giảm giá và tài sản không giảm giá như đất đai và sự tín nhiệm

Do các tiêu chuẩn định giá và các phương pháp đánh giá giá trị doanh nghiệp khác nhau có thể được dùng để kiểm toán xác định giá trị cho một tổ chức và giá trị định giá được tính toán dựa trên mục đích đánh giá chứ không phải là giá trị thật của tổ chức được đánh giá.

Khi thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, các đơn vị cung cấp dịch vụ tiến hành theo trình tự sau:

**Giai đoạn chuẩn bị:** bao gồm một số công việc sau:

\* **Lập thư cam kết:** trong thư cam kết phải thể hiện rõ ràng các điều khoản, điều kiện và cần có xác nhận giữa hai bên. Hình thức và nội dung thư có thể khác nhau tùy theo khách hàng nhưng nên bao gồm các điều kiện sau:

- Thông tin về khách hàng và công ty định giá (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email, người đại diện được ủy quyền ký thư, chức vụ...)

- Xác định chủ đề định giá bao gồm cả các loại lãi suất kinh doanh.

- Mục đích định giá.

- Tiêu chuẩn giá trị hoặc tiêu chuẩn định giá sẽ được áp dụng.

- Giải thích bản chất định giá, phạm vi định giá và trách nhiệm của công ty định giá.

- Ngày thực hiện định giá.

- Hình thức và loại báo cáo định giá (bằng văn bản, miệng...)

- Nhận xét trong báo cáo bao gồm cả những giả định và những giới hạn của báo cáo.

- Trách nhiệm của khách hàng trong việc cung cấp những bằng chứng và tài liệu cần thiết một cách kịp thời và còn hiệu lực để hoàn thành báo cáo đánh giá.

- Phí định giá hoặc phương pháp xác định phí cũng như bất kỳ thỏa thuận tính phí nào.

- Yêu cầu khách hàng xác nhận vào thư cam kết và gửi lại cho công ty định giá một bản gốc.

- Ngày ký chấp nhận thư.

**\* Xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ**

Đơn vị cung cấp dịch vụ tiến hành xây dựng kế hoạch ban đầu để cung cấp dịch vụ điều khoản và điều kiện bao gồm các công việc cơ bản như:

1. Sắp xếp cuộc gặp với khách hàng để thảo luận về các vấn đề định giá cũng như quan điểm của người đánh giá, cuộc gặp với nhà quản lý cao cấp sẽ rất quan trọng và hiệu quả hơn;

2. Tìm hiểu thông tin về tình hình kinh doanh của khách hàng bao gồm cơ cấu tổ chức, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, cơ cấu pháp lý, chính sách hoạt động;

3. Hiểu biết về kinh tế nói chung và ngành công nghiệp mà khách hàng đang hoạt động.

**\* Xây dựng kế hoạch chung:** bao gồm 03 bước chính sau:

- Đưa ra các quyết định: Mục đích đánh giá; đối tượng hay chủ đề đánh giá; tiêu chuẩn giá trị sẽ được áp dụng; hình thức, loại, nội dung, phạm vi của bản báo cáo; thời gian thực hiện; yêu cầu về cán bộ hoặc sự trợ giúp trong quá trình đánh giá trong việc cung cấp các bằng chứng và chuẩn bị tài liệu; điều kiện giới hạn hoặc giả định sẽ là một phần của báo cáo; các dịch vụ khác kèm theo bao gồm xác nhận chuyên gia hoặc chứng cứ trước tòa.

- Chuẩn bị bằng chứng và các thông tin cho kế hoạch đánh giá: Tìm hiểu tình hình hoạt động kinh doanh; tìm hiểu về ngành công nghiệp mà khách hàng đang hoạt động; phỏng vấn một số cá nhân cao cấp; BCTC đã được kiểm toán; bảng khai tài chính thông thường (đây là báo cáo bao gồm những

điều chỉnh cần thiết để thông tin tài chính có ý nghĩa hơn khi đại diện là số liệu tài chính trong cam kết đánh giá); dữ liệu tài chính khác; thông tin về lịch sử hình thành và phát triển.

- Các bước chuẩn bị kế hoạch đánh giá ban đầu:

+ Xem xét lại thông tin kinh tế nói chung ảnh hưởng đến hoạt động của khách hàng như thế nào;

+ Xem lại nguồn thông tin về ngành công nghiệp mà khách hàng đang hoạt động;

+ Xem xét và phân tích thông tin tài chính của khách hàng;

+ Xem xét các tiêu chuẩn và phương pháp định giá sẽ được áp dụng;

+ Yêu cầu ban lãnh đạo của công ty khách hàng nói về xu hướng phát triển kinh doanh hiện nay;

+ Đọc BCTC tạm thời của năm hiện tại;

+ Thảo luận với khách hàng về phạm vi và thời gian đánh giá;

+ Tham quan cơ sở vật chất của khách hàng (văn phòng, nhà xưởng...);

+ Đọc điều lệ công ty, các hợp đồng kinh doanh lớn và dành vài phút để gặp gỡ các giám đốc và cổ đông;

+ Hoàn thành bảng câu hỏi để có thể tóm tắt thông tin cần thiết cho việc đánh giá.

\* **Giai đoạn thực hiện:** Các chuyên gia tiến hành quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp theo kế hoạch đã xây dựng và có hai cách tiếp cận khi thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp:

Thứ nhất: Xác định giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai

Thứ hai: Phương pháp so sánh: xu hướng doanh thu, tiềm năng lợi nhuận, khả năng cạnh tranh so với những công ty khác trong cùng ngành công nghiệp.

Chuyên gia kiểm toán xem xét những câu hỏi sau đây để lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với đơn vị được kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp:

- Nhân tố nào liên quan đến kinh doanh, ngành công nghiệp và nền kinh tế được tính đến hay loại bỏ trong quá trình định giá?

- Đầu vào, sự tương tác và phân nhóm sẽ tác động tới việc định giá ở chừng mực nào?

- Rủi ro ở mức độ nào trong quá trình định giá?

- Những tiêu chuẩn định giá nào sẽ được sử dụng?

- Tỷ lệ giảm giá nào sẽ được sử dụng?

- Những thay đổi trong giá trị nên được thể hiện như thế nào trong báo cáo.

Trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp với mục đích phục vụ cho trường hợp mua bán và sáp nhập, chuyên gia kiểm toán sử dụng các phương pháp khác nhau từ đơn giản đến những kỹ thuật toán học phức tạp. Mục đích đầu tiên là để xác định giá hoặc các loại giá hợp lý cho một thương vụ mua bán sáp nhập. Có 3 phương pháp được sử dụng để kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp gồm:

\* Phương pháp thu nhập: Phương pháp này ước lượng giá trị của một doanh nghiệp mục tiêu dựa trên nguồn thu nhập và dòng tiền theo thời gian. Theo phương pháp này, kiểm toán cần phải:

- Xác định thu nhập tích lũy chủ yếu của doanh nghiệp. Thu nhập tích lũy chủ yếu là thu nhập từ các hoạt động bình thường và liên tục, không bao gồm các thu nhập như doanh thu bán tài sản, trích dự phòng rủi ro từ các khoản vay hoặc thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản hoặc từ các hoạt động không bình thường khác.

- Xác định chi phí và lợi ích tăng thêm phát sinh từ vụ mua bán và sáp nhập. Lợi ích tăng thêm đạt được thông qua một số nhân tố như hiệu quả kinh tế theo quy mô, giảm rủi ro, chi phí vốn thấp hơn và doanh thu tăng lên. Bên

cạnh đó, chi phí giao dịch tăng lên có thể là do trích dự phòng rủi ro; phí bảo hiểm tiền gửi tăng; chi phí do về hưu sớm; các chi phí khác...

- Tính toán các thu nhập không phải là tiền mặt chuyển thành thu nhập là tiền mặt.

- Khấu trừ rủi ro cho các khoản thu nhập bằng tiền mặt được dự tính.

\* Phương pháp bảng cân đối: Theo phương pháp này, giá trị của doanh nghiệp sẽ bằng giá trị hiện tại của các tài sản ròng (bao gồm cả tài sản và nghĩa vụ) cộng với tiền trả thêm cho các giá trị vô hình như giá trị Lợi thế thương mại. Một trong những phương pháp phổ biến nhất được sử dụng để xác định giá trị tài sản ròng là định giá nguồn tiền gửi. Phương pháp này yêu cầu thông tin liên quan đến số tiền và các hình thức gửi tiền, thời gian gửi, chi phí lãi suất và chi phí hoạt động, tỷ lệ chiết khấu, thu nhập từ phí và tỷ lệ thu nhập cận biên đối với các món tiền gửi.

\* Phương pháp thị trường: Phương pháp này dựa trên hai yếu tố. Thứ nhất, giá trị của doanh nghiệp được xác định dựa trên việc cổ phiếu của doanh nghiệp được định giá như thế nào trên thị trường chứng khoán. Thứ hai là so sánh giá của những thương vụ mua bán sáp nhập tương tự.

Phương pháp sử dụng giá trị giao dịch của cổ phiếu có một vài hạn chế. Thứ nhất một số cổ phiếu của doanh nghiệp đều không được giao dịch trên thị trường chứng khoán lớn. Do vậy, giá giao dịch của cổ phiếu không thể hiện được giá trị cần định giá. Thứ hai nếu đơn vị mua cố gắng để kiểm soát thông qua những mua bán trên “thị trường mở” thì giá sẽ tăng để phản ánh số tiền phải trả tăng lên hoặc để thuyết phục những người nắm giữ cổ phiếu khác bán ra. Cuối cùng, thị trường vốn biến động theo ảnh hưởng của nền kinh tế hơn là giá trị bên trong của cổ phiếu.

Việc thu thập dữ liệu liên quan của những thương vụ mua bán và sáp nhập trước đó để so sánh không phải là vấn đề đơn giản. Mỗi thương vụ đều

có đặc điểm riêng. Tuy nhiên, việc phân tích các dữ liệu phụ thuộc vào việc lựa chọn giao dịch mua bán và sáp nhập nào để so sánh (về các tiêu chí như quy mô, địa điểm, vị trí trên thị trường, hoạt động trên thị trường, thị phần). Những vấn đề này cần được xem xét khi sử dụng phương pháp thị trường để xác định giá trị của doanh nghiệp.

\* **Giai đoạn kết thúc:** Trong giai đoạn này, chuyên gia kiểm toán dựa vào các thông tin và bằng chứng thu thập được để đưa ra báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một số nội dung cơ bản sau:

- Mục đích của việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Căn cứ tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Các nhân tố chủ yếu và khó khăn trong quá trình kiểm toán xác định giá trị.
- Các đánh giá, nhận định của chuyên gia kiểm toán.
- Kết luận về giá trị doanh nghiệp được xác định giá trị.
- Những ưu điểm và hạn chế trong xác định giá trị doanh nghiệp.
- Các yếu tố về thủ tục như ngày đánh giá, người thực hiện, nơi phát hành báo cáo.

Như vậy có thể tổng kết lại quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện đang được tiến hành tại Hoa Kỳ bao gồm các bước sau:

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Xác định doanh nghiệp nào sẽ được định giá, thời gian để định giá, mục đích của việc định giá, và các kết quả này sẽ được liên kết với nhau như thế nào.

- Phân tích cẩn thận doanh nghiệp được định giá: đó là một doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất, tài chính hay thương mại. Việc phân tích đánh giá sẽ khác nhau tùy theo từng loại hình doanh nghiệp được định giá.

Bước 2: Thực hiện:

- Tập hợp dữ liệu để xác định giá trị doanh nghiệp trong đó cần tham khảo dữ liệu của các công ty khác có cùng quy mô và trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

- Dùng những thông tin đã thu thập được ở các bước công việc trên và áp dụng các kỹ thuật phân tích, tổng hợp để đưa ra ý kiến về giá trị doanh nghiệp được kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

Bước 3: Viết báo cáo:

Trong báo cáo phải đưa ra được mục đích của việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, những ưu điểm và hạn chế và các đánh giá, nhận xét, ngày thực hiện đều phải được báo cáo bằng văn bản.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trên cơ sở của lý luận, tác giả Luận án đã nghiên cứu, mô tả, phân tích và đánh giá thực trạng, chỉ rõ những ưu điểm cũng như hạn chế trong nội dung, phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay. Đồng thời, tác giả đã phân tích đánh giá thực trạng về nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do các công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Luận án cũng đã khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện nội dung, phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở các ưu, nhược điểm đã được đánh giá về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thông qua thực trạng của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, trong chương 3 của luận án đã trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay.



### **CHƯƠNG 3**

#### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM**

#### **3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG ĐỂ HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

##### ***3.1.1. Sự cần thiết hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Trong nền kinh tế phát triển mạnh mẽ như hiện nay thì nhu cầu về các thông tin của các doanh nghiệp rất nhiều để những người quan tâm ra các quyết định phù hợp. Trong quá trình đó, việc xác định giá trị doanh nghiệp trong hoạt động mua bán, sáp nhập, giải thể, chia tách, phá sản còn nhiều bất cập làm cho những người quan tâm chưa tin tưởng vào kết quả hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị thẩm định giá. Bên cạnh đó, việc xác định giá trị không chính xác đối với các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa đã làm thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Như vậy, có thể khẳng định sự hình thành, tồn tại và phát triển hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là do các nhân tố sau:

Một là, Kiểm toán nói chung và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng là một công cụ hữu hiệu giúp cho các doanh nghiệp phát hiện và cải tiến các điểm yếu trong hoạt động của đơn vị. Thông qua hoạt động kiểm toán, những người quan tâm có được các thông tin đáng tin cậy về giá trị của doanh nghiệp làm căn cứ để đưa ra các quyết định phù hợp.

Hai là, Nhà nước ta đang tiến hành công cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước thông qua quá trình cổ phần hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, hoạt động này còn nhiều bất cập đặc biệt là quá trình xác định giá trị doanh nghiệp đã gây thất thoát và lãng phí rất

nhiều đối với ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nhằm xác minh lại kết quả định giá là vấn đề tất yếu hiện nay. Công việc này sẽ làm gia tăng niềm tin của các cổ đông, nhà đầu tư về kết quả định giá doanh nghiệp nói riêng và của hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nói riêng.

Ba là, Các công ty kiểm toán độc lập và các loại hình kiểm toán hiện nay cần phải thể hiện rõ vai trò là “quan tòa công minh của quá khứ, người dẫn dắt cho hiện tại và là người cố vấn sáng suốt cho tương lai”. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước đã cố gắng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong hoạt động thẩm định giá. Thông qua kiểm toán để đảm bảo độ tin cậy của thông tin về xác định giá trị, đồng thời còn đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp. Về mặt pháp lý đòi hỏi hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cần phải được tổ chức và hoàn thiện.

Tuy nhiên, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn mới mẻ và còn nhiều mặt hạn chế cần phải khắc phục, điều chỉnh. Có thể xem xét đến vấn đề này dựa trên những khía cạnh sau:

Thứ nhất, Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một lĩnh vực hoạt động của các công ty kiểm toán độc lập và kiểm toán nhà nước. Tuy nhiên, đây là một lĩnh vực mới phát triển gần đây, do đó cần xây dựng và hoàn thiện hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả của quá trình mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp cũng như hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai, Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm là sự kết hợp chặt chẽ giữa các loại hình kiểm toán là kiểm toán thông tin, kiểm toán quy tắc, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng. Đó đó, việc tổ chức kết hợp các loại hình kiểm toán này trong một cuộc kiểm toán như thế nào để có

thể đạt được hiệu quả cho cả cuộc kiểm toán. Vì vậy, đây là một hướng hoàn thiện cần phải được hướng tới.

Thứ ba, hoạt động kiểm toán của kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập có những điểm khác nhau, mục tiêu khác nhau, cách thức thực hiện khác nhau. Bên cạnh đó, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp mang tính phức tạp, đa dạng tùy thuộc vào từng mục đích của doanh nghiệp được định giá. Do đó, việc hoàn thiện cần hướng đến việc xác định rõ các mục tiêu kiểm toán cần đạt được trong cuộc kiểm toán để có thể định hướng cho công việc của KTV.

Những phân tích ở trên đã dẫn đến khẳng định việc hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không chỉ là yêu cầu mang tính khách quan mà còn là yêu cầu của chính các công ty kiểm toán độc lập cũng như của kiểm toán nhà nước.

### ***3.1.2. Quan điểm định hướng và nguyên tắc hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Như đã đề cập ở phần trước, việc hoàn thiện đối với hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một yêu cầu khách quan. Nhìn chung, khi hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp theo quan điểm sau:

Thứ nhất, Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp phải được hoàn thiện theo hướng cung cấp được các thông tin đáng tin cậy cho những người quan tâm đến giá trị của doanh nghiệp mà họ quan tâm. Trước hết, phải khẳng định đối tượng cung cấp thông tin chính là những chủ doanh nghiệp được định giá, các nhà đầu tư, các đối tượng liên quan đến việc mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Ngoài ra còn phải đề cập đến Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Khi xác định đối tượng như vậy, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cần phải có các căn cứ pháp lý đầy đủ để đảm bảo tính trung thực hợp lý, đáng tin cậy của kết luận kiểm toán. Các

thông tin này không chỉ là các thông tin tài chính và cả các thông tin phi tài chính liên quan đến giá trị của doanh nghiệp. Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp sẽ xem xét và đánh giá về hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trên cả phương diện về tính trung thực, hợp lý, hợp pháp của kết quả định giá doanh nghiệp và cả tính hiệu quả, hiệu năng của hoạt động này. Đặc biệt, đòi hỏi về độ tin cậy của kết quả xác định giá trị doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của những người quan tâm.

Thứ hai, Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cần phải xây dựng được xác định rõ một hệ thống khung pháp lý cho hoạt động này. Điều này sẽ giúp cho các công ty có được căn cứ cụ thể làm cơ sở cho việc thực hiện hoạt động kiểm toán đảm bảo độ tin cậy cho những người quan tâm.

Việc hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động của các công ty kiểm toán độc lập và của cả kiểm toán nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình hoàn thiện phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

*Nguyên tắc 1: Việc xây dựng và hoàn thiện về nội dung, trình tự và phương pháp kiểm toán phải dựa trên cơ sở các thông lệ và chuẩn mực kiểm toán được thừa nhận.* Trong hoạt động kiểm toán, việc tuân thủ các thông lệ và chuẩn mực kiểm toán được thừa nhận là để đảm bảo chất lượng, tính thuyết phục của kết luận kiểm toán đối với những người sử dụng. Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một loại hình kiểm toán với sự kết hợp chặt chẽ giữa ba loại kiểm toán là kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ. Do đó việc tiến hành cũng phải tuân thủ theo hệ thống chuẩn mực đã được thừa nhận và ban hành tại Việt Nam.

*Nguyên tắc 2: Việc xây dựng và hoàn thiện phải phản ánh tổng quát, đầy đủ, toàn diện các vấn đề của một cuộc kiểm toán tài chính kết hợp với kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động.* Với sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán

thông tin với kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp phải bao quát được toàn diện các vấn đề liên quan đến cuộc kiểm toán không chỉ trong việc xem xét mức độ trung thực (đáng tin cậy) của các tài liệu định giá mà còn xem xét sự tuân thủ trong hoạt định giá doanh nghiệp của các đơn vị thẩm định giá. Bên cạnh đó, kiểm toán cũng cần phải đánh giá được tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động định giá doanh nghiệp làm căn cứ cho những người quan tâm ra các quyết định phù hợp cũng như giúp nhà nước biết được kết quả của hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp.

*Nguyên tắc 3: Việc xây dựng và hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm quá trình hoạt động cũng như yêu cầu quản lý của lĩnh vực hoạt động.* Hoạt động thẩm định giá là một hoạt động đặc thù, có các quy định cũng như có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng công việc. Đặc điểm cơ bản của hoạt động thẩm định giá là chỉ tiến hành một lần và giá trị được xác định tại thời điểm thực hiện không lặp đi lặp lại. Bên cạnh đó, khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp các đơn vị thẩm định giá cần phải tuân thủ theo các văn bản pháp luật do Chính phủ ban hành như Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, Nghị định Số 101/2005/NĐ-CP ngày 3 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về Thẩm định giá, các Tiêu chuẩn thẩm định giá do Bộ Tài chính ban hành. Chính vì vậy, khi tiến hành kiểm toán cần xây dựng quy trình kiểm toán phù hợp với đặc điểm của hoạt động thẩm định giá cũng như phù hợp với các quy định của nhà nước.

*Nguyên tắc 4: Nội dung, trình tự và phương pháp kiểm toán phải đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, dễ vận dụng.* Việc hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cần phải xác định nội dung phù hợp với đối tượng của cuộc kiểm toán. Nội dung cần xác định rõ các vấn đề phải tập trung xác minh, đánh

giá để làm cơ sở xây dựng trình tự và phương pháp kiểm toán phù hợp. Đồng thời, khi xây dựng trình tự và phương pháp kiểm toán cần phải đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, dễ vận dụng giúp cho các KTV có thể tiến hành cuộc kiểm toán với hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên việc xây dựng trình tự và phương pháp cần phải tuân thủ các thể lệ và chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến.

### **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

#### ***3.2.1. Hoàn thiện mục tiêu của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ trong cùng một cuộc kiểm toán, trong đó đặc biệt là mối quan hệ giữa kiểm toán tài chính với kiểm toán tuân thủ. Do đó, mục đích của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

- Xem xét Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (Chứng thư) có phản ánh trung thực, hợp lý trên cơ sở thực tế của đơn vị hay không. Tính trung thực, hợp lý được thể hiện trên các mặt như xác định về giá trị các tài sản hiện có trong đơn vị, thời gian sử dụng hữu dụng của các tài sản, xác định giá trị thực tế của các khoản phải thu, các khoản nợ vay của đơn vị.

- Xem xét quy trình xác định giá trị doanh nghiệp tuân thủ đúng các quy định của các văn bản pháp luật hay không.

- Xem xét việc sử dụng các phương pháp đánh giá có hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động và thực trạng của doanh nghiệp được xác định giá trị hay không.

- Xem xét việc xác định giá trị doanh nghiệp có đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp được định giá không.

Để đạt được các mục đích nêu trên, kiểm toán cần phải đi sâu vào từng mục tiêu cụ thể sau:

- Thứ nhất, xem xét tính tuân thủ trong việc thực hiện quy trình xác định giá trị doanh nghiệp có tuân theo các Tiêu chuẩn mực về thẩm định giá và kế hoạch xác định giá trị đã được xây dựng hay không.

- Thứ hai, xem xét sự tuân thủ, tính hợp lý, hợp pháp của phương pháp định giá được áp dụng trong việc xác định giá trị doanh nghiệp.

- Thứ ba, xem xét các công việc trong quá trình định giá về xác định giá trị TSCĐ, vốn, các khoản công nợ, các khoản vay, định giá thương hiệu... có hợp lý với thực tế tại đơn vị hay không.

- Thứ tư, xem xét tính đúng đắn của việc phê chuẩn trong hoạt động định giá như: giá cơ sở để làm căn cứ đánh giá, kế hoạch xác định giá trị doanh nghiệp, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp...

- Thứ năm, đánh giá tính hiệu lực trong việc kiểm soát quá trình xác định giá trị theo đúng kế hoạch đã thiết lập.

Như vậy, có thể thấy kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nổi bật với kiểm toán tuân thủ, vì tất cả quá trình xác định giá trị doanh nghiệp đều phải tuân thủ các Tiêu chuẩn thẩm định giá, các quy định liên quan tới việc định giá. Ngoài các mục đích kiểm toán nói trên, riêng đối với kiểm toán nhà nước còn phải tiến hành các mục tiêu sau:

- Phát hiện các gian lận, vi phạm chính sách chế độ về giá trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, các hiện tượng tiêu cực làm thất thoát tài sản của nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

- Đánh giá tính hiệu quả, hiệu năng của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp đối với nhà nước nói chung, với các doanh nghiệp nhà nước nói riêng trong tiến trình cổ phần hóa.

- Thông qua kiểm toán nhằm đánh giá về trách nhiệm, sự chấp hành và chất lượng hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp để qua đó kiến nghị với các cấp, các cơ quan chức năng để xử lý hạn chế và kiến nghị đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng, hoạt động thẩm định giá nói chung.

### ***3.2.2. Hoàn thiện nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện kiểm toán tuân thủ các quy định trong xác định giá trị doanh nghiệp***

Xác định giá trị doanh nghiệp là một hoạt động phức tạp, liên quan đến nhiều loại tài sản trong hoạt động của một doanh nghiệp như giá trị TSCĐ hữu hình, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất... Bên cạnh đó, thời gian xác định giá trị doanh nghiệp lại tùy theo quy mô và cơ cấu của tài sản trong doanh nghiệp được định giá. Hơn nữa, khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, việc xác định giá trị doanh nghiệp không chính xác hoặc không có căn cứ cụ thể sẽ làm thất thoát tài sản cũng như vốn của Nhà nước. Vì vậy, việc đánh giá, xem xét hoạt động định giá của kiểm toán cần được tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định... mới đảm bảo mức độ tin cậy của thông tin xác định giá trị doanh nghiệp. Do đó, tính tuân thủ là một đặc trưng nổi bật của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thể hiện trên các khía cạnh sau:

Một là, Việc xác định giá trị doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Nhà nước về thẩm định giá (hiện nay là Nghị định Số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 08 năm 2005), Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần cùng các tiêu chuẩn thẩm định giá do Bộ Tài chính ban hành. Các nội dung cơ bản trong các quy định trên như sau:



Trước hết, doanh nghiệp thẩm định giá cần có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Nhà nước. Cụ thể: Đơn vị thẩm định giá cần phải có từ 03 thẩm định viên về giá trở lên và thuộc danh sách các công ty có đủ điều kiện cung cấp các dịch vụ về thẩm định giá do cơ quan quản lý nhà nước công bố hàng năm.

Tiếp đó, các văn bản, tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp phải đảm bảo tính pháp lý và tính đầy đủ bao gồm:

- + Báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá;
- + Hồ sơ tài sản thẩm định giá gồm:
  - a) Văn bản đề nghị thẩm định giá;
  - b) Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu tài sản thẩm định giá có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - c) Các thông số kỹ thuật có liên quan đến tài sản thẩm định giá;
  - d) Hợp đồng mua bán tài sản, hoá đơn mua tài sản nếu có;
  - e) Các tài liệu khác có liên quan đến trị giá tài sản thẩm định giá.
- + Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm các biểu mẫu sau:
  - a) Văn bản đề nghị thẩm định giá;
  - b) Bảng kiểm kê và xác định giá trị tài sản;
  - c) Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (bằng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo giá trị tài sản hoặc bằng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo dòng tiền chiết khấu).
- + Các biểu mẫu hướng dẫn lập hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:
  - a) Bảng tổng hợp tài sản cố định
  - b) Bảng kiểm kê đánh giá lại nhà cửa, vật kiến trúc
  - c) Bảng kiểm kê đánh giá lại máy móc thiết bị

- d) Bảng kiểm kê đánh giá lại phương tiện vận tải
- e) Bảng kiểm kê đánh giá lại tài sản cố định khác
- f) Bảng kiểm kê đánh giá lại vật tư , hàng hoá tồn kho
- g) Bảng kiểm kê TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý; TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- h) Bảng kê chi phí sản xuất dở dang
- i) Bảng kê vật tư hàng hoá không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý
- k) Bảng kê công nợ phải thu
- l) Bảng kê công nợ phải trả
- m) Bảng kê nợ phải thu không có khả năng thu hồi
- n) Bảng kê số dư tiền gửi, tiền vay ngân hàng
- o) Văn bản chấp thuận của tổng công ty (hoặc công ty mẹ) về tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp.
- p) Đối với doanh nghiệp có lỗ lũy kế: Văn bản giải trình nguyên nhân lỗ, Bản kiểm điểm tập thể các nhân có liên quan, Văn bản của tổng công ty (hoặc công ty mẹ) về lỗ lũy kế.
- q) Đối với trường hợp đề nghị xử lý xoá nợ ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ phát triển, nộp ngân sách: Hồ sơ đề nghị xoá nợ.
- r) Bản sao hồ sơ chi tiết của những vấn đề vướng mắc đề nghị được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Các tài liệu của doanh nghiệp nhà nước: Quyết định thành lập doanh nghiệp, Giấy phép đăng ký kinh doanh, Hồ sơ đất đai.

Hai là, đánh giá việc chấp hành các quy định và thực hiện quá trình thẩm định giá của những người tham gia có nghiêm chỉnh, đầy đủ, đúng quy định và quyền hạn theo Tiêu chuẩn thẩm định giá đã được ban hành không;

Ba là, kiểm toán tuân thủ về chế độ và quy định về thẩm định giá. Doanh nghiệp thẩm định giá cần phải tuân thủ đúng các quy định do Nhà nước ban

hành liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá để đảm bảo kết quả thẩm định phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp được định giá, đúng trình tự, đúng giá trị và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm;

Bốn là, Kiểm toán tuân thủ về việc lập báo cáo thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá theo đúng quy định trong Tiêu chuẩn về thẩm định giá bao gồm cả về hình thức và quy trình lập của các thẩm định viên.

### *3.2.2.2. Kiểm toán báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp*

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một loại hình đặc biệt của kiểm toán BCTC và cũng có những điểm giống với kiểm toán BCTC nói chung. Tuy nhiên, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có điểm khác biệt là phải chấp hành và tuân thủ các quy định về xác định giá trị doanh nghiệp như: giá cả làm căn cứ định giá, tùy theo phương pháp để xác định căn cứ định giá, quy trình thẩm định giá... Mục tiêu cần đạt được khi kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là:

- Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ, tính hợp lý, hợp pháp của phương pháp định giá được áp dụng trong việc xác định giá trị doanh nghiệp.

- Kiểm tra tính trung thực, hợp lý các công việc trong quá trình định giá về xác định giá trị TSCĐ, vốn, các khoản phải thu, các khoản phải trả, các khoản vay, định giá thương hiệu... có hợp lý với thực tế tại đơn vị hay không.

- Kiểm tra tính đúng đắn của việc phê chuẩn trong hoạt động định giá như: giá cơ sở để làm căn cứ đánh giá, kế hoạch xác định giá trị doanh nghiệp, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp...

- Đánh giá tính hiệu lực trong việc kiểm soát quá trình xác định giá trị theo đúng kế hoạch đã thiết lập.

- Kiểm tra, xác định báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp có được lập ra theo đúng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thẩm định giá đã được Bộ Tài chính ban hành hay không.

Để đạt được mục tiêu trên của thì nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm:

*a. Kiểm toán việc xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp.*

Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, việc xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp là một công việc hết sức quan trọng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa. Việc xử lý tài chính nhằm mục đích xác định các loại tài sản, vốn được loại trừ ra trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để có được giá trị doanh nghiệp phù hợp nhất. Do đó, kiểm toán việc xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp phải xác định được việc xử lý tài chính của đơn vị được định giá có đúng theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành không.

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa thì việc xử lý theo quy định tại Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư Số 146/2004/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý khác.

- Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện việc mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc xử lý được tiến hành theo các văn bản pháp quy liên quan đến tài chính.

Khi kiểm toán, KTV cần xác định và làm rõ việc kiểm kê, rà soát, phân loại và xử lý các khoản mục trên bảng cân đối kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Đồng thời, doanh nghiệp phải khẳng định được BCTC sau điều chỉnh phản ánh trung thực và hợp lý.

Các vấn đề xử lý tài chính cần phải kiểm tra là:

- + Xử lý đối với tài sản;
- + Xử lý nợ phải thu;
- + Xử lý nợ phải trả;

- + Xử lý các khoản dự phòng, lỗ và lãi ;
- + Xử lý vốn đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp khác ;
- + Xử lý quỹ khen thưởng và phúc lợi.

*b. Kiểm toán việc định giá theo các phương pháp định giá đã xác định trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp.*

Trước hết, KTV cần phải đánh giá được về sự phù hợp của phương pháp định giá đã được áp dụng khi xác định giá trị doanh nghiệp. Trên cơ sở phương pháp định giá đã lựa chọn, KTV tiến hành đánh giá quá trình thực hiện định giá có đảm bảo độ tin cậy của thông tin trên BCTC và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp trên báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Cụ thể:

**\* Đối với phương pháp tài sản**

Việc kiểm toán được tiến hành thông qua quá trình kiểm tra, xem xét, đối chiếu các chỉ tiêu cấu thành giá trị của doanh nghiệp. Các yếu tố này cần phải được định giá căn cứ vào các thông tin về giá trị thị trường của các tài sản đó. Chính vì vậy, việc kiểm toán cần tập trung xem xét và đánh giá tính trung thực, hợp lý của thông tin về giá trị, cụ thể:

Thứ nhất: Kiểm toán TSCĐ là hiện vật: Trong đó tập trung kiểm tra việc đánh giá đối với những tài sản dự kiến sẽ tiếp tục sử dụng sau khi chuyển đổi Công ty. KTV xem xét đơn vị có loại trừ những tài sản doanh nghiệp không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý khi xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp không. Căn cứ vào việc đánh giá đó để xác định giá trị doanh nghiệp theo công thức 3.1:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của tài sản bằng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{tính theo giá trị} \\ \text{thị trường} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chất lượng còn lại của} \\ \text{tài sản tại thời điểm xác} \\ \text{định giá trị doanh nghiệp} \end{array} \quad (3.1)$$

Nguồn: [9], [18]

Kiểm toán đối với TSCĐ hữu hình được xác định bằng giá trị còn lại theo tỷ lệ % so với nguyên giá TSCĐ mới mua sắm hoặc mới đầu tư xây dựng.

Thứ hai, Kiểm toán TSCĐ là phi hiện vật: Đây là các tài sản không có hình thái vật chất cụ thể do đó KTV căn cứ trên biên bản đối chiếu, thư xác nhận, hồ sơ chứng từ gốc, sổ kế toán, BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xác định. Cụ thể :

- Đối với TSCĐ vô hình, Chi phí trả trước dài hạn và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: cần xác định được độ tin cậy về giá trị của các trên cơ sở số liệu trình bày trong BCTC của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với giá trị lợi thế kinh doanh: Cần xác định giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp có được xác định đúng đắn theo phương pháp xác định trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý và giá trị thương hiệu:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế kinh doanh} \\ \text{của doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế} \\ \text{vị trí địa lý} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thương hiệu} \end{array} \quad (3.2)$$

Nguồn : [9], [18].

Trong đó:

+ Giá trị lợi thế vị trí địa lý áp dụng đối với doanh nghiệp (không phụ thuộc vào ngành nghề và kết quả kinh doanh) sử dụng các lô đất thuộc loại đất đô thị nếu lựa chọn hình thức thuê đất thì phải xác định giá trị lợi thế địa lý của lô đất để tính vào giá trị doanh nghiệp.

+ Giá trị thương hiệu (bao gồm: nhãn hiệu, tên thương mại) được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc sáng chế, xây dựng và bảo vệ nhãn mác, tên thương mại của doanh nghiệp trong 10 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hoặc kể từ ngày thành lập đối với các doanh nghiệp có thời gian hoạt động của doanh nghiệp ít hơn 10 năm (bao gồm cả chi phí

quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, công ty; xây dựng trang web...).

Thứ ba, Kiểm toán tài sản ngắn hạn: Khi kiểm toán cần xem xét về giá trị của các loại tài sản này có được định giá đúng hay không căn cứ vào các thông tin, tài liệu hiện có khi xác định giá trị doanh nghiệp. Cụ thể:

- Đối với tiền mặt tại quỹ cần đánh giá lại theo kết quả kiểm kê thực tế tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với các khoản phải thu: Cần xác định rõ giá trị các khoản phải thu có thể thu được và việc phản ánh trên BCTC của đơn vị. Đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi phải kiểm tra các tài liệu chứng minh và việc xử lý theo qui định hiện hành.

- Đối với hàng tồn kho: Hàng tồn kho trong đơn vị có nhiều loại với đặc điểm khác nhau, chất lượng các khâu, do đó cần xác định được số lượng hàng tồn kho theo biên bản kiểm kê tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, KTV cần xem xét việc đánh giá chất lượng hàng tồn kho để xác định giá trị hàng tồn kho.

- Đối với chi phí trả trước ngắn hạn: Cần xác định độ tin cậy về giá trị xác định lại được thể hiện trên tài khoản Chi phí trả trước ngắn hạn.

- Đối với tài sản ngắn hạn khác như các khoản tạm ứng: Cần xác định tính trung thực của bảng xác nhận số dư nợ tạm ứng phù hợp với số liệu BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ sách kế toán.

Thứ tư, Kiểm toán đối với khoản nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn: Đây là số vốn mà doanh nghiệp đi chiếm dụng của các đơn vị khác, do đó cần phải khẳng định được các thông tin về các khoản nợ phải trả là đáng tin cậy như về giá trị, về chủ nợ, cụ thể:

- Đối với khoản phải trả người bán, các khoản phải trả, phải nộp khác: cần kiểm tra các Biên bản xác nhận nợ và các bằng chứng chứng minh của

đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đã được phản ánh đúng đối tượng, đúng thực tế trên sổ sách kế toán và trên BCTC. KTV cần xác định rõ về từng khoản công nợ phải trả, từng chủ nợ và kiểm tra việc xử lý tiếp theo, chuyển nợ cho các bên liên quan.

- Đối với khoản phải trả người lao động: cần xác định rõ chi phí tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên có được phản ánh phù hợp trên BCTC và sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cần kiểm tra việc phản ánh đúng đắn trên sổ sách kế toán và BCTC.

Thứ năm, Kiểm toán đối với các khoản dự phòng và các quỹ: Do Quỹ phúc lợi, khen thưởng không được tính vào giá trị của doanh nghiệp nên KTV cần xác định được số dư của các quỹ này theo số liệu sổ sách, BCTC tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Đồng thời, KTV xem xét việc xử lý có tuân thủ theo quy định của văn bản pháp luật liên quan hay không.

**\* Đối với phương pháp dòng tiền chiết khấu:**

Quá trình kiểm tra cần tập trung xem xét việc xác định giá trị doanh nghiệp có tuân thủ các bước tiến hành đã được xây dựng và tập trung kiểm tra các thông tin sau:

+ Kiểm tra thông tin về dự báo dài hạn về các dòng tiền vào, dòng tiền ra có thể phát sinh trong tương lai như dự báo về doanh thu, chi phí, các luồng di chuyển vốn; chu kỳ đầu tư và giá trị doanh nghiệp ở thời điểm cuối chu kỳ đầu tư đó. KTV cần đánh giá được tính hợp lý và đáng tin cậy của các thông tin này đối với đơn vị được định giá.

+ Kiểm tra quá trình xác định tỷ suất chiết khấu luồng tiền trên nguyên tắc vừa tính đến yếu tố giá trị thời gian của tiền, vừa tính đến yếu tố rủi ro đối với hoạt động của đơn vị.



+ Kiểm tra quá trình xác định giá trị hiện tại của dòng tiền thuần theo tỷ suất chiết khấu trên để tìm ra giá trị doanh nghiệp.

KTV cần phải đánh giá được kết quả xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với tình hình của doanh nghiệp và việc trình bày kết quả định giá trên báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.

### ***3.2.3. Hoàn thiện trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một loại hình kiểm toán đặc biệt của kiểm toán. Do đó trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng tuân theo trình tự chung bao gồm ba giai đoạn: lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Nội dung của từng giai đoạn này trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng có điểm giống và khác nhau giữa kiểm toán độc lập và kiểm toán nhà nước.

#### ***3.2.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán***

Việc xây dựng kế hoạch kiểm toán cần phải được vận dụng phù hợp với từng cuộc kiểm toán cụ thể. Kế hoạch kiểm toán càng sát với thực tế thì kết quả kiểm toán càng cao và ý kiến do KTV đưa ra càng đáng tin cậy. Trong giai đoạn này, KTV cần phải hiểu rõ đặc điểm của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp và doanh nghiệp được tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp thì mới lập được kế hoạch kiểm toán phù hợp. Trình tự lập kế hoạch kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm các bước công việc sau:

##### ***a. Thu thập thông tin cơ sở, thông tin về nghĩa vụ pháp lý***

Ngay sau khi nhận được thư mời kiểm toán của khách hàng, công ty kiểm toán độc lập sẽ có thư hẹn kiểm toán và tiến hành thu nhập các thông tin cơ sở và thông tin nghĩa vụ pháp lý của khách hàng liên quan đến giá trị doanh nghiệp.

Các thông tin cần thu thập để phục vụ việc lập kế hoạch kiểm toán như:

- Đặc điểm về doanh nghiệp,
- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

- Các qui định về quản lý và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Quy trình công nghệ SXKD của doanh nghiệp.

Ngoài ra KTV nên tiến hành thu thập các quy trình mang tính pháp lý của khách hàng, như:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh;
- BCTC của 3 năm liên tiếp đến năm cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp nhà nước.
- Biên bản các cuộc họp cổ đông, HĐQT và ban giám đốc liên quan đến doanh nghiệp và tiến độ chuyển đổi doanh nghiệp, quá trình cổ phần hóa...
- Biên bản kiểm kê tài sản, các khoản phải thu, phải trả trước khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp.
- Các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp.

Những thông tin này được KTV thu thập thông qua một số phương pháp như: Thu thập tài liệu và phỏng vấn ban giám đốc, kế toán trưởng, các nhân viên của khách hàng và quan sát thực tế.

#### *b. Thực hiện thủ tục phân tích, đánh giá sơ bộ*

Quá trình tiến hành các thủ tục phân tích, đánh giá sơ bộ khi lập kế hoạch kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một bước công việc quan trọng giúp cho KTV hiểu được về khách hàng và các vấn đề có khả năng xảy ra khi thực hiện kiểm toán. KTV cần thực hiện các công việc như sau:

- So sánh số liệu về tổng giá trị tài sản trên BCTC năm nay so với năm trước và chi tiết cho từng khoản mục.
- Phân tích tình hình tài chính của đơn vị trước khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để đánh giá các rủi ro.
- Đánh giá rủi ro tiềm tàng đối với hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp như: Tính chất phức tạp của hoạt động, các thông tin không đầy

đủ hoặc không chính xác để làm căn cứ đánh giá, sự đa dạng của tài sản trong đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp...

Thông qua những phân tích sơ bộ này, KTV có thể tìm ra những dấu hiệu bất thường trong hoạt động của đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp từ đó xác định những thủ tục cần thiết để tìm ra những sai sót, gian lận có thể có ảnh hưởng đến giá trị tài sản của doanh nghiệp.

*c. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ*

Quá trình đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị nhằm xác định mức độ rủi ro kiểm soát có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của đơn vị và ảnh hưởng đến hoạt động kiểm toán. Việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng đạt được thông qua việc tìm hiểu về môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, các thủ tục kiểm soát của khách hàng. Các công việc KTV cần tiến hành:

- KTV tìm hiểu các thủ tục kiểm soát và quy trình tiến hành đối với các loại tài sản và các khoản công nợ phải thu, phải trả của khách hàng có liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp như: Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho, TSCĐ, đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, các khoản vay...

- KTV nghiên cứu các tài liệu liên quan đến việc thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua thủ tục quan sát và phỏng vấn các nhân viên trong doanh nghiệp.

- Dựa vào các thông tin đã thu thập được, KTV mô tả hệ thống để giúp nhận thức được các khía cạnh cơ bản của kiểm soát nội bộ liên quan đến giá trị doanh nghiệp như: quy trình quản lý tiền, quy trình hạch toán và quản lý các khoản phải thu, phải trả, tài sản..., hoặc sự phê chuẩn, kiểm tra chéo, nguồn gốc và sự luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán... Tài liệu mô tả về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tài sản của doanh nghiệp chính là bằng chứng

chứng minh rằng KTV đã tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ. KTV có thể mô tả bằng những công cụ là bảng tường thuật, bảng câu hỏi và lưu đồ.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, ngoài việc đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ thì KTV cần phải xem xét đến hệ thống kiểm soát chất lượng của đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp vì vấn đề này có ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả của việc xác định giá trị doanh nghiệp. Quá trình đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng cần được thực hiện tuân thủ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 “Kiểm soát chất lượng kiểm toán”. Theo đó, KTV cần tìm hiểu và đánh giá được hiệu quả của hoạt động kiểm soát chất lượng hiện tại của đơn vị định giá, cách thức tiến hành kiểm toán và những người tiến hành hoạt động này.

*d. Đánh giá trọng yếu.*

Mặc dù mỗi cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đều là cuộc kiểm toán toàn diện đối với tất cả các thông tin có liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp nhưng trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán kiểm toán viên vẫn cần phải đánh giá trọng yếu. Việc đánh giá này nhằm xác định được vấn đề trọng tâm cần phải tập trung và mức độ sai lệch cho phép. KTV cần tập trung vào các vấn đề có khả năng xảy ra sai phạm như quá trình xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp và việc đánh giá giá trị của TSCĐ, của hàng tồn kho cũng như của các khoản công nợ phải thu, phải trả. Thêm vào đó, KTV cần phải quan tâm đến các xu hướng có thể diễn ra khi kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp của từng loại khách hàng để xác định vấn đề trọng yếu. Ví dụ: các doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa thường có xu hướng là không muốn tăng giá trị tài sản của doanh nghiệp và muốn giảm phần vốn của Nhà nước trong khi các doanh nghiệp thuộc loại hình khác thì lại có xu hướng ngược lại, muốn tăng giá trị tài sản và phần vốn góp. Do đó, trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp có thể xử lý không

đúng các quy định về các khoản đánh giá, xử lý các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản ứ đọng... .

*e. Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết (chương trình kiểm toán)*

Căn cứ vào các thông tin đã thu thập và các công việc đã tiến hành, công ty kiểm toán lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Việc lập kế hoạch kiểm toán chi tiết phải do trưởng đoàn kiểm toán phụ trách lập cho từng công việc cụ thể. KTV được giao lập kế hoạch từng công việc cần phải thu thập thông tin cũng như có sự trao đổi với khách hàng để có thể xây dựng được kế hoạch kiểm toán phù hợp. Mặc dù vậy, nội dung của mọi kế hoạch chi tiết cho từng công việc phải thể hiện được các nội dung sau:

- Mục tiêu, phạm vi kiểm toán đối với từng hoạt động cụ thể.
- Các công việc cần phải tiến hành kiểm toán đối với từng hoạt động và sắp xếp theo thứ tự.
- Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành từng công việc.
- Phương pháp kiểm toán được sử dụng cho từng công việc cụ thể như thử nghiệm cơ bản, thử nghiệm tuân thủ và các kỹ thuật để thu thập bằng chứng...
- Số lượng KTV cần thiết để tiến hành từng công việc, phân công cụ thể các công việc cho từng người tham gia cuộc kiểm toán.
- Dự kiến chi phí và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho cuộc kiểm toán như các phương tiện, thiết bị, các giấy tờ ...

Sau khi lập kế hoạch chi tiết, công ty kiểm toán cần thống nhất với khách hàng về thời gian và kế hoạch đã xây dựng để thuận tiện trong quá trình thực hiện kiểm toán.

*3.2.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

Đây là giai đoạn KTV triển khai kế hoạch kiểm toán đã xây dựng và sử dụng các phương pháp kỹ thuật của kiểm toán nhằm mục đích thu thập đầy đủ

các bằng chứng kiểm toán có hiệu lực làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến kết luận của KTV.

Để có thể tiến hành kiểm toán và triển khai các thủ tục kiểm toán đã dự kiến trong chương trình kiểm toán, KTV yêu cầu khách hàng bàn giao các tài liệu cần thiết phục vụ cho kiểm toán và phải lập biên bản giao nhận cụ thể. Khi tiến hành kiểm toán thì KTV tiến hành các công việc chủ yếu sau:

*a. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát*

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành thu thập bằng chứng kiểm toán về tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đánh giá tính hiệu lực và để khẳng định lại mức rủi ro kiểm soát ban đầu mà KTV đã đưa ra trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện thử nghiệm kiểm soát, KTV phải đánh giá hệ thống kiểm soát và quy chế kiểm soát về sự hiện diện và tính hiệu lực của hệ thống này. Tuy nhiên, việc xác định giá trị doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ của các bên tham gia tổ chức và thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp. Chẳng hạn, với các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa là Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, đơn vị định giá... Do đó, báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi hoàn thành là kết quả của quá trình kiểm soát do nhiều bên tham gia. Vì vậy, việc tìm hiểu và thực hiện thử nghiệm kiểm soát không chỉ đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp mà còn cả các văn bản, các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước. Việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát đối với kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được tập trung vào các vấn đề chính như:

- Đánh giá việc tổ chức bộ máy thực hiện quá trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thông qua quá trình cổ phần hóa, trong đó :

- + Đối với các doanh nghiệp nhà nước cần xem xét các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa của doanh nghiệp và tổ giúp

việc, cách thức làm việc và các thủ tục cần thiết để kiểm soát quá trình xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Đối với các doanh nghiệp khác cần xem xét chức năng, nhiệm vụ của bộ phận chịu trách nhiệm về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp hoặc tiến hành chia tách, giải thể doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong quá trình xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp;

- Kiểm tra, đánh giá về các thủ tục kiểm soát đối với quá trình thực hiện và kết quả của việc tự phân loại, đánh giá giá trị, chất lượng của tài sản, hàng tồn kho... do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa (hoặc Ban chỉ đạo chuyển đổi hoạt động) hoặc ban giám đốc của doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư Số 126/2004/TT-BTC;

- Kiểm tra việc kiểm soát và sự phê duyệt của Ban Chỉ đạo đối với các vấn đề liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp quy định về thẩm quyền và thời gian quy định;

- Đánh giá kết quả cuối cùng về rủi ro kiểm soát đối với xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Nếu kết quả đánh giá không có sự thay đổi so với đánh giá ban đầu trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán thì KTV thực hiện kiểm tra, đánh giá giá trị doanh nghiệp theo như kế hoạch và chương trình kiểm toán đã lập.

+ Nếu kết quả đánh giá có sự thay đổi so với đánh giá ban đầu trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV thực hiện thêm một số thủ tục kiểm toán cần thiết như kiểm tra chứng từ, trao đổi với khách hàng để thu nhập thêm các thông tin nhằm đưa ra kết luận chính xác về rủi ro kiểm soát. Qua đó KTV có thể điều chỉnh lại kế hoạch kiểm toán và chương trình kiểm toán cho phù hợp.

Các kỹ thuật và thủ tục được KTV sử dụng để thu thập các bằng chứng kiểm toán là:

- Quan sát thực tế các hoạt động của khách hàng để đánh giá việc sử dụng, phân loại các TSCĐ, hàng tồn kho... của khách hàng;
- Phòng vấn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, Ban Giám đốc, kế toán trưởng, kế toán các khoản nợ phải thu, phải trả, kế toán TSCĐ, thủ kho... và các phòng, ban khác có liên quan về các quy chế và thủ tục kiểm soát đối với tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả và việc phân loại đánh giá tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả của đơn vị.

*b. Thực hiện thử nghiệm cơ bản*

Đây là giai đoạn chiếm nhiều thời gian nhất trong cuộc kiểm toán và là cách thức chủ yếu để KTV thu thập bằng chứng kiểm toán. KTV triển khai một cách chủ động và tích cực các kế hoạch kiểm toán chi tiết đã được xây dựng nhằm có được đầy đủ các bằng chứng có hiệu lực để đưa ra các ý kiến xác thực nhất.

Để thực hiện thử nghiệm cơ bản đối với báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, KTV cần tiến hành các thủ tục sau:

**\* Thủ tục phân tích:**

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, thủ tục phân tích có những điểm đặc thù riêng do đặc điểm kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chi phối (như chu kỳ không lặp lại, ...). Do đó, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, thủ tục phân tích chủ yếu đi vào so sánh, phân tích tính hợp lý của các khoản mục trên BCTC trước khi xác định giá trị doanh nghiệp. Đặc biệt, KTV cần chú ý đến các loại tài sản không được tính vào giá trị doanh nghiệp, các khoản cần phải xử lý trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, so sánh giữa giá trị trên sổ sách với giá thực tế được xác định làm căn cứ đánh giá... Thủ tục phân tích được sử dụng trong cả 3 giai đoạn của cuộc kiểm toán trong thực hiện kế hoạch kiểm toán, thủ tục phân tích cần được thực hiện chi tiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Thực hiện thủ tục phân tích giúp cho



KTV nhận thấy được tính hợp lý của các thông tin làm cơ sở đưa ra ý kiến kết luận phù hợp về hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp.

**\* Thủ tục kiểm tra chi tiết qua kiểm toán các bộ phận cấu thành báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:**

Quá trình kiểm tra chi tiết này được tiến hành tùy thuộc vào từng loại báo cáo đã được lập theo phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp đã lựa chọn. Các yếu tố trên báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo từng phương pháp được quy định rõ trong văn bản pháp luật. Vì vậy, KTV cần áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phù hợp đối với từng yếu tố trên báo cáo để có được các bằng chứng xác đáng làm cơ sở cho việc đưa ra kết luận kiểm toán. Đặc trưng của kiểm tra chi tiết ở đây là kiểm toán mang tính toàn diện trên tất cả các yếu tố cấu thành các báo cáo này.

*3.2.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán*

Trưởng đoàn kiểm toán tiến hành các công việc sau:

- Tổng hợp các bằng chứng thu thập được trong quá trình thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp theo từng khoản mục.

- Kiểm tra, soát xét lại toàn bộ quá trình kiểm toán và đánh giá mức đầy đủ cùng mức hiệu lực của bằng chứng thu thập được;

- Kiểm tra giấy làm việc của từng phân hành kiểm toán, đánh giá kết quả kiểm toán từng phân hành đã được thực hiện theo chương trình, mục tiêu kiểm toán;

- Phân tích, xem xét các căn cứ đánh giá giá trị của các tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho... theo các quy định hiện hành của nhà nước;

- Trên cơ sở kết quả tổng hợp số liệu kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV lập dự thảo Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp gửi

cho khách hàng và thông báo với khách hàng về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.

- Sau khi hai bên rà soát, kiểm tra các nội dung đã thực hiện và kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì đoàn kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp gửi cho khách hàng và cơ quan thẩm tra phê duyệt.

Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp phản ánh các yếu tố sau:

- *Tên và địa chỉ công ty kiểm toán:* Trong báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần nêu rõ tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax và số hiệu liên lạc khác của công ty kiểm toán (hoặc chi nhánh) phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là số hiệu phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán theo từng năm. Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần phải đăng ký chính thức trong hệ thống văn bản của công ty kiểm toán.

- *Tiêu đề báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải có tiêu đề rõ ràng và thích hợp để phân biệt báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp do KTV lập với các loại báo cáo khác.

- *Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là người ký hợp đồng kiểm toán với người thực hiện kiểm toán (công ty kiểm toán hoặc KTV).

- *Đoạn mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Phần mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp trình bày các vấn đề sau:

+ Các mục tiêu kiểm toán cần đạt được trong cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Đối tượng của cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán và trách nhiệm của KTV trong cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Đoạn trình bày phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán:*

+ Báo cáo phải trình bày rõ các căn cứ pháp lý liên quan đến quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, đây là căn cứ pháp lý để tiến hành kiểm toán. Báo cáo nêu rõ chuẩn mực kiểm toán (Chuẩn mực kiểm toán quốc gia, hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận) được áp dụng.

+ Trình bày các công việc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý để đưa ra ý kiến trong đó nêu rõ các phương pháp kiểm toán đã áp dụng và phạm vi tiến hành kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Đoạn trình bày ý kiến của KTV về đối tượng kiểm toán:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải nêu rõ ý kiến của KTV về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã thực hiện trên các phương diện:

+ Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp phản ánh trung thực và hợp lý các thông tin định lượng về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Quá trình xác định giá trị doanh nghiệp đã tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), cũng như việc tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp của đơn vị được kiểm toán.

- *Địa điểm và thời gian lập báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ ngày, tháng, năm kết thúc toàn bộ công việc kiểm toán và địa điểm (Tỉnh, Thành phố) của công ty hoặc chi nhánh công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát

hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Chữ ký và đóng dấu:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ký rõ tên của KTV là người chịu trách nhiệm kiểm toán, và ký rõ tên của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) của công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Trên chữ ký của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) phải đóng dấu của công ty (hoặc chi nhánh) chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Giữa các trang của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải đóng dấu giáp lai.

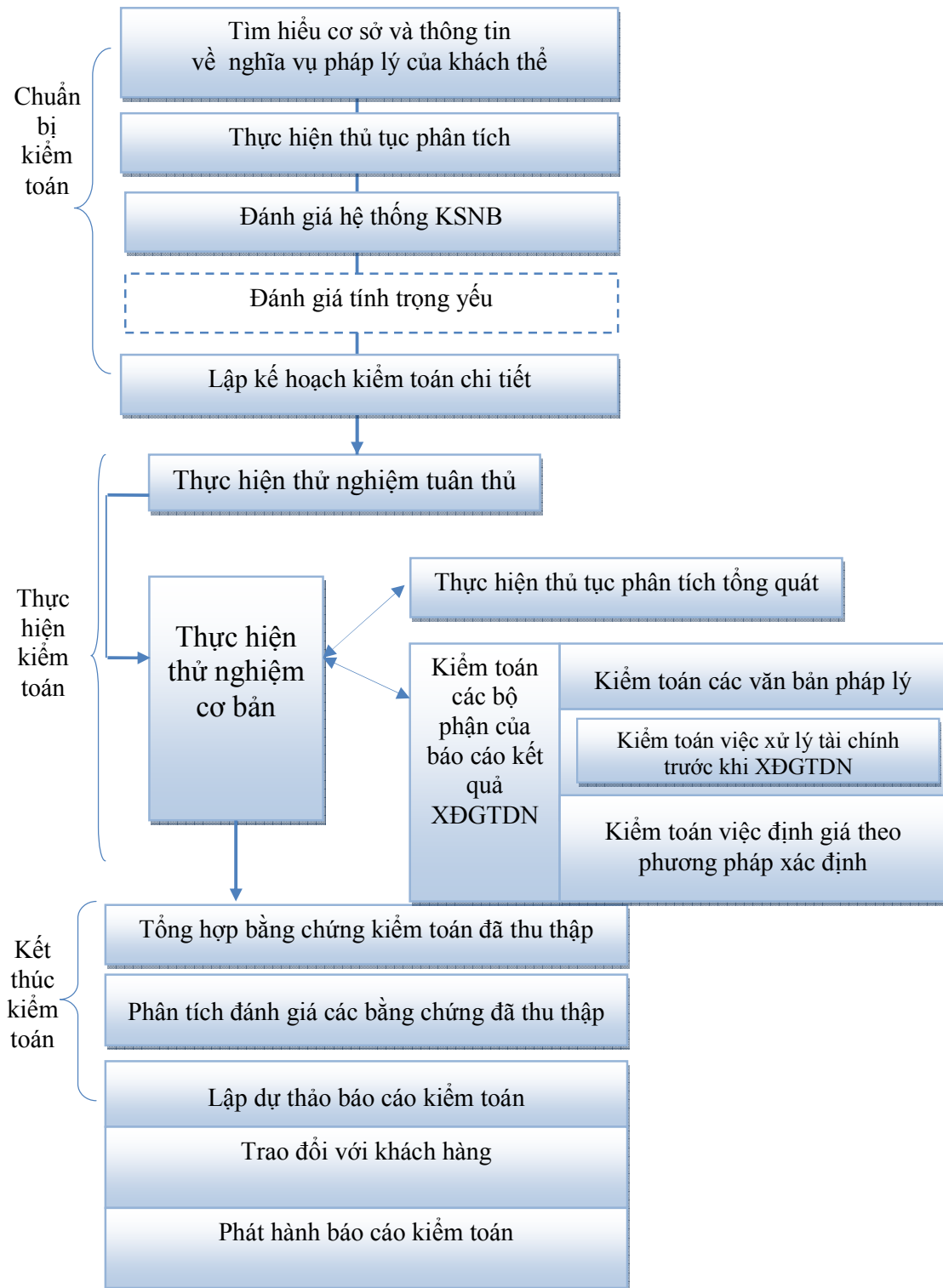
Ngôn ngữ trình bày trên báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là ngôn ngữ sử dụng chính thức của một quốc gia, như đối với báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam thì báo cáo phải lập bằng tiếng Việt Nam.

Trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có thể minh họa qua sơ đồ 3.1 dưới đây.

### ***3.2.4. Hoàn thiện phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp***

#### ***3.2.4.1. Hoàn thiện việc đánh giá tính hợp lý của phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp***

Một nội dung quan trọng mà KTV cần phải tập trung giải quyết trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là: xem xét việc sử dụng các phương pháp định giá có hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động và thực trạng của doanh nghiệp được xác định giá trị hay không. Trong quá trình tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp, các thẩm định viên có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để xác định giá trị của doanh nghiệp như phương pháp tài sản, phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp định lượng lợi thế thương mại (Goodwill), phương pháp P/E... Mỗi phương pháp đều có ưu điểm, nhược điểm riêng và được áp dụng tùy theo từng đơn vị được định giá.



Sơ đồ 3.1: Trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

Có hai phương pháp tiếp cận phổ biến được sử dụng để xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay tại Việt Nam là:

- Phương pháp tài sản được sử dụng trong trường hợp đơn vị đang hoạt động không tốt;

- Phương pháp thu nhập/dòng tiền được sử dụng trong trường hợp đơn vị đang hoạt động tốt: Đây là các đơn vị có khả năng tạo ra một khoản hoàn vốn đầu tư lớn. Định giá theo phương pháp thu nhập/ dòng tiền lại có các phương pháp khác nhau:

+ Phương pháp thu nhập được vốn hóa: Phương pháp này được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Khả năng sinh lời hiện tại đại diện cho khả năng sinh lời mà doanh nghiệp có thể đạt được trong tương lai;
- Khả năng sinh lời trong tương lai ổn định;
- Hầu như hoặc không có sự thay đổi nào trong cách thức điều hành doanh nghiệp;
- Các nhu cầu đầu tư trong tương lai phù hợp với các yêu cầu duy trì cơ cấu hiện tại;

+ Phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF): Phương pháp định giá này được sử dụng cho các loại đơn vị sau:

- Các doanh nghiệp có thời gian hoạt động vô tận;
- Các doanh nghiệp mới thành lập chưa có thu nhập có thể duy trì;
- Các doanh nghiệp đang tăng trưởng, hiện không tạo ra các dòng tiền hoạt động dương hoặc vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển và có sự tăng mạnh trong doanh thu và thu nhập.

Như vậy có thể thấy, mỗi phương pháp định giá phù hợp với từng đơn vị trong từng điều kiện cụ thể. Chính vì vậy, khi thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV cần phải đánh giá tính hợp lý của phương pháp

định giá doanh nghiệp do có ảnh hưởng rất lớn đến giá trị của doanh nghiệp. Để xác định phương pháp định giá được sử dụng có hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động và thực trạng của doanh nghiệp được xác định giá trị hay không, KTV thực hiện các công việc sau:

Thứ nhất, KTV cần xác định đơn vị là đơn vị mới thành lập hay đã hoạt động trong thời gian dài. Khi đó, KTV tiến hành kiểm tra giấy phép thành lập công ty hoặc quyết định thành lập đơn vị để làm căn cứ lựa chọn phương pháp phù hợp;

Thứ hai, xác định rõ tình hình hoạt động thực tế của đơn vị đang hoạt động tốt hay không tốt đồng thời đánh giá khả năng sinh lời của đơn vị trong năm hiện hành và trong vài năm tới. Công việc này được thực hiện thông qua quá trình phân tích về các thông tin, đặc biệt qua các tỷ suất tài chính cơ bản của đơn vị khi lập kế hoạch xác định giá trị doanh nghiệp;

Thứ ba, KTV thu thập thông tin từ những người thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để xác định lý do lựa chọn phương pháp định giá đang được áp dụng;

Thứ tư, đối chiếu với các điều kiện của phương pháp và các quy định pháp lý hiện hành để đánh giá tính hợp lý của phương pháp định giá đã được áp dụng.

#### *3.2.4.2. Hoàn thiện việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán*

Thực tế cho thấy, việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong các cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được thực hiện chủ yếu dựa trình độ, năng lực và kinh nghiệm của KTV chứ chưa được thực hiện cụ thể trên giấy tờ làm việc. Để tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, KTV thực hiện việc đặt ra các câu hỏi cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, ban giám đốc khách hàng hoặc các nhân viên có liên quan. Việc đánh giá chỉ dựa vào kinh

kinh nghiệm chủ quan của KTV có thể sẽ đưa ra những nhận định thiếu chính xác về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị.

Do đó, để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng, cần thiết phải lập bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với từng khoản mục. Mẫu câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ được lập sẵn thành bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ và được các KTV áp dụng đối với tất cả các khách hàng. Nhược điểm của bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ chuẩn này là được lập chung cho mọi loại hình khách hàng, do đó nó có thể sẽ không sát với tình hình thực tế, đặc điểm hoạt động kinh doanh tại một số khách hàng và không khả thi đối với các khách hàng nhỏ. Vì vậy, khi đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng, đối với kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp bên cạnh việc sử dụng bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ thì rất cần đến kinh nghiệm thực tế của KTV. Để có căn cứ lập bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ khi xác định giá trị doanh nghiệp, KTV dựa vào các yếu tố sau:

- Nội dung và kết quả trao đổi với khách hàng về các nội dung liên quan;
- Việc kiểm tra và xem xét các tài liệu, các thông tin liên quan đến giá trị doanh nghiệp do hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ cung cấp;
- Việc quan sát hệ thống quản lý kho, TSCĐ, quy trình công nghệ, quá trình xử lý nghiệp vụ, ...

KTV căn cứ vào các câu trả lời trong bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ này sẽ nhận thấy sự có mặt hay vắng mặt của từng dấu hiệu kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho... của khách hàng khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp. Một số sai phạm của các quá trình kiểm soát chủ yếu đối với xác định giá trị doanh nghiệp dễ xảy ra là:



- Khách hàng không thực hiện kiểm kê đánh giá lại giá trị tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp một cách nghiêm túc và khách quan;

- Việc phân loại các khoản mục tài sản thành tài sản cần dùng, không cần dùng, tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, tài sản chờ thanh lý không đúng với tính chất và nội dung;

KTV tổng hợp và đánh giá được hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc xác định giá trị doanh nghiệp của khách hàng là ở mức khá, trung bình hay yếu dựa trên sự vắng mặt của từng dấu hiệu kiểm soát xác định giá trị doanh nghiệp của khách hàng.

KTV có thể sử dụng mẫu bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ cho một số khoản mục đối với xác định giá trị doanh nghiệp nên được xây dựng như sau:

**Bảng 3.1: Bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với xác định giá trị doanh nghiệp**

❖ *Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng*

Bước công việc	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Công việc thủ quỹ và kế toán tiền mặt có do một người đảm nhận không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Đã thực hiện kiểm kê tiền mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Có đối chiếu số liệu trên sổ kế toán tiền mặt với sổ quỹ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Có tiến hành việc đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Ngân hàng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5. Các khoản tiền ngoại tệ có được theo dõi riêng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

6. Có đánh giá lại số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
--	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--

**Kết luận:** Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các khoản tiền

Khá      Trung bình      Yếu  
           

❖ **Các khoản phải thu, phải trả**

Bước công việc	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Có theo dõi riêng biệt từng khoản phải thu, phải trả không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Có lập Bảng kê chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả theo năm phát sinh không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Có thực hiện phân loại các khoản công nợ phải thu, phải trả và tách riêng các khoản không thể thu được chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Khách hàng có lập dự phòng cho những khoản nợ phải thu khó đòi chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5. Có xử lý đối với các khoản các khoản nợ phải thu không thể thu được không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6. Đã lập hồ sơ các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đề nghị xóa nợ chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7. Khi lập BCTC trước khi xác định giá trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

doanh nghiệp, các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc bằng ngoại tệ có được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng không?				
8. Có đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9. Có lập bảng đánh giá tỷ lệ các khoản công nợ phải thu, phải trả đã được đối chiếu không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

**Kết luận:** Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các khoản phải thu, phải trả

Khá      Trung bình      Yếu  
           

❖ **Hàng tồn kho**

Bước công việc	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Có thực hiện phân loại và kiểm kê hàng tồn kho theo đúng qui định tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Đã thực hiện phân loại những khoản mục hàng tồn kho chậm luân chuyển, hư hỏng và lỗi thời và không cần dùng chưa và có đề chúng riêng ra không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Các phiếu nhập và phiếu xuất có đầy đủ và được phê duyệt không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Các phiếu nhập, xuất kho có được ghi sổ kế toán kịp thời không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

5. Việc xác định giá trị hàng tồn kho có nhất quán với các năm trước không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6. Khách hàng đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7. Xác định giá trị hàng tồn kho có so sánh với giá thị trường không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8. Đối với công cụ dụng cụ đã xuất dùng cho nhiều kỳ có được phân bổ đúng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9. Có tính giá thành chi tiết cho các thành phẩm tồn kho không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

**Kết luận:** Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho

Khá                      Trung bình                      Yếu  
                                           

❖ **TSCĐ**

Bước công việc	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Có thực hiện kiểm kê TSCĐ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Có phân loại riêng rẽ các loại TSCĐ và tách riêng các loại TSCĐ không cần dùng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Có theo dõi riêng những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý, tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Tất cả các TSCĐ có được ghi sổ theo giá gốc hay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

5. Có đánh giá lại nguyên giá TSCĐ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6. Khấu hao TSCĐ có được tính đúng theo các qui định hiện hành không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7. Việc tính khấu hao TSCĐ có được nhất quán với các năm trước không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8. Các thủ tục thanh lý TSCĐ có theo đúng qui trình không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9. Ngoài kế toán, có bộ phận nào theo dõi và quản lý danh mục TSCĐ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

**Kết luận:** Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với TSCĐ

Khá                      Trung bình                      Yếu  
                                           

❖ **Các khoản vay**

Bước công việc	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Khách hàng có thường xuyên đối chiếu tiền vay với người cho vay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Đã đối chiếu tiền vay tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp với người cho vay chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Khách hàng có theo dõi được khoản tiền lãi phải trả người cho vay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Các hợp đồng vay có được theo dõi đầy đủ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

5. Việc hạch toán các khoản vay có đúng kỳ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6. Khách hàng có đi vay với lãi suất quá với qui định không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7. Đã lập bảng kê chi tiết các khoản vay theo từng đối tượng, thời hạn vay, thời hạn trả nợ, lãi suất vay chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8. Đã đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9. Có các khoản vay đề nghị xóa nợ gốc, nợ lãi vay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

**Kết luận:** Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các khoản vay

Khá            Trung bình            Yếu  
                                                       

KTV sử dụng bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ này để thu thập hiểu biết về kiểm soát nội bộ và tiến hành kiểm tra lại để khẳng định các câu trả lời là phù hợp. Việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng không những chỉ được thực hiện trong giai đoạn lập kế hoạch mà có thể được thực hiện, kiểm tra và bổ sung trong suốt quá trình kiểm toán. Do đó, việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng được thực hiện một cách linh hoạt và hỗ trợ hiệu quả cho công việc kiểm tra chi tiết của KTV.

### *3.2.4.3. Hoàn thiện việc thực hiện thủ tục phân tích trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp*

Thủ tục phân tích là một tập hợp các phương pháp thích ứng với nội dung kiểm toán cụ thể theo một trình tự khoa học. Vận dụng thủ tục này rất hữu hiệu, tiết kiệm thời gian và chi phí nhưng vẫn đảm bảo kết luận đưa ra đáng tin cậy. Đối với kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, việc vận dụng các thủ tục phân tích lại càng phức tạp do có nhiều vấn đề trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp và có liên quan đến nhiều khoản mục trên BCTC. Tuy nhiên, việc vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay còn rất hạn chế. Việc KTV không thực hiện hoặc thực hiện một cách không đầy đủ còn dẫn đến không có những định hướng hợp lý cho việc áp dụng các thủ tục kiểm tra chi tiết.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, các KTV cần vận dụng thủ tục phân tích theo những hướng sau nhằm đảm bảo hiệu quả của cuộc kiểm toán:

- Kiểm tra tính hợp lý của Bảng kê danh mục tài sản của doanh nghiệp bằng cách so sánh số liệu của cùng khoản mục tài sản, các khoản công nợ phải thu, phải trả, nguồn vốn... trên Bảng kê với số liệu trên BCTC, sổ cái, sổ chi tiết;
- Đánh giá tính hợp lý của các khoản mục bằng cách đối chiếu sự phù hợp giữa Bảng kê với chứng từ gốc, sổ chi tiết, kiểm tra tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ gốc;

Phân tích, đánh giá các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các tỷ suất tài chính. Phân tích tỷ suất là một phần quan trọng trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Việc phân tích so sánh đòi hỏi phải so sánh với một tiêu chuẩn đã lựa chọn hoặc so sánh giữa các thời điểm khác nhau. Một số tỷ suất được sử dụng trong đánh giá doanh nghiệp bao gồm:

- Đối với các doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thì sử dụng các tỷ suất sau để phân tích:

- Nhóm các tỷ suất đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

- + Tỷ suất khả năng thanh toán hiện hành:

KTV sử dụng tỷ suất này để đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp trước khi xác định giá trị doanh nghiệp tốt hay không tốt. Đồng thời tiến hành so sánh với giá trị trong những năm trước đó và giá trị trung bình ngành mà doanh nghiệp đang kinh doanh để đánh giá tình hình thanh toán hiện hành của doanh nghiệp.

- + Tỷ suất khả năng thanh toán nhanh:

Tỷ suất này nhằm đánh giá khả năng thanh toán tức thời, đây là một tiêu chuẩn đánh giá khắt khe hơn về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và giúp cho những người sử dụng thông tin về định giá đưa ra quyết định phù hợp trong quá trình hoạt động.

- Nhóm các tỷ suất đánh giá tính hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp:

- + Số vòng quay hàng tồn kho:

Nếu tỷ suất này thấp thì cho thấy các loại hàng tồn kho quá cao so với doanh số bán và số ngày hàng nằm trong kho càng cao, tức là hiệu quả quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp càng thấp vì vốn lưu động bị tồn đọng trong hàng hóa quá lâu.

- + Vòng quay các khoản phải thu:

Nếu số ngày trong kỳ thu tiền bình quân thấp thì doanh nghiệp không bị đọng vốn trong khâu thanh toán, không có những khoản nợ phải thu khó đòi. Ngược lại, tỷ số này cao thì cần phải đánh giá chính sách bán hàng để tìm hiểu nguyên nhân tồn đọng nợ phải thu. Từ đây sẽ đánh giá được hiệu quả



quản lý các khoản phải thu của doanh nghiệp và hạn chế rủi ro đối với các khoản phải thu khó đòi.

- Nhóm các tỷ suất đánh giá khả năng sinh lời của doanh nghiệp:

- + Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

Đây là một tỷ suất được nhiều người quan tâm vì sự biến động của tỷ số này phản ánh sự biến động về hiệu quả tăng giảm giá thành hay ảnh hưởng của các chiến lược tiêu thụ, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tỷ suất này càng cao và doanh thu của doanh nghiệp càng lớn thì tiềm năng lợi nhuận cũng càng lớn.

- + Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh:

Tỷ suất này có ý nghĩa rất quan trọng đối với các chủ sở hữu hiện tại cũng như những chủ sở hữu tiềm tàng của doanh nghiệp vì nó cho biết khả năng thu nhập có thể nhận được nếu họ quyết định đầu tư vốn vào công ty. Tỷ suất này còn cho biết sức hấp dẫn của doanh nghiệp đối với các nhà đầu tư tiềm tàng trên thị trường tài chính.

- Đối với doanh nghiệp tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện quá trình mua bán, sáp nhập, phá sản, giải thể, chia tách doanh nghiệp thì ngoài những tỷ suất trên KTV còn tiến hành đánh giá thêm nhóm tỷ suất nợ phải trả:

- + Tỷ suất Nợ:

Tỷ suất này nhằm đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp, xác định tỷ trọng thanh toán được các khoản phải trả của doanh nghiệp. Tỷ số này càng cao thì đối với các cơ quan quản lý nhà nước sẽ đánh giá được tiềm ẩn nhiều nguy cơ xấu về mặt kinh tế xã hội.

- + Tỷ suất Nợ / Vốn cổ phần:

Tỷ suất này càng cao chứng tỏ mức độ rủi ro đối với chủ nợ càng lớn và doanh nghiệp đi vay nợ là chủ yếu hơn là sử dụng vốn của chính bản thân

doanh nghiệp. Điều cho thấy vốn của doanh nghiệp không đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả.

Thủ tục phân tích là một kỹ thuật phức tạp đòi hỏi nhiều kỹ năng và kinh nghiệm của KTV và cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết về chuyên môn với sự hiểu biết về thực tế ngành nghề, lĩnh vực, tình hình kinh doanh của khách hàng.

### **3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

#### ***3.3.1. Đối với các cơ quan nhà nước***

Hiện nay, các văn bản pháp lý của Nhà nước về kiểm toán nói chung và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn thiếu và chưa đồng bộ và tính khả thi chưa cao. Các văn bản hiện nay đối với hoạt động kiểm toán như :

- Đối với Kiểm toán nhà nước, Quốc hội đã ban hành Luật kiểm toán Nhà nước ban hành năm 2005. Bên cạnh đó, Kiểm toán nhà nước đã ban hành một số văn bản liên quan đến hoạt động của mình như: Quyết định Số 06/2009/QĐ-KTNN ngày 23 tháng 10 năm 2009 về Quy trình kiểm toán Chương trình mục tiêu quốc gia, Quyết định Số 01/2010/QĐ-KTNN ngày 25 tháng 01 năm 2010 về Quy trình kiểm toán Ngân sách Nhà nước, Quyết định Số 02/2010/QĐ -KTNN ngày 27 tháng 01 năm 2010 về Ban hành quy trình kiểm toán doanh nghiệp nhà nước. Như vậy có thể thấy, các văn bản này đã giúp hướng dẫn cho các hoạt động của Kiểm toán nhà nước.

- Đối với kiểm toán độc lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định Số 105/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế thị trường, Nghị định Số 30/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 tháng 2009 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Số 105/2004/NĐ-CP và Bộ Tài chính cũng đã ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt

Nam. Các văn bản này đã đưa ra các hướng dẫn về tổ chức bộ máy, lĩnh vực hoạt động, điều kiện đối với hoạt động của kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, đối với hoạt động của kiểm toán độc lập thì còn thiếu một luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện nay đã không còn phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán quốc tế hiện hành. Do đó, để đảm bảo cho các kiến nghị nêu trên có tính khả thi cao và đạt được được hiệu quả trong quá trình hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, Tác giả đưa ra một số đề xuất sau với các cơ quan nhà nước:

Thứ nhất, Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật kiểm toán độc lập vừa được Quốc hội khóa XII thông qua vào tháng 3 năm 2011 nhằm tạo ra hành lang pháp lý quy định rõ về trách nhiệm, quyền hạn và phạm vi sử dụng kết quả của kiểm toán độc lập. Việc ban hành này sẽ xác định rõ hơn về địa vị của kiểm toán độc lập trong nền kinh tế hiện nay. Luật kiểm toán độc lập là những quy định pháp lý nhằm bảo vệ cho cả chủ thể kiểm toán, các đơn vị được kiểm toán và kể cả những người sử dụng kết quả kiểm toán. Việc ban hành Luật kiểm toán độc lập sẽ xóa bỏ được tình trạng thiếu căn cứ cho việc xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động của kiểm toán độc lập.

Thứ hai, Bộ Tài chính cần sớm nghiên cứu, soạn thảo, điều chỉnh, sửa chữa và ban hành lại các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cho phù hợp với Hệ thống chuẩn mực Kiểm toán quốc tế. Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung này là rất cần thiết để tạo điều kiện cho hoạt động kiểm toán độc lập tại Việt Nam có thể hòa nhập với hoạt động kiểm toán quốc tế.

Thứ ba, Các cơ quan nhà nước cần sớm ban hành một cách đồng bộ hệ thống chính sách, chế độ đầy đủ, cụ thể và chặt chẽ trong lĩnh vực xác định giá trị doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao chất lượng cho hoạt động kiểm toán. Hiện nay, hệ thống văn bản, chính sách và chế độ về xác định

giá trị doanh nghiệp mới chủ yếu tập trung cho việc xác định giá trị doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình cổ phần hóa mà chưa có các văn bản liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác. Bên cạnh đó, trong những năm qua, Bộ Tài chính đã ban hành Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá đã giúp cho hoạt động thẩm định giá đi vào khuôn khổ. Tuy nhiên, hệ thống các tiêu chuẩn này vẫn còn chưa đầy đủ nên cũng làm cho các đơn vị thẩm định giá cũng như những người thực hiện thẩm định giá gặp nhiều khó khăn khi thực hiện. Thêm vào đó, các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và đã lạc hậu. Vì vậy, cần phải bổ sung, sửa đổi hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý cho hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp.

Thứ tư, Các cơ quan nhà nước cần tăng cường công tác kiểm soát chất lượng hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp. Do đây là một lĩnh vực mới phát triển, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm và vừa làm vừa học hỏi nên chất lượng của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong những năm gần đây còn nhiều bất cập. Hiện nay, cơ chế kiểm soát chất lượng đối với hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn thiếu và chưa rõ ràng dẫn tới việc kiểm soát gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của công việc định giá.

Thứ năm, Cần sửa đổi quy định về mức giá phí kiểm toán hiện nay. Theo quy định hiện hành thì mức phí trả cho hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước thường bị khống chế mức trần. Mức phí dịch vụ kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cũng như phí dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp bị khống chế dẫn đến tình trạng không đủ chi phí trang trải cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Do vậy, Nhà nước cần sửa đổi quy định về mức phí kiểm toán phù hợp với từng

loại doanh nghiệp và đây là một trong các yếu tố để nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán.

### ***3.3.2. Đối với các đơn vị kiểm toán***

Nội dung kiến nghị đối với các đơn vị kiểm toán hiện nay, bao gồm:

Một là, Phải không ngừng đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ KTV nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc. Hoạt động kiểm toán nói chung, hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng đòi hỏi các KTV phải có sự hiểu biết ở một phạm vi rộng với nhiều vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, nền kinh tế nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng hiện nay có sự phát triển nhanh chóng, đa dạng và ngày càng phức tạp. Chính vì vậy, việc cập nhật kiến thức và được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên sẽ giúp cho KTV có đủ trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Hai là, về hệ thống mẫu biểu, tài liệu giấy tờ sử dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, các đơn vị kiểm toán cần phải có sự nghiên cứu, ban hành và vận dụng thống nhất. Hiện nay, các đơn vị kiểm toán đã ban hành các biểu mẫu giấy tờ dùng trong kiểm toán nhưng đó chủ yếu là dùng cho kiểm toán BCTC và khi dùng cho kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì có nhiều điểm không phù hợp. Điều này dẫn đến việc rất khó cho việc tổng hợp kết quả cũng như việc kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trong quá trình hoạt động kiểm toán. Ví dụ như việc nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ không đúng theo yêu cầu, việc phản ánh nhiều tại nhiều đơn vị không đầy đủ trên giấy tờ làm việc. Chính vì vậy, việc thống nhất biểu mẫu, giấy tờ ghi chép trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là rất cần thiết, cụ thể:

+ Có hệ thống câu hỏi sẵn về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với từng bộ phận với các câu hỏi có hoặc không để thuận tiện trong việc thu thập thông tin và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ.

+ Có hệ thống mẫu biểu thống nhất về kế hoạch kiểm toán.

+ Có các biểu mẫu in sẵn để tổng hợp, ghi chép các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán làm căn cứ cho việc đưa ra ý kiến của KTV.

Ba là, về nội dung kiểm toán được trình bày trong phần trên chỉ là những nội dung cơ bản và tổng quát, do đó, khi thực hiện kiểm toán cần căn cứ vào tình hình cụ thể của từng cuộc kiểm toán để vận dụng linh hoạt nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một loại hình kiểm toán kết hợp chặt chẽ ba lĩnh vực kiểm toán là kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ. Trong chương này, Tác giả đã trình bày rõ sự cần thiết cần phải hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở nghiên cứu về thực trạng của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay. Chương 3 của luận án đã tập trung vào các kiến nghị, giải pháp dưới nhiều góc độ khác nhau nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Các giải pháp quan trọng được đề cập trong chuyên đề luận án gồm:

- Một là hoàn thiện về việc xác định mục tiêu kiểm toán cho hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

- Hai là, xác định rõ về nội dung cơ bản cần phải tiến hành khi kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

- Ba là, hoàn thiện về phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp và trình tự tổ chức kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

Để tạo điều kiện thực hiện các giải pháp, tác giả cũng đưa ra kiến nghị với cơ quan nhà nước, các đơn vị kiểm toán nhằm tạo tiền đề cho hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp đạt được hiệu quả cao hơn.

## KẾT LUẬN

Trong những năm vừa qua, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp đã giúp cho Nhà nước đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phục vụ có hiệu quả cho hoạt động mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành đã làm phát sinh các hiện tượng tiêu cực như kê khai sai về số lượng, giá trị tài sản, thay đổi số vốn kinh doanh... Để ngăn chặn và làm minh bạch hóa thông tin về giá trị doanh nghiệp thì kiểm toán đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế tạo lòng tin cho những người quan tâm. Thông qua kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp góp phần giúp Nhà nước tránh bị giảm các nguồn vốn đã đầu tư, mất các tài sản và tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động của các doanh nghiệp tốt hơn.

Trong Luận án đã đạt được một số vấn đề sau:

- Tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán nói chung và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng, trong đó có xem xét các đặc trưng của xác định giá trị doanh nghiệp ảnh hưởng đến kiểm toán.

- Trên cơ sở của lý luận, tác giả Luận án đã nghiên cứu, mô tả, phân tích và đánh giá thực trạng, chỉ rõ những ưu điểm cũng như hạn chế trong nội dung, phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay và sự cần thiết phải tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Đồng thời, đã phân tích đánh giá thực trạng về nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do các công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Luận án cũng đã khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện nội dung, phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở các ưu, nhược điểm đã được đánh giá về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

- Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thông qua thực trạng của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, luận án đã trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay. Các kiến nghị của tác giả nhằm hướng đến hoạt động của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp như: Xác định rõ mục đích của việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kiến nghị về hoàn thiện nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kiến nghị về hoàn thiện trình tự kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp giúp cho các công ty kiểm toán tiến hành công việc đạt hiệu quả cao hơn.

Trong quá trình thực hiện, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, những nhà nghiên cứu và các nhà chuyên môn quan tâm tới vấn đề này để luận án được hoàn thiện hơn nữa./.



## DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Đinh Thế Hùng - *Giải pháp hoàn thiện kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành do các công ty kiểm toán độc lập thực hiện* - Tạp chí Kinh tế và Phát triển - Số tháng 6/2006.
2. Đinh Thế Hùng - *Vai trò của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay* - Tạp chí Kinh tế và Phát triển - kỳ 2 - tháng 11/2009.
3. Đinh Thế Hùng - *Đặc trưng và mục tiêu của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay* - Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán - số 35 - tháng 9/2010.
4. Đinh Thế Hùng - *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay* – Tạp chí Kinh tế và Phát triển - số 165 (II) – tháng 3/2011.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I - Tiếng Việt

1. Alvin A.Arens, James K. Loebbecke (1995), *Kiểm toán*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội. Dịch và biên soạn: Đặng Kim Cương và Phạm Văn Dược.
2. Trần Việt Anh (2005), “*Phương pháp xác định giá trị cho Ngân hàng Thương mại Việt Nam*”, tài liệu hội thảo Hoàn thiện các Phương pháp định giá doanh nghiệp trong cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam, trang 7-9.
3. Bộ Tài chính (2002), *Thông tư Số 79/2002/TT-BTC, ngày 12 tháng 09 năm 2002 của Bộ Tài chính, hướng dẫn xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Nghị định Số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
4. Bộ Tài chính (2004), *Thông tư Số 126/2004/TT-BTC, ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định Số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
5. Bộ Tài chính (2007), *Thông tư Số 146/2007/TT-BTC, ngày 6 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định Số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
6. Bộ Tài chính (2004), *Hệ thống văn bản pháp luật về kiểm toán Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (quyển 1, 2, 3, 4, 5, 6)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
8. Bộ Tài chính (2008), *Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
9. Bộ Tài chính (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá (quyển 1 và 2).*

10. Chính phủ (2004), *Nghị định Số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.*
11. Chính phủ (2007), *Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.*
12. Trần Văn Dũng (2005), “*Để hoàn thiện công tác định giá doanh nghiệp trong cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*”, Tạp chí kế toán , số 55.
13. Trần Văn Dũng (2005), *Định giá tài sản cố định vô hình*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số 24.
14. Euro-Tập Việt (2000), *Cẩm nang kiểm toán*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
15. Euro-Tập Việt (1998), *Sổ tay kiểm toán viên*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
16. Nghiêm Quý Hào (2005), *Chất lượng cổ phần hoá và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp*, Tạp chí chứng khoán, trang 6-7.
17. Trần Ngọc Hiền (2007), *Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản (126), trang 8-10.
18. Nguyễn Minh Hoàng (2001), *Hoàn thiện phương pháp định giá doanh nghiệp*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
19. Nguyễn Minh Hoàng (2008), *Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê.
20. Vương Đình Huệ, Thịnh Văn Vinh (2002), *Kiểm tra, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành (Nội dung, trình tự và phương pháp)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
21. Đinh Thế Hùng (2009), *Vai trò của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số kỳ 2 tháng 11.

22. Đinh Thế Hùng (2010), *Đặc trưng và mục tiêu của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, số 35.
23. Đinh Thế Hùng (2011), *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 165 (II).
24. Nguyễn Đình Hựu (1998), *Kiểm toán căn bản*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Kiểm toán Nhà nước (2002), *Cẩm nang kiểm toán viên Nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Trần Thị Thuỷ Linh (2004), *Đấu giá cổ phần tại doanh nghiệp cổ phần hóa đòi điều cần xem xét*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 11, trang 11-14.
27. Liên hiệp công nghệ mới – sản phẩm mới (1990), *Đánh giá các xí nghiệp*, Trung tâm Xuất bản Hà Nội.
28. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2000), *Tài liệu phương pháp đánh giá giá trị tài sản trong nền kinh tế thị trường và trong cổ phần hóa doanh nghiệp*.
29. Phạm Việt Muôn (2005), *Tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trong mối quan hệ với lộ trình phát triển thị trường chứng khoán*, Đặc san Thị trường chứng khoán Việt Nam 5 năm hình thành và phát triển, trang 20-22.
30. Quốc Hội (2003), *Luật Doanh nghiệp Nhà nước Số 14/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003*, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
31. Quốc Hội (2005), *Luật Doanh nghiệp Số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
32. Nguyễn Quang Quỳnh (2005), *Lý thuyết kiểm toán*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

33. Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2006), *Kiểm toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
34. Nguyễn Quang Quỳnh (2009), *Kiểm toán hoạt động*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
35. Nguyễn Hải Sản (2003), *Đánh giá Doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính
36. Thanh tra Nhà nước (2003), *Một số vấn đề về thanh tra, kiểm tra đầu tư xây dựng*, Hà Nội.
37. Đoàn Duy Thành (1996), *Đánh giá các xí nghiệp tại Pháp*, Kiến thức kinh doanh, Nhà xuất bản KNKT, trang 79-84.
38. Tổng cục Thuế (2004), *Hành nghề kế toán và thị trường dịch vụ kế toán ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
39. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê (2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009)*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
40. Hoàng Công Thi (1993), *Phá sản và xử lý phá sản ở các nước và Việt Nam*, Viện Khoa học tài chính.
41. *Từ điển Bách khoa Việt Nam 2*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, 2002
42. VACO (1992), *Những chuẩn mực và nguyên tắc kiểm toán quốc tế (Tài liệu dịch)*, Hà Nội.
43. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá, Hà Nội.
44. Các tài liệu và hồ sơ kiểm toán của một số công ty kiểm toán tại Việt Nam.

## **II - Tiếng Anh**

45. Alvin A. Arens, James K. Loebbecke (1997), *Auditing: An integrated Approach*, Prentice - Hall International, Inc.
46. Aswath Darmoleran (2000), *Investment Valuation*, Mc Kinsey & Company. Inc.

47. Fredrik Sjöholm (2006), *State Owner enterprises and equitization in Vietnam*, The European Institute of Japanese Studies, Stockholm School of economics.
48. Iain Gray, Stuart Manson (1996), *The Audit Process – Principles, practices and cases*, International Thomson Business Press
49. Jack C. Robertson (1996), *Auditing*, Irwin Inc.
50. Jean Raffegau, Fernand Dubois, Didier de Moneville (1992), *L'audit operationnel*, Presses UNIVERSITAIRES de France .
51. Martin J. Whitman (2000), *Value Investing: A Balanced Approach*, Mc Kinsey & Company. Inc.
52. O. Ray Whittington, Kurt Pany (1998), *Principles of Auditing*, Irwin/Mc Graw – Hill Companies Inc
53. Tham J., Velez-Pareja I (2004), *Principles of Cash flow valuation*, ELSEVIER.
54. Tom Copeland, Tim Koller, Jack Murring (2000), *Valuation measuring and Managing the Value of companies*, Mc Kinsey & Company. Inc.
55. William T. Thornhill (1981), *Complete Handbook of Operational and Management Auditing*, Prentice – Hall Inc.
56. Z. Benninga S., H. Sarig O. (2001), *Corporate finance: a valuation approach*, The McGraw - Hill Companies, INC.

**PHỤ LỤC I – Kết quả XDGTĐN tại Xí nghiệp khai thác XYZ**  
**Bảng I.1 - Bảng cân đối kế toán trước định giá**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Trước định giá)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ SỔ SÁCH	SỐ ĐIỀU CHỈNH	SỐ SỔ SAU ĐIỀU CHỈNH
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>5,546,614,899</b>	<b>(90,148,455)</b>	<b>5,456,466,444</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>153,331,690</b>	-	<b>153,331,690</b>
1. Tiền	111	153,331,690	-	153,331,690
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>117,329,713</b>	-	<b>117,329,713</b>
5. Các khoản phải thu khác	135	117,329,713	-	117,329,713
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4,925,156,133</b>	<b>(90,148,455)</b>	<b>4,835,007,678</b>
1. Hàng tồn kho	141	4,925,156,133	(90,148,455)	4,835,007,678
Nguyên vật liệu tồn kho		2,894,711,168	(90,148,455)	2,804,562,713
Công cụ dụng cụ trong kho		9,787,650	-	9,787,650
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		2,020,657,315	-	2,020,657,315
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>350,797,363</b>	-	<b>350,797,363</b>
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	350,797,363	-	350,797,363
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>83,712,972,458</b>	<b>(36,906,445)</b>	<b>83,676,066,013</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>83,390,264,118</b>	<b>(36,906,445)</b>	<b>83,353,357,673</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	68,847,977,940	(36,906,445)	68,811,071,495
Nguyên giá	222	112,054,761,142	(10,019,312,402)	102,035,448,740
Hao mòn lũy kế (*)	223	(43,206,783,202)	9,982,405,957	(33,224,377,245)
3. Tài sản cố định vô hình	227	54,635,140	-	54,635,140
Nguyên giá	228	78,299,234		78,299,234
Hao mòn lũy kế (*)	229	(23,664,094)		(23,664,094)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14,487,651,038		14,487,651,038
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>322,708,340</b>	-	<b>322,708,340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	322,708,340	-	322,708,340
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>89,259,587,357</b>	<b>(127,054,900)</b>	<b>89,132,532,457</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2006

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ SỔ SÁCH	SỐ ĐIỀU CHỈNH	SỐ SAU ĐIỀU CHỈNH
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>83,038,046,302</b>	-	<b>83,038,046,302</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>83,038,046,302</b>	-	<b>83,038,046,302</b>
2. Phải trả người bán	312	2,845,599,667	-	2,845,599,667
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4,839,739	-	4,839,739
5. Phải trả cho người lao động	315	2,586,901,126	-	2,586,901,126
7. Phải trả nội bộ	317	76,935,349,397	-	76,935,349,397
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	665,356,373	-	665,356,373
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>6,221,541,055</b>	<b>(127,054,900)</b>	<b>6,094,486,155</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5,905,623,933</b>	<b>(127,054,900)</b>	<b>5,778,569,033</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5,905,623,933	(127,054,900)	5,778,569,033
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>315,917,122</b>	-	<b>315,917,122</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	227,464,982	-	227,464,982
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	88,452,140	-	88,452,140
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>89,259,587,357</b>	<b>(127,054,900)</b>	<b>89,132,532,457</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

CHỈ TIÊU	SỐ SỔ SÁCH	SỐ ĐIỀU CHỈNH	SỐ SỔ SAU ĐIỀU CHỈNH
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại			-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn A

Giám đốc

Nguyễn Văn B



**Bảng I-2: Bút toán điều chỉnh trước xác định giá trị doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

ST T	Nội dung	TK	Bảng cân đối kế toán	
			Nợ	Có
1	Phân loại tài sản chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa			
	Nguồn vốn kinh doanh	411	36,906,445	
	Khấu hao TSCĐ	214	9,982,405,957	
	Nguyên giá TSCĐ	211		10,019,312,402
2	Phân loại nguyên liệu, vật liệu chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa			
	Nguồn vốn kinh doanh	411	90,148,455	
	Nguyên liệu vật liệu	152		90,148,455

**Bảng I-3: Thẻ tài sản của Nhà cửa phục vụ việc XDGTĐN****THẺ TÀI SẢN****1. Nhà ở 1**

- Địa điểm xây dựng: Phường XY-Thành phố HL
- Năm đưa vào sử dụng: 1996

**Các thông số kỹ thuật chính:**

- Loại: Nhà cấp 4
- Diện tích xây dựng: 143,2 m<sup>2</sup>

**Tình trạng bên ngoài và tình trạng vận hành:****1. Kết cấu chính:**

- Móng: Đá hộc
- Tường: Gạch bông tróc vữa và nứt nẻ nhiều chỗ
- Nền: Lát đá hoa Trung Quốc, rạn nứt nhiều chỗ
- Kết cấu đỡ mái : Xây gạch vữa ruồi, vì kèo gỗ đã có hiện tượng mối mọt cong vênh nhiều chỗ.
- Mái : Lợp mái ngói, ngói có hiện tượng nứt, vỡ gây nên nhà bị dột

**2. Cấu tạo kiến trúc khác:**

- Trần nhà và cấu tạo mái:

**a. Phương pháp phân tích kinh tế - kỹ thuật**

Bộ phận	Tỷ trọng (T%)	Tỷ lệ còn lại (H%)	P= TxH (%)
Móng	8	32	4,42
Cột	0	0	0
Tường	12	27	5,59
Nền	16	28	7,72
Kết cấu đỡ mái	10	34	5,86
Mái	12	31	6,41
<b>Tổng</b>	<b>58</b>		<b>30</b>

Chất lượng còn lại của TSCĐ: 30%

**b. Phương pháp thống kê - kinh nghiệm:**

- Niên hạn sử dụng (T): 30 năm
- Thời gian sử dụng (t): 12 năm

Chất lượng còn lại của TSCĐ =  $100\% - t/T = 100\% - (12/30)\% = 60\%$

**c. Đề nghị chất lượng còn lại của TSCĐ: 30%**

**Bảng I-4: Biên bản kiểm kê tài sản phục vụ việc XDGTĐN**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ**

**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Diện tích (m2)	Cấp nhà	Năm tăng tài sản	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán			Giá trị TSCĐ theo thực tế				Chênh lệch	
					Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Đơn giá	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 3x9	11	12 = 10 x 11	13 = 10 - 6	14 = 12 - 8
1	Nhà ở chi huy	143.2	4	1996	279,761,753	279,761,753	-	1,315,500	188,379,600	30.0%	56,513,880	(91,382,153)	56,513,880
2	Nhà làm việc cơ quan	281.8	4	1997	463,621,042	463,621,042	-	1,430,500	403,114,900	30.0%	120,934,470	(60,506,142)	120,934,470
3	Nhà hội trường tầng 1	245.6	4	1998	293,703,000	293,703,000	-	1,430,500	351,330,800	30.0%	105,399,240	57,627,800	105,399,240
4	Nhà hội trường tầng 2	245.6	4	1999	243,681,000	203,959,445	39,721,555	1,430,500	351,330,800	30.0%	105,399,240	107,649,800	65,677,685
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
38	Hệ thống điện mặt bằng-hầm lò			2007	98,000,000	-	98,000,000		98,000,000	100.0%	98,000,000	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>5,440,028,565</b>	<b>2,859,696,531</b>	<b>2,580,332,034</b>		<b>5,276,920,350</b>		<b>2,980,630,994</b>	<b>(163,108,215)</b>	<b>400,298,960</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

## **Bảng I-5: Thẻ tài sản của máy móc thiết bị**

### **THẺ TÀI SẢN**

#### **1. Máy phát điện 55KVA**

- Mã tài sản:
- Tên máy móc thiết bị: Máy phát điện
- Đơn vị sử dụng:
- Năm đưa vào sử dụng: 1997
- Nước sản xuất: Ba lan
- Nhãn hiệu:

#### **Các thông số kỹ thuật chính:**

- Công suất: 55 KVA
- Khung số :
- Số lần đại tu: 01
- Số lần trung tu : Năm trung tu : 2006

#### **Tình trạng bên ngoài và tình hình vận hành:**

- Thân vỏ : Rỉ sét, cong vênh do tác động của môi trường
- Động cơ : Máy sử dụng lâu, liên tục nên hoạt động kém hiệu quả
- Bộ phận điện: Kém

Hiện trạng thực tế sử dụng TSCĐ: Vẫn đang sử dụng

Các bộ phận cơ bản của TSCĐ	Tỷ lệ các kết cấu so với giá trị toàn bộ (%)	Tỷ lệ chất lượng còn lại của các kết cấu (%)	Tỷ lệ chất lượng còn lại của TSCĐ (%)
A	1	2	3=1x2
Thân vỏ	20	20	4
Động cơ	30	25	7,5

Bộ phận khác	50	17	8,5
<b>Tổng</b>	<b>100</b>		<b>20</b>

Chất lượng còn lại của tài sản: **20%**

**Bảng I-6: Biên bản xác định tình trạng tài sản**

**TỔNG CÔNG TY ABC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**VIỆT NAM XÍ NGHIỆP KT XYZ**

**Độc lập –**

**Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2008*

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH**

**TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT MÁY GẠT D7R- ĐBU 032**

**I/ PHẦN ĐỘNG CƠ:**

- Yếu, chảy dầu, máy ăn dầu, nhiệt độ báo cao, máy làm việc không ổn định
- Bơm ép vòi phun: mòn dơ, chảy dầu
- Vòi phun điện tử: chập chờn, kẹt kim
- Két nước + két dầu động cơ: mọt, chảy dầu
- Bơm nước: Mòn dơ bi + trục + cánh, hỏng phớt nước
- Bộ mát dầu động cơ: chảy dầu
- Bộ sấy khí: hỏng không làm việc
- ống giảm thanh: mọt thùng

**II/ PHẦN GẦM:**

1. Xích di chuyển:
  - Ba tanh xích: mòn, gãy
  - Gông xích: Nứt, mòn lỗ bạc
  - Bạc + ốc xích: mòn vỡ
2. Bánh sao chủ động:
  - Mòn, mẻ răng
3. Bánh dẫn hướng:

- Trục: Mòn
- Bạc + mặt xoa: Mòn chảy dầu
- 4. Galê tỳ + galê đỡ: Mòn gờ, Mặt xoa vỡ, chảy dầu không có tác dụng tỳ xích
- 5. Xàn bảo vệ: cong vênh
- 6. Xy lanh tăng xích: Mòn , xước ty
- 7. Môm gạt: Mòn, lưỡi cắt mòn

### III/ HỆ THỐNG THUỶ LỰC:

1. Bơm thuỷ lực: Mòn dơ, lọt dầu, áp lực thấp
2. Cụm van phân phối: chảy dầu, mòn tia doa
3. Xy lanh nâng ben: chảy dầu, dầu thuỷ lực thông khoang
4. Két dầu thuỷ lực: Chảy dầu
5. Các ty ô thuỷ lực: lão hoá

### IV/ CỤM HỘP SỐ:

1. Bơm đi số: Mòn dơ, không đảm bảo áp lực
2. Biền mô: Mòn cánh, bi mòn dơ
3. Lá ly hợp ma sát: mòn ( gây nhẩy số)
4. Giảm tốc cạnh: Bánh răng mòn, bi mòn dơ
5. Ly hợp lái: lá ly hợp mòn ( gây không cắt lái )

### IV/ PHẦN THÂN VỎ:

1. Cần + tây cần: nứt, Mòn bạc + ốc ( đã hàn tấp nhiều chỗ)
2. Gầu xúc: Mòn tai gầu + lợi gầu
3. Nắp chắn cabô: bẹp móp, hỏng khoá

### V/ CABIN:

1. Cabin: Mọt do MT,
2. cánh cửa: Móp, cong vênh , hỏng khoá
3. Ghế lái: rách vỏ, hỏng đệm
4. điều hoà: hỏng ( hiện tại không làm việc)

### VI/ HỆ THỐNG ĐIỆN:



1. Máy phát: phát điện chập chờn không ổn định.
2. Máy khởi động rô to cong, bạc mòn.
3. Hệ thống cảm biến báo chập chờn + hộp đen làm việc không ổn định.
4. Đồng hồ báo: Chập chờn

**Bảng I-7**

BỘ QUỐC PHÒNG

TỔNG CÔNG TY ABC

**BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI MÁY MÓC THIẾT BỊ ĐỀ CỒ PHẦN HOÁ**

**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm tăng tài sản	Số lượng	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán			Giá trị TSCĐ theo thực tế			Chênh lệch	
						Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12 = 10 x 11	13 = 10 - 7	14 = 12 - 9
1	Máy gạt KOMATSU số 2	Nhật	1973	1973	1	166,700,000	166,700,000	-	166,700,000	20.0%	33,340,000	-	33,340,000
2	Máy xúc KOMATSU PC400	Nhật	1977	1977	1	2,501,229,870	2,501,229,870	-	2,501,229,870	20.0%	500,245,974	-	500,245,974
3	Máy khoan KZ 20 số 01	VN	1976	1976	1	102,515,484	102,515,484	-	102,515,484	20.0%	20,503,097	-	20,503,097
4	Máy khoan KZ 20 số 02	VN	1978	1978	1	100,000,000	100,000,000	-	100,000,000	20.0%	20,000,000	-	20,000,000
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
48	Máy đo gió, nhiệt độ, độ ẩm TFP-1000-1	TQ	2007	2007	1	52,784,980	-	52,784,980	52,784,980	100.0%	52,784,980	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>42,895,892,991</b>	<b>14,748,077,730</b>	<b>28,147,815,261</b>	<b>42,895,892,991</b>		<b>28,224,760,603</b>		<b>76,945,342</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-8****THẺ TÀI SẢN****1. Xe Ôtô: TOYOTA LEXUS (DB 10-27)**

- Tên phương tiện vận tải: Lexus
- Đơn vị sử dụng:
- Năm đưa vào sử dụng: 1995
- Nước sản xuất: Nhật
- Nhãn hiệu: Toyota

**Các thông số kỹ thuật chính:**

- Công suất: 4 chỗ
- Khung số :
- Số lần đại tu: 02
- Số lần trung tu : Năm trung tu :

**Tình trạng bên ngoài và tình hình vận hành:**

- Cabin : Cũ, mỗi một, tróc sơn.
- Màu sơn : Đen
- Động cơ : Yếu do sử dụng lâu ngày, địa hình đồi núi.
- Phần gầm : Một, yếu do hoạt động ở địa hình hiểm trở.
- Phần điện : Kém do sử dụng lâu ngày.
- Phần lốp : Kém do phải hoạt động trên địa hình đồi núi, trơn trượt, lầy
- Hiện trạng thực tế sử dụng TSCĐ: Vẫn đang sử dụng

Các bộ phận cơ bản của TSCĐ	Tỷ lệ các kết cấu so với giá trị toàn bộ (%)	Tỷ lệ chất lượng còn lại của các kết cấu (%)	Tỷ lệ chất lượng còn lại của TSCĐ (%)
A	1	2	3=1x2
Cabin	20	18	3,6
Phần gầm	35	20,28	7,1

x - 15

Động cơ	30	23	6,9
Hệ thống điện	15	16	2,4
<b>Tổng</b>	<b>100</b>		<b>20</b>

**Chất lượng còn lại của phương tiện: 20%**

**Bảng I-9**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐỂ CỔ PHẦN HÓA  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tên tài sản	Nước SX	Năm SX	Năm tăng tài sản	SL	Công suất	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán			Giá trị TSCĐ theo thực tế			Chênh lệch	
							NG	KH	Giá trị còn lại	NGNguyên giá	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị còn lại	NG	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 11x 12	14 = 11-8	15 = 13-10
<b>I</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>						45,527,174,671	16,658,847,281	28,868,327,390	45,527,174,671		29,115,247,279	-	246,919,889
1	Xe ô tô TOYOTA DB 10-27	Nhật	1995	1995	1	4 chỗ	576,400,000	576,400,000	-	576,400,000	20.0	115,280,000	-	115,280,000
2	Xe ô tô TOYOTA DB 10-13	Nhật	1993	1993	1	6 chỗ	598,062,000	598,062,000	-	598,062,000	20.0	119,612,400	-	119,612,400
3	Xe ô tô KPAZ 80K 1678	Nga	2002	2002	1	12 tấn	438,032,440	325,020,070	113,012,370	438,032,440	29.4	128,833,071	-	15,820,701
4	Xe ô tô KPAZ 80K 1679	Nga	2002	2002	1	12 tấn	438,032,440	325,020,070	113,012,370	438,032,440	29.4	128,833,071	-	15,820,701
5	Xe ô tô KPAZ 80K 1680	Nga	2002	2002	1	12 tấn	438,032,440	325,020,070	113,012,370	438,032,440	29.4	128,833,071	-	15,820,701
6	Xe ô tô KPAZ 80K 1681	Nga	2002	2002	1	12 tấn	438,032,440	325,020,070	113,012,370	438,032,440	29.4	128,833,071	-	15,820,701

7	Xe ô tô KPAZ 80K 1682	Nga	2002	2002	1	12 tấn	438,032,440	325,020,071	113,012,369	438,032,440	29.4	128,833,071	-	15,820,702
8	Xe ô tô KPAZ 80K 1771	Nga	2002	2002	1	12 tấn	487,433,104	355,169,588	132,263,516	487,433,104	29.4	143,362,678	-	11,099,162
9	Xe ô tô KPAZ : 80K 0575	Nga	1984	1984	1	12 tấn	224,526,000	224,526,000	-	224,526,000	20.0	44,905,200	-	44,905,200
10	Xe ô tô KPAZ 80K 1772	Nga	2002	2002	1	12 tấn	487,433,104	355,169,589	132,263,515	487,433,104	29.4	143,362,678	-	11,099,163
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
50	Ô tô - SCANIA KT 0013	TĐ	2007	2007	1	21 tấn	2,461,949,320	205,242,742	2,256,706,578	2,461,949,320	91.7	2,256,706,578	-	-
<b>II</b>	<b>Vật truyền dẫn</b>						<b>1,010,292,297</b>	<b>666,670,217</b>	<b>343,622,080</b>	<b>1,010,292,297</b>		<b>376,736,543</b>	-	<b>33,114,463</b>
1	Đường điện 6 KV	VN	2001	2001	1	6KV	662,289,231	562,945,848	99,343,383	662,289,231	20.0	132,457,846	-	33,114,463
2	Đường điện 6 KV Mũi Dùi	VN	2004	2004	1	6KV	123,931,248	62,403,362	61,527,886	123,931,248	49.6	61,527,886	-	-
3	Trạm biến áp 250 KVA	Anh	2006	2006	1	250KVA	224,071,818	41,321,007	182,750,811	224,071,818	81.6	182,750,811	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>46,537,466,968</b>	<b>17,325,517,498</b>	<b>29,211,949,470</b>	<b>46,537,466,968</b>		<b>29,491,983,822</b>	-	<b>280,034,352</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-10**

BỘ QUỐC PHÒNG  
TỔNG CÔNG TY ABC

**BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

T T	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm tăng tài sản	SL	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán			Giá trị TSCĐ theo thực tế			Chênh lệch	
						Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12 = 10 x 11	13 = 10 - 7	14 = 12 - 9
<b>I</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>					<b>61,989,237</b>	<b>41,981,080</b>	<b>20,008,157</b>	<b>37,000,000</b>		<b>11,820,000</b>	<b>(24,989,237)</b>	<b>(8,188,157)</b>
1	Máy POTOCPY	Nhật	2004	2004	1	36,617,809	28,867,876	7,749,933	21,000,000	22	4,620,000	(15,617,809)	(3,129,933)
2	Máy tính Comuter-KTS	LD	2005	2005	1	12,685,714	6,556,602	6,129,112	8,000,000	45	3,600,000	(4,685,714)	(2,529,112)
3	Máy tính Comuter-KTS	LD	2005	2005	1	12,685,714	6,556,602	6,129,112	8,000,000	45	3,600,000	(4,685,714)	(2,529,112)
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>					<b>10,135,016,333</b>	<b>1,281,723,720</b>	<b>8,853,292,613</b>	<b>10,135,016,333</b>		<b>8,853,292,613</b>	-	-
1	Đường hầm lò Via 9	VN	2006	2006	1	4,534,034,780	1,132,887,563	3,401,147,217	4,534,034,780	75	3,401,147,217	-	-
2	Đường hầm lò Via 9	VN	2006	2006	1	465,965,220	116,427,505	349,537,715	465,965,220	75	349,537,715	-	-
3	Đường hầm lò via 9	VN	2007	2007	1	5,063,062,819	-	5,063,062,819	5,063,062,819	100	5,063,062,819	-	-
4	Cây lâu năm	VN	2005	2005	9 ha	71,953,514	32,408,652	39,544,862	71,953,514	55	39,544,862	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>10,197,005,570</b>	<b>1,323,704,800</b>	<b>8,873,300,770</b>	<b>10,172,016,333</b>		<b>8,865,112,613</b>	<b>(24,989,237)</b>	<b>(8,188,157)</b>

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ



**Bảng I-11**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

S T T	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm tăng tài sản	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán			Giá trị TSCĐ theo thực tế			Chênh lệch	
					Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 10 x 9	12 = 9 - 6	13 = 11 - 8
<b>I</b>	<b>Phần mềm các loại</b>				<b>78,299,234</b>	<b>23,664,094</b>	<b>54,635,140</b>	<b>78,299,234</b>		<b>54,635,140</b>	-	-
1	Phần mềm quản lý kỹ thuật				43,299,234	19,502,450	23,796,784	43,299,234	55%	23,796,784	-	-
2	Phần mềm quản lý vật tư				35,000,000	4,161,644	30,838,356	35,000,000	88%	30,838,356	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>78,299,234</b>	<b>23,664,094</b>	<b>54,635,140</b>	<b>78,299,234</b>		<b>54,635,140</b>	-	-

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-12****BỘ QUỐC PHÒNG****TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ THANH LÝ, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC THAN XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm tăng TS	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán		
						Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>	<b>TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG</b>					<b>6,984,367,048</b>	<b>6,949,786,643</b>	<b>34,580,405</b>
<b>a</b>	<b><u>Tài sản cố định hữu hình</u></b>					<b>6,984,367,048</b>	<b>6,949,786,643</b>	<b>34,580,405</b>
<b>I</b>	<b><i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i></b>					<b>1,298,280,671</b>	<b>1,272,756,961</b>	<b>25,523,710</b>
<b>II</b>	<b><i>Máy móc thiết bị</i></b>					<b>689,548,513</b>	<b>680,491,818</b>	<b>9,056,695</b>
<b>III</b>	<b><i>Phương tiện vận tải</i></b>					<b>990,465,045</b>	<b>990,465,045</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b><i>Tài sản cố định khác</i></b>					<b>4,006,072,819</b>	<b>4,006,072,819</b>	<b>-</b>

x - 21

1	Dụng cụ quản lý					369,401,552	369,401,552	-
2	Tài sản cố định khác					3,636,671,267	3,636,671,267	-
<b>b</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>					-	-	-
<b>B</b>	<b>TSCĐ CHỜ THANH LÝ</b>					-	-	-
<b>C</b>	<b>TSCĐ HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI</b>					-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>6,984,367,048</b>	<b>6,949,786,643</b>	<b>34,580,405</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-13**

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TT	Tên tài sản	Giá trị tài sản theo sổ kế toán			Giá trị xác định theo thực tế		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8=6-3	9=7-5
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>105,148,693,328</b>	<b>36,280,660,653</b>	<b>68,868,032,675</b>	<b>104,960,595,876</b>	<b>69,617,123,172</b>	<b>(188,097,452)</b>	<b>749,090,497</b>
a	<u>Tài sản cố định hữu hình</u>	<u>105,070,394,094</u>	<u>36,256,996,559</u>	<u>68,813,397,535</u>	<u>104,882,296,642</u>	<u>69,562,488,032</u>	<u>(188,097,452)</u>	<u>749,090,497</u>
-	Nhà cửa, vật kiến trúc	5,440,028,565	2,859,696,531	2,580,332,034	5,276,920,350	2,980,630,994	(163,108,215)	400,298,960
-	Máy móc thiết bị	42,895,892,991	14,748,077,730	28,147,815,261	42,895,892,991	28,224,760,603	-	76,945,342
-	Phương tiện vận tải	46,537,466,968	17,325,517,498	29,211,949,470	46,537,466,968	29,491,983,822	-	280,034,352
-	Tài sản cố định khác	10,197,005,570	1,323,704,800	8,873,300,770	10,172,016,333	8,865,112,613	(24,989,237)	(8,188,157)
b	<u>Tài sản cố định vô hình</u>	<u>78,299,234</u>	<u>23,664,094</u>	<u>54,635,140</u>	<u>78,299,234</u>	<u>54,635,140</u>	=	=
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG</b>	<b>6,984,367,048</b>	<b>6,949,786,643</b>	<b>34,580,405</b>	<b>6,984,367,048</b>	<b>34,580,405</b>	-	-
a	<u>Tài sản cố định hữu hình</u>	<u>6,984,367,048</u>	<u>6,949,786,643</u>	<u>34,580,405</u>	<u>6,984,367,048</u>	<u>34,580,405</u>	-	-
-	Nhà cửa, vật kiến trúc	1,298,280,671	1,272,756,961	25,523,710	1,298,280,671	25,523,710	-	-

x - 23

-	Máy móc thiết bị	689,548,513	680,491,818	9,056,695	689,548,513	9,056,695	-	-
-	Phương tiện vận tải	990,465,045	990,465,045	-	990,465,045	-	-	-
-	Tài sản cố định khác	4,006,072,819	4,006,072,819	-	4,006,072,819	-	-	-
b	<u>Tài sản cố định vô hình</u>	=	=	=	=	=	=	=
C	<b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	-	-	-	-	-	-	-
D	<b>TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</b>	-	-	-	-	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112,133,060,376</b>	<b>43,230,447,296</b>	<b>68,902,613,080</b>	<b>111,944,962,924</b>	<b>69,651,703,577</b>	<b>(188,097,452)</b>	<b>749,090,497</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-14****BỘ QUỐC PHÒNG****TỔNG CÔNG TY ABC****BẢNG KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ LẠI HÀNG TỒN KHO ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên hàng tồn kho	Đơn vị tính	Số lượng kiểm kê	Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị thực tế		Chênh lệch
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9= 8-6
I	NGUYÊN VẬT LIỆU		-		2,804,562,713	-	2,804,562,713	-
A	Kho vật tư				2,338,551,633	-	2,338,551,633	-
1	Phụ tùng máy gạt				71,154,475	-	71,154,475	-
2	Phụ tùng máy xúc lộ thiên				741,161,105	-	741,161,105	-
3	Phụ tùng máy xúc KAWASAKI				43,242,000	-	43,242,000	-
4	Phụ tùng xe ô tô				370,055,330	-	370,055,330	-
III	THÀNH PHẨM		-		-	-	-	-
IV	HÀNG HÓA		-		-	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2,814,350,363</b>	<b>-</b>	<b>2,814,350,363</b>	<b>-</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-15****BỘ QUỐC PHÒNG****TỔNG CÔNG TY ABC****BẢNG KÊ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG****ĐỀ CỔ PHẦN HOÁ****XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ kế toán		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	5	6	7=5x6
1	Mét lò CBSX	m	5,996,016	337	2,020,657,315
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2,020,657,315</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**



**Bảng I-16**

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ**  
**Ứ ĐỘNG KHÔNG CẦN DỪNG CHỜ THANH LÝ**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Giá trị theo sổ kế toán		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	6	7	8
<b>A</b>	<b>VẬT TƯ, HÀNG HÓA KHÔNG CẦN DỪNG</b>				<b>90,148,455</b>
<b>I</b>	<b>Phụ tùng Gạt D155 – Cọc 6</b>				<b>13,562,713</b>
<b>II</b>	<b>Phụ tùng Gạt D155</b>				<b>32,938,988</b>
<b>III</b>	<b>Phụ tùng máy xúc CAT</b>				<b>32,242,379</b>
<b>IV</b>	<b>Phụ tùng máy xúc PC400</b>				<b>5,880,000</b>
<b>V</b>	<b>Phụ tùng máy xúc KAWASAKI</b>				<b>3,992,375</b>
<b>VI</b>	<b>Phụ tùng xe ô tô</b>				<b>1,400,000</b>
<b>VII</b>	<b>Vật tư khác</b>				<b>132,000</b>
<b>B</b>	<b>VẬT TƯ, HÀNG HÓA CHỜ THANH LÝ</b>				<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>90,148,455</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH**  
**GIÁ**

**Bảng I-17**

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI THU ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên khách hàng	Năm phát sinh	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6 = 5 - 4
<b>I</b>	<b>Phải thu khách hàng</b>		-	-	-
<b>II</b>	<b>Trả trước cho người bán</b>		-	-	-
<b>III</b>	<b>Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>		-	-	-
<b>IV</b>	<b>Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng</b>		-	-	-
<b>V</b>	<b>Các khoản phải thu khác</b>		<b>117,329,713</b>		

				<b>117,329,713</b>	-
1	Phạm Quý Ngân - Công trường Lộ Thiên		2,500,000	2,500,000	-
2	Nguyễn Quốc Khánh- Phòng KTSX		5,000,000	5,000,000	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>VI</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>350,797,363</b>	<b>350,797,363</b>	-
<b>A</b>	<b>Tạm ứng</b>		<b>350,797,363</b>	<b>350,797,363</b>	-
1	Nguyễn Quốc Tuấn - Ban HC-CT		117,667	117,667	-
2	Lê Xuân Diễn - Phân xưởng VT-CB		100,700,402	100,700,402	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>VII</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>14,487,651,038</b>	<b>14,487,651,038</b>	-
<b>VIII</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>322,708,340</b>	<b>322,708,340</b>	

1	Chi phí đầu tư mua goòng chở thiết bị		290,060,640	290,060,640	-
2	Tiền đặt báo Quý I/2008		15,367,700	15,367,700	-
3	Chi phí tiền mua bảo hiểm xe ô tô 2008		17,280,000	17,280,000	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15,278,486,454</b>	<b>15,278,486,454</b>	<b>-</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**ĐẠI DIÊN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-18**

**BỘ QUỐC PHÒNG**  
**TỔNG CÔNG TY ABC**

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ**  
**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

STT	Tên khách hàng	Năm phát sinh	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6 = 5 - 4
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>83,038,046,302</b>	<b>83,038,046,302</b>	-
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>		-	-	-
<b>II</b>	<b>Phải trả người bán</b>		<b>2,845,599,667</b>	<b>2,845,599,667</b>	-
1	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Sơn Luân	2007	46,259,400	46,259,400	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>III</b>	<b>Người mua trả tiền trước</b>		-	-	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>IV</b>	<b>Thuế và các khoản phải trả nhà nước</b>		<b>4,839,739</b>	<b>4,839,739</b>	-
1	Phí nước thải phải nộp Nhà nước năm 2007	2007	4,839,739	4,839,739	-
	.....	.....	.....	.....	.....

<b>V</b>	<b>Phải trả công nhân viên</b>		<b>2,586,901,126</b>	<b>2,586,901,126</b>	-
1	Dư quỹ lương để phân phối lại cho CBCNV	2007	1,999,936,652	1,999,936,652	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>VI</b>	<b>Chi phí phải trả</b>		-	-	-
<b>VII</b>	<b>Phải trả nội bộ</b>		<b>76,935,349,397</b>	<b>76,935,349,397</b>	-
1	Tiền vốn vay Tổng Công ty ABC	2007	76,935,349,397	76,935,349,397	-
<b>VII</b>	<b>Phải trả khác</b>				-
<b>VIII</b>	<b>Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng</b>				
<b>IX</b>	<b>Các khoản phải trả phải nộp khác</b>		<b>665,356,373</b>	<b>665,356,373</b>	-
1	Kinh phí Công đoàn		431,295,273	431,295,273	-
	.....	.....	.....	.....	.....
<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>83,038,046,302</b>	<b>83,038,046,302</b>	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-19****BỘ QUỐC PHÒNG****TỔNG CÔNG TY ABC****BẢNG KÊ TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG ĐỂ CỔ PHẦN HÓA  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Tại ngày 31 Tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng			Số sổ sách	Số xác định lại	Chênh lệch
		Ngoại tệ	Quy đổi ra VND	VND			
1	2	3	4	5	6	7	8 = 7-6
<b>I</b>	<b>Tiền mặt</b>	-	-	<b>45,759,954</b>	<b>45,759,954</b>	<b>45,760,000</b>	<b>46</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	-	-	<b>107,571,736</b>	<b>107,571,736</b>	<b>107,571,736</b>	-
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh CP			107,571,736	107,571,736	107,571,736	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>153,331,690</b>	<b>153,331,690</b>	<b>153,331,736</b>	<b>46</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008***ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ****ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**





<b>III</b>	<b>Công trường khai thác hầm lò</b>		<b>41,411,000</b>	<b>41,411,000</b>	-		41,411,000		<b>6,964,200</b>	-	<b>6,964,200</b>
1	Ti vi	1	2,250,000	2,250,000	-	1,650,000	1,650,000	20	330,000	(600,000)	330,000
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
<b>IV</b>	<b>Công trường khai thác lộ thiên</b>		<b>55,990,260</b>	<b>55,990,260</b>	-	<b>15,217,000</b>	<b>41,360,000</b>		<b>8,272,000</b>	<b>(14,630,260)</b>	<b>8,272,000</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
<b>V</b>	<b>Phân xưởng Vận tải chế biến</b>		<b>31,012,000</b>	<b>31,012,000</b>	-		<b>23,090,000</b>		<b>4,618,000</b>	<b>(7,922,000)</b>	<b>4,618,000</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>209,798,260</b>	<b>209,798,260</b>	-		<b>162,471,000</b>	-	<b>31,176,200</b>	<b>(47,327,260)</b>	<b>31,176,200</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I.21: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU THEO SỔ SÁCH	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>89,134,858,497</b>	<b>89,915,125,240</b>	<b>780,266,743</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>83,678,392,053</b>	<b>84,427,482,550</b>	<b>749,090,497</b>
1. Tài sản cố định	68,868,032,675	69,617,123,172	749,090,497
a. Tài sản cố định hữu hình	68,813,397,535	69,562,488,032	749,090,497
b. Tài sản cố định vô hình	54,635,140	54,635,140	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14,487,651,038	14,487,651,038	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	322,708,340	322,708,340	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>5,456,466,444</b>	<b>5,487,642,690</b>	<b>31,176,246</b>
1. Tiền	153,331,690	153,331,736	46
+ Tiền mặt tồn quỹ	45,759,954	45,760,000	46
+ Tiền gửi ngân hàng	107,571,736	107,571,736	-
3. Các khoản phải thu	117,329,713	117,329,713	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	4,835,007,678	4,835,007,678	-
5. TSLĐ khác	350,797,363	381,973,563	31,176,200
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b>	<b>124,728,860</b>	<b>124,728,860</b>	<b>-</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>34,580,405</b>	<b>34,580,405</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định	34,580,405	34,580,405	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>90,148,455</b>	<b>90,148,455</b>	<b>-</b>
2. Vtư, hh ứ đọng, kém, mất phẩm chất	90,148,455	90,148,455	-
<b>C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN</b>	<b>89,259,587,357</b>	<b>90,039,854,100</b>	<b>780,266,743</b>

<b>Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp</b>	<b>89,134,858,497</b>	<b>89,915,125,240</b>	<b>780,266,743</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>83,038,046,302</b>	<b>83,038,046,302</b>	<b>-</b>
<b>E2. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>227,464,982</b>	<b>227,464,982</b>	<b>-</b>
<b>E3. Nguồn hình thành TSCĐ</b>	<b>88,452,140</b>	<b>88,452,140</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NN TẠI DN</b>	<b>5,780,895,073</b>	<b>6,561,161,816</b>	<b>780,266,743</b>

**Bảng I-22 Bảng cân đối kế toán sau khi xác định lại giá trị doanh nghiệp****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Sau định giá)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>SỐ KẾ TOÁN</b>	<b>SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI</b>	<b>CHÊNH LỆCH</b>
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>5,456,466,444</b>	<b>5,487,642,690</b>	<b>31,176,246</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>153,331,690</b>	<b>153,331,736</b>	<b>46</b>
1. Tiền	111	153,331,690	153,331,736	46
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>117,329,713</b>	<b>117,329,713</b>	<b>-</b>
5. Các khoản phải thu khác	138	117,329,713	117,329,713	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4,835,007,678</b>	<b>4,835,007,678</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141	4,835,007,678	4,835,007,678	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>350,797,363</b>	<b>381,973,563</b>	<b>31,176,200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	31,176,200	31,176,200
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	350,797,363	350,797,363	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>83,678,392,053</b>	<b>84,427,482,550</b>	<b>749,090,497</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>83,355,683,713</b>	<b>84,104,774,210</b>	<b>749,090,497</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	68,813,397,535	69,562,488,032	749,090,497
Nguyên giá	222	105,070,394,094	104,882,296,642	(188,097,452)
Hao mòn lũy kế (*)	223	(36,256,996,559)	(35,319,808,610)	937,187,949
3. Tài sản cố định vô hình	227	54,635,140	54,635,140	-

Nguyên giá	228	78,299,234	78,299,234	-
Hao mòn lũy kế (*)	229	(23,664,094)	(23,664,094)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14,487,651,038	14,487,651,038	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	-	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>322,708,340</b>	<b>322,708,340</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	322,708,340	322,708,340	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>89,134,858,497</b>	<b>89,915,125,240</b>	<b>780,266,743</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MS	SỐ KẾ TOÁN	SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>83,038,046,302</b>	<b>83,038,046,302</b>	-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>83,038,046,302</b>	<b>83,038,046,302</b>	-
2. Phải trả người bán	312	2,845,599,667	2,845,599,667	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4,839,739	4,839,739	-
5. Phải trả cho công nhân viên	315	2,586,901,126	2,586,901,126	-
7. Phải trả nội bộ	317	76,935,349,397	76,935,349,397	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	665,356,373	665,356,373	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>6,096,812,195</b>	<b>6,877,078,938</b>	<b>780,266,743</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5,780,895,073</b>	<b>6,561,161,816</b>	<b>780,266,743</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	5,780,895,073	5,780,895,073	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	780,266,743	780,266,743
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>315,917,122</b>	<b>315,917,122</b>	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	227,464,982	227,464,982	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	88,452,140	88,452,140	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>89,134,858,497</b>	<b>89,915,125,240</b>	<b>780,266,743</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU	SỐ KẾ TOÁN	SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-

2. Vật tư, hh nhận giữ hộ, nhận gia công		124,728,860	124,728,860	-
3. HH nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP  
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỊNH GIÁ**

**Bảng I-23: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - tự do – hạnh phúc**

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

**Theo phương pháp tài sản**

**của Xí nghiệp khai thác XYZ**

**Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Hôm nay, ngày    tháng    năm 2008, chúng tôi gồm:

Đại diện cơ quan xác định giá trị doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán ABC.

- Ông Hoàng Thanh T    Giám đốc
- Ông PhạmViết P        Chuyên viên

Đại diện doanh nghiệp: Xí nghiệp khai thác XYZ

- Ông Nguyễn Văn B    Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn X    Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Y    Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Z    Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn A    Trưởng phòng Tài chính

Các thành viên cùng nhau đánh giá và thống nhất kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Bao gồm những nội dung sau:

## **A.NHỮNG CĂN CỨ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

- Căn cứ Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư Số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông báo của Vụ tài chính Ngân hàng - Bộ Tài chính về lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ trong tháng 12 năm 2007;
- Căn cứ Quyết định Số 4005/2004/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh QN về việc ban hành Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh QN;
- Căn cứ Quyết định Số 439/BXD-CSXD ngày 25 tháng 09 năm 1997 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn xây dựng tập II và III;
- Căn cứ Thông tư liên bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ Số 13/LB-TT ngày 18 tháng 8 năm 1994 Về hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê;
- Căn cứ Thông tư Số 05/BXD-TT ngày 09 tháng 02 năm 1993 của Bộ Xây dựng Về việc hướng dẫn phương pháp xác định diện tích và phân cấp nhà ở;

- Căn cứ Quyết định Số 206/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính Về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Căn cứ Quyết định Số 388/QĐ-QP của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng ngày 27 tháng 07 năm 1993 về việc thành lập lại Xí nghiệp khai thác XYZ;

- Căn cứ Giấy đăng ký kinh doanh Xí nghiệp khai thác XYZ số 302062 được cấp ngày 21 tháng 09 năm 1996 của Ủy ban Kế hoạch tỉnh QN;

- Căn cứ Quyết định Số 2045/QĐ-BQP ngày 14 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Xí nghiệp khai thác XYZ thuộc Tổng Công ty ABC;

- Căn cứ Quyết định Số 1126/QĐ - BCD ngày 28 tháng 08 năm 2006 của Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa các xí nghiệp, chi nhánh của Tổng Công ty ABC;

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007;

- Trên cơ sở Biên bản Kiểm kê tài sản cố định, vật tư hàng hoá tồn kho, công cụ lao động nhỏ đã phân bổ 100% giá trị của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007;

- Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Xí nghiệp khai thác XYZ lập tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007;

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế Số 01/2008/HĐKT-ABC giữa Xí nghiệp khai thác XYZ với Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán ABC ngày 17 tháng 03 năm 2008 về việc tư vấn cổ phần hóa

- Các văn bản hiện hành và các hồ sơ, tài liệu liên quan khác;

## **B. XỬ LÝ TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

Trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 và các hồ sơ, chứng từ liên quan của Xí nghiệp khai thác XYZ, Cơ quan định giá và Xí nghiệp khai thác XYZ cùng nhau tiến hành kiểm kê, rà soát, phân

loại các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Sau khi xử lý các vấn đề tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp, Cơ quan định giá và Xí nghiệp khai thác XYZ cùng nhau thống nhất lập lại Bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh để làm căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư Số 146/2004/TT - BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Nghị định Số 109/2007/NĐ - CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 (Xem chi tiết tại Danh sách các bút toán điều chỉnh trước định giá và Bảng cân đối kế toán trước và sau điều chỉnh (từ trang ...đến trang...)). Dưới đây là chi tiết các xử lý tài chính:

### 1. Đối với Tài sản cố định không cần dùng:

Căn cứ vào kết quả kiểm kê tài sản của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, TSCĐ hữu hình không cần dùng bao gồm:

- Nhà cửa vật kiến trúc: Căn cứ vào kết quả kiểm kê tài sản của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, nguyên giá theo sổ sách là 1.298.280.671 đồng và giá trị còn lại theo sổ sách là 25.523.710 đồng, bao gồm:

<b>Tổng cộng</b>				<b>1.298.280.671</b>	<b>1.272.756.961</b>	<b>25.523.710</b>
<b>Tên tài sản</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Năm xây dựng</b>	<b>Năm tăng Tài sản</b>	<b>Nguyên giá (Đồng)</b>	<b>Khấu hao (Đồng)</b>	<b>GTCL</b>
Nhà ở công nhân		1984	1984	726.038.000	726.038.000	-
Nhà ở H12		1997	1997	69.504.800	69.504.800	-
Nhà tạm công trường	333 m <sup>2</sup>	1999	1999	216.200.861	190.677.151	25.523.710
Hệ thống cấp nước sinh hoạt		1998	1998	286.537.010	286.537.010	-



- Máy móc thiết bị bao gồm: Hai máy khoan KZ20, Hai máy nén khí, Hai máy bơm nước, Một máy trắc địa, Một máy phát điện 3,7 KV, Một biến áp hầm lò có tổng nguyên giá theo sổ sách là 689.548.513 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng 9.056.695 đồng.

- Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn bao gồm: Ba xe ô tô KPAZ, Một đường điện hạ thế, Một đường điện cao thế, Một đường điện bơm nước mỏ Quyết Thắng với nguyên giá theo sổ sách là 990.465.045 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng không đồng (0)

- TSCĐ khác bao gồm: Dụng cụ quản lý, đường vào hầm lò số 01 và đường vào hầm lò số 02 với nguyên giá theo sổ sách là 4.006.072.819 đồng và giá trị còn lại trên sổ sách bằng không đồng (0).

Những tài sản nói trên hiện tại đang ở tình trạng hư hỏng nặng, không sử dụng được, Xí nghiệp khai thác XYZ không có phương án sử dụng trong công ty cổ phần do hiệu quả kinh tế thấp và không còn phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Xí nghiệp sau khi chuyển sang Công ty cổ phần .

Xử lý: Không tính vào giá trị doanh nghiệp những tài sản nói trên để cổ phần hóa và loại trừ khỏi khoản mục TSCĐ hữu hình (Xem chi tiết tại bút toán điều chỉnh số 1 - Danh sách các bút toán điều chỉnh trước định giá)

## **2. Đối với Vật tư, hàng hóa không cần dùng:**

Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng tồn kho của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, vật tư hàng hóa không cần dùng có giá trị theo sổ sách là 90.148.455 đồng.

Những vật tư, hàng hóa hiện tại đang ở tình trạng hư hỏng nặng, không sử dụng được Xí nghiệp khai thác XYZ không có phương án sử dụng trong Công ty cổ phần do hiệu quả kinh tế thấp và không còn phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Xử lý: Không tính vào giá trị doanh nghiệp những vật tư, hàng hóa nói trên để cổ phần hóa và loại trừ khỏi khoản mục hàng tồn kho và ghi giảm

nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán (Xem chi tiết tại bút toán điều chỉnh số 2  
- Danh sách các bút toán điều chỉnh trước định giá)

### C. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu theo sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>89.134.858.497</b>	<b>89.915.125.240</b>	<b>780.266.743</b>
<b>I TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>83.678.392.053</b>	<b>84.427.482.550</b>	<b>749.090.497</b>
1. Tài sản cố định	68.868.032.675	69.560.009.111	749.090.497
a. Tài sản cố định hữu hình	68.813.397.535	69.562.488.032	749.090.497
b. Tài sản cố định vô hình	54.635.140	54.635.140	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.487.651.038	14.487.651.038	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	322.708.340	322.708.340	-
<b>II TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>5.456.466.444</b>	<b>5.487.642.690</b>	<b>31.176.246</b>
1. Tiền	153.331.690	153.331.736	46
+ Tiền mặt tồn quỹ	45.759.954	45.760.000	46
+ Tiền gửi ngân hàng	107.571.736	107.571.736	-
3. Các khoản phải thu	117.329.713	117.329.713	-
4. Vật tư hàng tồn kho	4.835.007.678	4.835.007.678	-
5. TSLĐ khác	350.797.363	381.973.563	31.176.200
<b>B Tài sản không cần dùng</b>	<b>124.728.860</b>	<b>124.728.860</b>	<b>-</b>
<b>I TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>34.580.405</b>	<b>34.580.405</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định	34.580.405	34.580.405	-
<b>II .TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>90.148.455</b>	<b>90.148.455</b>	<b>-</b>
2. Vtư, hàng hoá ứ đọng kém, mất phẩm chất	90.148.455	90.148.455	-
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. Tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi, khen thưởng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)</b>	<b>89.259.587.357</b>	<b>90.039.854.100</b>	<b>780.266.743</b>
Trong đó : <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>89.134.858.497</b>	<b>89.915.125.240</b>	<b>780.266.743</b>

Chỉ tiêu	Số liệu theo sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
E1 Nợ thực tế phải trả	83.038.046.302	83.038.046.302	-
E2 Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi	227.464.982	227.464.982	-
E3 Nguồn kinh phí sự nghiệp	88.452.140	88.452.140	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NN TẠI DN</b>	<b>5.780.895.073</b>	<b>6.561.161.816</b>	<b>780.266.743</b>

## D. PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ NGUYÊN NHÂN TĂNG, GIẢM

### I. NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ: *Theo phương pháp tài sản*

#### 1. Tài sản là hiện vật

- Chỉ đánh giá những tài sản dự kiến sẽ tiếp tục sử dụng sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, không đánh giá những tài sản doanh nghiệp không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý và được loại trừ không tính vào giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hoá;
- Giá trị thực tế của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá trị thị trường nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm XDGTĐN

#### 2. Tài sản là phi hiện vật

Căn cứ trên biên bản đối chiếu, thư xác nhận, hồ sơ chứng từ gốc, sổ kế toán, Báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

### II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH

#### 1. Đối với Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ được xác định bằng giá trị còn lại theo tỷ lệ % so với nguyên giá TSCĐ mới mua sắm hoặc mới đầu tư xây dựng, trong đó:

a) **TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc**

- Nguyên giá mới được xác định như sau:
  - Nhà cửa, vật kiến trúc hoàn thành xây dựng trong vòng 3 năm gần đây nếu có Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì lấy theo giá trị của Báo cáo quyết toán, nếu chưa có thì lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và sổ kế toán.
  - Nhà cửa, vật kiến trúc hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng trước 3 năm thì xác định theo diện tích (m<sup>2</sup>) thực tế đang sử dụng và đơn giá xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc theo Quyết định Số 4005/2004/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh QN về việc ban hành Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh QN. Việc phân cấp nhà cửa dựa theo Thông tư Số 05-BXD/DT ngày 09 tháng 12 năm 1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về phân cấp nhà ở.
- Giá trị còn lại được xác định trên cơ sở:
  - Việc xác định giá trị còn lại của các nhà cửa, vật kiến trúc được vận dụng theo các hướng dẫn tại Thông tư Số 13/LB-TT ngày 18 tháng 8 năm 1994 của liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá.
  - Giá trị còn lại của công trình được đánh giá trên cơ sở quan sát thực tế hiện trạng của TSCĐ, quan sát kết cấu và chất liệu xây dựng từng bộ phận của nhà cửa, vật kiến trúc như: kết cấu khung, trần nhà, tường, sàn cấp độ nhà... dựa trên phương pháp thống kê kinh nghiệm và phương pháp phân tích kinh tế kỹ thuật có sự kết hợp chặt chẽ giữa ý kiến của các chuyên gia kỹ thuật xây dựng cơ bản, KTV và bộ phận trực tiếp quản lý tài sản của đơn vị.
  - Tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc vẫn đang được sử dụng được xác định **không dưới 30% nguyên giá**.

b) **TSCĐ là Máy móc thiết bị**

- Đối với tài sản mua sắm và đưa vào sử dụng từ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: Các tài sản có thể so sánh được với tài sản mới cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương đưa vào sử dụng trong năm xác định giá trị doanh nghiệp, nguyên giá mới được xác định theo giá mua mới của tài sản tương đương có tính đến sự đầy đủ của các thành phần giá gốc tài sản. Đối với các tài sản không có tài sản tương đương, lấy nguyên giá theo báo giá hoặc giá mua trên hoá đơn mua hàng, những tài sản mua bằng nguyên tệ được qui đổi lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm định giá. Các tài sản tự chế tạo được lấy giá theo nguyên giá trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
  - Đối với tài sản mua sắm và đưa vào sử dụng từ năm xác định giá trị doanh nghiệp: Nguyên giá tài sản được lấy theo nguyên giá trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
  - Chất lượng tài sản căn cứ vào đặc tính kỹ thuật, tuổi thọ, tình trạng thực tế và có tham khảo thời gian khấu hao. Căn cứ tình trạng thực tế của các bộ phận chính của tài sản tiến hành đánh giá chất lượng còn lại của từng bộ phận, xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản trên cơ sở tỷ trọng chất lượng còn lại của từng bộ phận, việc xác định này dựa trên phương pháp phân tích kinh tế - kỹ thuật.
  - Ngoài ra việc xác định chất lượng còn lại của TSCĐ là máy móc, thiết bị trong một số trường hợp dựa trên cơ sở xác định tỷ lệ giữa thời gian ước tính sử dụng còn lại của TSCĐ với thời gian của toàn bộ đời hoạt động của tài sản. Giá trị còn lại của TSCĐ vẫn đang được sử dụng được xác định **không dưới 20% nguyên giá**.
- c) ***TSCĐ là Phương tiện vận tải***
- Nguyên giá được xác định theo giá mua mới của tài sản có tính đến sự đầy đủ của các thành phần giá gốc phương tiện vận tải cùng loại, cùng

nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Đối với các tài sản là phương tiện vận tải không có tài sản tương đương, lấy theo nguyên giá trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Tỷ lệ chất lượng còn lại của phương tiện vận tải được xác định căn cứ vào đặc tính kỹ thuật, tuổi thọ, tình trạng thực tế và có tham khảo thời gian khấu hao. Cụ thể là xác định các bộ phận cấu thành chủ yếu của phương tiện vận tải như: động cơ, thân vỏ, hệ thống điều khiển,... trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và tính tỷ trọng các bộ phận cấu thành trong toàn bộ giá trị của phương tiện. Đánh giá chất lượng còn lại của các bộ phận cấu thành chính bằng cách đo lường, phân tích các thông số kỹ thuật đặc trưng của các bộ phận cấu thành so với kết cấu ban đầu có tính cả việc đại tu, cải tạo nâng cấp các bộ phận. Giá trị còn lại của TSCĐ vẫn đang sử dụng được xác định **không dưới 20% nguyên giá**.

*d) TSCĐ khác*

- Nguyên giá và tỷ lệ chất lượng còn lại được xác định tương tự như đối với TSCĐ là **Máy móc thiết bị**.
- Trường hợp một số thiết bị văn phòng như: máy vi tính, máy photocopy.... thì nguyên giá mới được lấy theo nguyên giá của tài sản cùng loại trên thị trường, tỷ lệ chất lượng còn lại được xác định theo thời gian vận hành của tài sản (theo khung khấu hao) có tính tới yếu tố hao mòn vô hình. Nếu không có tài sản tương đương thì nguyên giá được xác định theo nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán.

**2. Đối với tài sản cố định vô hình**

Tài sản vô hình là phần mềm các loại được xác định trên cơ sở số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007.

**3. Đối với Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Được xác định theo số liệu trên báo cáo tài chính và sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007.

**4. Đối với chi phí trả trước dài hạn**

Đối với chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí đầu tư mua goòng chở thiết bị, tiền đặt báo và chi phí mua bảo hiểm xe ô tô được xác định theo số liệu báo cáo tài chính và sổ kế toán tại thời điểm 31/12/2007.

**5. Đối với giá trị lợi thế kinh doanh**

a) Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo 2 phương pháp sau:

- Xác định theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{của doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị phần vốn} \\ \text{nà nước theo} \\ \text{sổ kế toán tại} \\ \text{thời điểm định} \\ \text{giá} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\ \text{thuế trên vốn nhà nước} \\ \text{bình quân 3 năm trước} \\ \text{thời điểm xác định giá} \\ \text{trị doanh nghiệp} \end{array} \right. - \left. \begin{array}{l} \text{Lãi suất của trái phiếu} \\ \text{Chính phủ có kỳ hạn 5 năm} \\ \text{do Bộ Tài chính công bố tại} \\ \text{thời điểm gần nhất với thời} \\ \text{điểm xác định giá trị DN} \end{array} \right.$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\ \text{Thuế trên vốn nhà nước} \\ \text{bình quân 3 năm trước} \\ \text{thời điểm xác định} \\ \text{giá trị doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế bình quân 3 năm liền kề} \\ \text{trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \\ \text{Vốn nhà nước theo sổ kế toán bình quân 3 năm liền kề} \\ \text{trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \end{array} \times 100\%$$

Do Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc nên không có giá trị lợi thế kinh doanh tính theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận.

- Xác định trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý và giá trị thương hiệu:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế kinh doanh} \\ \text{của doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị lợi thế vị trí địa lý} \\ \text{Giá trị thương hiệu} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá trị lợi thế vị trí địa lý áp dụng đối với doanh nghiệp cổ phần hoá (không phụ thuộc vào ngành nghề và kết quả kinh doanh) sử dụng các lô đất

thuộc loại đất đô thị nếu lựa chọn hình thức thuê đất thì phải xác định giá trị lợi thế địa lý của lô đất để tính vào giá trị doanh nghiệp.

+ Giá trị thương hiệu (bao gồm: nhãn hiệu, tên thương mại) được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc sáng chế, xây dựng và bảo vệ nhãn mác, tên thương mại của doanh nghiệp trong 10 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hoặc kể từ ngày thành lập đối với các doanh nghiệp có thời gian hoạt động của doanh nghiệp ít hơn 10 năm (bao gồm cả chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, công ty; xây dựng trang web...).

Do Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc và có vị trí địa lý không thuộc khu đô thị xa dân cư nên không có giá trị lợi thế kinh doanh tính theo 2 phương pháp trên.

#### **5. Đối với Chi phí trả trước ngắn hạn**

Đối với *công cụ lao động nhỏ đã phân bổ 100% giá trị* (có giá trị bằng không (0) trên sổ kế toán) nhưng còn tiếp tục sử dụng thì chất lượng và số lượng công cụ lao động nhỏ này được xác định theo biên bản kiểm kê và giá trị được xác định trên cơ sở chất lượng còn lại, nhưng không thấp hơn 20%. Giá trị xác định lại được thể hiện trên tài khoản Chi phí trả trước ngắn hạn.

#### **6. Đối với tài sản bằng tiền**

- Đối với *Tiền mặt tồn quỹ* được xác định theo giá trị trên biên bản kiểm kê quỹ tại Xí nghiệp khai thác XYZ.
- Đối với *Tiền gửi ngân hàng* được xác định theo số dư đã đối chiếu xác nhận của ngân hàng đối với Xí nghiệp khai thác XYZ.

#### **7. Đối với vật tư hàng hoá tồn kho**

Đối với *nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá tồn kho* được xác định theo giá mua, thuế nhập khẩu (đối với vật tư nhập khẩu), chi phí vận chuyển theo hoá đơn chứng từ gốc và phù hợp với số liệu trên các báo cáo



kiểm kê và Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, sổ kế toán và chất lượng thực tế.

#### **8. Đối với Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của Xí nghiệp khai thác XYZ là *các khoản phải thu khác* được kiểm tra, đối chiếu với các Bảng xác nhận nợ hoặc các bằng chứng thay thế, phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007. Đối với các khoản *công nợ không có khả năng thu hồi* nếu có đủ tài liệu chứng minh sẽ được xử lý theo quy định hiện hành.

#### **9. Đối với Tài sản ngắn hạn khác**

Đối với các khoản *tạm ứng* được xác định trên cơ sở Bảng xác nhận số dư nợ tạm ứng phù hợp với số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và sổ sách kế toán.

#### **10. Đối với khoản nợ ngắn và dài hạn**

- Đối với *khoản phải trả người bán, các khoản phải trả, phải nộp khác* được kiểm tra, đối chiếu với các Biên bản xác nhận nợ và các bằng chứng chứng minh của Xí nghiệp khai thác XYZ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và sổ sách kế toán.
- Đối với *khoản phải trả người lao động* là chi phí tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp khai thác XYZ được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 phù hợp với sổ sách kế toán.
- Đối với *khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước* tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm tra đối chiếu với sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- Đối với *khoản phải trả dài hạn nội bộ* là các khoản vay dài hạn của Xí nghiệp khai thác XYZ để mua máy móc và đầu tư xây dựng cơ bản được

kiểm tra đối chiếu với số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và sổ kế toán.

### 11. Đối với các khoản dự phòng và các quỹ

Quỹ phục hồi, khen thưởng không tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại Xí nghiệp khai thác XYZ. Số dư quỹ xác định theo số liệu sổ sách, Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 và quỹ xác lý theo quy định tại Nghị định Số 109/2007/NĐ-CP.

## III. NGUYÊN NHÂN TĂNG GIẢM

### 1. Giá trị còn lại của tài sản cố định tăng 934.172.105 đồng, cụ thể:

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch tăng/(giảm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.580.332.034	2.980.630.994	400.298.960
Máy móc, thiết bị	28.147.815.261	28.224.760.603	76.945.342
Phương tiện vận tải và thiết bị	29.211.949.470	29.491.983.822	280.034.352
TSCĐ khác	8.873.300.770	8.865.112.613	(8.188.157)
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.813.397.535</b>	<b>69.562.488.032</b>	<b>749.090.497</b>

Trong đó, TSCĐ hữu hình tăng **749.090.497 đồng**

Nguyên nhân tăng/giảm chủ yếu :

- Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc **tăng 400.298.960 đồng** :
  - Giá trị nhà cửa, vật kiến trúc tăng chủ yếu do đánh giá (%) chất lượng thực tế so với tỷ lệ phần trăm (%) khấu hao còn lại trên sổ sách kế toán, những nhà cửa có giá trị giảm là do xây dựng ở vùng lún và bị ảnh hưởng bởi chấn động địa lý do mình gây ra hiện tượng nứt, lún sụt.
  - Theo số liệu sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Xí nghiệp khai thác XYZ, một số nhà, xưởng đã khấu hao hết trên sổ sách nhưng thực tế vẫn còn giá trị sử dụng và hiện vẫn nằm trong danh sách

tài sản đang dùng của Công ty, do đó những tài sản này sẽ được đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại không thấp hơn 30%.

*Chi tiết tại Phụ lục số 2.*

- Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị **tăng 76.945.342 đồng**:

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (VNĐ)</b>
Giá trị tài sản tăng do đánh giá lại giá trị những máy móc thiết bị đã hết khấu hao theo sổ sách nhưng Công ty vẫn tiếp tục sử dụng trong sản xuất kinh doanh nên tỷ lệ chất lượng còn lại được đánh giá không thấp hơn 20%	1.006.573.311
Giá trị tài sản giảm do đánh giá tỷ lệ phần trăm (%) khấu hao của những máy móc thiết bị cũ nhưng công ty vẫn đang sử dụng	(929.627.969)
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.945.342</b>

*Chi tiết tại Phụ lục số 3.*

- Giá trị còn lại của phương tiện vận tải **tăng 280.034.352 đồng** :
  - Do xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của phương tiện vận tải với tỷ lệ phần trăm (%) khấu hao còn lại trên sổ sách kế toán.
  - Do đánh giá lại giá trị của những phương tiện vận tải đã khấu hao hết theo sổ sách nhưng Xí nghiệp khai thác XYZ vẫn tiếp tục sử dụng thì được đánh giá không thấp hơn 20%. (*Chi tiết tại Phụ lục số 4*)
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình khác **giảm 8.188.157 đồng** :
  - Do hỏng giỏ lồng nguyên giỏ cốc máy tinh, máy photo theo giỏ thóc của thùng công. (*Chi tiết tại Phụ lục số 5a*)

## **2. Tiền tăng 46 đồng do:**

*Đơn vị :*

**VNĐ**

<b>Nội dung</b>	<b>Số liệu theo sổ sách</b>	<b>Số liệu xác định lại</b>	<b>Chênh lệch</b>
Tiền mặt tại quỹ	45.759.954	45.760.000	46

Tiền gửi ngân hàng	107.571.736	107.571.736	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.331.690</b>	<b>153.331.736</b>	<b>46</b>

Tiền mặt tài quỹ tăng 46 đồng do ảnh hưởng lãi tiền mặt tài quỹ theo kết quả kiểm kê thực tế tài thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài Xổ nghiệp khai thác XYZ. (Chi tiết tài Phụ lục số 12)

### **3. Chi phí trả trước ngắn hạn tăng 31.176.200 đồng do :**

Chi phí trả trước ngắn hạn tăng do đánh giá lại công cụ dụng cụ đã phân bổ hết 100% giá trị nhưng do Xí nghiệp khai thác XYZ tiếp tục sử dụng trong Công ty cổ phần nên giá trị còn lại được đánh giá không thấp hơn 20% giá trị nguyên giá sổ sách. (Chi tiết tài Phụ lục số 13)

## **E. KẾT QUẢ VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết quả**

Giá trị thực tế của Xí nghiệp khai thác XYZ tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 để cổ phần hoá là **89.915.125.240 đồng** (Tám mươi chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi đồng).

Trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là **6.561.161.816 đồng** (Sáu tỷ, năm trăm sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

### **2. Kiến nghị**

Kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần sẽ được giải quyết theo chế độ tài chính hiện hành đối với doanh nghiệp nhà nước;

Xí nghiệp khai thác XYZ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và kiểm kê thực tế tài sản, vật tư hàng hoá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007;

Biên bản được thông qua, các bên thống nhất các số liệu trong biên bản xác định giá trị doanh nghiệp này.

Biên bản được lập thành 08 bản đóng trong 08 bộ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, các biên bản có giá trị như nhau.

**Đại diện cơ quan XDGTĐN**

Giám đốc

*Hoàng Thanh T*

**Đại diện doanh nghiệp**

**XÍ NGHIỆP KHAI THÁC XYZ**

Giám Đốc

Trưởng phòng Tài chính

*Nguyễn Văn B*

*Nguyễn Văn A*

**PHỤ LỤC II: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại Công ty HGI****Bảng II.1: BẢNG KIỂM KÊ VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH***Thời điểm 31/12/2007*

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách			Theo đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5=3-4	6	7		
<b>A</b>	<b>TSCĐ đang dùng</b>	892.804.727.860	4.363.014.569	888.441.713.291	953.542.281.284	949.542.281.284	61.100.567.993	
	<i>TSCĐ hữu hình</i>	<i>6.942.436.834</i>	<i>4.349.435.069</i>	<i>2.593.001.765</i>	<i>6.942.436.834</i>	<i>3.388.082.750</i>	<i>795.080.985</i>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	205.543.007	205.543.007		205.543.007			
2	Máy móc, thiết bị	3.151.425.595	1.936.209.284	1.215.216.311	3.151.425.595	1.661.729.463	446.513.152	
3	Phương tiện vận tải	2.430.617.024	1.595.740.721	834.876.303	2.430.617.024	1.124.501.619	289.625.316	
4	Thiết bị quản lý	1.154.851.208	611.942.057	542.909.151	1.154.851.208	601.851.668	58.942.517	
<b>B</b>	<b>TSCĐ không cần dùng</b>	432.960.000	432.960.000		432.960.000			
<b>C</b>	<b>TSCĐ chờ thanh lý</b>	1.844.982.923	1.811.084.585	33.898.338	1.844.982.923	33.898.338		
<b>D</b>	<b>TS nhận giữ hộ nhà nước</b>							
	<b>Cộng</b>	895.082.670.783	6.607.059.154	888.475.611.629	955.388.157.791	949.576.179.622	61.100.576.993	

*Ngày...tháng...năm2007**Công ty HGI**KTV:**Kế toán trưởng**Giám đốc*

**Bảng II-2: BẢNG KIỂM KÊ VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC**  
**Thời điểm 31/12/2007**

T T	Tên TS	Nă m sd	Giá trị sổ sách				Theo đánh giá lại			Chênh lệch	
			Nguyên giá	Khấu hao	GTCL	Tỷ lệ	Nguyên giá	Tỷ lệ	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Nhà cửa vật kiến trúc		205.543.007	205.543.007	-	0%	205.543.007	0%	-	-	-
1	Văn phòng làm việc tại 306 Bà Triệu	1989	205.543.007	205.543.007	-	0%	205.543.007	0%	-	-	-
	<b>Cộng</b>		<b>205.543.007</b>	<b>205.543.007</b>			<b>205.543.007</b>				

Ngày...tháng...năm2007

Công ty HGI:

Kiểm toán viên:

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Bảng II-3: BẢNG KIỂM KÊ VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI MÁY MÓC  
THIẾT BỊ  
Thời điểm 31/12/2007**

TT	Tên TS	Giá trị sổ sách				Theo đánh giá lại			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Khấu hao	GTCL	Tỷ lệ %	Nguyên giá	Tỷ lệ %	GTCL	Nguyên giá	GTCL
<b>I</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>2.286.689.181</b>	<b>1.452.153.352</b>	<b>834.535.829</b>	<b>36,5</b>	<b>2.286.689.181</b>	<b>51,54</b>	<b>1.178.476.385</b>	-	<b>343.940.556</b>
1	Máy chủ NCR	378.236.244	378.236.244	-	0	378.236.244	20	75.647.249	-	75.647.249
2	Máy phát điện	117.502.000	91.157.855	26.344.145	22,42	117.502.000	25	29.375.000	-	3.031.355
	...									
	<b>Cộng</b>	<b>3.151.425.595</b>	<b>1.936.209.284</b>	<b>1.215.216.311</b>		<b>3.151.425.595</b>		<b>1.661.729.463</b>		<b>446.513.151</b>

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*



**Bảng II-4: BẢNG KIỂM KÊ VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI PHƯƠNG TIỆN  
VẬN TẢI, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC  
Thời điểm 31/12/2007**

TT	Tên TS	Giá trị sổ sách				Theo đánh giá lại			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Khấu hao	GTCL	Tỷ lệ %	Nguyên giá	Tỷ lệ %	GTCL	Nguyên giá	GTCL
<b>I</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>1.424.473.900</b>	<b>974.278.621</b>	<b>450.195.279</b>	<b>32</b>	<b>1.424.473.900</b>	<b>43</b>	<b>617.171.265</b>	-	<b>166.975.987</b>
1	Xe con Toyota Camry	529.145.000	471.934.021	57.210.979	11	529.145.000	30	158.743.500	-	101.532.521
2	Xe Toyota 16 chỗ	366.618.400	322.076.346	44.542.054	12	366.618.400	30	109.985.520	-	65.443.446
	...									
	<b>Cộng</b>	<b>2.430.617.024</b>	<b>1.595.740.721</b>	<b>834.876.303</b>		<b>2.430.617.024</b>		<b>1.124.501.619</b>		<b>289.625.317</b>

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

**Bảng II-5: BẢNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ  
THANH LÝ**  
*Thời điểm 31/12/2007*

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách			Ghi chú
			Nguyên giá	Khấu hao	GTCL	
<b>A</b>	<b>TSCĐ không cần dùng</b>		<b>432.960.000</b>	<b>432.960.000</b>	<b>-</b>	
I	Nhà cửa vật kiến trúc		432.960.000	432.960.000	-	
1	Văn phòng làm việc 153 Hàm Nghi, Quận 1, TP HCM	2001	432.960.000	432.960.000	-	
II	Máy móc thiết bị		-	-	-	
<b>B</b>	<b>TSCĐ chờ thanh lý</b>		<b>1.844.982.923</b>	<b>1.811.084.585</b>	<b>33.898.338</b>	
	...					
	<b>Cộng</b>		<b>2.277.942.923</b>	<b>2.244.044.585</b>	<b>33.898.338</b>	

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

**Bảng II-6: BẢNG KIỂM KÊ VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
VÔ HÌNH**

*Thời điểm 31/12/2007*

TT	Tên TS	Giá trị sổ sách				Theo đánh giá lại			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Khấu hao	GTCL	Tỷ lệ %	Nguyên giá	Tỷ lệ %	GTCL	Nguyên giá	GTCL
<b>I</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>140.000.000</b>	<b>13.579.500</b>	<b>126.420.500</b>		<b>140.000.000</b>		<b>126.420.500</b>	-	-
1	Trang web Công ty	140.000.000	13.579.500	126.420.500	90	140.000.000	90	126.420.500	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>140.000.000</b>	<b>13.579.500</b>	<b>126.420.500</b>		<b>140.000.000</b>		<b>126.420.500</b>	-	-

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

**Bảng II-7: BẢNG KÊ SỔ DƯ TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**  
**Thời điểm 31/12/2007**

TT	Diễn giải	Giá trị sổ sách				Theo đánh giá lại	Chênh lệch	Ghi chú
		Ngoại tệ	Quy đổi ra VNĐ	VNĐ	Tổng			
<b>I</b>	<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	-	-	<b>217.008.143</b>	<b>217.008.143</b>	<b>217.008.800</b>	<b>657</b>	<b>BBKK</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>267,31</b>	<b>5.265.634</b>	<b>20.448.645.808</b>	<b>20.453.911.442</b>	<b>20.453.949.009</b>	<b>37.567</b>	
1	NH Công thương VN – KV II	-	-	1.630.348.031	1.630.348.031	1.630.348.031	-	Xác nhận NH
2	NH Công thương VN – CN Hoàn Kiếm	-	-	11.082.133	11.082.133	11.082.133	-	Xác nhận NH
	....							
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</b>	<b>41,20</b>	<b>1.511.374</b>	<b>71.738.426.903</b>	<b>71.739.738.277</b>	<b>71.739.948.017</b>	<b>9.740</b>	<b>Xác nhận NH</b>
<b>IV</b>	<b>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</b>	-	-	<b>12.509.138.557</b>	<b>12.509.138.557</b>	<b>12.509.138.017</b>	-	<b>Xác nhận NH</b>
	<b>Cộng</b>	<b>308,51</b>	<b>6.777.008</b>	<b>104.913.219.411</b>	<b>104.919.996.419</b>	<b>104.920.044.383</b>	<b>47.964</b>	

Ngày...tháng...năm 2007

Công ty HGI:

Kiểm toán viên:

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Bảng II-8: BẢNG KÊ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGẮN HẠN  
VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC  
Thời điểm 31/12/2007**

TT	Diễn giải	Mã CP	Số lượng CP	Giá trị sổ sách		Giá trị thực tế		Chênh lệch	Ghi chú
				Đơn giá	Thành tiền	Giá tham chiếu	Thành tiền		
<b>A</b>	<b>Chứng khoán tự doanh</b>				<b>742.433.085.328</b>		<b>754.090.832.103</b>	<b>11.657.746.775</b>	
I	Văn phòng Công ty				735.829.667.638		744.918.170.703	9.088.503.065	
	<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				<b>86.063.928.255</b>		<b>95.152.431.320</b>	<b>8.088.503.065</b>	
1	Công ty CP XNK Thủy Sản An Giang	AGF	27.368	78.986	2.161.687.600	46.357	1.268.686.880	(893.000.720)	
2	Công ty CP Bibica	BBC	410	35.442	14.531.200	86.287	35.377.760	20.846.560	
	...								
	<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				<b>28.151.750.399</b>		<b>28.151.750.399</b>	-	
	<i>Trái phiếu</i>				<b>615.632.649.834</b>		<b>615.632.649.834</b>	-	
	<i>Chứng khoán khác</i>				<b>5.981.339.150</b>		<b>5.981.339.150</b>	-	
<b>B</b>	<b>Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác</b>				-		-	-	
<b>C</b>	<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				-		-	-	
	<b>Cộng</b>				<b>742.433.085.328</b>		<b>754.090.832.103</b>	<b>11.657.746.775</b>	

**Bảng II-9: BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**  
**Thời điểm 31/12/2007**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Theo sổ kế toán</b>	<b>Xác định lại</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phải thu của Trung tâm giao dịch CK	5.072.360.000	5.072.360.000	-	Xác nhận công nợ 65%
2	Phải thu của người đầu tư	6.097.202.896	6.097.202.896	-	Xác nhận công nợ 52%
3	Phải thu của tổ chức phát hành CK hoặc bảo lãnh CK	15.881.157.239	15.881.157.239	-	Xác nhận công nợ 80%
4	Ứng trước cho người bán	637.340.020	637.340.020	-	Xác nhận công nợ 89%
5	Phải thu khác	3.694.802.324	3.694.802.324	-	Xác nhận công nợ 75%
	<b>Cộng</b>	<b>31.382.862.479</b>	<b>31.382.862.479</b>	-	

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

**Bảng II-10: BẢNG KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ LẠI CÔNG CỤ DỤNG CỤ ĐÃ SỬ DỤNG**  
**Thời điểm 31/12/2007**

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị sổ sách	Tỷ lệ đánh giá lại	Theo đánh giá lại	Chênh lệch
<b>A</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn – CCDC xuất dùng chưa phân bổ</b>							
<b>B</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn – CCDC đã phân bổ hết vào chi phí</b>				-		<b>355.288.315</b>	<b>355.388.315</b>
I	Văn phòng Công ty							
1	Điều hòa Samsung	Chiếc	2	6.250.000	-	20%	2.500.000	2.500.000
2	Điều hòa Fujitsu	Chiếc	4	9.550.000	-	20%	7.640.000	7.640.000
	...							
	<b>Cộng</b>				-		<b>355.288.315</b>	<b>355.388.315</b>

Ngày...tháng...năm2007

Công ty HGI:

Kiểm toán viên:

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Bảng II-11: BẢNG KÊ TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**  
**Thời điểm 31/12/2007**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Theo sổ kế toán</b>	<b>Xác định lại</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tạm ứng	14.646.000	14.646.000	-	
2	Chi phí trả trước	8.515.566.812	8.515.566.812	-	
3	Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	537.548.742	537.548.742	-	
	<b>Cộng</b>	<b>9.067.761.554</b>	<b>9.067.761.554</b>	-	

*Ngày...tháng...năm2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*



**Bảng II-12: BẢNG KÊ CÁC KHOẢN CÔNG NỢ PHẢI TRẢ**  
**Thời điểm 31/12/2007**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Theo sổ kế toán</b>	<b>Xác định lại</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phải trả Trung tâm giao dịch CK	743.100.230	743.100.230	-	
2	Phải trả cho người bán	343.404.493.876	343.404.493.876	-	
3	Người mua ứng trước	332.999.080	332.999.080	-	
4	Phải trả cổ tức, gốc, lãi trái phiếu	240.265.200	240.265.200	-	
5	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	18.538.982.358	18.538.982.358	-	
6	Phải trả công nhân viên	1.372.991.282	1.372.991.282	-	
7	Chi phí phải trả	65.000.000	65.000.000	-	
8	Phải trả tổ chức phát hành cổ phiếu	6.502.058.701	6.502.058.701	-	
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.390.521.019	42.390.521.019	-	
10	Thanh toán giao dịch CK của người đầu tư	84.962.485.187	84.962.485.187	-	
	<b>Cộng</b>	<b>498.552.896.933</b>	<b>498.552.896.933</b>	-	

*Ngày...tháng...năm 2007*

*Công ty HGI:*

*Kiểm toán viên:*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

**Bảng II-13: BẢNG TÍNH LỢI THẾ KINH DOANH**  
**Thời điểm 31/12/2007**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Tổng
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận được xác định</b>	<b>14.140.390.205</b>	<b>31.581.758.936</b>	<b>121.421.297.708</b>	<b>167.143.446.849</b>
<b>II</b>	<b>Khoản giảm trừ từ lợi nhuận</b>	<b>1.318.869.608</b>	<b>5.858.462.951</b>	<b>23.195.177.707</b>	<b>30.372.510.266</b>
1	Thuế TNDN	1.318.869.608	5.858.462.951	23.195.177.707	30.372.510.266
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế (= I – II)</b>	<b>12.821.520.597</b>	<b>25.723.295.985</b>	<b>98.226.120.001</b>	<b>136.770.936.583</b>
	- Lợi nhuận sau thuế bình quân 3 năm				45.590.312.194
<b>IV</b>	<b>Vốn nhà nước (= 1-2-3)</b>				
1	Tổng tài sản theo báo cáo của DN	608.458.803.434	1.172.564.974.346	888.475.611.629	2.669.499.389.409
2	Nợ phải trả theo báo cáo của DN	478.051.733.641	1.017.357.552.508	498.552.896.933	1.933.962.183.082
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi theo báo cáo của DN	106.763.008	-	2.785.099.169	2.891.862.177
4	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-	-
<b>V</b>	<b>Vốn nhà nước bình quân 3 năm</b>				<b>224.215.114.717</b>
<b>VI</b>	<b>Tỷ suất LNST / Vốn nhà nước</b>				<b>20,33%</b>
<b>VII</b>	<b>Lãi suất trái phiếu chính phủ</b>				<b>8,65%</b>
<b>VIII</b>	<b>Giá trị vốn nhà nước tại 31/12/07</b>				<b>387.137.615.527</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>				<b>45.217.673.494</b>



**Bảng II-14: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31/12/2007**

	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Số sổ sách</b>	<b>Số xác định lại</b>	<b>Chênh lệch</b>
1	2	3	4	5=4-3
<b>A</b>	<b>TSLĐ VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>			
		<b>884.728.975.320</b>	<b>899.461.519</b>	<b>14.732.525.199</b>
<b>I</b>	<b>Vốn bằng tiền</b>	<b>104.919.996.419</b>	<b>104.920.044.383</b>	<b>47.964</b>
<b>II</b>	<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>739.358.354.868</b>	<b>754.090.832.103</b>	<b>14.732.477.235</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>31.382.862.479</b>	<b>31.382.862.479</b>	
1	Phải thu của TTGDCK	5.072.360.000	5.072.360.000	
2	Phải thu của người đầu tư	6.097.202.896	6.097.202.896	
3	Phải thu của TCPHCK	15.881.157.239	15.881.157.239	
4	Trả trước cho người bán	637.340.020	637.340.020	
5	Phải thu khác	3.694.802.324	3.694.802.324	
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
<b>V</b>	<b>Tài sản lưu động khác</b>	<b>9.067.761.554</b>	<b>9.067.761.554</b>	
1	Tạm ứng	14.646.000	14.646.000	
2	Chi phí trả trước	8.515.566.812	8.515.566.812	
3	Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	537.548.742	537.548.742	
<b>B</b>	<b>TSCĐ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>			
		<b>3.746.636.309</b>	<b>50.114.679.103</b>	<b>46.368.042.794</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ</b>	<b>2.573.320.603</b>	<b>3.548.401.588</b>	<b>795.080.985</b>
1	TSCĐ hữu hình	2.626.900.103	3.421.981.088	795.080.985
	Nguyên giá	8.627.268.355	8.627.268.355	
	Giá trị hao mòn lũy kế	(6.000.368.252)	(5.205.287.267)	795.080.985
2	TSCĐ vô hình	126.420.500	126.420.500	
	Nguyên giá	733.111.402	733.111.402	
	Giá trị hao mòn lũy kế	(606.690.902)	(606.690.902)	
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>993.315.706</b>	<b>46.566.277.515</b>	<b>45.572.961.809</b>
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>888.475.611.629</b>	<b>949.576.179.622</b>	<b>61.100.567.993</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
1	2			
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>498.552.896.933</b>	<b>498.552.896.933</b>	
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>498.552.896.933</b>	<b>498.552.896.933</b>	
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>389.922.714.696</b>	<b>451.023.282.689</b>	<b>61.100.567.993</b>
<b>I</b>	<b>Vốn góp ban đầu</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>376.491.615.380</b>	<b>76.491.615.380</b>
<b>II</b>	<b>Vốn góp bổ sung</b>	<b>10.646.000.147</b>	<b>10.646.000.147</b>	

<b>III</b>	<b>Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>79.276.714.549</b>	<b>2.785.099.169</b>	<b>(76.491.615.380)</b>
<b>IV</b>	<b>Vốn điều chỉnh</b>		<b>61.100.567.993</b>	<b>61.100.567.993</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>		<b>949.576.179.622</b>	<b>61.100.567.993</b>

**Bảng II-15: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA  
CÔNG TY HGI  
tại ngày 31/12/2007**

STT	Tên TS	Số liệu theo báo cáo đơn vị	Số liệu theo xác định lại	Chênh lệch
<b>A</b>	<b>Tài sản đang dùng</b>	<b>888.441.713.291</b>	<b>949.542.218.284</b>	<b>61.100.567.993</b>
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	3.172.737.971	4.863.107.271	1.150.369.300
1	TSCĐ	2.719.422.265	3.514.503.250	795.080.985
1.1	TSCĐ hữu hình	2.593.001.765	3.388.082.750	795.080.985
1.2	TSCĐ vô hình	126.420.500	126.420.500	-
2	Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác	-	-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	-	355.288.315	355.288.315
5	Tài sản dài hạn khác	993.315.706	993.315.706	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	884.728.975.320	899.461.500.519	14.732.525.199
1	Tiền	104.919.996.419	104.920.044.383	47.964
	+ Tiền mặt tại quỹ	217.008.143	217.008.800	657
	+ Tiền gửi ngân hàng	20.453.911.442	20.453.949.009	37.567
	+ Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	71.739.938.277	71.739.948.017	9.470
	+ Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	12.509.138.557	12.509.138.557	-
2	Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác	739.358.354.868	754.090.832.103	14.732.477.235
3	Các khoản phải thu	31.382.862.479	31.382.862.479	-
4	Vật tư, công cụ tồn kho	-	-	-
5	Tài sản lưu động khác	9.067.761.554	9.067.761.554	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	45.217.673.494	45.217.673.494
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng</b>	-	-	-

I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
1	TSCĐ	-	-	-
2	Chi phí XDCBDD	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
<b>C</b>	<b>TSCĐ chờ thanh lý</b>	<b>33.898.338</b>	<b>33.898.338</b>	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	33.898.338	33.898.338	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
<b>D</b>	<b>Tài sản nhận giữ hộ nhà nước</b>	-	-	-
	<b>Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)</b>	<b>888.475.611.629</b>	<b>949.576.179.622</b>	<b>61.100.567.993</b>
	Trong đó:		.	
	Tổng giá trị thực tế DN (A)	888.441.713.219	949.542.281.284	61.100.567.993
E1	Nợ thực tế phải trả	498.552.896.933	498.552.896.933	-
E2	Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi	2.785.099.169	2.785.099.169	-
E3	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	<b>Tổng giá trị thực tế phần vốn góp nhà nước tại DN (A-(E1+E2+E3))</b>	<b>387.103.717.189</b>	<b>448.204.285.182</b>	<b>61.100.567.993</b>

### PHỤ LỤC III: CÂU HỎI PHÒNG VẤN <sup>1</sup>

STT:.....

Ngày phỏng vấn:.....

#### Phần A. thông tin chung và hoạt động của doanh nghiệp

1. Họ và tên người được phỏng vấn.....
2. Vị trí công tác.....
3. Tên công ty: .....
4. Trụ sở tại.....
5. Năm thành lập .....
6. Loại hình doanh nghiệp

Công ty TNHH

Công ty hợp danh

Doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp nước ngoài

Doanh nghiệp khác


Nếu câu trả lời là doanh nghiệp khác xin cho biết cụ thể loại hình của đơn vị: .....

7. Lĩnh vực kinh doanh chính của đơn vị là?

Kiểm toán

Thẩm định giá

Tư vấn

Lĩnh vực khác

(chi tiết.....)


8. Đơn vị được tổ chức theo mô hình nào?

Trực tuyến

Tham mưu

Loại khác

<sup>1</sup> Câu hỏi phỏng vấn này được tác giả soạn thảo nhằm mục đích khảo sát cho nghiên cứu khoa học cá nhân, không nhằm mục đích thương mại. Tôi xin cam kết những vấn đề trong sử dụng tài liệu phỏng vấn sẽ không làm ảnh hưởng tới đơn vị được phỏng vấn.

9. Công ty có chi nhánh hay văn phòng đại diện ở những đâu?

Miền Bắc  Miền Trung  Miền Nam  Nước ngoài

10. Ông bà đã quản lý hoặc tham gia việc quản lý công ty hiện tại bao nhiêu năm tính tới thời điểm hiện tại? .....Năm

11. Ông bà tham gia quản lý trong lĩnh vực gì?

Kiểm toán  Tư vấn  Dịch vụ

Quản lý chung  Khác

12. Số lượng lao động trong Công ty?

Có chứng chỉ KTV

Có chứng chỉ thẩm định giá

Có chứng chỉ khác


13. Ông bà cho biết ước tính của mình về doanh thu và lợi tức sau thuế theo bảng sau một cách sát thực nhất có thể từ năm 2007 – 2009

Năm	2006	2007	2008	2009
Tổng doanh thu (triệu đồng)				
Trong đó:				
- dịch vụ Kiểm toán				
- dịch vụ tư vấn				
- dịch vụ định giá				
- dịch vụ khác				
Lợi tức sau thuế TNDN				

**Phần B: Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp**

14. Công ty của ông bà có cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không



*Nếu câu trả lời là có, xin ông bà trả lời tiếp các câu hỏi từ 14.1 tới 14.25, trong trường hợp ngược lại xin ông bà bỏ qua những câu hỏi này và trả lời tiếp từ câu 15.*

14.1. Công ty cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp từ khi nào?  
Từ năm.....

14.2. Bộ phận tiến hành xác định doanh nghiệp có được thành lập một phòng riêng không?

Có  Không

14.3. Việc tổ chức đoàn xác định giá trị doanh nghiệp như thế nào?

Lựa chọn từ một bộ phận   
Lựa chọn từ các bộ phận khác nhau   
Cách khác

14.4. Việc bổ nhiệm Trưởng đoàn do ai quyết định?

Ban giám đốc   
Trưởng phòng   
Đối tượng khác

(Chi tiết.....)

14.5. Những người tham gia đoàn xác định giá trị DN do ai quyết định?

Ban giám đốc   
Trưởng phòng   
Đối tượng khác

(Chi tiết.....)

14.6. Số lượng người trong công ty có khả năng tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp? .....người

14.7. Trình độ của những người tham gia tiến hành xác định giá trị DN?

Đại học   
Cao đẳng   
Khác

(Chi tiết.....)

14.8. Chứng chỉ nghề nghiệp của những người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp?

Chứng chỉ thẩm định viên về giá

Chứng chỉ KTV

Chứng chỉ khác


Nếu có, xin vui lòng cho biết tên Tổ chức cấp chứng chỉ nghề nghiệp

.....

14.9. Cách xác định số lượng nhân viên tham gia hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp?

Cố định (cụ thể số lượng thường tham gia:)

Tùy theo hợp đồng


14.10. Những người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp có được đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên không?

Có

Không

Thời gian trung bình công ty tổ chức các khóa học là.....

14.11. Theo ông bà thì số lượng người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có

Không

Cụ thể.....

14.12. Việc xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành theo?

Kế hoạch do công ty xây dựng

Tiêu chuẩn thẩm định giá

Cách khác


(Chi tiết.....)

14.13. Công ty có thực hiện khảo sát trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không

14.14. Công ty có xây dựng quy trình xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có  Không

14.15. Kết thúc việc xác định giá trị doanh nghiệp, công ty có lập:

Báo cáo kết quả thẩm định giá   
Chứng thư thẩm định giá   
Báo cáo khác

(Chi tiết.....)

14.16. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được cung cấp cho ai?

Khách hàng   
Cơ quan quản lý nhà nước   
Đối tượng khác

(Chi tiết.....)

14.17. Công ty có bảo vệ kết quả thẩm định giá khi có yêu cầu của khách hàng không?

Có  Không

14.18. Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành dựa trên cơ sở nào khi thực hiện?

Chuẩn mực kiểm toán   
Chuẩn mực kế toán   
Tiêu chuẩn thẩm định giá   
Chế độ tài chính, kế toán   
Khác

(Chi tiết.....)

14.19. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp được đơn vị áp dụng chủ yếu là?

Phương pháp tài sản   
Phương pháp dòng tiền chiết khấu   
Phương pháp..

Phương pháp khác   
(Chi tiết.....)

14.20. Ông bà đánh giá như thế nào về phương pháp tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay?

Phù hợp với thực tế   
Quá chung chung   
Khó áp dụng

Nguyên nhân:.....

Đề xuất:.....

14.21. Ông bà đánh giá như thế nào về phương pháp dòng tiền chiết khấu khi xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay?

Phù hợp với thực tế   
Quá chung chung   
Khó áp dụng

Nguyên nhân:.....

Đề xuất:.....

14.22. Ông bà cho biết giá để làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản là?

Giá trên thị trường hiện tại   
Giá do Nhà nước ban hành   
Giá do Bộ Tài chính ban hành   
Giá khác

(Chi tiết.....)

14.23. Theo ông bà thì dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có  Không

Cụ thể:.....

14.24. Theo ông bà Công ty của ông bà phải đối mặt với những rủi ro nào khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp?

.....  
.....

14.25. Ông bà cho biết ý kiến của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

.....  
.....

15. Công ty của ông bà có cung cấp dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không

*Nếu câu trả lời là có, xin ông bà trả lời tiếp các câu hỏi từ 15.1 tới 15.22, trong trường hợp ngược lại xin ông bà bỏ qua những câu hỏi này và trả lời tiếp từ câu 16.*

15.1. Công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp từ khi nào?

Từ năm.....

15.2. Theo ông bà được biết thì kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thuộc về lĩnh vực nào?

Kiểm toán Báo cáo tài chính

Kiểm toán hoạt động

Kiểm toán tuân thủ

Loại khác

(Chi tiết.....)

15.3. Theo ông bà thì dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có

Không

Cụ thể.....

15.4. Ông bà đánh giá như thế nào về vai trò của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong thời điểm hiện nay?

Rất quan trọng (theo nghĩa bắt buộc phải có)

Khá quan trọng (có ảnh hưởng đáng kể tới việc ra quyết định)

Không quan trọng (không ảnh hưởng đến việc ra quyết định)


15.5. Theo ông bà được biết mục tiêu kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là?

Xác nhận lại thông tin về việc định giá doanh nghiệp

Đánh giá quá trình thực hiện và kết quả của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp

Xem xét sự chấp hành luật, chuẩn mực, chế độ hiện hành khi xác định giá trị doanh nghiệp.

Mục tiêu khác....

(Chi tiết.....)


15.6. Bộ phận tiến hành dịch vụ kiểm toán xác định doanh nghiệp có được thành lập một phòng riêng không?

Có

Không

15.7. Việc tổ chức đoàn kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp như thế nào?

Lựa chọn từ một bộ phận

Lựa chọn từ các bộ phận khác nhau

Cách khác


15.8. Việc bổ nhiệm Trưởng đoàn do ai quyết định?

Ban giám đốc

Trưởng phòng

Đối tượng khác


(Chi tiết.....)

15.9. Những người tham gia đoàn kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do ai quyết định?

Ban giám đốc

Trưởng phòng

Đối tượng khác


(Chi tiết.....)

15.10. Trình độ của những người tham gia dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Đại học

Cao đẳng

Khác


(Chi tiết.....)

15.11. Chứng chỉ nghề nghiệp của những người tham gia dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Chứng chỉ thẩm định viên về giá

Chứng chỉ KTV

Chứng chỉ khác


Nếu có, xin vui lòng cho biết tên Tổ chức cấp chứng chỉ nghề nghiệp  
.....

15.12. Những người tham gia kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có được đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên không?

Có

Không

Thời gian trung bình công ty tổ chức các khóa học là.....

15.13. Việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành theo?

Kế hoạch do công ty xây dựng

Tiêu chuẩn thẩm định giá

Cách khác


(Chi tiết.....)

15.14. Công ty có xây dựng quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không

15.15. Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành dựa trên cơ sở nào khi thực hiện?

Chuẩn mực kiểm toán

Chuẩn mực kế toán

Tiêu chuẩn thẩm định giá

Chế độ tài chính, kế toán

Khác

(Chi tiết.....)

15.16. Công ty có tiến hành khảo sát về đơn vị tiến hành thẩm định giá trước khi thực hiện kiểm toán không?

Có

Không

15.17. Khi lập kế hoạch kiểm toán, Công ty tiến hành đánh giá về:

Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị thẩm định giá

Hệ thống kiểm soát chất lượng của đơn vị thẩm định giá

Khác

(Chi tiết.....)

15.18. Khi lập kế hoạch kiểm toán, Công ty có xác định mức trọng yếu không?

Có

Không

Nếu có xin vui lòng cho biết cơ sở để xác định mức trọng yếu:.....

15.19. Phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được đơn vị áp dụng chủ yếu là?

Phương pháp tuân thủ (thử nghiệm tuân thủ)

Phương pháp cơ bản (thử nghiệm cơ bản)

Phương pháp khác

(Chi tiết.....)



15.20. Kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được trình bày trong:

Báo cáo kiểm toán

Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Báo cáo khác

(Chi tiết.....)

15.21. Kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được cung cấp cho ai?

Khách hàng

Cơ quan quản lý nhà nước

Đối tượng khác

(Chi tiết.....)

15.22. Ông bà đánh giá như thế nào về kiểm toán xác định giá trị DN hiện nay?

Phù hợp với thực tế

Quá chung chung

Khó áp dụng

Nguyên nhân:.....

Đề xuất:.....

16. Theo ông bà thì kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có giống với dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp (thẩm định giá) không?

Có

Không

17. Theo ông bà thì việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do tổ chức kiểm toán nào thực hiện là phù hợp nhất?

Kiểm toán Nhà nước

Kiểm toán độc lập

Kiểm toán nội bộ

Khác

(Chi tiết.....)

18. Theo ông bà khi tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì cần phải có sự độc lập như thế nào?

Độc lập với đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp

Độc lập với đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp

Ý kiến khác

(Chi tiết.....)

19. Theo ông bà biết thì đến nay Nhà nước có ban hành văn bản nào hướng dẫn về hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chưa?

Có rồi

Chưa có

Không rõ

20. Theo ông bà Nhà nước có nên có những văn bản quy định về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không

21. Định kỳ ở công ty ông bà có tiến hành đánh giá về tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có

Không

22. Ông bà đánh giá như thế nào về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp?

Phù hợp với thực tế

Quá chung chung

Không vận dụng được

(Đề xuất cụ thể:.....)

23. Ông bà đánh giá như thế nào về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán hiện nay?

Phù hợp với thực tế

Quá chung chung

Không vận dụng được

(Đề xuất cụ thể: .....

.....)

24. Xin vui lòng đánh giá theo mức độ từ cao xuống thấp với 5- rất cao; 4- cao; 3- Trung bình; 2- Thấp; 1- Rất thấp

	5	4	3	2	1
Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay					
Sự tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp					
Chi phí cho việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp					
Hiệu quả của việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp khi cung cấp thông tin cho người quan tâm					
Sự phù hợp của quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay với quy định của Nhà nước					

25. Theo ông bà Công ty của ông bà phải đối mặt với những rủi ro nào khi thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

.....

.....

.....

26. Ông bà cho biết ý kiến của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

.....

.....

.....

**Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của ông bà!**

**PHỤ LỤC IV - BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN QUA  
PHIẾU ĐIỀU TRA**

**Phần A. thông tin chung và hoạt động của doanh nghiệp**

1. Số phiếu điều tra:

Số phiếu phát ra	20	100%
Số phiếu trả lời nhận về	14	70%
Số phiếu trả lời không nhận được	06	30%

2. Loại hình công ty kiểm toán được gửi phiếu điều tra

Loại hình doanh nghiệp	Số lượng	
Công ty TNHH	20	100%
Công ty hợp danh	0	0
Doanh nghiệp tư nhân	0	0
Doanh nghiệp nước ngoài	0	0
Doanh nghiệp khác	0	0

3. Lĩnh vực kinh doanh chính của đơn vị là?

Kiểm toán	14	100%
Thẩm định giá	10	71,42%
Tư vấn	12	85,71%
Lĩnh vực khác	4	28,57%

8. Đơn vị được tổ chức theo mô hình nào?

Trực tuyến	10	71,42%
Tham mưu	0	0%
Loại khác	2	14,28%
Không có ý kiến	2	14,28%

9. Công ty có chi nhánh hay văn phòng đại diện ở những đâu?

Miền Bắc	12	85,71%
Miền Trung	4	28,57%

Miền Nam	6	42,85%
Nước ngoài	0	0%
Không có ý kiến	2	14,28%

10. Ông bà đã quản lý hoặc tham gia việc quản lý công ty hiện tại bao nhiêu năm tính tới thời điểm hiện tại?

Dưới 3 năm	5	35,72%
Từ 3 năm đến dưới 6 năm	4	28,57%
Từ 6 năm đến dưới 10 năm	2	14,28%
Trên 10 năm	1	7,15%
Không có ý kiến	2	14,28%

11. Ông bà tham gia quản lý trong lĩnh vực gì?

Kiểm toán	6	42,85%
Quản lý chung	2	14,28%
Tư vấn	5	35,72%
Dịch vụ	2	14,28%
Khác	1	7,15%
Không trả lời	5	35,72%

12. Số lượng lao động trong Công ty?

Loại chứng chỉ	Số lượng			
	Dưới 5 người	Trên 5 người dưới 10 người	Trên 10 người	Không rõ
Có chứng chỉ KTV	3	5	5	1
Có chứng chỉ thẩm định giá	7	3	0	2
Có chứng chỉ khác (Tư vấn thuế)			1	1

**Phần B: Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp**

14. Công ty của ông bà có cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	8/14	Không	1/14	Không có ý kiến	5/14
----	------	-------	------	-----------------	------

*Nếu câu trả lời là có, xin ông bà trả lời tiếp các câu hỏi từ 14.1 tới 14.25, trong trường hợp ngược lại xin ông bà bỏ qua những câu hỏi này và trả lời tiếp từ câu 15.*

14.1. Công ty cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp từ khi nào?  
(tính đến năm 2010)

Dưới 5 năm	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	Trên 10 năm	Không có ý kiến
2/14	9/14	0	3/14

14.2. Bộ phận tiến hành xác định doanh nghiệp có được thành lập một phòng riêng không?

Có	0	Không	8/14	Không có ý kiến	6/14
----	---	-------	------	-----------------	------

14.3.

14.4. Việc tổ chức đoàn xác định giá trị doanh nghiệp như thế nào?

Lựa chọn từ một bộ phận	3/14
Lựa chọn từ các bộ phận khác nhau	5/14
Cách khác	1/14
Không có ý kiến	5/14

14.5. Việc bổ nhiệm Trưởng đoàn do ai quyết định?

Ban giám đốc	9/14
Trưởng phòng	3/14
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	5/14

14.6. Những người tham gia đoàn xác định giá trị doanh nghiệp do ai quyết định?

Ban giám đốc	10/14
Trưởng phòng	8/14
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	5/14

14.7. Số lượng người trong công ty có khả năng tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp?

Dưới 20 người	Từ 20 người đến dưới 50 người	Trên 50 người	Không có ý kiến
3/14	3/14	3/14	5/14

14.8. Trình độ của những người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp?

Đại học	14/14
Cao đẳng	2/14
Khác	0
Không có ý kiến	0

14.9. Chứng chỉ nghề nghiệp của những người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp?

Chứng chỉ thẩm định viên về giá	8/14
Chứng chỉ KTV	9/14
Chứng chỉ khác	2/14
Không có ý kiến	5/14

Nếu có, xin vui lòng cho biết tên Tổ chức cấp chứng chỉ nghề nghiệp:

Bộ Tài chính

14.10. Cách xác định số lượng nhân viên tham gia hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp?

Cố định (cụ thể số lượng thường tham gia:)	0
Tùy theo hợp đồng	9/14
Không có ý kiến	5/14

14.10. Những người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp có được đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên không?

Có	10/14	Không	0	Không có ý kiến	4/14
----	-------	-------	---	-----------------	------

Thời gian trung bình công ty tổ chức các khóa học là:

1 tháng	Từ 1 tháng đến dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Không có ý kiến
3/14	4/14	3/14	4/14

14.11. Theo ông bà thì số lượng người tham gia tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có	0	Không	10/14	Không có ý kiến	4/14
----	---	-------	-------	-----------------	------

14.12. Việc xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành theo?

Kế hoạch do công ty xây dựng	9/14
Tiêu chuẩn thẩm định giá	6/14
Cách khác	0
Không có ý kiến	5/14

14.13. Công ty có thực hiện khảo sát trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	8/14	Không	0	Không có ý kiến	6/14
----	------	-------	---	-----------------	------



14.14. Công ty có xây dựng quy trình xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	10/14	Không	0	Không có ý kiến	4/14
----	-------	-------	---	-----------------	------

14.15. Kết thúc việc xác định giá trị doanh nghiệp, công ty có lập:

Báo cáo kết quả thẩm định giá	7/14
Chứng thư thẩm định giá	0
Báo cáo khác	3/14
Không có ý kiến	4/14

(Chi tiết: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

14.16. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được cung cấp cho ai?

Khách hàng	8/14
Cơ quan quản lý nhà nước	6/14
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	4/14

14.17. Công ty có bảo vệ kết quả thẩm định giá khi có yêu cầu của khách hàng không?

Có	8/14	Không	0	Không có ý kiến	6/14
----	------	-------	---	-----------------	------

14.18. Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành dựa trên cơ sở nào khi thực hiện?

Chuẩn mực kiểm toán	4/14
Chuẩn mực kế toán	6/14
Tiêu chuẩn thẩm định giá	8/14
Chế độ tài chính, kế toán	7/14
Khác	5/14
Không có ý kiến	4/14

(Chi tiết: Các văn bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành, hướng dẫn; Các quy định của cơ quan có thẩm quyền có liên quan đến hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp)

14.19. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp được đơn vị áp dụng chủ yếu là?

Phương pháp tài sản	8/14
Phương pháp dòng tiền chiết khấu	2/14
Phương pháp..	0
Phương pháp khác	0
Không có ý kiến	6/14

14.20. Ông bà đánh giá như thế nào về phương pháp tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay?

Phù hợp với thực tế	3/14
Quá chung chung	3/14
Khó áp dụng	3/14
Không có ý kiến	5/14

**Nguyên nhân:**

- Có văn bản hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, khó áp dụng thực tế, giá phí hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp chưa cao.
- Nhiều khi khó xác định giá thị trường do thiếu thông tin.

**Đề xuất:** - Kho dữ liệu công bố thông tin đến giá trong từng thời kỳ.

14.21. Ông bà đánh giá như thế nào về phương pháp dòng tiền chiết khấu khi xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay?

Phù hợp với thực tế	0
Quá chung chung	2/14
Khó áp dụng	4/14
Không có ý kiến	8/14

Nguyên nhân: - Chỉ áp dụng đối với một số loại hình doanh nghiệp

Đề xuất: .....

14.22. Ông bà cho biết giá để làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản là?

Giá trên thị trường hiện tại	8/14
Gia do Nhà nước ban hành	6/14
Giá do Bộ Tài chính ban hành	2/14
Giá khác	0
Không có ý kiến	4/14

(Chi tiết: Tùy vào tình hình thực tế, quan trọng nhất là giá trị trường. Một số trường hợp cần giá do Nhà nước ban hành để có cơ sở so sánh)

14.23. Theo ông bà thì dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có	8/14	Không	2/14	Không có ý kiến	4/14
----	------	-------	------	-----------------	------

Cụ thể: Giá phí thấp

14.24. Theo ông bà Công ty của ông bà phải đối mặt với những rủi ro nào khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp?

Có ý kiến	5/14	Không có ý kiến	9/14
-----------	------	-----------------	------

Ý kiến 1:

- Một số thông tin không có trên thị trường, nếu dùng phương pháp so sánh thì có thể thông tin nhận được chưa phù hợp với loại tài sản định giá.
- Chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị doanh nghiệp cho cả một tập đoàn, Tổng Công ty (nhiều đơn vị thành viên).

Ý kiến 2: Rủi ro tương đối do :

- Việc xác định giá thị trường chỉ mang tính chất thời điểm
- Doanh nghiệp tồn tại nhiều vấn đề về tài chính, không đủ cơ sở để xử lý hết các vấn đề tồn tại về tài chính (Ví dụ: lỗ tiềm ẩn nhiều, treo gác từ lâu, công nợ khó đòi nhiều, chi phí sản xuất dở dang không xác định được, không quy được rõ trách nhiệm chủ quan, khách quan...)
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngoại trừ rất nhiều về các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán.

Ý kiến 3:

- Khó xác định được giá thị trường của một số tài sản đặc thù: Việc xác định giá trị tài sản theo giá thị trường đối với những tài sản cũ, không có tài sản giống hệt hoặc tương đương để so sánh để làm cơ sở định giá;

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất hoặc lợi thế vị trí địa lý của khu đất có diện tích lớn: Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường hoặc lợi thế vị trí địa lý của khu đất theo giá thị trường của các lô đất có diện tích lớn, thông thường những lô đất này không có giao dịch trên thị trường, do vậy sẽ phải thực hiện quy đổi các lô đất diện tích nhỏ có giao dịch để xác định giá trị tương ứng của các lô đất lớn nhưng việc quy đổi này cũng chưa có hướng dẫn cụ thể của cơ quan quản lý nhà nước;

Ý kiến 4:

- Đối với những tài sản đặc thù không có giá trị trên thị trường
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý biến động theo thị trường
- Giá trị thương hiệu khó xác định chính xác

Ý kiến 5: - Sai sót trong quá trình kiểm kê tài sản.

- Sai sót trong khâu tìm báo giá thị trường.

14.25. Ông bà cho biết ý kiến của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Có ý kiến	4/14	Không có ý kiến	10/14
-----------	------	-----------------	-------

Ý kiến 1: Bỏ mức trần chi phí khi cung cấp dịch vụ này.

Ý kiến 2:

- Số liệu tài chính của đơn vị phải minh bạch, xử lý triệt để được các tồn tại về tài chính

- Các hệ thống về giá thị trường là đầy đủ
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cũng phải làm các thủ tục kiểm toán triệt để để không ngoại trừ

- Ý kiến tham gia, chỉ đạo, phê duyệt của các cơ quan có chức năng phải kịp thời, tránh để lâu.

Ý kiến 3: Phụ thuộc vào cơ quan nhà nước

Ý kiến 4: Các cơ quan chức năng cần có thêm các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn trong việc xác định các giá trị vô hình của doanh nghiệp như: giá trị quyền sử dụng đất, giá trị thương hiệu, nhãn mác, lợi thế vị trí địa lý...;

15. Công ty của ông bà có cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	4	28,58%	Không	3	21,42%	Không có ý kiến	7	50%
----	---	--------	-------	---	--------	-----------------	---	-----

*Nếu câu trả lời là có, xin ông bà trả lời tiếp các câu hỏi từ 15.1 tới 15.22, trong trường hợp ngược lại xin ông bà bỏ qua những câu hỏi này và trả lời tiếp từ câu 16.*

15.1. Công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp từ khi nào?

*(tính đến năm 2010)*

Dưới 5 năm	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	Trên 10 năm	Không có ý kiến
1/14	2/14	0	7/14

15.2. Theo ông bà được biết thì kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thuộc về lĩnh vực nào?

Kiểm toán Báo cáo tài chính	5/14
Kiểm toán hoạt động	0
Kiểm toán tuân thủ	1/14
Loại khác	1/14
Không có ý kiến	7/14

15.3. Theo ông bà thì dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có phù hợp với nhu cầu hiện nay không?

Có	7/14	Không	0	Không có ý kiến	7/14
----	------	-------	---	-----------------	------

15.4. Ông bà đánh giá như thế nào về vai trò của kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp trong thời điểm hiện nay?

Rất quan trọng (theo nghĩa bắt buộc phải có)	7/14
Khá quan trọng (có ảnh hưởng đáng kể tới việc ra quyết định)	0
Không quan trọng (không ảnh hưởng đến việc ra quyết định)	0
Không có ý kiến	7/14

15.5. Theo ông bà được biết mục tiêu kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là?

Xác nhận lại thông tin về việc định giá doanh nghiệp	2/14
Đánh giá quá trình thực hiện và kết quả của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp	2/14
Xem xét sự chấp hành luật, chuẩn mực, chế độ hiện hành khi xác định giá trị doanh nghiệp.	2/14
Mục tiêu khác....	1/14
Không có ý kiến	7/14

(Chi tiết: Bên cạnh mục tiêu giống như Kiểm toán Báo cáo tài chính là xác nhận tính trung thực và hợp lý trên Báo cáo tài chính thì việc kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sẽ soát xét xử lý các vấn đề về tài chính trước khi chuyển đổi)

15.6. Bộ phận tiến hành dịch vụ kiểm toán xác định doanh nghiệp có được thành lập một phòng riêng không?

Có	0	Không	7/14	Không có ý kiến	7/14
----	---	-------	------	-----------------	------

15.7. Việc tổ chức đoàn kiểm toán xác định giá trị DN như thế nào?

Lựa chọn từ một bộ phận	6/14
Lựa chọn từ các bộ phận khác nhau	7/14
Cách khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.8. Việc bổ nhiệm Trưởng đoàn do ai quyết định?

Ban giám đốc	6/14
Trưởng phòng	2/14
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.9. Những người tham gia đoàn kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do ai quyết định?

Ban giám đốc	7/14
Trưởng phòng	6/14
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.10. Trình độ của những người tham gia dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Đại học	7/14
Cao đẳng	2/14
Khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.11. Chứng chỉ nghề nghiệp của những người tham gia dịch vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Chứng chỉ thẩm định viên về giá	7/14
Chứng chỉ KTV	5/14
Chứng chỉ khác	0
Không có ý kiến	7/14

Nếu có, xin vui lòng cho biết tên Tổ chức cấp chứng chỉ nghề nghiệp:

Bộ Tài chính

15.12. Những người tham gia kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có được đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên không?

Có	7/14	Không	0	Không có ý kiến	7/14
----	------	-------	---	-----------------	------

Thời gian trung bình công ty tổ chức các khóa học là

1 tháng	Từ 1 tháng đến dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Không có ý kiến
3/14	0	3/14	8/14

15.13. Việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành theo?

Kế hoạch do công ty xây dựng	6/14
Tiêu chuẩn thẩm định giá	5/14
Cách khác	2/14
Không có ý kiến	7/14

(Chi tiết: Theo quy định của Nhà nước)

15.14. Công ty có xây dựng quy trình kiểm toán xác định giá trị DN không?

Có	4/14	Không	3/14	Không có ý kiến	7/14
----	------	-------	------	-----------------	------

15.15. Hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành dựa trên cơ sở nào khi thực hiện?

Chuẩn mực kiểm toán	5/14
Chuẩn mực kế toán	6/14
Tiêu chuẩn thẩm định giá	6/14
Chế độ tài chính, kế toán	7/14
Khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.16. Công ty có tiến hành khảo sát về đơn vị tiến hành thẩm định giá trước khi thực hiện kiểm toán không?

Có	7/14	Không	0	Không có ý kiến	7/14
----	------	-------	---	-----------------	------



15.17. Khi lập kế hoạch kiểm toán, Công ty tiến hành đánh giá về:

Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị thẩm định giá	7/14
Hệ thống kiểm soát chất lượng của đơn vị thẩm định giá	6/14
Khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.18. Khi lập kế hoạch kiểm toán, Công ty có xác định mức trọng yếu không?

Có	5/14	Không	2/14	Không có ý kiến	7/14
----	------	-------	------	-----------------	------

Nếu có xin vui lòng cho biết cơ sở để xác định mức trọng yếu: Doanh thu, Tổng Tài sản, Tổng Tài sản lưu động, Nguồn vốn, Lợi nhuận sau thuế

15.19. Phương pháp kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được đơn vị áp dụng chủ yếu là?

Phương pháp tuân thủ (thử nghiệm tuân thủ)	5/14
Phương pháp cơ bản (thử nghiệm cơ bản)	6/14
Phương pháp khác	2/14
Không có ý kiến	7/14

15.20. Kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được trình bày trong:

Báo cáo kiểm toán	3/14
Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	4/14
Báo cáo khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.21. Kết quả kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp được cung cấp cho ai?

Khách hàng	7/14
Cơ quan quản lý nhà nước	5/15
Đối tượng khác	0
Không có ý kiến	7/14

15.22. Ông bà đánh giá như thế nào về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay?

Phù hợp với thực tế		5/14
Quá chung chung		2/14
Khó áp dụng		0
Không có ý kiến		7/14

Nguyên nhân:.....

Đề xuất:.....

16. Theo ông bà thì kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có giống với dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp (thẩm định giá) không?

Có	2/14	Không	7/14	Không có ý kiến	5/14
----	------	-------	------	-----------------	------

17. Theo ông bà thì việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do tổ chức kiểm toán nào thực hiện là phù hợp nhất?

Kiểm toán Nhà nước		0
Kiểm toán độc lập		7/14
Kiểm toán nội bộ		0
Khác		2/14
Không có ý kiến		5/14

18. Theo ông bà khi tiến hành kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp thì cần phải có sự độc lập như thế nào?

Độc lập với đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp	5/14
Độc lập với đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp	4/14
Ý kiến khác	1/14
Không có ý kiến	5/14

(Chi tiết: Theo Các chuẩn mực kiểm toán và kế toán hiện hành về tính độc lập)

19.Theo ông bà biết thì đến nay Nhà nước có ban hành văn bản nào hướng dẫn về hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp chưa?

Có rồi		7/14
Chưa có		2/14
Không rõ		0
Không có ý kiến		5/14

20.Theo ông bà Nhà nước có nên có những văn bản quy định về kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	8/14	Không	1/14	Không có ý kiến	5/14
----	------	-------	------	-----------------	------

21.Định kỳ ở công ty ông bà có tiến hành đánh giá về tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không?

Có	7/14	Không	2/14	Không có ý kiến	5/14
----	------	-------	------	-----------------	------

22.Ông bà đánh giá như thế nào về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp?

Phù hợp với thực tế	3/14
Quá chung chung	6/14
Không vận dụng được	0
Không có ý kiến	5/14

23.Ông bà đánh giá như thế nào về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán hiện nay?

Phù hợp với thực tế	5/14
Quá chung chung	4/14
Không vận dụng được	0
Không có ý kiến	5/14

24. Xin vui lòng đánh giá theo mức độ từ cao xuống thấp với 5- rất cao; 4- cao; 3- Trung bình; 2- Thấp; 1- Rất thấp

	5	4	3	2	1	Không có ý kiến
Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay	0	5/14	4/14	0	0	5/14
Sự tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp	1/14	7/14	1/14	0	0	5/14
Chi phí cho việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp	0	0	3/14	4/14	2/14	5/14
Hiệu quả của việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp khi cung cấp thông tin cho người quan tâm	0	3/14	6/14	0	0	5/14
Sự phù hợp của quy trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp hiện nay với quy định của Nhà nước	0	4/14	5/14	0	0	5/14

25. Theo ông bà Công ty của ông bà phải đối mặt với những rủi ro nào khi thực hiện kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Có ý kiến	2/14	Không có ý kiến	12/14
-----------	------	-----------------	-------

Ý kiến 1: Tại công ty đã có hệ thống phương pháp luận khi thực hiện cung cấp các dịch vụ đảm bảo, trong đó kiểm toán Báo cáo tài chính là một trong những dịch vụ này. Theo ý kiến của tôi, khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

- Các doanh nghiệp Nhà nước thường có xu hướng: Không muốn tăng giá trị tài sản của doanh nghiệp và muốn giảm phần vốn của Nhà nước: Xử lý

không đúng các quy định về các khoản đánh giá, xử lý công nợ, tài sản ứ đọng...

- Các doanh nghiệp thuộc loại hình khác: Thì lại có xu hướng ngược lại, muốn tăng giá trị tài sản và phân vốn góp

Theo đó, tùy theo từng tình huống cụ thể mà các doanh nghiệp kiểm toán cần đưa ra các chương trình kiểm toán phù hợp để cover được các sai sót tiềm tàng liên quan đến mục tiêu của doanh nghiệp.

Ý kiến 2:

- Rủi ro về tính hiện hữu của tài sản
- Rủi ro về khả năng thông đồng và dàn xếp số liệu công nợ.

26. Ông bà cho biết ý kiến của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp?

Có ý kiến	2/14	Không có ý kiến	12/14
-----------	------	-----------------	-------

- Ý kiến 1: Như đã nêu ở trên. Tùy từng tình huống cụ thể mà doanh nghiệp kiểm toán cần thiết kế các chương trình thực hiện cho phù hợp. Hiện nay, chi phí chuyển đổi doanh nghiệp (đối với các doanh nghiệp nhà nước) thường bị khống chế mức trần=> mức phí dịch vụ kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cũng như phí dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp bị khống chế => không đủ chi phí trang trải cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

- Ý kiến 2: Cần có cơ chế, chính sách rõ ràng